M. 6220 (6)

ĐỊA-DƯ CÁC TỈNH BẮC-KỲ

Từ nhà kho Quán Ven Đường

Sách này đã trình tòa để giữ
bản-quyền

ĐỊA-DƯ CÁC TỈNH BẮC-KỲ

Có phụ chép sự-tích các nơi danh-lam thắng-cảnh

DÉPÔT LÉGAL
N° 13779

Soạn giả

ĐỖ ĐÌNH-NGHIÊM
Giáo-học
Trường Thực-Hành
Nam Sư-Phạm

NGÔ VI-LIỄN
Tri-huyện
tại Tơ-phiên
Hải-dương

PHẠM VĂN-THƯ
Giáo-học
Trường Sinh-Từ
Hà-nội

Ông **PHẠM QUỲNH**, chủ-bút tạp-chí Nam-Phong đề tựa.
Ông **TRẦN BÁ-GIÁM**, hội-họa sở Địa-Dư Đông-Pháp soạn vẽ các bản Địa-đồ

Sách này đã được Hội-đồng duyệt-sách duyệt-y cho dùng ở các trường Pháp-Việt

In lần thứ tư
CÓ SỬA LẠI NHIỀU CHỖ

41.33

In tại nhà In LÊ-VĂN-TÂN
136, Phố hàng Bông, — Hà-nội
1930

TỰA

Cửa miệng thường có câu : Tổ-tiên đất nước nhà. Đất nước với Tổ-tiên, người ta ở đời, ngoài nhân thân mình, có hai mối đó là quan-hệ nhất. Nhà danh-sĩ Thái-tây đã có người lấy đấy làm nền-gốc mà lập một đạo làm người rất thâm-thiết, dựng một khoa triết-học rất cao-xa.

Thờ kính Tổ-tiên, yêu mến đất nước, ấy là nghĩa-vụ thứ nhất của kẻ quốc-dân. Ấy cũng là cấp-vụ thứ nhất của sự giáo-dục.

Cho nên kẻ con em trong nước, từ thủa nhỏ đã cần phải học lịch-sử nước nhà, cho biết sự-nghiệp của Tổ-tiên đời trước, học địa-dư nước nhà, cho biết hình-thể của đất nước quê-hương.

Ta thường xưng con tiên cháu rồng, nhưng mấy ai thuộc lịch-sử của ông cha ? Bởi vì sách phổ-thông-quốc-sử hãy còn hiếm. Lại thường phô non sông gấm vóc, nhưng mấy ai biết hình-thể của nước nhà ? Bởi vì sách phổ-thông địa-dư hãy còn ít.

Nay, ba ông, Đỗ Đình-Nghiêm, Ngô Vi-Liễn và Phạm Văn-Thư soạn quyển « Địa-dư các tỉnh Bắc-kỳ » này, tham-khảo các sách Tây, sách Nho, kể rõ về hình-thể, sơn-xuyên, dân-cư, khí-hậu, các phủ-huyện xã-thôn, đường giao-thông đi lại, canh-nông thổ-sản, kỹ-nghệ, thương-mại, cho chí cổ-tích thắng-cảnh của mỗi tỉnh, lại phụ thêm bản-đồ, vẽ ra tinh-tế : thật là bổ được một sự khuyết đó.

Ba ông có đưa tôi xem, nhờ tôi làm bài tựa. Tôi đọc qua một lượt, bất-giác có cái cảm vô-cùng đối với cố-quốc giang-sơn và sực nhớ đến câu thơ sấm của thần sông Như-Nguyệt ban đêm ngâm cho ông Lý Thường-Kiệt nghe :

Nam-quốc sơn-hà Nam-đế cư,
Tiệt-nhiên định phận tự thiên-thư...

Ừ, Trời đã sinh ra giống Việt-Nam ta ở trong một cõi sơn-hà tốt đẹp như thế này, khí thiêng của sông núi có khi tan rồi cũng có khi tụ, có lẽ nào người mình cứ yếu hèn mãi hay sao? Cuộc đời biến đổi, thế sự thăng trầm, những núi sông vẫn còn đó trơ-trơ, bao giờ mất được. Nòi giống ta ắt cũng cùng với non sông này sống lâu muôn tuổi : há phải lo chi ?...

Đọc sách có cảm, nhân viết ra đây làm bài tựa để tặng ba ông tác-giả, và mừng cho ba ông đã làm được quyển sách hay rất bổ-ích cho sự giáo-dục quốc-dân.

Nay tựa

Ngày 28 tháng 4 năm 1924

Viết ở nhà hội-quán Khai-Trí Tiến-Đức, Hà-nội

PHẠM QUỲNH

Chủ-bút Nam-Phong Tạp-Chí

Nhời dẫn

Địa-dư là một khoa học rất cần cho toàn-thể quốc-dân. Người nước nào phải trước biết địa-dư nước ấy, thì mới biết giang-sơn cảnh-thổ nước mình đã trải bao phen gian-nan khai-thác mới có ngày nay; mới hiểu «non kia ai đắp mà cao, sông kia ai bới ai đào mà sâu»? Ấy địa-dư là cần như vậy, mà dân ta còn lắm người chưa biết nước nhà hình-thể ra làm sao, vị-trí ở về đâu, sơn xuyên có những gì, dân-cư đông hay vắng, diện-tích to hay nhỏ, sản-vật giầu hay nghèo, chính-trị ra làm sao. Lắm khi nói chuyện hay là đi đến một tỉnh nào, không hiểu tỉnh ấy ở về phương nào trong nước, trông thấy một con sông hay một ngọn núi trước mắt mà không biết sông ấy núi ấy danh-hiệu là gì.

Điều khuyết-điểm ấy do nhiều nhẽ, nhưng thiết tưởng nhẽ thứ nhất là vì hiếm sách. Hiện nay chỉ có mấy quyển địa-dư gồm cả Đông-Pháp viết bằng Pháp-văn mà thôi; chưa có quyển nào viết bằng quốc-văn mà nói riêng từng tỉnh một, thế thì về khoa địa-dư học, tài nào cho phổ-thông được.

Chúng tôi thiển-nghĩ như thế, nên mới ra công kê-cứu soạn ra quyển sách này, trong nói riêng từng tỉnh đề là « **Địa-dư các tỉnh Bắc-kỳ** ».

Chúng tôi lại nghiệm ra rằng, ít lâu nay các nhà tầm-u lãm-thắng đã nhiều người thích đi du-lịch để ngoạn cảnh những nơi cổ-tích kỳ-quan. Nhưng lắm khi muốn tra-cứu điều gì về cuộc du-lãm hành-trình thì thật là

khó-khăn lắm. Bởi vậy trong các bài về phần dưới, chúng tôi có nói qua về những nơi cổ-tích cùng là những chỗ thắng-cảnh nước nhà và các đường giao-thông đến những nơi ấy.

Chúng tôi không dám tự-đắc rằng những bài này là đúng cả, vì sách này bây giờ mới soạn là một, nên sự tra-cứu rất là khó khăn. Vậy chúng tôi mong rằng những bậc cao-minh hễ thấy chỗ nào sai nhầm hay khuyết-điểm, thì sẵn lòng chỉ bảo cho, để sửa đổi lại cho được đúng, thì chúng tôi lấy làm hân-hạnh và cảm tạ vô cùng.

Soạn-giả.

Từ nhà kho Quán Ven Đường

ĐỊA-DƯ CÁC TỈNH BẮC-KỲ

Xứ Bắc-Kỳ

I. — Bắc-kỳ hình-thể.

Vị-trí và diện-tích. — Bắc-Kỳ ở vào phía bắc xứ Đông-Pháp, bắc giáp ba tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây và Vân-Nam thuộc nước Trung-Hoa, nam giáp Trung-Kỳ, tây giáp Thượng-Lào và đông giáp vịnh Bắc-Kỳ.

Diện-tích đo được 115.800 kilomètres vuông (ngót 32.166.667 mẫu ta).

Địa-thế. — Xứ Rắc-Kỳ chia làm hai miền: Miền trên là mạn ngược, hay là Thượng-du, có nhiều rừng núi; mạn dưới là đồng-bằng gọi là Trung-châu. Miền núi thì lan khắp từ phía tây, phía bắc, ra đến phía đông; có nhiều dặng mọc dài xuống phía nam, trông vào bản-đồ y như những nan quạt vậy. Một dặng đi từ tây-bắc đến đông-nam, hai bên có sông: một bên thì sông Đà-Giang, một bên thì sông Hồng-Hà. Có nhiều ngọn cao lắm như ngọn người Pháp gọi là « les Aiguilles » cao 2.858 thước tây, ngọn Phan-sỹ-Ban cao 3.142 thước tây (ở gần Lào-Kay). Ở tả ngạn sông Hồng-Hà và theo biên-thùy nước Trung-Hoa có nhiều núi khác cao độ 2.000 thước tây như núi Tày-công-Lĩnh, Pou-ta-Ka ở Hà-Giang; núi Pia-Ya, núi Pia-Ouac, núi Pia-Bioc ở Cao-Bằng.

Về mạn đông-nam thì địa-thế thấp dần dần xuống, cho đến bể, như những núi ở Đông-Triều và Quảng-Yên. Hết miền núi cao ấy thì đến một miền núi chỉ cao độ hơn nghìn thước là cùng, như núi Tản-Viên (Ba-Vì) ở Sơn-Tây, núi Tam-Đảo ở Vĩnh-Yên, núi Yên-Thế ở Bắc-Giang; rồi đến một miền thường gọi là Trung-châu, có

những đồi đất nổi lên như ở Vĩnh-Yên, Thái-Nguyên, Bắc-Giang. Qua miền ấy thì đến miền đồng-bằng, do phù-sa sông Hồng-Hà dần dần bồi lên.

Trung-châu hình tam giác, bắt đầu từ Phú-Thọ ra đến bờ bể xứ Bắc-Kỳ. Miền ấy đất tốt, cho nên người ta cấy lúa được nhiều. Diện-tích ước chừng được 12.000 kilomètres vuông (ngót 3.333.334 mẫu ta).

Bờ bể. — Bờ bể Bắc-Kỳ đi từ địa phận Trung-Hoa đến địa phận Trung-Kỳ và chia ra hai phần : từ Mòng-Cáy đến cửa Nam-Triệu thì bờ bể gồ-ghề những đá, có nhiều vũng sâu như vũng Hạ-Long và vũng Bái-tử-Long, lại có nhiều đảo như đảo Cát-Bà, đảo Cái-Bàu, đảo « la Table », vân vân, là những cái lớn nhất.

Từ Quảng-Yên về phía Nam thì bờ bể thấp và có cát bồi, thỉnh-thoảng chỉ có những cửa sông chảy ra bể thôi.

Ở bờ bể Bắc-Kỳ có mấy cảng lớn như Hồng-Gai và Hải-Phòng.

Sông ngòi. — Sông ngòi xứ Bắc-Kỳ cũng chia ra làm hai phần.

1° Những sông chảy vào sông Tây-Giang bên Trung-Hoa như sông Kỳ-Cùng và sông Bằng-Giang.

2° Những sông chảy ra vịnh Bắc-Kỳ như sông Hồng-Hà, sông Thái-Bình và các chi-lưu.

Sông Hồng-Hà phát nguyên tại Vân-Nam thuộc nước Trung-Hoa gần hồ Đại-Lý. Tự nguồn cho đến Mạn-Hậu thì hai bên bờ dốc tuột và giữa dòng sông có lắm đá mọc lổm-chổm tầu bè không thể đi lại được. Từ Mạn-Hậu đến Yên-Bái, nghĩa là khi sông ấy chảy vào địa-phận Bắc-Kỳ thì hai bên bờ cũng còn lắm núi mà lại có đến hơn ba mươi cái thác, chỉ những thuyền bè đi lại được thôi, nhưng cũng nguy-hiểm lắm. Từ Yên-Bái trở xuống thì dòng sông đã hơi rộng, tầu thủy cũng đi được.

Hồng-Hà có những chi-lưu kể sau này :

Về hữu-ngạn, sông Đà tức là sông Bờ chảy vào Hồng-Hà ở bên dưới Hưng-Hóa, vào địa phận Trung-Hạ.

Về tả-ngạn, sông Lô tức là sông Thao chảy vào Hồng-Hà tại Việt-Trì.

Hai con sông này cũng có nhiều thác lắm, ở Đà-Giang thì tầu thủy chỉ lên đến Chợ-Bờ là cùng; còn thì chỉ đi những thuyền độc-mộc mà thôi; song về mùa nước to thì thuyền cũng không thể đi được. Ở Lô-Giang thì tầu thủy chỉ ngược đến Tuyên-Quang được thôi; còn về mùa nước nhỏ thì thuyền có thể lên đến Hà-Giang được.

Lô-Giang lại có hai chi-lưu là sông Chảy ở hữu-ngạn họp vào sông Lô tại Phủ-Đoan và sông Gâm ở tả-ngạn chảy vào sông Lô ở bên trên Tuyên-Quang.

Ở Việt-Trì, Hồng-Hà còn có sông Đáy tức là Hát-Giang chảy vào nữa. Hát-Giang họp với Hồng-Hà đến khỏi Sơn-Tây thì chảy một mình xuống phía Nam, qua Phủ-Lý, Ninh-Bình, Phát-Diệm rồi ra bể, có sông Phủ-Lý (Châu-Giang) và sông Nam-Định (Vị-Hoàng-Giang) chảy thông vào. Còn Hồng-Hà thì chảy qua Hà-Nội, Hưng-Yên rồi ra bể phân ra nhiều cửa như cửa Trà-Lý, cửa Ba-Lạt, vân vân.

Sông Thái-Bình nguyên là ba con sông họp lại với nhau ở Phả-Lại (Sept-Pagodes) mà thành ra. Ba con sông ấy là: sông Cầu, phát nguyên ở miền Chợ-Đồn, thuộc tỉnh Bắc-Kạn; sông Thương ở miền Lạng-Sơn và sông Lục-Nam. Khỏi Phả-Lại một ít thì sông Thái-Bình cũng phân ra nhiều cửa mà chảy ra vịnh Bắc-Kỳ, như cửa Nam-Triệu, cửa Cấm, Lạch-Trầy, cửa Vạn-Úc, cửa Thái-Bình.

Sau hết có hai con sông đào là sông Đuống, (Thiên-Đức-Giang) chay tự gần Yên-Viên đến Phả-Lại và sông Luộc, chảy tự Hưng-Yên đến Phủ-Ninh-Giang, làm cho Hồng-Hà và sông Thái-Bình thông lưu với nhau.

Khí-hậu. — Ta thường nói một năm có bốn mùa, nhưng kỳ thực thì xứ Bắc-Kỳ chỉ có hai mùa phân biệt hẳn là mùa nực và mùa lạnh. Tự tháng năm tây cho đến tháng mười thì gió phương nam (gió nồm) thổi đưa những hơi nước ở bể vào sinh ra nhiều mưa. Về mùa ấy thì hay có cơn giông và có năm lại bão nữa. Bấy giờ là mùa nóng và ẩm thấp. Nhiều khi hàn-thử-biểu lên đến 30 hay quá 30 độ. Từ tháng mười tây cho đến tháng tư tây thì gió mùa ở phía Bắc

thổi (gió may) tiết giờ khô khan, lại hay có mưa phùn nhiều khi rét lắm. Hàn-thử biểu trung-độ xuống đến 15 độ và cũng có khi xuống đến 8 hay 9 độ.

II. — Bắc-Kỳ chính-trị.

Dân-cư. — Xứ Bắc-Kỳ được độ hơn sáu triệu người (theo bản điều-tra vừa rồi được 6.500.000 người), phần nhiều là người Việt-Nam ở khắp Trung-châu và một phần trên Thượng-du. Ở miền Thượng-du thì có nhiều giống người, thường gọi là Thổ, Mán, Mường, Mèo sinh trưởng ở núi, săn bắn hay đốt rừng cầy cấy kiếm ăn.

Chính-trị. — Từ năm 1884, xứ Bắc-Kỳ thuộc quyền nước Pháp bảo-hộ. Việc chính-trị cũng giống giống như xưa. Vẫn có xã họp lại thành tổng, tổng thành huyện hay phủ (trên Thượng-du gọi là châu); huyện, phủ thành tỉnh. Ở xã thì có Lý-trưởng, hội-đồng hương-hội và hội-đồng kỳ-mục; ở tổng có Chánh-tổng, ở huyện có quan Tri-huyện, ở phủ có quan Tri-phủ, ở châu có quan Tri-châu. Ở tỉnh có quan Tổng-đốc hay quan Tuần-phủ và quan Bố-chánh (1). Đấy là quan lại ta.

Quan Bảo-hộ thì đầu tỉnh có quan Chánh Công-sứ, rồi đến quan Phó Công-sứ, quan Tham-tá tây và các viên-chức ở các sở công như quan Chánh Lục-lộ, quan Thương-chính, quan Chủ Kho-bạc, quan Kiểm-lâm, quan Đốc-học, quan Giám-binh, vân vân.

Mỗi tỉnh lại có một hội-đồng hàng tỉnh do quan Chánh Công-sứ làm chủ tọa để bàn những việc công-ích trong toàn tỉnh.

Các quan Công-sứ và các quan-lại ta thuộc quyền quan Thống-sứ là quan thủ-hiến. Ngài ở Hà-nội và cai-trị cả xứ Bắc-Kỳ, có Hội-đồng Bảo-hộ, Nhân-dân đại-biểu-viện và Hội-đồng cố-vấn (2) giúp việc.

(1) Nghị-định quan Thống-sứ Bắc-kỳ ngày 20 tháng 9 năm 1929 sửa lại ngạch quan lại : a) ngạch chính-trị theo như cũ nhưng chức Án-sát đổi là Bố-chính; b) ngạch tư-pháp mới đặt, có Tổng-đốc tư-pháp, Tuần-phủ tư-pháp, Án-sát, Tri-phủ tư-pháp và Tri-huyện tư-pháp.

(2) Quan Thống-sứ Robin lập Hội-đồng cố-vấn ngày mồng một tháng chạp năm 1926 để hỏi-han về các việc dân-chính trong bản-xứ.

Các tỉnh. — Bắc-Kỳ chia ra làm :

1·) 23 tỉnh : Bắc-Giang, Bắc-Kạn, Bắc-Ninh, Hà-Đông, Hải-Dương, Hà-Nam, Hòa-Bình, Hưng-Yên, Kiến-An, Lạng-Sơn, Lào-Kay, Nam-Định, Ninh-Bình, Phúc-Yên, Phú-Thọ, Quảng-Yên, Sơn-La, Sơn-tây, Thái-Bình, Thái-Nguyên Tuyên-Quang, Vĩnh-Yên, Yên-Bái.

2·) 4 thành-phố là : Hà-Nội, Hải-Phòng, Nam-Định và Hải-Dương, có hội-đồng thành-phố và quan Đốc-lý quản-trị.

3·) 4 đạo quan binh là : Hải-Ninh, Cao-Bằng, Hà-Giang và Lai-Châu. Ở các đạo binh có quan binh cai-trị chứ không có quan Công-sứ.

III. — Bắc-Kỳ kinh-tế.

Các sản-vật

Mỏ. — Ở Bắc-Kỳ có nhiều mỏ, nhưng chưa khai khẩn được mấy. Có mỏ than ở Đông-Triều, Hồng-Gai, thịnh vượng lắm, có đến ngoại 5 nghìn người làm, nhất là từ khi xong cuộc chiến-tranh bên Âu-châu thì mỏ ấy lại càng phát đạt. Hiện nay có thể sánh với những mỏ có tiếng ở hoàn-cầu.

Ở Làng-Hít gần Thái-Nguyên, ở Tuyên-Quang, Bắc-Kạn và Tuần-Muội thì có mỏ kẽm.

Ở mạn Cao-Bằng (gần Nguyên-Bình), ở Lào-Kay, Phố-Lu, Thái-Nguyên, Đông-Triều có sắt.

Ở Vạn-Yên (Đà-Giang) có đồng.

Ở Bắc-Kạn có mỏ vàng, mỏ chì lẫn bạc.

Rừng. — Những miền núi ở Thượng-du có lắm rừng, người ta lấy được nhiều lâm-sản : 1· gỗ củi ; 2· các thứ gỗ để làm nhà hay đóng đồ, như dổi, đinh, sến, vàng-tâm, dẻ, gội, vân vân; 3· mây, song, tre. Trong các rừng ở Bắc-Kỳ còn có lắm sản-vật nữa như là sơn, cao-su, củ-nâu, cánh-kiến, vân vân.

Canh-nông. — Ở Trung-châu và đồng-bằng, cô cấy nhiều lúa ; ngoại giả thóc gạo lại giồng lắm thứ cây khác nữa, như : ngô, rau, đậu, khoai lang, khoai sọ, sắn, đậu xanh. Các thứ hoa quả như quít, cam, dứa, các thứ

chuối, nhãn, ổi, vải, bưởi, vân vân. Ở' Bắc-Kỳ giống cà-phê tốt lắm. Lại có nhiều các thứ cây giống để dùng vào kỹ-nghệ, như bông, gai, đay, dâu, cây gạo, dầu dầu, vừng, lạc, vân vân.

Việc chăn-nuôi. — Việc chăn-nuôi thì không được mở mang lắm, vì ít đồng cỏ. Chỉ ở Cao-Bằng, Yên-Bái, Bắc-Kạn, Tuyên-Quang có nhiều trâu bò. Song nhờ có hội-đồng canh-nông cùng những cuộc đấu-xảo canh-nông hàng năm thì việc chăn-nuôi ít lâu nay cũng dần dần được phát-đạt lên.

Kỹ-nghệ. — Kể các xứ ở cõi Đông-Pháp thì ở Bắc-Kỳ kỹ-nghệ tiến bộ mau nhất. Không kể những kỹ-nghệ cũ của ta như nghề thêu, nghề khảm, nghề chạm, nghề kim-hoàn, vân vân, càng ngày càng nổi tiếng; ít lâu nay lại thêm được nhiều nghề mới, như làm máy, làm mũ, làm đen, đóng giày, vân vân. Ở' Hà-nội, Hải-Phòng có nhiều nhà máy nhớn chẳng kém gì nhà máy bên Âu-châu như nhà máy rượu, máy sợi, máy nước, máy điện, máy diêm, nhà làm giấy, thuộc da, nhà in, vân vân.

Đường giao-thông. — Đường giao-thông cũng mở mang ra nhiều, ngày nay xứ Bắc-Kỳ tính được đến 8.900km đường đá (750 km (1) lát đá và xe ô-tô chạy được), có ngót 900 km hỏa-xa. Một đường hỏa-xa dài nhất chạy suốt từ Hải-Phòng đến Vân-Nam qua Hải-Dương, Hà-Nội, Phúc-Yên, Vĩnh-Yên, Việt-Trì, Phú-Thọ, Yên-Bái và Lào-Kay, đường ấy dài được 859 km, nhưng chỉ có 398 km là qua hạt Bắc-Kỳ thôi.

Một đường chạy từ Hà-Nội đến Na-sầm dài 179 km, qua Bắc-Ninh, Bắc-Giang và Lạng-Sơn.

Một đường chạy từ Hà-nội về Huế (dài 688 km) và Tourane (Đà-Nẵng) (từ Huế vào Tourane dài 107 km), qua Phủ-Lý, Nam-Định, Ninh-Bình, Thanh-Hóa, Vinh, Quảng-Trị. Đường này Nhà nước đang nối thêm để chạy tới Sài-Gòn.

(1) Bắt đầu đo từ tòa Đốc-Lý Hà-Nội, Km = nghìn thước tây.

Có nhiều đường cái lớn gọi là đường thuộc-địa (route coloniale) có thể đi xe ô-tô được. Những con đường ấy chạy từ Hà-nội đến:

1. — Cao-Bằng dài 293 km, theo con đường thuộc-địa số 3, qua Phủ-Lỗ (28 km). Thái-Nguyên (76 km), Chợ-Mới (122 km), Bắc-Kạn (165 km), Phủ Thông-Hóa (185 km), Ngân-Sơn (226 km). Song phải một khúc dài ở bên dưới Ngân-Sơn, tự Na-Khouan đến Cao-Bằng về mùa mưa thì khó đi.

2. — Hà-Giang dài 338 km, theo con đường thuộc-địa số 2, qua Phủ-Lỗ (28 km), Phúc-Yên (43 km), Vĩnh-Yên (61 km), Việt-Trì, Phủ-Đoan (130 km), Tuyên-Quang (163 km), Bắc-Mục (209 km), Vĩnh-Thụy (246 km), Bắc-Quang (282 km), tự Bắc-Quang đến Hà-Giang thì đường chưa đi xe ô-tô được.

3. — Yên-Bái dài 147 km, qua Sơn-Tây (41 km), Hưng-Hóa (67 km), Phú-Thọ (87 km).

4. — Lạng-Sơn dài 156 km, theo con đường thuộc-địa số 1, qua Bắc-Ninh (29 km), Phủ Lạng-Thương (53 km), Kép (71 km), Sông Hóa (104 km). Từ Kép lên thì mùa mưa khó đi. — Từ Lạng-Sơn lại có đường lên Nguyên-Bình dài 186 km, theo con đường thuộc-địa số 4, qua Đồng-Đăng (14 km), Na-Sầm (31 km), Thất-Khê (70 km), Đông-Khê (94 km), Cao-Bằng (139 km).

5. — Tam-Đảo dài 72 km, qua Tứ-Tổng (13 km), Vĩnh-Yên (47 km).

6. — Suyut dài 112 km, theo con đường thuộc-địa số 6, qua Hà-Đông (11 km), Hòa-Bình (75 km), Chợ-Bờ (100 km).

7. — Thanh-Hóa dài 155 km, theo con đường thuộc-địa số 1, qua Phủ-Lý (57 km), Ninh-Bình (90 km), biên-thùy Trung-Kỳ (111 km). Con đường ấy qua làng Gián-Khẩu thì có lối sang phủ Nho-Quan.

8. — Đồ-Sơn dài 127 km, theo con đường thuộc-địa số 5 qua Hải-Dương (60 km), Hải-Phòng (106 km). — Từ Hải-Phòng lại có đường đi Phát-Diệm, dài 152 km,

qua Kiến-An (9 km), phủ Ninh-Giang (42 km), Thái-Bình (77 km), Nam-Định (97 km), Ninh-Bình (125 km).

9. — Phi-Liệt dài 93 km, theo con đường thuộc-địa số 18, qua Bắc-Ninh (24 km), Phả-Lại (40 km), Đông-Triều (67 km).

Lại còn một con đường qua xuốt miền biên-thùy giáp Tàu, theo đường thuộc-địa số 4, tự Tiên-Yên (Hải-Ninh) qua Lạng-Sơn, Cao-Bằng, Hà-Giang, Lào-Kay, Điện-Biên-Phủ. Đường này phần nhiều còn chưa đi xe ô-tô được.

Ở Bắc-Kỳ có ba đường xe điện chạy từ Hà-Nội lên làng Bưởi, xuống làng Bạch-Mai (đến ngã-tư Trung-Hiền) và về tỉnh Hà-Đông (đường về Hà-Đông đến Giám lại có một đường chạy lên ô Cầu-Giấy).

Đường Thủy. — Đường thủy cũng nhiều như đường bộ. Ở dưới Trung-Châu có nhiều tầu thuyền ngược xuôi; chỉ trừ khi nước cạn thì tầu to không đi qua lại được mà thôi. Song có mấy đường về mùa nào tầu cũng ngược xuôi được là đường:

1·) Hà-Nội xuống Hải-Phòng, lên Sơn-Tây, Việt-Trì và rẽ ra Chợ-Bờ hay lên Tuyên-Quang.

2·) Hải-Phòng ra Hồng-Gai và Mống-Cái; ra Kiến-An; đi Nam-Định; lên Đáp-Cầu.

Lại có mấy đường tầu bể của hội Messageries Maritimes hay hội Chargeurs Réunis chạy từ Bắc-Kỳ sang Tàu, vào Trung-Kỳ, Nam-Kỳ, sang Pháp và sang Âu-Châu.

Thương-mại. — Nhờ có nhiều đường giao-thông cho nên việc thương-mại được phát-đạt, nhất là mấy năm vừa rồi, người nước ta cũng đã biết đua tranh buôn bán với người. Xứ Bắc-Kỳ xuất-cảng nhiều nhất là gạo, ngô, tơ, quạnh mỏ, cá khô, vân vân, và nhập-cảng những máy móc, các thứ rượu, các thức đồ hộp, những thức vải dệt sẵn, dầu-hỏa, vân vân.

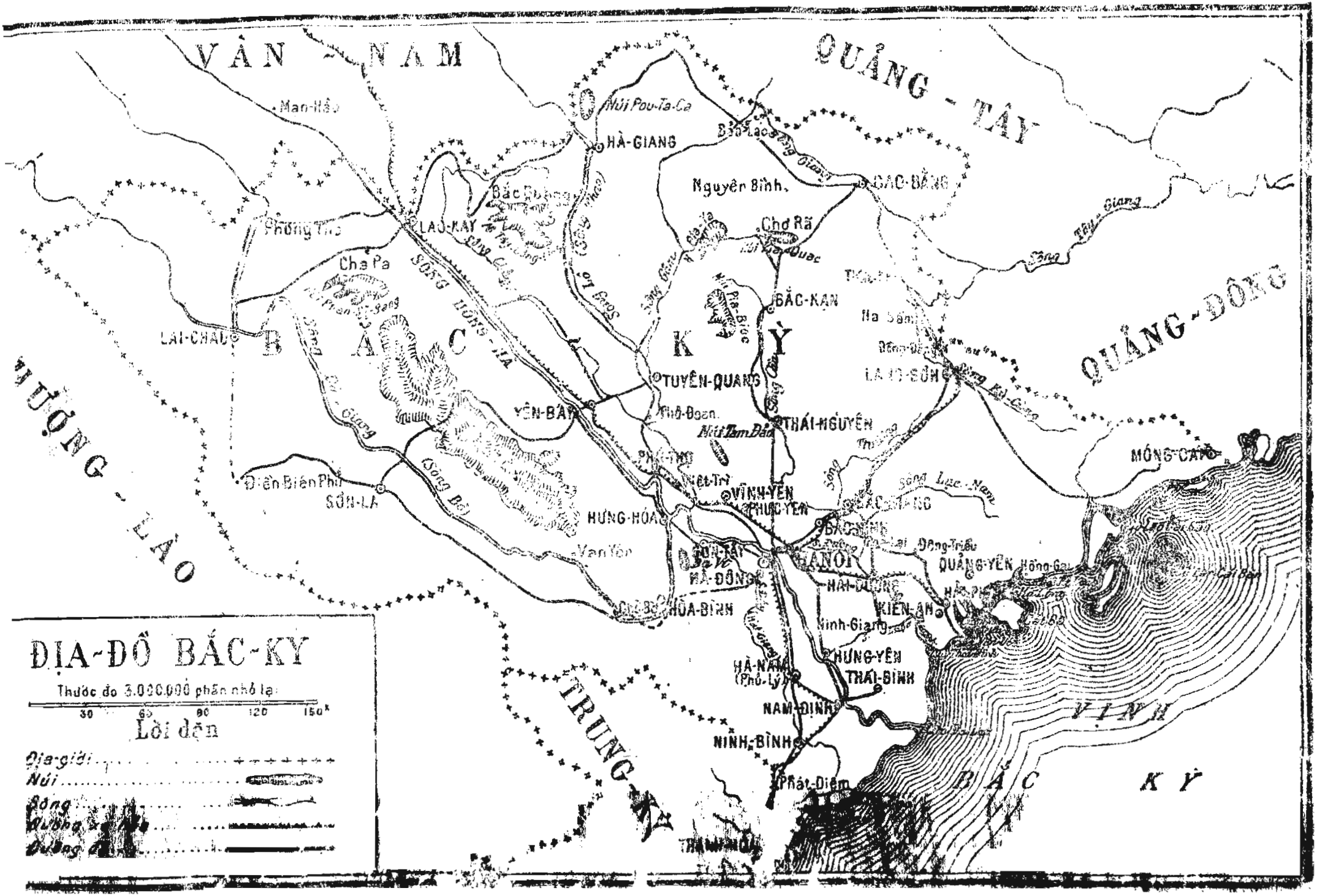
VÂN NAM
QUẢNG - TÂY
QUẢNG - ĐÔNG
TƯỜNG - LÃO
TRUNG - KỲ
BẮC KỲ
Man-Hảo
Núi Pou-Ta-Ca
HÀ-GIANG
Bảo Lạc
CAO-BẰNG
Nguyên Bình
Chợ Rã
Bắc Quang
LAO-KAY
Phong Thổ
Cha Pa
Sông Hồng-Hà
BẮC-KẠN
Na Sầm
LAI-CHAU
TUYÊN-QUANG
LẠNG-SƠN
YÊN-BÁI
Phố-Bacan
Núi Tam Đảo
THÁI-NGUYÊN
MÓNG-CÁI
Điện Biên Phủ
SƠN-LA
VĨNH-YÊN
PHÚC-YÊN
BẮC-NINH
HƯNG-HÓA
Vạn Yên
SƠN-TÂY
HÀ-NỘI
HẢI-DƯƠNG
QUẢNG-YÊN
HÀ-ĐÔNG
HÒA-BÌNH
KIẾN-AN
Ninh-Giang
HƯNG-YÊN
THÁI-BÌNH
HÀ-NAM
(Phủ-Lý)
NAM-ĐỊNH
NINH-BÌNH
Phát-Diệm
VỊNH
BẮC
KỲ
ĐỊA-ĐỒ BẮC-KỲ
Thước đo 3.000.000 phần nhỏ lại
30 60 90 120 150 K
Lời dẫn
Địa-giới
Núi
Sông
Đường
Đường

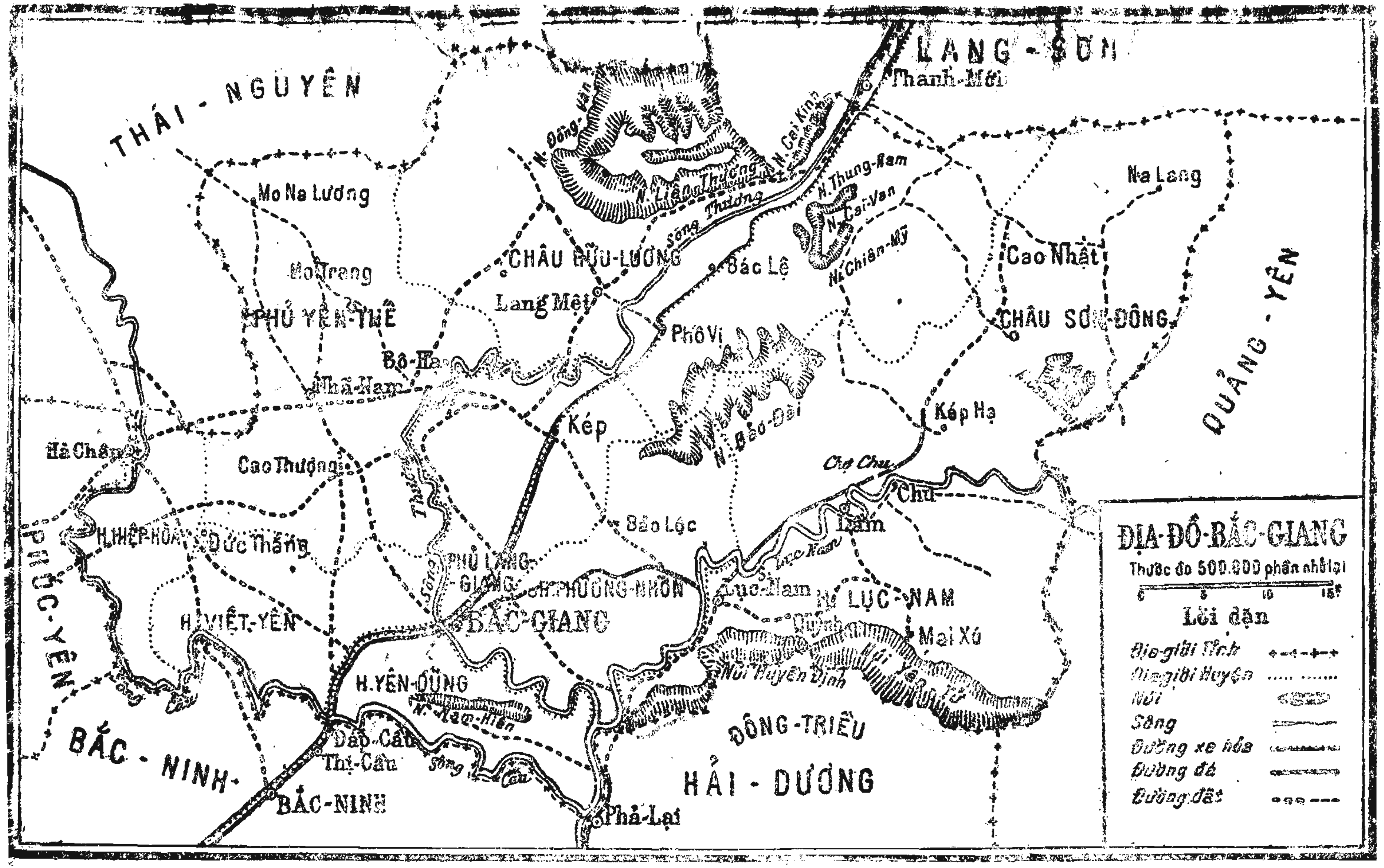
ĐỊA-ĐỒ-BẮC-GIANG
Thước đo 500.000 phần nhỏ lại
Lời dặn
Địa-giới Tỉnh
Địa-giới Huyện
Núi
Sông
Đường xe hỏa
Đường đá
Đường đất
THÁI - NGUYÊN
LANG - SƠN
QUẢNG - YÊN
PHÚC-YÊN
BẮC - NINH
HẢI - DƯƠNG
ĐÔNG-TRIỀU
Thanh-Mới
Mo Na Lương
Mo Trang
PHỦ YÊN-THẾ
Bô-Hạ
Nhã-Nam
Hà Châu
Cao Thượng
H.HIỆP-HÒA
Đức Thắng
H.VIỆT-YÊN
CHÂU HỮU-LŨNG
Lang Mẹt
Sông Thương
Bắc Lệ
Phố Vị
Kép
Bảo Lộc
N. Bảo-Đài
PHỦ LẠNG-GIANG
BẮC-GIANG
H.YÊN-DŨNG
N. Nam-Hiền
Đáp-Cầu
Thị-Cầu
Sông Cầu
BẮC-NINH
Phả-Lại
Lục-Nam
H. LỤC-NAM
Mai Xá
Núi Huyền Đinh
Chợ Chu
Chu
Kép Hạ
CHÂU SƠN-ĐỘNG
Cao Nhật
Na Lang
N. Thung-Nam
N. Cai-Vạn
N. Chiên-Mỹ
N. Cai Kinh
N. Liên-Thượng
N. Đông-Vân

TỈNH BẮC-GIANG

Vị-trí và diện-tích. — Tỉnh Bắc-Giang bắc giáp Lạng-Sơn, nam giáp Bắc-Ninh và Hải-Dương, đông giáp Quảng-Yên và tây giáp Thái-Nguyên. Diện-tích đo được ngót 991.445 mẫu ta (3.580^{km}) vuông.

Địa-thế. — Bắc-Giang là một tỉnh nửa Thượng-du nửa Trung-châu, phía đông-bắc có núi non, phía nam có đồng-bằng.

Núi. — Có mấy dẫy núi :

1· — dẫy Cai-Kinh ở phía bắc sông Thương và đi thẳng đến tỉnh Lạng-Sơn ;

2· — dẫy Bảo-Đai ở vào giữa khoảng sông Thương và sông Lục-Nam ;

3· — dẫy Lục-Nam ở phía đông, giáp giới với Đông-Triều.

Sông. — Tỉnh Bắc-Giang có ba con sông lớn là sông Cầu, sông Thương và sông Lục-Nam.

Sông Cầu chảy ở phía tây phân địa-giới cho tỉnh Thái-Nguyên và tỉnh Bắc-Ninh.

Sông Thương phát nguyên ở đồn Ban-Thi chảy theo dẫy Cai-Kinh. Nhưng dòng sông nhỏ thuyền bè không đi lại được.

Đến Phủ-Lạng-Thương thì sông mới lớn dần, thuyền bè mới đi lại được. Cách Phủ-Lạng-Thương độ bảy tám km. thì dòng sông gặp đầu dẫy núi « Chín mươi chín ngọn » rồi chảy vào sông Lục-Nam.

Sông Lục-Nam thì phát nguyên ở dẫy núi Đông-Triều chảy qua Lầm, Lục-Nam rồi họp với sông Thương chảy vào sông Cầu.

Khí-hậu. — Khí-hậu ở tỉnh Bắc-Giang cũng tương-tự như ở Trung-châu, trừ ra những nơi rừng núi là khí-hậu độc.

Dân-cư và tỉnh-lỵ. — Tỉnh Bắc-Giang (1) chia ra làm :

1 đại-lý : Lục-Nam ;

2 phủ : Yên-Thế và Lạng-Giang ;

(1) Bắc-Giang xưa gọi là Lãng-Giang phủ, mãi đến năm 1895 mới lập thành tỉnh.

4 huyện : Việt-Yên, Yên-Dũng, Lục-Ngạn và Hiệp-Hòa ;
2 châu : Hữu-Lũng và Sơn-Động ;
60 tổng và 457 xã.

Dân-cư phần nhiều là người Việt-Nam, nhưng về phía bắc có người Thổ, người Nùng và trên núi có Mán.

Số dân-cư tỉnh Bắc-Giang ước được độ 240.000 người. Trong số ấy có độ 13.900 Mán và Thổ.

Tỉnh-Lỵ là Bắc-Giang hay Phủ-Lạng-Thương ở trên sông Thương, cách Hà-Nội 49 km, Hải-Phòng 89 km và Lạng-Sơn 100 km.

Có đủ các công-sở, lại thêm sở ươm trứng tằm để phát cho dân nữa.

Sản-vật. — Bắc-Giang có lúa, mía, lúa ngô, cau, dầu không, lạc, sắn, cam, vân vân.

Đường giao-thông. — Có đường xe-hỏa Hà-Nội đi qua lên Lạng-Sơn. Có tầu-thủy một tuần lễ hai lần đi Phả-Lại và Hải-Phòng. Ít lâu nay lại có xe ô-tô chạy từ Hà-Nội lên Phủ-Lạng-Thương, Lục-Nam và ra tận Phả-Lại.

Những đường cái là :

1· — Phủ-Lạng-Thương đến Nhã-Nam (Phủ Yên-Thế) 23 km. Từ Nhã-Nam đến : Hà-Châu 18 km, Mỏ-Trang 15 km, Kép 22 km.

2· — Phủ-Lạng-Thương đến Bộ-Hạ 20 km, qua tổng Đào-Quan (có cam ngon).

3· — Phủ-Lạng-Thương đến Kép-Hạ 53 km qua Lục-Nam 23 km và Lầm 40 km. Đến km thứ 17 thì đến chợ Phương-Lâm có đền thờ vua Mậu-Hợp nhà Mạc năm 1592 bị quân nhà Lê bắt mang về Thanh-Hóa. Đến km thứ 24 thì qua sông rồi đến Lục-Nam. Ở phía Nam huyện Lục-Nam có núi Voi-Te (cao 3.000 thước tây). Từ Lục-Nam đi : Kép 20 km, qua Bảo-Lộc 12 km, Quỳnh 6 km là nơi bắt đầu thành nhà Mạc xây từ thế-kỷ thứ 19, thành ấy chạy dài qua Tuần-Muội.

Đến km thứ 38 có đường lên Lầm 40 km. Đến km thứ 44 là chợ Chu, rồi đến km 53 là Kép-Hạ. Từ Kép-Hạ đi ra phía đông thì có đường đi An-Châu thuộc tỉnh Quảng-Yên.

TỈNH BẮC-KẠN

Vị-trí và diện-tích. — Tỉnh Bắc-Kạn bắc giáp Hà-Giang và Cao-Bằng, đông giáp Lạng-Sơn, tây giáp Tuyên-Quang, nam giáp Thái-Nguyên.

Diện-tích đo được ngót 1.214.445 mẫu ta (4.480 km vuông) nhưng chỉ có ngót 28.334 mẫu cầy cấy được mà thôi, còn 42.500 mẫu bỏ hoang và ngót 1.173.056 mẫu rừng.

Địa-thế. Núi. — Tỉnh Bắc-Kạn thật lắm núi nhiều rừng rậm, trong có lắm thứ gỗ, về miền Thanh-Văn, Đại-Sao, Chợ-Đồn có nhiều rừng núi, về miền Ngân-Sơn xưa cũng lắm rừng, nhưng vì người Khách trước chặt mất nhiều cây để nấu những quạnh mỏ cho nên nay không còn mấy, chỉ còn lắm những đồi cỏ thôi.

Núi thì mọc ngổn ngang khắp tỉnh vây bọc những thung lũng, có lắm phong cảnh đẹp. — Có hai dẫy núi cao nhất là núi Pia-Ya (1.960 thước tây) và núi Pia-Bioc (1.468 thước tây) ở châu Chợ-Rã.

Sông. — Tỉnh Bắc-Kạn, có ba ngọn sông lớn:

1o Sông Năng là chi-lưu sông Gâm. Sông này phát nguyên ở núi Pia-Ya gần đồn Pu-Mò, chảy từ Bắc đến Nam đến Pac-Than, rồi quay về phía tây qua Chợ-Rã, chảy ngầm qua động Pung, ăn thông với hồ Ba-Bể rồi chảy vào sông Gâm.

2o — Sông Cầu phát nguyên ở gần Chợ Đồn đi qua Na-Dinh, Bắc-Kạn, rồi đến Ban-Được. Từ đấy thì chảy về phía Nam, qua Cao-Kỳ, Chợ-Mới có sông Chợ-Chu chảy vào.

3o — Sông Na-Ri là chi-lưu sông Bắc-Giang, cũng gọi là sông Tà-Lùng từ núi Tài-Cao chảy qua Ban-Tinh, Na-Ri.

Khí-hậu. — Ở Bắc-Kạn, mùa nực thì khí-hậu khó chịu, chỉ về mùa đông thì dễ chịu thôi. — Mùa hạ thì hàn-thử-biểu có khi lên hơn 30 độ mà mùa đông có nơi xuống đến độ 0.

Dân-cư. — Dân-cư tỉnh Bắc-Kạn ước được độ 36.000 người. Trong số ấy có độ 2.340 người Nùng, 27.900 người Thổ và 4.600 người Mán, 1.000 người Khách và 300 người Việt-Nam.

Người Thổ thì trông giống người Khách.

Có ba thứ Mán : Mán Tiền, Mán Quốc hay là Mán Chó và Mán Mon.

Tỉnh-lỵ và các đồn lớn. — Tỉnh Bắc-Kạn (1) có năm châu : Bạch-Thông, Na-Rì, Ngân-Sơn, Chợ-Rã và Chợ-Đồn ; 20 tổng và 105 xã.

Tỉnh-lỵ là Bắc-Kạn, cách Hà-Nội 162 km, cách Hải-Phòng 267 km, cách Thái-Nguyên 89 km, cách Chợ-Mới 42 km.

Chợ-Mới cách Hà-Nội 113 km, cách Thái-Nguyên 47 km.

Cao-Kỳ ở trên Sông-Cầu cách Thái-Nguyên 21 km.

Sản-vật. — Tỉnh Bắc-Kạn có nhiều sản-vật : gỗ, nứa, lúa, thuốc lá, lúa ngô, sắn, đậu, vân vân.

Mỏ. — Tỉnh Bắc-Kạn có nhiều mỏ, nhất là mỏ vàng như ở châu Na-Rì, Ngân-Sơn, Chợ-Đồn, đã có nhiều người xin cắm mỏ. Nhưng mỏ hiện đã khai khẩn là mỏ kẽm ở chợ Điền, và mỏ vàng ở Pắc-Lang (Ngân-Sơn).

Công-nghệ. — Công-nghệ thì chưa có gì, dân chỉ biết dệt vải và ruộm vải bằng chàm cùng là làm mũ, làm giày, vân vân.

Đường giao-thông. — *Đường thủy.* — Đường thủy thì có một đường là sông Cầu, chỉ mùa nước nhớn mới đi lại được.

Đường bộ. — Đường bộ thì có :

1o — Đường thuộc địa số 3 đi từ phía nam đến phía bắc tỉnh, thông với Chợ Mới, Thái-Nguyên và Hà-Nội.

2o — Đường từ Bắc-Kạn đến phủ Thông-Hóa ;

3o — Đường từ phủ Thông-Hóa đến Ba-Bể dài 58 km qua Chợ-Rã (42 km) ;

4o — Đường từ phủ Thông-Hóa đến Yên-Lạc 68 km ;

5o — Đường từ Đèo-Giang đến Lương-Thượng :

6o — Đường từ Ngân-Sơn đến Yên-Lạc qua Lương-Thượng. Con đường này đi đến tận Thất-Khê ;

7o — Đường Bắc-Kạn đi Yên-Thịnh qua Chợ-Đồn (65 km).

---

(1) Tỉnh Bắc-Kạn về đời nhà Lý là phủ Phú-Lương đến nhà Lê đổi là Thông-Hóa mãi đến năm 1900 mới đổi là tỉnh Bắc-Kạn.

8· — Đường Bắc-Kạn đi Yên-Lạc ;
9· — Đường Bắc-Kạn đi Mai-Lập ;
10· — Đường Bắc-Kạn đi Na-Ri.

Phần nhiều những đường này chỉ đi ngựa được thôi, và về mùa mưa thì khó đi lắm.

NHỮNG NƠI THẮNG-CẢNH

Hồ Ba-Bể (1). — Ba-Bể là một nơi thắng-cảnh thuộc tỉnh Bắc-Kạn ở một miền núi-non, rừng rú, có động, có

(1) Ba-Bể xưa là một nơi những núi cùng rừng. Về sau vì Tạo-Hóa hoán-cải đi mà thành ra ba cái hồ to hơn Hồ Tây họp lại gọi là Ba-Bể.

Tục truyền rằng xưa ở xã Nam-Môn thuộc châu Chợ-Rã có một cái suối con. Một hôm có một con thủy-ngưu lạc lên, chạy rông khắp xã phá hại mùa màng. Dân sự giận quá liền đuổi đánh chết con trâu đem về làm thịt ăn.

Thủy-thần thấy thế hóa ra một người hành khất lên tìm. Đi đến xã Nam-Môn, đến nhà một bà lão-già nghèo khổ ở một mình trong một cái lều gianh giả tảng xin ăn. Bà lão thấy người đói rách, động lòng thương, song không lấy gì mà cứu được. Bà liền bảo người già ấy rằng « Già nghèo lắm, không lấy gì mà cứu được. Nhưng gần đây có một xóm người ta vừa bắt được một con trâu, hiện đang làm thịt ăn. Người nên đến đấy mà xin.»

Thủy-thần thấy thế nổi giận, định bại hết dân xóm ấy. Nhưng thấy bà lão có lòng nhân từ thì thương, nên dặn trước bà ấy rằng : « Già phải lấy ngay chấu mà rắc quanh nhà thì đêm nay khỏi hại. » Nói xong biến mất. Bà lão không hiểu sao, nhưng cũng y nhời thần dặn. Quả nhiên đêm hôm ấy, tự dưng nghe thấy tiếng ầm ầm như sấm như sét. Bà lão hốt hoảng thức dậy, ra ngoài xem thì cửa nhà đồng-ruộng biến mất cả, chỉ thấy mông-mênh những nước như bể mà thôi. Duy chỉ có một miếng đất bà lão ấy ở là được nguyên lành, đến nay hãy còn, người ta gọi là gò An-Mã.

Đó là theo những nhời truyền lại. Song theo như ý-tưởng những nhà địa-lý tây thì là vì nước sông Năng và những suối nó chảy siết mãi vào núi đá dần dần mòn đi, rồi làu ngày ụp cả xuống thành ra ba cái hồ gọi là Ba-Bể.

Ở Ba-Bể thì có cái động Pang phong-cảnh rất đẹp mà địa-thế lại hiểm-chở nữa. Bởi thế khi vua Lê Chiêu-Tôn bị quân nhà Mạc đuổi, đã cùng với tám vị trung-thần chạy vào đấy ẩn. Sau quân Mạc tới nơi vua bỏ chạy còn tám vị trung-thần bức giận quá, lấy khăn bịt mắt lại rồi nhẩy từ trên núi xuống bể tự tận. Tục truyền rằng linh hồn các vị ấy vì không được khoái lạc, nên sinh ra các bệnh ghê-gớm như bệnh tả làm hại dân miền ấy chết nhiều lắm, sau dân lập đền thờ mới được yên. Trong đền có tám cái biển sơn son đề tên tám vị trung-thần ấy. Những biển ấy về sau vì giặc cướp mãi nên nay không còn được cái nào.

thác, thật là một cảnh kỳ quan. Cuộc du-lịch Ba-Bể khởi hành từ Hà-Nội thì phải mất 4 ngày. Ngày thứ nhất đi xe ô-tô lên Thái-Nguyên, 10 giờ rưỡi thì đến tỉnh, cơm nước xong độ 12 giờ lại đi xe ô-tô lên Bắc-Kạn, đường dài chừng 89 km, độ 5 giờ chiều thì đến nơi. Ngủ Bắc-Kạn, đến hôm sau đi Chợ-Rã, đường dài ước 62 km, đi xe ô-tô mất độ 4 giờ thì tới nơi. Từ Chợ-Rã lên Ba-Bể thì có hai đường: đường bộ thì dài độ 17 km, đường thủy thì đi thuyền theo dòng sông Năng.

Có một điều cần biết là đi du-lịch Ba-Bể thì nên đi về mùa đông hay mùa xuân là mùa tạnh ráo, chứ đi về mùa hạ và mùa thu là mùa hay có mưa lũ thì có nhiều điều bất tiện, hoặc núi lở hoặc đường lội thì xe ô-tô không thể đi được.

Ở Ba-Bể có hang Pung là một cái hầm nước sông Năng đào ngầm qua núi Lung-Nham dài độ 300 thước tây, rộng và cao chừng ba bốn mươi thước, bên trái thì dòng sông chảy, bên phải thì lởm chởm những đá, ở cửa hang có hai cái động, đi qua hang thì đến làng Pung. Đến đấy thì gặp con đường từ Chợ-Rã đến Đầu-Đẳng, đi qua núi Lung-Nham như một cái cầu.

Hồ Ba-Bể dài 7.000 thước tây, sâu ước hai ba mươi thước tây. Thoạt vào có một dòng nước dài 1.000 thước tây hai bên bờ đá lởm-chởm. Ba-Bể có hai cái cù-lao, trên một cái thì có đền An-Mã thờ vua Thủy-Tề. Ở đấy trông phong-cảnh đẹp chẳng khác gì như ở vũng Hạ-Long.

Thác Đầu-Đẳng ở gần địa-giới tỉnh Tuyên-Quang. Có một cái cù-lao rẽ đôi nước thác ra, nước chảy xuống thật mạnh thuyền không thể nào đi qua được.

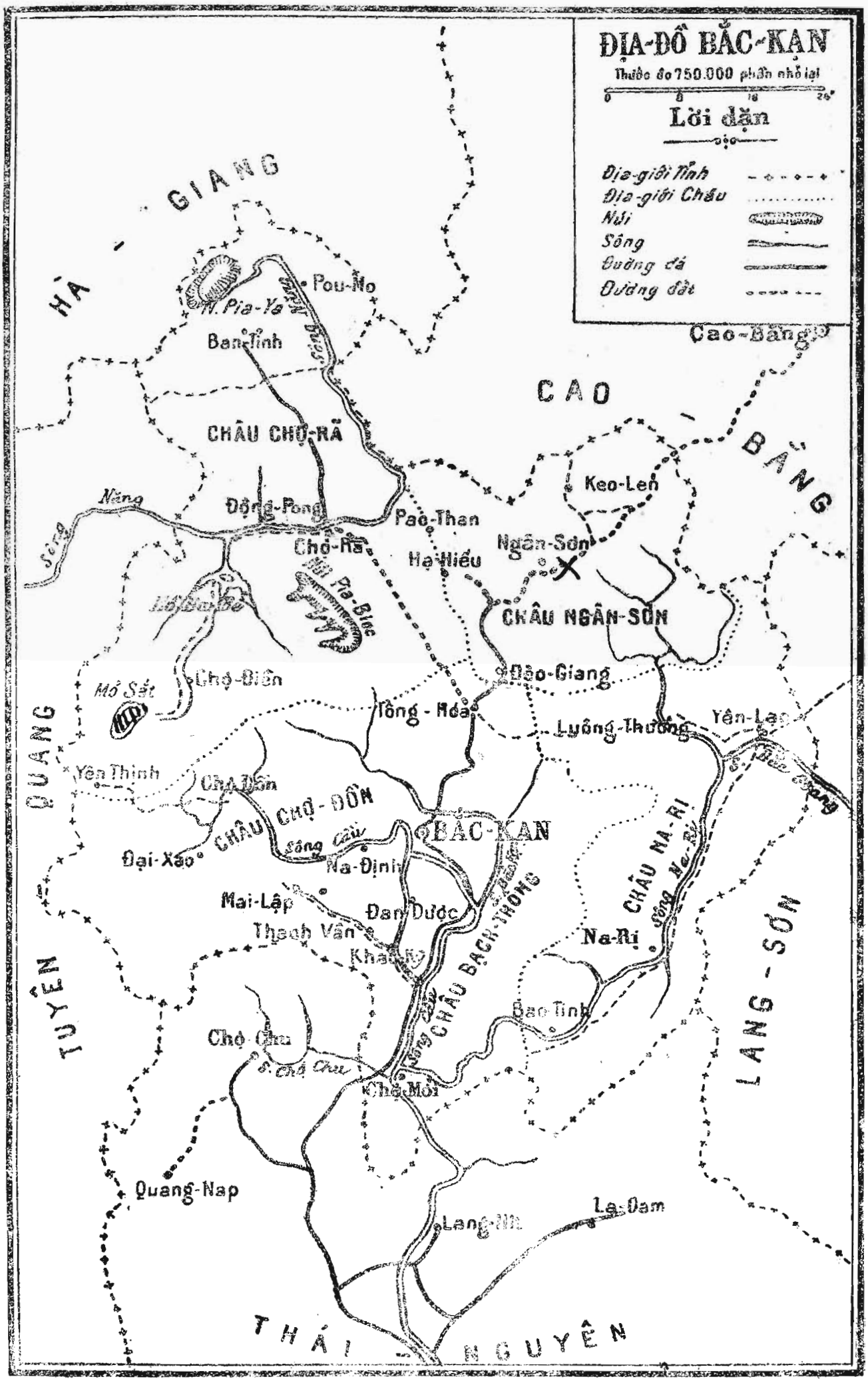
ĐỊA-ĐỒ BẮC-KẠN
Thước đo 750.000 phần nhỏ lại
0 8 16 24
Lời dặn
Địa-giới Tỉnh
Địa-giới Châu
Núi
Sông
Đường đá
Đường đất
HÀ - GIANG
Pou-No
N. Pia-Ya
Ban-Tinh
Cao-Bang
CAO - BẰNG
CHÂU CHỢ-RÃ
Keo-Leo
Động-Pong
Pac-Than
Chợ-Rã
Hạ-Hiếu
Ngân-Sơn
CHÂU NGÂN-SƠN
Đèo-Giang
Chợ-Điền
Mỏ Sắt
Tổng-Hóa
Luông-Thượng
Yên-Lạc
QUẢNG
Yên Thịnh
CHÂU CHỢ-ĐỒN
BẮC-KẠN
Đại-Xảo
Na-Định
Mai-Lập
Đan-Dược
Thạch Vân
Na-Rì
CHÂU NA-RÌ
TUYÊN
LANG-SƠN
CHÂU BẠCH-THÔNG
Bao-Tinh
Chợ-Chu
Chợ-Mới
Quang-Nap
Lang-Hit
La-Dam
THÁI
NGUYÊN

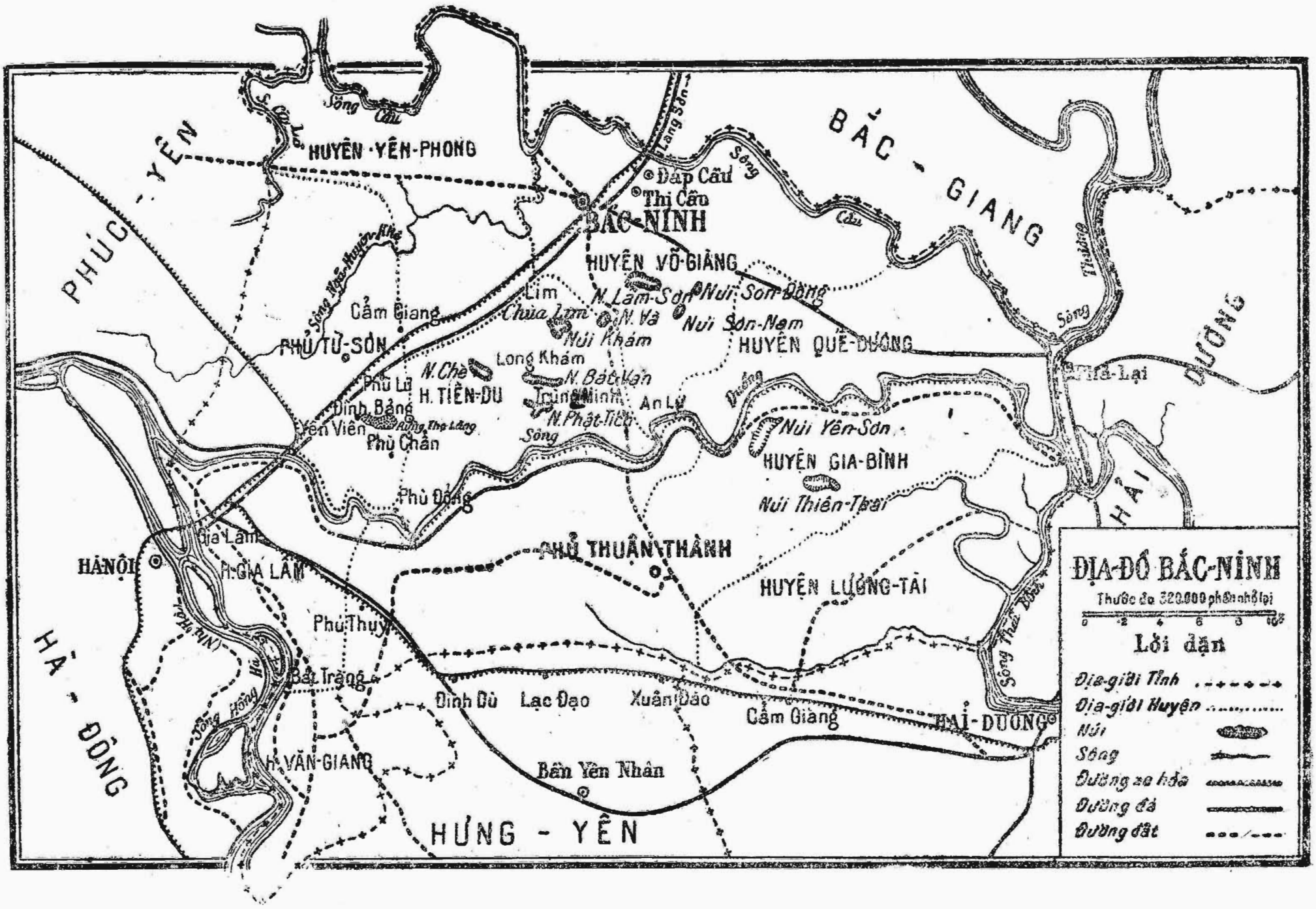
ĐỊA-ĐỒ BẮC-NINH
Thước đo 320.000 phần nhỏ lại
0 2 4 6 8 10
Lời dặn
Địa-giới Tỉnh
Địa-giới Huyện
Núi
Sông
Đường xe hỏa
Đường đá
Đường đất
BẮC - GIANG
PHÚC - YÊN
HÀ - ĐÔNG
HƯNG - YÊN
HẢI - DƯƠNG
HUYỆN YÊN-PHONG
BẮC-NINH
Đáp Cầu
Thị Cầu
HUYỆN VÕ-GIÀNG
N. Lâm-Sơn
Núi Sơn-Đồng
Núi Sơn-Nam
N. Và
Núi Khám
HUYỆN QUẾ-DƯƠNG
Lim
Chùa Lim
Cẩm Giang
PHỦ TỪ-SƠN
Long Khám
N. Chè
N. Bát-Vạn
Trùng Minh
N. Phật-Tích
An Lư
Phù Lữ
H. TIÊN-DU
Đình Bảng
Yên Viên
Phù Chẩn
Phù Đổng
Núi Yên-Sơn
HUYỆN GIA-BÌNH
Núi Thiên-Thai
Phả-Lại
Gia Lâm
HÀ NỘI
H. GIA LÂM
PHỦ THUẬN-THÀNH
HUYỆN LƯƠNG-TÀI
Phú Thụy
Bát Tràng
Đình Dù
Lạc Đạo
Xuân Đào
Cẩm Giang
HẢI-DƯƠNG
H. VĂN-GIANG
Bến Yên Nhân
Sông Cầu
Sông Thương
Sông Thái Bình
Sông Hồng Hà
Sông Nhã-Huyện-Khê
Lang Sơn

TỈNH BẮC-NINH

Vị-trí và diện-tích. — Tỉnh Bắc-Ninh bắc giáp Bắc-Giang, đông và nam giáp Hải-Dương và Hưng-Yên, tây giáp Hà-Đông và Phúc-Yên. Ba bề cùng có giới-hạn thiên-nhiên, tây-nam có sông Hồng-Hà, bắc có sông Cầu, đông có sông Thái-Bình. Diện-tích đo được ngót 225.556 mẫu ta (812 km vuông).

Địa-thế. — Tỉnh Bắc-Ninh ở vào đồng bằng, có ít đồi thường không có cây cối gì.

Núi. — Núi cao hơn cả là núi Chè, cách tỉnh-lỵ độ 10 km thuộc về huyện Tiên-Du. Ở về vùng huyện ấy còn có núi Khám (tên chữ là Long-Sơn), núi Bát-Vạn, núi Phật-Tích (tên chữ là Lạn-Kha-Sơn), núi Và (tên chữ là Hạp-Linh-Sơn).

Ở vùng huyện Võ-Giàng có núi Lãm-Sơn, núi Sơn-Đồng và núi Sơn-Nam.

Còn mấy quả núi nhỏ nữa như núi Thiên-Sơn ở vùng huyện Quế-Dương, núi Yên-Sơn và núi Thiên-Thai ở vùng huyện Gia-Bình.

Sông. — Ở phía tây-nam có sông Hồng-Hà, phân địa-giới với tỉnh Hà-Đông; ở phía đông có sông Cầu, giữa tỉnh từ phía tây đến phía đông, có sông Đuống, chảy từ sông Hồng-Hà sang sông Cầu. Lại còn sông Cà-Lồ, sông Ngũ-Huyện-Khê nữa.

Khí-hậu. — Khí-hậu tỉnh Bắc-Ninh tương-tự như khí-hậu các tỉnh Trung-châu, thường thường được mát mẻ.

Tỉnh-lỵ và dân-cư. — Tỉnh Bắc-Ninh (1) chia làm:

2 phủ: Từ-Sơn và Thuận-Thành.

8 huyện: Yên-Phong, Võ-Giàng, Tiên-Du, Quế-Dương, Gia-Lâm, Gia-Bình, Lang-Tài và Văn-Giang.

(1) Về đời Hồng-Bàng, Bắc-Ninh thuộc về Võ-Ninh quận, đến đời Tiền-Lê gọi là Bắc-Giang quận, nhà Mạc gọi là Thuận-An phủ, nhà Hậu-Lê lại gọi là Kinh-Bắc cho đến năm 1822 vào đời Minh-Mệnh mới thành tỉnh Bắc-Ninh.

78 tổng và 616 xã.

Số dân-cư ước được độ ngót 400.000 người.

Tỉnh-lỵ là Bắc-Ninh, cách Hà-Nội 29 km, có một cái thành xây từ đời vua Minh-Mệnh theo lối Vauban, chu-vi được 3.000 thước tây.

Bắc-Ninh cách Đáp-Cầu 4.500 thước tây và cách Hải-Phòng 89 km.

Sản-vật. — Bắc-Ninh có nhiều sản-vật lắm như là gạo, mía, lúa ngô, cau, khoai, lạc và các thứ hoa quả,vân vân.

Kỹ-nghệ. — Ở Gia-Lâm có một cái xưởng to để chữa và làm những vật dụng về hỏa-xa; ở Đáp-Cầu và Du-Lâm có hai nhà máy gạch; ở Đáp-Cầu có nhà máy làm giấy, ở Thị-Cầu có sở làm đồ hộp.

Thuộc phủ Từ-Sơn, về làng Đình-Bảng và làng Phù-Lưu người ta dệt nhiều thứ the, lụa tốt lắm và làm đồ sơn có tiếng; làng Thổ-Hà làm chum, vại, làng Phù-Chẩn làm ghế mây lối Thonet, làng Bát-Tràng và làng Phù-Lãng làm đồ sành và các đồ dùng bằng đất nung, làng Cao-Kỵ có nghề làm vàng quì. Ở Bắc-Ninh có vài nhà làm đồ thêu có tiếng. Còn nhiều những kỹ-nghệ vặt như làm vàng, mã, quạt, bút ta, nhuộm, kéo mật, làm đồ sơn, vàn vân...

Thương-mại. — Tỉnh Bắc-Ninh là một tỉnh buôn bán gạo nhiều nhất. Cả tỉnh tính được ngót một trăm cái chợ, họp có từng phiên.

Đường giao-thông. — Có đường xe hỏa từ Hà-Nội lên Lạng-Sơn đi qua, và một quãng đường xe lửa Hà-Nội đi Hải-Phòng (qua ga Gia-Lâm và Phú-Thụy). Lại có mấy chuyến tầu con chạy từ Đáp-Cầu đến Yên-Viên. Có xe ô-tô chạy từ Hà-Nội lên Bắc-Ninh và tầu thủy đi từ Đáp-Cầu lên Bắc-Giang rồi xuống Phả-Lại, Hải-Phòng.

Mặt bộ thì có đường đi tự Bắc-Ninh đến:

1. — Hà-Nội;

2. — Cẩm-Giàng, qua sông Đuống và làng Ạn-Lữ, (tục truyền rằng ở đấy có lăng vua Kinh-Dương-Vương);

3. — Phúc-Yên, qua Phủ-Lỗ (22 km 6). Đến km 11 có

núi Tiêu, trên có chùa Trương-Liêu thờ vua Lý Thái-Tổ và chùa Dận là nơi sinh ngài.

4. — Lục-Nam qua Phủ-Lạng-Thương ;

5. — Nhã-Nam ;

6. — Thái-Nguyên (52 Km 5). Đến km 5 là làng Đại-Lâm. Năm 1076, ông Lý Thường-Kiệt đuổi quân Tàu ở đấy.

7. — Đông-Triều (52 km) ;

8. — Hải-Phòng qua Phả-Lại và Hải-Dương.

NHỮNG NƠI CỔ-TÍCH VÀ THẮNG-CẢNH.

I. — **Đền thờ đức Thánh-Dóng**. — Cách ga Yên-Viên 7 km, về đông-nam, có làng Phù-Đổng thuộc huyện Tiên-Du, có đền thờ đức Thánh-Dóng (1) xưa đã phá được giặc Ân. Đền làm gần đình làng từ đời Hồng-Bàng, sau sửa lại nhiều lần, nhất là năm 1020 về Hậu-Lý và năm 1888.

Cứ đến mồng 8 tháng tư ta thì có hội tục gọi là hội Dóng.

---

(1) Tục truyền rằng về đời vua Hùng-Vương thứ sáu ở làng Phù-Đổng có một bà lão hơn sáu mươi tuổi, không có con. Một hôm đi thăm đồng thấy ở giữa đường, một vết chân người nhớn lắm, mới trớm chân vào thử. Sau có mang, được mười hai tháng, sinh ra một người con giai. Người con giai ấy lên ba tuổi chỉ nằm ngửa mà chưa biết nói.

Lúc bấy giờ có quân nhà Ân sang chực cướp nước ta không ai đánh được. Vua sai Sứ đi rao trong nước : « Hễ ai đánh được thì phong cho quyền cao chức trọng ». Sứ đi rao đến làng ấy ; người con giai ấy nghe thấy tiếng rao, vụt ngồi dậy, nói với mẹ gọi Sứ lại. Sứ vào đến nơi người con giai ấy bảo rằng : « Ngươi về tàu vua đánh cho ta một con ngựa sắt, một cái nón sắt, một cái côn sắt rõ thật nhớn đem đến đây để ta giúp cho ».

Cách mấy hôm thấy Sứ mang những đồ ấy đến, người ấy đứng dậy đi vươn vai, cao hơn mười thước, đội nón cầm côn, cưỡi ngựa hét lên nói rằng : « Ta là tướng nhà trời đây ! » Bấy giờ con ngựa thét ra lửa, chạy như bay, đánh đâu giặc tan đến đấy ; đánh mãi gẫy mất côn, lại vơ tre đánh, đến núi Sóc-Sơn thì giặc tan hết, người ấy liền cởi áo bỏ đấy, cưỡi ngựa, bay lên trời ; bây giờ trên núi ấy vẫn còn giấu chân ngựa.

Những tre nhổ đánh giặc bây giờ thành rừng ở huyện Gia-Bình gọi là tre Đằng-Ngà.

Chỗ con ngựa thét ra lửa cháy mất một làng cho nên bây giờ làng chỗ ấy vẫn gọi là làng Cháy.

II — **Cổ-Pháp-Tự**. — Cách ga Phủ-từ-Sơn độ 2 km rưỡi, ở làng Đình-Bảng có đền thờ các vua nhà Lý gọi là Cổ-Pháp-Tự xưa có rừng, trong có lăng Lý-bát-Đế. Rừng ấy nay phá thành ruộng cả rồi.

Đền Cổ-Pháp thờ tám vị vua nhà Lý tự năm 1009 đến năm 1225 là một cái cổ-tích làm cho ta nhớ đến cái thời-đại thật hiển-hách ở sử-ký nước ta.

Xung quanh đền có lắm cây cổ-thụ. Qua cửa đền vào đến một cái sân rộng, một bên có đền thờ bà Lý-Chiêu-Hoàng. Rồi đến một cái phương đình có một cái hương án và hai tượng người Chiêm-Thành. Trong nữa có những tượng người mặc y phục theo lối đời nhà Lý, rồi đến trong cung thờ tám vị vua. Bên phải có nhà để tám cái kiệu và bên trái có nhà để tám con ngựa vía.

III. — **Rừng Thọ-Lăng**. — Ở khỏi đền một ít thì xưa có lăng vua Lý Thái-Tổ, xung quanh có cây cối um tùm như một cái rừng con vậy. Trong bảy trăm năm nhà nước vẫn giữ gìn rừng ấy, nhưng từ ngày bãi nha Kinh-Lược, Lễ-Bộ ở Huế cũng ít trông nom đến những lăng điện ở Bắc-Kỳ, cho nên đến năm 1904 dân làng Đình-Bảng đã đem đốn hết cây ở rừng và nay chỉ còn trơ mấy cái gò đất, thật là đáng tiếc.

IV. — **Lăng vua Uy-Mục**. — Cách đền Lý-Bát-Đế độ 2km rưỡi ở làng Phù-Chẩn có lăng vua Uy-Mục nhà Lê (1504-1509). Lăng ở giữa đồng : trên có một cái bia đá dựng trên một con rùa đá, dài độ ba thước tây. Bia dựng từ niên hiệu Minh-Mịnh 21.

V. — **Chùa-Lim** — Ở ga Lim cách tỉnh-lỵ độ 4km có chùa Lim, cứ đến mười ba tháng giêng mở hội, có hát quan họ.

VI. — **Chùa Bách-Môn**. — Ở ga Lim đi vào độ 4km ở làng Long-Khám có chùa Bách-Môn, cách kiến-trúc khác hẳn các chùa khác, trong chùa có thật nhiều cửa. Bởi vậy gọi là chùa Bách-Môn.

VII. — **Bát-Vạn-Sơn**. — Ở chùa Bách-Môn đi độ hơn một km, thì đến một cái núi ở xã Trùng-Minh tục gọi là Bát-Vạn-Sơn vì xưa Cao-Biền đóng quân ở đó có sai

nung tám vạn hòn gạch để xây một cái tháp. Tháp ấy hiện nay không còn nhưng còn ít gạch ấy mỗi hòn hình một cái tháp tròng rất kỳ dị. Ở chân núi có đền thờ Cao-Biền.

VIII. — **Núi Tiên-Sơn và Chùa Phật-Tích**. — Ở Bát-Vạn-Sơn đi vào độ 2km đến xã Phật-Tích có núi Tiên-Sơn (1) hay là Lạn-Kha-Sơn và Chùa Phật-Tích (tên chữ là Vạn-Phúc). Chùa thật to, làm từ nhà Lý (1037), xưa có nhà bằng đá và giếng rồng. Ở sau chùa có nhiều tháp bằng đá tròng rất đẹp. Ở ga Lim đi vào chùa Bách-Môn, núi Bát-Vạn và chùa Phật-Tích đều đi xe tay được cả.

*
* *

Ở Bắc-Ninh còn lắm chùa cổ nữa, như chùa Cự-Linh thuộc huyện Gia-Lâm, trong có một pho tượng đồng đen cao ba thước tây, chùa Đại-Tự thuộc huyện Xiêu-Loại (phủ Thuận-Thành kiêm-lý) trong có một cái tháp vuông bằng đất, chùa Yên-Phụ đẹp có tiếng, chùa Lệ-Mật ở tổng Gia-Thụy, vân vân.

---

(1) Tục truyền rằng xưa có một người tiều-phu tên gọi Vương-Chi, kiếm củi gặp tiên đang đánh cờ. Anh ta đứng tựa vào cái cán rìu xem một lúc ; nhưng một lúc trên tiên bằng một đời dưới hạ-giới. Cho nên khi anh ta về thì đã già lụ-khụ, cán rìu đã mục sắt rìu đã rỉ bởi thế đặt tên núi là « Lạn-Kha ».

Tiên-Du-Sơn lại có lắm chuyện thuộc về sử-ký. Năm 210 trước Thiên-Chúa giáng sinh, Triệu-Đà đánh được quân An-Dương-Vương ở đấy. Đến thế-kỷ 11, Cao-Biền xây một cái chùa đặt tên là Kim-Ngưu bởi vì lúc đào một cái giếng thì thấy một con trâu vàng nhảy ra. Năm 1066 vua Lý Thánh-Tôn sai [redacted] một cái tháp. Năm 1100 vua Lý Nhân-Tôn sai xây chùa Vinh-Phúc, năm 1121 xây chùa Quảng-Giao.

TỈNH HÀ-ĐÔNG

Vị-trí và diện-tích. — Tỉnh Hà-Đông bắc giáp Sơn-Tây và Phúc-Yên, đông giáp Bắc-Ninh và Hưng-Yên, nam giáp Hà-Nam, tây giáp Sơn-Tây và Hòa-Bình.

Diện-tích đo được ngót 355.556 mẫu ta (1.250 km vuông).

Núi. — Gần khắp tỉnh Hà-Đông là đất đồng-bằng thấp; nếu không có đê giữ thì không mấy khi khỏi ngập lụt; chỉ trừ phía tây-nam về phủ Mỹ-Đức là có đồi và núi. Những núi ấy đều ở mạn Đà-Giang chạy xuống.

Sông. — Những sông tỉnh Hà-Đông phần nhiều dùng làm giới hạn : như ở phía đông có sông Hồng-Hà, ở phía tây có sông Đáy, tức là sông Hát-Giang chảy từ Sơn-Tây xuống; ở phía nam có sông Giè hay là sông Màn-Giang; ở giữa có sông Nhuệ-Giang chảy qua tỉnh-lỵ.

Khí-hậu. — Khí-hậu tỉnh Hà-Đông cũng như khí-hậu các tỉnh miền Trung-châu. Toàn tỉnh, khí-hậu lành, duy có một vùng ở miền phủ Mỹ-Đức là độc mà thôi.

Dân-cư. — Số dân-cư tỉnh Hà-Đông ước được độ 786.000 người. Trong số đó có độ 4.500 người Mường ở về miền Chợ-Bến thuộc phủ Mỹ-Đức.

Tỉnh-lỵ và các phủ huyện. — Tỉnh Hà-Đông chia làm:

4 phủ : Hoài-Đức, Thường-Tín, Ứng-Hòa và Mỹ-Đức.

6 huyện : Thanh-Trì, Thanh-Oai, Chương-Mỹ, Phú-Xuyên, Đan-Phượng và Hoàn-Long.

105 tổng và 820 xã.

Tỉnh-lỵ là Hà-Đông (xưa gọi là Cầu-Đơ), cách Hà-Nội 11km.

Phủ Hoài-Đức cách Hà-Nội 10 km., cách Hà-Đông 9 km.

Huyện Đan-Phượng ở trên đường Sơn-Tây cách Hà-Đông 19 km.

Phủ Thường-Tín cách Hà-Nội 18 km., Hà-Đông 14 km.

Huyện Phú-Xuyên cách Hà-Nội 34 km, (theo đường xe hỏa.)

Phủ Ứng-Hòa cách Hà-Đông 28 km.

Huyện Thanh-Oai cách Hà-Đông 11km.

Phủ Mỹ-Đức cách Hà-Đông 41 km.

Huyện Chương-Mỹ cách Hà-Đông 17 km.

Đường giao-thông. — Đường giao-thông thật nhiều, thông tỉnh-lỵ đến các phủ huyện và các chợ. Trước hết có những đường cái lớn đi tự Hà-Đông đến :

Hà-Nội dài 11 km;

Sơn-Tây qua phủ Hoài-Đức ;

Phủ-Lý, hoặc đi theo con đường thuộc-địa số 1 qua Văn-Điển, hoặc theo con đường qua Thanh-Oai và Vân-Đình.

Sông Hồng-Hà, qua Văn-Điển, dài 15 km.

Vân-Đình (30 km.)

Sông Đáy (7 km.)

Đường hỏa-xa từ Hà-Nội đến Vinh chạy qua miền Hà-Đông đến 40 km., qua địa hạt huyện Thanh-Trì, phủ Thường-Tín và huyện Phú-Xuyên.

Đường xe điện chạy từ Hà-Nội đến Hà-Đông ; ngã tư Trung-Hiền và lên ô Cầu-Giấy (phủ Hoài-Đức).

Có xe ô-tô chạy từ Hà-Nội về Hà-Đông và Vân-Đình.

Sản-vật. — Tỉnh Hà-Đông chỗ nào cũng cấy cấy giồng giọt được cả. Gạo thóc nhiều, ngô, khoai, dậu, đâu dầu cũng có. Đàn-sự lại giồng được nhiều dâu, thầu dầu, thuốc lá, mía, chè và các thức hoa quả nữa.

Kỹ-nghệ. — Ở Hà-Đông có nhiều kỹ-nghệ như : Ở làng Phù-Xá, có công-ty thuốc nổ ; ở làng Thụy-Khuê, có nhà máy điện, nhà máy giặt quần áo, nhà máy thuộc da, ở Thanh-Trì có công-ty Hợp-Lợi làm đồ sứ ; ở Thụy-Khuê có nhà nấu rượu bia.

Hà-Đông ở gần thành-phố Hà-Nội, đường giao-thông lại tiện, dân thời đông đúc, cho nên công-nghệ được phát đạt lắm. Dân làm lắm nghề rất ích lợi như nghề làm đồ bằng mây, bằng tre, nghề làm bàn chải, nghề làm giấy, nghề khảm, nghề chạm, nghề thêu, nghề dệt tơ lụa, nghề làm đồ đồng, vân vân. Nghề nào cũng tinh xảo ; những đồ làm ra không những đem bán khắp Đông-Pháp mà lại tải ra ngoại-quốc nữa.

Thương-mại. — Tỉnh Hà-Đông vì sản-vật nhiều và công nghệ phát đạt, nên buôn bán cũng thịnh lắm. Cả tỉnh Hà-Đông tính được hơn 150 cái chợ, những chợ to nhất là Chợ-Đơ (ở ngay tỉnh-lỵ Hà-Đông) ; chợ Bằng (ở phủ

Thường-Tín), chợ Canh ở làng Vân-Canh, chợ Mỗ ở làng Đại-Mỗ, chợ Chuôm ở làng Đôn-Thư, chợ Đình ở làng Phương-Đình, chợ Bến giáp Hòa-Bình, chợ Gôi, chợ Đồng-Vàng, chợ Mơ, chợ Sết, vân vân.

NHỮNG NƠI CỔ-TÍCH VÀ THẮNG-CẢNH

I. — **Đền Trung-Liệt.** — Trên con đường Hà-Nội vào Hà-Đông, ở Thái-Hà-Ấp có một cái đền gọi là Trung-liệt-miếu để thờ mấy vị trung-thần đã tử tiết vì nước (1).

II. — **Đền Trèm.** Ở Huyện Từ-Liêm (phủ Hoài-Đức kiêm-lý) làng Thụy-Phương tức là làng Trèm có đền thờ đức Lý Ông-Trọng tục gọi là đức Thánh Trèm (2).

Lên đền Trèm thì đi xe mất một giờ đồng hồ qua ô Yên-Phụ, theo đê sông Cái đi thẳng lên làng Đồng-Ngạc (làng Vẽ) rồi đi độ 2 km nữa thì đến nơi.

III. — **Chùa Hương-Tích.** — Chùa Hương-Tích là một cảnh chùa đẹp nhất ở xứ Bắc-Kỳ thờ đức phật-bà Quan-Âm; mỗi năm về giêng hai có kẻ đến hàng vạn khách thập-phương đến lễ bái. Chùa ở Hương-Tích-Sơn thuộc phủ Mỹ-Đức làng Yến-Vĩ; năm 1686 đời nhà Lê có hai bà chúa Đào-Thị-Cư, Đào-Thị-Niệu đã sai sửa sang lại. Ở Hà-Nội vào chùa có hai lối:

1°) *Đi đường Hà-Đông.* — Đi xe ô-tô từ 5 giờ sáng thì bảy giờ rưỡi đến bến đò suối, đi một giờ đò suối thì đến chùa ngoài (Thiên-Chù). Xe ô-tô đi qua Hà-Đông qua huyện

(1) Mấy vị ấy là quan Đoàn-Thọ mất ở Lạng-Sơn, bị giặc Tàu vây; Quan Nguyễn Thái-Bảo tức là Nguyễn Tri-Phương mất năm 1873, khi thành Hà-Nội thất thủ, quan Hoàng-Diệu mất năm 1882, khi người Pháp hạ thành Hà-Nội.

(2) Về đời vua An Dương-Vương, bên Tàu vua Tần Thủy-Hoàng sai tướng sang đánh nước ta. Vua ta bèn đem Lý Ông-Trọng dâng cho vua Tần Thủy-Hoàng. Vua Tàu thấy người to lớn, mạnh-mẽ, phong cho làm quan, sai đi trấn mặt bắc. Quân giặc thấy Lý Ông-Trọng sợ hãi không giám đến quấy nhiễu nước Tàu nữa. Vua Tàu mới phong cho ngài là Phụ-Tín-Hầu, đến khi tuổi già được về nhà hưu dưỡng.

Về sau Cao-Biền sang Đô hộ, mới sai làm đền thờ. Đền ấy đã bị Tây-Sơn phá, nhưng sau lại làm lại, và năm 1888, đã tô một pho tượng thật lớn. Đến nay cứ đệ niên ngày dằm tháng 5 làng mở hội để kỷ-niệm cái công trạng của ngài.

Thanh-Oai, đến làng Vân-Đình (39 km 5) rồi đến bến Đục. Sang phà xong đi gần một km thì đến bến Suối, rồi tới chùa ngoài (55 km). Từ chùa ngoài đi toàn đường núi độ nửa giờ thì đến chùa Giải-Oan, độ gần hai giờ thì đến một cái động gọi là chùa Trong (Chùa Hương-Tích), vãng cảnh xong lại giở ra về, độ sáu bảy giờ tối đến Hà-Nội.

2·) *Đi lối Phủ-Lý*. — Đi xe hỏa từ Hà-Nội đến Phủ-Lý. Từ Phủ-Lý đi tầu thủy hay đi đò vào bến Đục (đi tầu thủy mất vài ba giờ, đi đò mất độ 8, 9 giờ). Từ bến Đục đi độ 500 thước tây đến bến đò suối là chỗ đi đò vào chùa ngoài. Gần chùa Hương-Tích còn có chùa Mới và chùa Tuyết, phong-cảnh cũng đẹp lắm.

IV. — **Chùa Trầm.** — Cách Hà-Đông độ 25 km có một chùa gọi là chùa Trầm, chùa làm năm 1700, ở làng Long-Châu (làng này trước thuộc về tỉnh Sơn-Tây, từ năm 1914, thuộc về Hà-Đông). Chùa làm trên ngọn núi Tử-Trầm (1). Địa-thế chùa trông rất đẹp : Xung quanh có mấy ngọn núi nhỏ như núi Ninh-Sơn, núi Đồng-Lư, núi Tiên-Lữ. Trong hang Tử-Trầm (hay là Long-Tiên-Động), thì có hang lên giời, hang xuống âm-phủ. Gần đấy lại có một nóc chùa làm trên đỉnh núi gọi là chùa Vô-Vi. Đứng trên đỉnh núi, hay dưới chân chùa mà ngắm kỹ phong cảnh thì mới biết hang Tử-Trầm là một nơi thắng-tích ở tỉnh Hà-Đông.

Về chùa Trầm thì đi xe điện hay đi xe tay đến tỉnh-lỵ Hà-Đông rồi đi xe đến bến đò Mai-Lĩnh, đi ngót một giờ nữa thì đến chùa Long-Tiên.

V. — **Chùa Trăm-Gian.** — Chùa Trăm-Gian tên chữ là Quảng-Nghiêm-Tự, làm ở trên núi Trúc-Sơn. Từ chùa Trầm vào chùa Trăm-Gian đi mất độ một giờ đồng hồ. Cảnh chùa

(1) Ở Núi Tử-Trầm có hai cái di-tích đáng ghi vào lịch-sử nước nhà : một là sự tích Trịnh-chúa xưa phù Lê lập cung điện ở đấy ; hai là di-tích ông Châu-Canh là một bực đạo-sĩ khi xưa đến ở đấy nghiên cứu về nghề thuốc, tu luyện đắc đạo được thuốc tiên. Ông hiển danh là một tay giỏi thuốc về đời vua Trần-Dụ-Tôn. Hiện nay khách du-lịch rẽ xuống phía nam núi Tử-Trầm một ít thì còn thấy một hòn đá nhẵn-nhụi đấy chính là chỗ ông Châu-Canh ngày xưa ở đấy.

trông rất rộng-rãi phong-quang. Ở' hậu chùa, có một cái trống và một cái khánh thật to (1).

VI. — **Đền Voi-Phục.** — Đền này ở làng Thủ-Lệ, huyện Hoàn-Long, cách Hà-Đông 8km và Hà-Nội 7 km. Làm vào năm 1258, thờ đức thánh Linh-Lang là con vua Lý Thái-Tôn. Phong cảnh chùa đẹp lắm, cây cối um-tùm, trông rất uy-nghi.

Lên đền Voi-Phục thì đi xe điện hay xe tay theo đường lên ô Cầu-Giấy.

VII. — **Chùa-Láng.** — Ở' làng Yên-Lãng thuộc huyện Hoàn-Long gần ô Cầu-Giấy có một cảnh chùa rất đẹp và rất to gọi là chùa Láng. Chùa Láng tên chữ gọi là Chiêu-Thiền-Tự thờ đức Từ-Đạo-Hạnh, xưa tu ở chùa Thầy, sau lên hang Thánh-Hóa, giải-thi thác sinh vào làm vua Thần-Tôn nhà Lý. Hội chùa Láng vào mồng bảy tháng ba ta (2).

Đi xe điện hay xe tay lên ô Cầu-Giấy rồi rẽ về tay trái độ mười phút đồng hồ thì tới nơi.

VIII. — **Chùa-Liên-Phái.** — Ở về làng Bạch-Mai, làm năm 1732. Chùa này chúa Trịnh làm nên, cảnh chùa đẹp, trong có nhiều tháp. Tháp đẹp nhất là tháp chúa Trịnh Tiên-Quang.

Đi xe điện hay xe tay xuống làng Bạch-Mai.

IX. — **Hội-Lộ.** — Ở' làng Lộ về huyện Thanh-Trì, cứ từ mồng 6 đến mồng 10 tháng hai có hội gọi là hội Lộ. Đền ở trên bến dưới thuyền, thờ các bà về đẳng Chư-Vị.

Đi hội Lộ có ba lối :

1·) Đi xe hỏa xuống Văn-Điển rồi đi xe tay qua huyện Thanh-Trì độ 12 km.

2·) Đi thuyền từ bến Hà-Nội xuống bến Lộ mất 3 giờ rồi đến Lộ.

3·) Đi xe xuống Trung-Hiền qua Bạch-Mai, Đại-Từ Văn-Giáp rồi đến Lộ.

(1) Chùa này cũng gọi là chùa Tiên-Lữ, làm vào năm 1200 thờ ông Lý An-Bình, người làng Bối-Khê (huyện Thanh-Oai). Ông Lý An-Bình đi tu từ thuở bé sau đắc đạo, vua Trần Thái-Tôn triệu về triều phong cho chức Bồ-Tát Chân-Nhân. Lúc ngài già, về làm chùa Tiên-Lữ.

(2) Xem sự-tích đức Thánh-Láng ở Tạp-Chí hội Trí-tri số 3 năm 1923 trang 243-236. Hiệu Kim-Đức-Giang cũng có in riêng ra một quyển để bán.

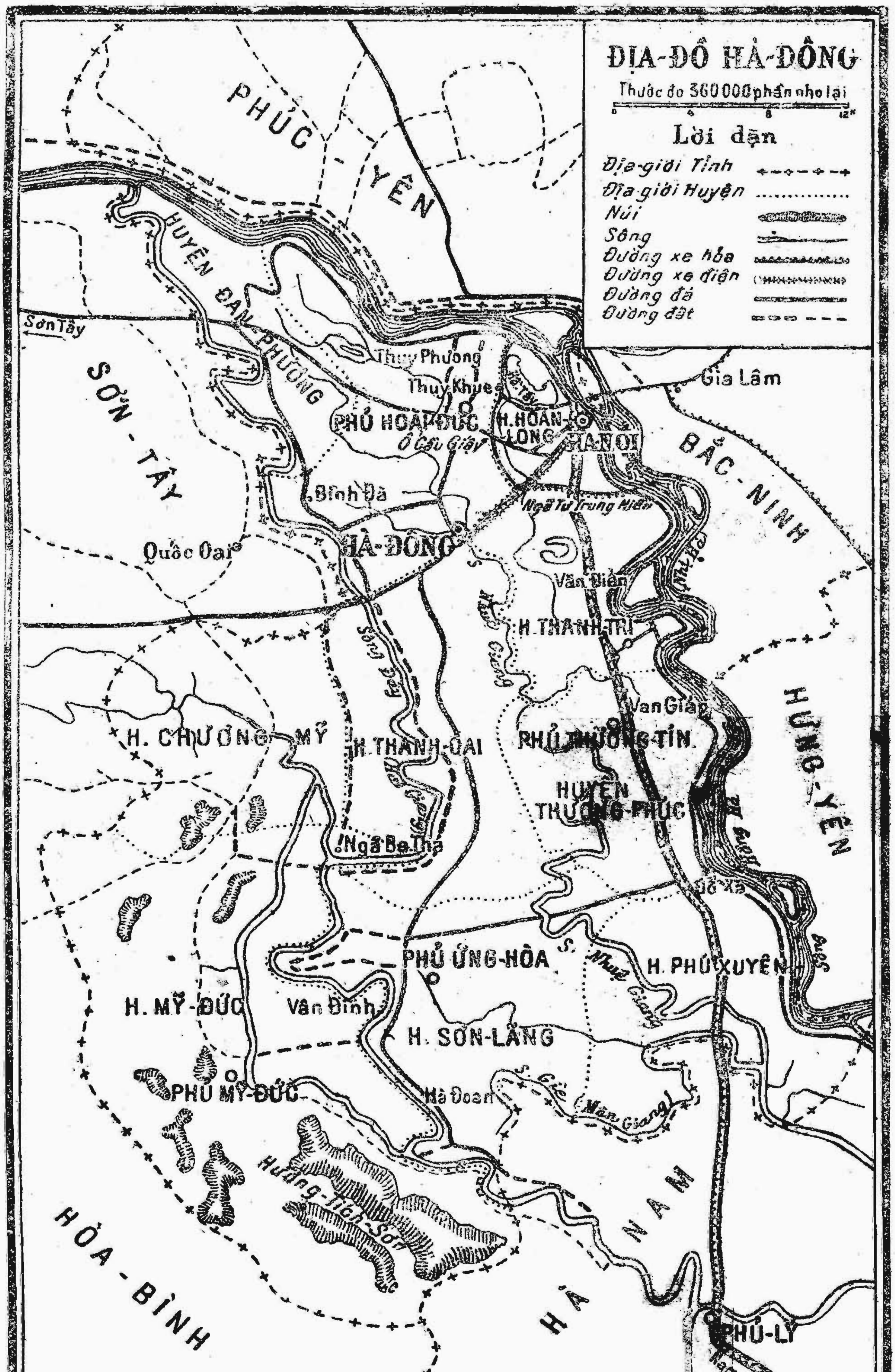

ĐỊA-ĐỒ HÀ-ĐÔNG
Thước đo 360 000 phần nhỏ lại
Lời dặn
Địa-giới Tỉnh
Địa-giới Huyện
Núi
Sông
Đường xe hỏa
Đường xe điện
Đường đá
Đường đất
PHÚC YÊN
SƠN TÂY
Sơn Tây
BẮC-NINH
HƯNG-YÊN
HÒA-BÌNH
HÀ NAM
HUYỆN ĐAN-PHƯỢNG
Thụy Phương
Thụy Khuê
PHỦ HOÀI-ĐỨC
H. HOÀN-LONG
HANOI
Gia Lâm
Ô Cầu Giấy
Bình Đà
Ngã Tư Trung Hiền
HÀ-ĐÔNG
Quốc Oai
Văn Điển
H. THANH-TRÌ
Văn Giáp
H. CHƯƠNG MỸ
H. THANH-OAI
PHỦ THƯỜNG-TÍN
HUYỆN THƯỢNG-PHÚC
Ngã Ba Thá
Đỗ Xá
PHỦ ỨNG-HÒA
S. Nhuệ Giang
H. PHÚ XUYÊN
H. MỸ-ĐỨC
Vân Đình
H. SƠN-LÃNG
PHỦ MỸ-ĐỨC
Hà Đoan
Hương-Tích-Sơn
PHỦ-LÝ

BẮC - GIANG
Sông Thương
S. Lục Nam
Lục Nam
Núi Yên Tử
Dân Kiệp Bắc
Sông Cầu
Bắc Ninh
Phả-Lại
Mật-Sơn
H. CHÍ LINH
Yên-Sinh
H. ĐÔNG-TRIỀU
Đông Triều
BẮC - NINH
PHỦ NAM-SÁCH
PHỦ KINH-MÔN
Lai Khê
Cầu-Giẽng
HẢI-DƯƠNG
H. KIM-THÀNH
Kẻ-Sặt
H. GIA-LỘC
H. THANH-MIỆN
P. BÌNH-GIANG
Mộ Trạch
Phạm Lâm
H. TỨ-KỲ
Quí-Cao
KIẾN-AN
HƯNG-YÊN
PHỦ NINH-GIANG
Ninh Giang
H. VĨNH-BẢO
THÁI BÌNH
VỊNH BẮC-KỲ
ĐỊA-ĐỒ HẢI-DƯƠNG
Thước đo 500.000 phần nhỏ lại
0 5 10 15 20 Ki
Lời dặn
Địa giới Tỉnh
Địa-giới Huyện
Núi
Sông
Đường xe hỏa
Đường đá
Đường đất

TỈNH HẢI-DƯƠNG

Vị-trí và diện-tích. — Tỉnh Hải-Dương ở về phía đông-nam xứ Bắc-Kỳ, đông giáp Quảng-Yên, Hải-Phòng và Kiến-An, bắc giáp Bắc-Giang, nam giáp Thái-Bình và tây giáp Bắc-Ninh và Hưng-Yên.

Diện-tích đo được ngót 611.112 mẫu ta (2.200 km vuông).

Địa-thế. — Tỉnh Hải-Dương chia ra làm hai miền:

1o. — Miền bắc có dẫy Đông-Triều là do dẫy núi Quảng-Tây bên Tàu lan sang.

2o — Miền nam là miền Đồng-bằng, do đất phù sa sông Thái-Bình bồi lên. Miền này rộng hơn miền trên, đo được đến 445.000 mẫu ta (1.600 km vuông). Đất đấy lắm mầu, vì có nhiều sông ngòi chảy qua khắp mọi nơi.

Sông. — Từ tây-bắc đến Đông-nam có sông Thái-Bình chảy qua. Ở phía nam, ngang sông Thái-Bình, thì có sông Hóa chảy qua sông Luộc, và ở phía bắc thì có sông Thương chứa lấy những nước ở các sông trên núi Yên-Tử chảy xuống. Lại có mấy con sông nhỏ như sông Kinh-Thay, sông Kinh-Môn, vân vân, chảy ngang ở phía tây-bắc.

Khí-hậu. — Khí-hậu tỉnh Hải-Dương cũng tương tự như khí-hậu các tỉnh Trung-châu xứ Bắc-Kỳ. Mùa hè có gió bể thổi qua, nên mát mẻ dễ chịu, duy ở hạt Chí-Linh và Đông-Triều là nơi có rừng núi thì khí-hậu không được lành.

Tỉnh-lỵ và các phủ, huyện. — Tỉnh Hải-Dương chia làm:

1° — 1 Đại-lý: Ninh-Giang;

2° — 4 phủ: Nam-Sách, Kinh-Môn, Ninh-Giang và Bình-Giang;

3° — 9 huyện: Cẩm-Giàng, Thanh-Hà, Gia-Lộc, Kim-Thành, Vĩnh-Bảo, Tứ-Kỳ, Thanh-Miện, Đông-Triều và Chí-Linh;

4° — 117 tổng và 1.013 xã.

Tỉnh-lỵ là Hải-Dương (1) ở ngay chỗ sông Sặt và sông

(1) Tỉnh-lỵ Hải-Dương mới cải làm thành-phố theo nghị-định ngày 12 tháng chạp năm 1923 do quan Công-Sứ sung chức Đốc-Lý quản trị.

Thái-Bình gặp nhau cách Hà-Nội 57 km. Tỉnh-lỵ ở vòng thẳng theo hữu-ngạn sông Sặt dài độ 1.000 thước tây và rộng độ 800 thước tây.

Trên bờ sông thì có trại Giám-Binh, cột đồng-hồ (cao 25 thước), tòa Sứ, vườn hoa, sở Thương-Chính. Sau tòa Sứ thì có nhà thờ và dinh các quan tỉnh. Lại có sở nấu rượu ở trong thành cũ.

Dân-cư. — Dân-cư tỉnh Hải-Dương ước được 636.650 người, 100 người Mán và ít người Thổ.

Canh-nông. Tỉnh Hải-Dương được đất lắm màu nên việc canh-nông phát đạt lắm. Người ta cấy lúa nhiều nhất, có đến 350.000 mẫu ta. Lại giồng sắn, ngô, thuốc lào (nhất là ở huyện Vĩnh-Bảo), mía, cau, chè, bông, v.v...

Sản-vật. — Miền núi ở hai huyện Chí-Linh và Đông-Triều có nhiều rừng, xưa có lắm thứ gỗ như táu, lim, sến, trám, mít, dẻ, nhưng ngày nay chẳng còn mấy, vì người ta phá đi mất nhiều rồi. Ở' đấy cũng có cả mây, nâu cùng những cây làm nến và làm đèn.

Ở' huyện Đông-Triều có nhiều mỏ than hình như càng một mạch với những mỏ ở Hồng-Gai và Cái-Bầu ; hiện cũng đã khai khẩn ít nhiều. Lại có cả mỏ đất thó trắng để làm đồ sứ và mỏ kẽm, về tiền-triều cũng đã khai khẩn để đúc tiền, hiện hãy còn vết-tích.

Kỹ-nghệ. — Ở tỉnh Hải-Dương kỹ-nghệ không được phát đạt lắm như tỉnh Hà-Đông. Song cũng có mấy nơi có những kỹ-nghệ có tiếng. Như ở phủ Kinh-Môn thì dân làm đồ chè, khay, điếu bằng đá hoa có vân sanh đỏ. Làng Nguyệt-Khuê ở huyện Cẩm-Giàng có nghề làm đồ bằng tre như khay, hộp, chạm thật khéo. Làng Chúc-Lâm, Phương-Lâm và Vân-Lâm ở huyện Tứ-Kỳ có nghề thuộc da và làm giày dép. Ngoài những kỹ-nghệ ấy, trong tỉnh lại cũng có những nghề thường như đúc đồng, làm gạch, ngói, làm chum, vại, chiếu, vân vân.

Thương-mại. — Việc buôn bán thịnh nhất là thóc gạo vì có lắm đường vận tải thật tiện ; nhưng bao nhiêu mối lợi phần nhiều vào tay người Trung-Hoa cả. Những

nơi buôn bán thịnh nhất là tỉnh-lỵ Hải-Dương, Ninh-Giang, Phả-Lại, Yên-Lưu, Kẻ-Sặt và Yên-Cúc.

Đường giao-thông. — Tỉnh Hải-Dương có nhiều đường thủy và đường bộ. Đi các đồn và các phủ huyện về tỉnh-lỵ hay đồn nọ sang đồn kia, huyện nọ sang huyện kia, đều có đường xe đi được. Khắp tỉnh lại có những sông ngòi chảy qua thuyền bè đi lại thật là tiện lợi.

Xe hỏa. — Có đường xe hỏa Hà-Nội Hải-Phòng qua tỉnh-lỵ Hải-Dương.

Đường cái lớn :

1·) Đường thuộc-địa số 5 từ Hà-Nội xuống Hải-Phòng qua tỉnh trong một khoảng 45 kilomètres ;

2·) Đường Hà-Nội đi Quảng-Yên qua tỉnh trong một khoảng 43 kilomètres ;

3·) Đường Hải-Dương đi Nam-Định qua Ninh-Giang, Thái-Bình ;

4·) Đường Hải-Dương đi Hưng-Yên ;

5·) Đường Hải-Dương đi Bắc-Ninh qua Phả-Lại ;

6·) Đường Hải-Dương đi Đông-Triều, qua Lai-Khê ;

Tự Hải-Dương đến :

1·) Huyện Thanh-Miện qua Hải-Xuyên ;

2·) Huyện Thanh-Hà ;

3·) Huyện Cẩm-Giàng ;

4·) Đồn Qui-Cao qua huyện Tứ-Kỳ.

Đường thủy. Sông thì mua nào tầu cũng đi được :

1·) Sông Thái-Bình chảy qua tỉnh	86	km
2·) Sông Kinh-Môn	— 33	—
3·) Sông Gia	— 17	—
4·) Sông Bang-Lan	— 14	—
5·) Sông Lạc-Tray	— 10	—
6·) Sông Luộc	— 40	—
7·) Lạch Vạn-Úc	— 10	—

Đường Hải-Dương đi Ninh-Giang.

Qua Sông Kẻ-Sạt :

Đến km thứ 4, ở làng Liễu-Tràng có đền thờ ông Lương Như-Học đã sinh ra nghề khắc bản in chữ ;

Đến km thứ 7, về bên phải có đường đi Phủ-Từ và Hưng-Yên ;

Đến km thứ 9, là huyện-lỵ huyện Gia-Lộc ;

Đến km thứ 13, có làng Trúc-Lâm thờ ông Nguyễn Thời-Trung đã sinh ra nghề thuộc da ;

Đến km thứ 20, về bên tả có đường đi Yên-Phong ;

Đến km thứ 29 là phủ Ninh-Giang trên sông Luộc.

Đường từ Cẩm-Giàng đi Ninh-Giang :

Cách Cẩm-Giàng :

1 km về phía nam thì có làng Nguyệt-Khê làm đồ mỹ-nghệ bằng tre ;

7 km thì qua làng Kẻ-Sặt, có chợ to, nhà thờ lớn ;

14 km thì đến phủ Bình-Giang đóng ở làng Hoạch-Trạch và làng Mộ-Trạch (1) ;

20 km thì đến Phạm-Lam có chợ to ;

22 km thì đến làng Thọ-Chương (huyện-lỵ huyện Thanh-Miện) ;

27 km thì đến Hậu-Bổng, có đường đi Hải-Dương (18 km có chùa Quảng-Ninh tục truyền rằng về đời nhà Trần nhà sư Huyền-Chân nằm mộng thấy đức Gi-Lặc. Ở đấy có giếng tiên) ;

37 km thì đến Bội-Giang có đồn Khố-xanh ;

44 km thì đến phủ Ninh-Giang ở làng Tranh-Xuyên trên sông Lục có bến tầu thủy đỗ, (tầu ở Hải-Phòng đi Nam-Định hay Hà-Nội).

Đường từ Bắc-Ninh đến Đông-Triều. — Miền Đông-Triều là miền đẹp nhất tỉnh Hải-Dương, đi từ Bắc-Ninh xuống thì đường bộ dài 52 km ;

Đến km thứ 5, có núi Lam-Sơn (2) (cách đường cái độ 2 km) trên có hai đền : Đại-Lam-Tự và Thận-Quang-Tự

(1) Mộ-Trạch là quê hương nhiều danh-nhân và danh-sĩ nước ta, thủa trước nhiều ông đỗ Tiến-sĩ, trong làng còn ghi tên được 39 ông. Trứ danh nhất thì có ông Vũ-Phương đỗ Trạng-nguyên ; ông Giáo-Diệt, thường gọi là Trạng-Vật ; ông Vũ-Huyên, thường gọi là Kỳ-Trạng-Nguyên vì ông cao cờ lắm ; ông Lê-Mại tục gọi là Trạng-Nguyên ăn khỏe; ông Vũ-Quỳnh là nhà chép sử.

(2) Xem địa-đồ tỉnh Bắc-Ninh.

lại có đền thờ hai chị em Tấm-Cám (ở Phú-Thụy huyện Gia-Lâm cũng có thờ.)

Đến km thứ 9, có đường Vũ-Dương đi đến sông Đuống, gần huyện Quế-Dương;

Đến km 20, là huyện Võ-Giàng có đền thờ Triệu-Đà;

Đến km 26 là Phả-Lại, rồi qua sông Thái-Bình, là vào địa hạt Hải-Dương;

Đến km 27 là Phả-Lại là nơi xưa quân ta đã giao chiến với giặc Mông-Cổ nhiều trận, ở đấy lắm đồi nên địa-thế hiểm trở;

Đến km 36, có núi Mật-Sơn ở tổng Kiệt-Đắc;

Đến km 41, là làng Chi-Ngải có đồn Khố-xanh;

Đến km 48 có đường đi Hải-Dương (29 km);

Đến km 52, là huyện Đông-Triều có đường đi Hải-Phòng qua Tràng-Bạch và Núi-Đèo.

NHỮNG NƠI CỔ-TÍCH VÀ THẮNG-CẢNH

I. — **Đền Kiếp-Bạc.** — Về phía bắc Phả-Lại, độ 5 km ở làng Vạn-Yên (thuộc huyện Chí-Linh) có một đền có tiếng ở nước Nam, thờ đức Hưng-Đạo-Đại-Vương Trần-Quốc-Tuấn xưa có công phá được giặc Mông-Cổ. Đền làm vào năm 1300, tên chữ gọi là Trần Hưng-Đạo-Đại-Vương-từ, nhưng ta thường gọi là đền Kiếp-Bạc, khách du-lịch gần đến nơi đã trông thấy những cây đa cổ thụ. Đứng ở sàn đền mà nhìn kỹ thì thấy một dẫy núi có ba ngọn, đền tựa lưng vào núi giữa, trông mặt ra ngoài sông, giữa sông có một cái bãi gọi là « bãi Kiếm ». Trên hai ngọn núi hai bên thì có đền Nam-Tào và đền Bắc-Đẩu. Gần đền có một cái lăng nhỏ, hình bát giác, là chỗ chôn đức Trần-Hưng-Đạo. (1)

(1) Đức thánh Hưng-Đạo họ Trần, tiểu-tự là Quốc-Tuấn. Ngài là con ông Trần-Liễu là anh cả vua Trần Thái-Tôn. Ngài sinh ở làng Tức-Mặc tỉnh Nam-Định. Ngài là một bậc anh-hùng thông-minh trí tuệ; lên năm tuổi đã biết làm thơ và thích chơi đấu võ. Nhớn lên ngài rất giỏi nghề binh.

Đời vua Nhân-Tôn, vua Mông-Cổ sai tướng Thoát-Hoan và hai tướng Toa-Đô và Ô-Mã-Nhi sang nước Nam. Hưng-Đạo-Vương được cầm quyền thống lĩnh quan quân. Quân Mông-Cổ đánh dữ lắm, vua đã muốn xin hàng, nhưng

Năm nào cũng từ rằm đến hai mươi tháng tám ta thì đền Kiếp-Bạc có hội. Người trẩy hội đông như kiến, thiện-nam tín-nữ chen vai nhau ở trước cửa đền ra đến đường cái phần nhiều là đi để bắt tà ma. Ở Hà-Nội mà đi thì phải đi xe-hỏa sang đến Đáp-Cầu rồi xuống tầu thủy đến Phả-Lại. Những ngày hội đã có những chuyến hỏa-xa riêng, đi từ 5 giờ sáng thì tối lại về kịp Hà-Nội được.

II. — **Chùa Kính-Chủ.** — Chùa này ở sườn núi đá về làng Dương-Nham (phủ Kinh-Môn), phải trèo độ 60 bực đá thì lên tới nơi. Chùa làm vào trong một cái động. Cảnh chùa rất đẹp, ở giữa thờ phật, bên tả thờ vua Lý Thần-Tôn, bên hữu thờ vua Thập-Điện và vua Diêm-Vương. Ở ngoài tam-quan thờ ông Phạm Sư-Mạnh, người làng Dương-Nham, đỗ tiến-sĩ làm đến quan hữu Thừa-tướng nhà Trần.

---

ngài tâu rằng: « Nếu Bệ-hạ muốn hàng thì trước hết hãy chặt đầu thằn đi đã, rồi hàng cũng không muộn, đầu thằn còn thì xã-tắc không khi nào mất được, xin bệ-hạ chớ lo vội. »

Quả như thế, Ngài ra công đánh, quân Mông-Cổ bị thua to. Tướng Toa-Đô bị chém, quân Thoát-Hoan phải rút về Tàu.

Năm 1287, Thoát-Hoan lại cùng với hai tướng Ô-Mã-Nhi và A-Bát-Xích sang nước ta. Ngài sai Trần Khánh-Dư ra chặn đường ở cửa Lục-Hải (tức là cửa Lục bây giờ), thuộc huyện Hoành-Bồ; lương thực của quân giặc bị phá hết. Bấy giờ Thoát-Hoan thấy thế quân ta mạnh lắm, biết mình không đánh nổi, bèn nghe lời các tướng, rút quân về. Hưng-Đạo-Vương biết ý, sai các tướng dẫn quân ra đón đường ở sông Bạch-Đằng. Trận Bạch-Đằng-giang quân Mông-Cổ phải thua to. Ô-Mã-Nhi và mấy viên tướng Nguyên bị bắt. Mặt bộ thì Thoát-Hoan vừa đánh vừa chạy thoát ra được khỏi cửa ải.

Sử chép rằng: Thoát-Hoan có một viên tì-tướng tên là Nguyễn Bá-Linh thường gọi là Phạm-Nhan. Phạm-Nhan có tài võ nghệ lại có quỷ-thuật nữa. — Tục truyền rằng: khi Hưng-Đạo-Vương bắt được sai đem chém, thì không tài nào chém được nó, vì chém đứt đầu ấy nó lại mọc đầu khác. Sau Hưng-Đạo-Vương phải dùng thanh thần kiếm chém nó mới được. Khi giơ thần kiếm lên sắp chém thì nó ngoảnh cổ lại mà hỏi: « Khi tôi chết rồi thì ngài cho tôi ăn gì? » Ngài nổi giận văng khùng ra rằng: « Cho mày ăn sản huyết thiên-hạ. » Bởi vậy chết rồi, hồn nó cứ hiện lên đi quấy nhiễu những người đàn bà sinh đẻ. »

Ngày nay người ta lễ cầu đức thánh Hưng-Đạo trừ tà ma là vì thế.

Vì Hưng Đạo-Vương có công giúp nước như thế cho nên vua sai lập đền Vạn-Kiếp thờ ngài tử thủa sống như một ông thần vậy. — Ngài thọ 70 tuổi.

Vua Lê Thánh-Tôn có đến thăm chùa và có thơ đề vịnh.

Hội chùa Kính-Chủ vào hôm 13 tháng giêng ta.

Đi vãn cảnh chùa này thì đi xe hỏa về ga Lai-Khê, hay ga Phú-Thái rồi đi xe về Đông-Triều và Yên-Lưu (là chỗ phủ Kinh-Môn), qua đò Nghĩa-Lộ. Từ bến đò vào chùa độ 3 km.

Gần đấy có núi Yên-Phụ, ở trên có đền thờ đức An-Sinh-Vương, thân sinh ra đức thánh Trần Hưng-Đạo.

III. — **Chùa làng Hà-Lôi.** — Ở Đông-Triều đi ra làng Hà-Lôi có một cảnh chùa rất có tiếng về đời nhà Trần. Chùa này là do ông Nguyễn Minh-Không về đời nhà Lý làm ở dưới chân núi Quỳnh-Lâm. Trong chùa, tượng đúc tinh bằng đồng cả. Thật là một cảnh chùa đẹp có tiếng ở nước ta. Vua Trần Thái-Tôn và vua Trần Nhân-Tôn xưa có đến thăm chùa ấy.

IV. — **Lăng vua nhà Trần.** — Về phía bắc con đường Đông-Triều, ở Yên-Sinh có lăng vua nhà Trần :

Thái-Lăng là lăng vua Trần Anh-Tôn.

Mục-Lăng là lăng vua Trần Minh-Tôn.

Khu-Lăng là lăng vua Trần Dụ-Tôn.

Nguyên-Lăng là lăng vua Trần Nghệ-Tôn.

An-sinh-Lăng là lăng vua Trần Thuận-Tôn.

V. — **Đền-Tranh.** — Ở làng Tranh-Xuyên (phủ Ninh-Giang) và làng Tranh-Chu (huyện Vĩnh-Bảo) có một cái đền rất cổ, (làng này trước là làng Tranh-Chung do hai làng Tranh-Xuyên và Tranh-Chu họp lại mà thành ra). Từ đời nhà Trần, lúc đánh giặc nhà Nguyên, có đào một con sông gọi là sông Do-Tranh để tiện tải binh. Sông ấy đi qua làng Tranh-Chu nên chia làng ấy ra làm đôi. Hai làng ấy bây giờ vẫn thờ chung một ông thần. Đền ở ngay lối đi vào đại-lý Ninh-Giang. Mỗi năm cứ tháng 2 và tháng 8 ta có hội.

Sự-tích biên chép về ông thần hai làng ấy thì lưu lạc mất, dân đấy nói rằng đền thờ đệ ngũ Thái-Tử vua Thủy (1)

(1) Sự tích đền Tranh thì không có sách nào ghi chép cả ; song cứ theo tục truyền thì xưa ở xã Lạc-Giục, huyện Tứ-Kỳ có hai vợ chồng một nhà nghèo, đã già mà chưa có con. Một hôm người chồng

Ở' trong chùa có một pho tượng bằng đồng và bốn pho tượng bằng đá, trông đã cổ lắm, có một bài vị có năm dòng chữ triện trông đã nhòe cả chỉ đọc được hơi rõ 8 chữ này : «Thanh-Giang-Đại-Vương-Hoàng-Hợp-Tôn-Thần».

* * *

Ở' Hải-Dương cũng còn nhiều nơi cổ-tích nữa, tuy không lấy gì làm đẹp, nhưng cũng là những cái di-tích kỷ-niệm những bậc anh-tuấn nước ta.

Như ở gần làng Đạp-Khê, và làng Linh-Giang có đền thờ ông trạng Mạc Đĩnh-Chi ; làng Chi-Điền, thuộc huyện Thanh-

---

cuốc vườn bắt được ở cạnh một bụi cây hai cái trứng nghĩ là trứng chim đem cất cẩn thận. Ngờ đâu sau hai cái trứng ấy nở ra hai con rắn, vợ lấy làm sợ, muốn đem giết đi, nhưng chồng không nghe, nói rằng có nhẽ đây là giời cho ta để khuây cảnh già đây. Quả nhiên hai con rắn ấy về sau quấn-quít hai vợ chồng ông già lắm. Nhưng phải cái nó chỉ ăn gà thôi, ông già đi ăn cắp gà cho nó ăn đã nhiều rồi, sau sợ hàng xóm biết thì phải tội nên đành phải đem vất xuống sông Tranh. Chỗ vất hai con rắn ấy xuống, về sau nước xoáy dữ lắm. Một hôm có một bà công-chúa muốn qua sông bị nước xoáy thuyền không đi được. Sau theo nhời quan dân sở tại đòi hai vợ chồng ông già ấy đến hỏi chuyện. Bà lão sợ hãi, lấy hai nắm cơm vất xuống mà nói rằng : « Con ơi, con có thương mẹ thì con đừng sóng lên nữa để cho mẹ khỏi tội » Nói vừa xong thì sóng yên lặng.

Về sau có một ông phủ tên là Trịnh Thường-Quân bổ về Ninh-Giang. Ông có một người vợ lẽ đẹp lắm. Một hôm bà đi chơi thuyền trên sông Tranh gặp một người ở dưới nước lên đòi lấy bà ta làm vợ. Bà ta nhất định không nghe. Đến đêm về đang ngủ, bỗng lại thấy người ấy hiện vào phòng nhất định đòi lấy. Bà ấy nói chuyện với quan phủ. Quan phủ cũng lấy làm lạ nên phải phòng giữ cẩn thận. Một hôm ngài có việc quan đi vắng, đến lúc về thì thấy buồng không. Quan phủ lấy làm phiền lắm, bèn từ chức, ngày ngày ra bờ sông Tranh tìm vợ. Sau gặp một ông tiên tên là Quỷ-Cốc ở miền 'Hải-quốc mách rằng bà phủ đã bị Hoàng-Tử' thứ năm vua Thủy bắt xuống làm vợ rồi. Tiên Quỷ-Cốc nghĩ thương tình quan phủ nên giúp phép cho ngài xuống được đến vua Thủy mà kêu. Tiên cũng đến kêu hộ, sau vua Thủy cho cả hai vợ chồng về và bắt Hoàng-Tử' thứ năm đem đầy ra sông Tranh. Từ đó dân-cư hai bên bờ sông thấy hiển nhiên sự kỳ-dị lắm, nên phải lập đền thờ, gọi là đền Tranh. Đền ấy ai cũng nói rằng thiêng và cầu việc gì được việc ấy, nên khách đến lễ đông lắm.

Lâm (bây giờ phủ Nam-Sách) có đền thờ ông Phùng-Hưng, tục gọi là Bố-Cái Đại-Vương, xưa đã có công đánh đuổi quân Tàu làm cho Bắc-Kỳ được độc-lập ít lâu.

Ở huyện Thanh-Hà, về tổng Bình-Hà (cách tỉnh-lỵ Hải-Dương 13 km về phía Đông-Nam) có chùa Minh-Khánh thờ vua Trần Nhân-Tôn xưa rất mộ đạo.

Độ 5 km về phía nam, ở làng Tràng-Liệt có đền thờ bà Đoàn Thị-Tư xưa đã chống cự được giặc quận He (về đời nhà Lê) nên vua có ban cho ba chữ: «Quận Phu-Nhân».

Ở Thiên-Thôn, về làng Phù-Vệ có một cảnh chùa có danh tiếng thờ ông Pháp-Loa.

Ở làng Trung-Am, có đền thờ ông thần trước có công giúp bà Trưng-Vương đánh Tô-Định sau bị Mã-Viện sang đánh thua, ông tử trận ở Lạng-Sơn. Sau Sĩ-Vương có phong cho làm Nhất-Đẳng-Thần.

Ở làng Dưỡng-Mòng, tổng Phù-Tải có một cảnh chùa cũng có danh tiếng, chùa làm vào năm 1332, về đời nhà Trần, thờ ông Vương-Huệ là một pháp-sư thần-thông quảng đại.

Ở địa-phận xã Bình-Lục, có một hòn núi hình như con rùa nên gọi là Quy-Sơn, cây cối um-tùm sầm-uất, cách xa, có chùa Ngọc-Thanh. Nên ở miền đó, có câu hát rằng:

Bình-Lục có núi con rùa.
Trông sang Đạm-Thủy có chùa Ngọc-Thanh.

TỈNH HÀ-NAM

Vị-trí và diện tích. — Tỉnh Hà-Nam (1) bắc giáp Hà-Đông, nam giáp Nam-Định, đông cách sông Hồng-Hà thì đến tỉnh Thái-Bình và Hưng-Yên, tây-nam giáp Ninh-Bình và tây giáp Hòa-Bình.

Diện-tích đo được độ 280.000 mẫu ta (1.008 km²).

Địa-thế. — Địa-thế tỉnh Hà-Nam chia làm hai phần

1·) Từ tả ngạn sông Đáy đến sông Hồng-Hà, là đất đồng bằng nhiều phù-sa, cấy lắm lúa, chỉ trừ về huyện Thanh-Liêm có dãy núi nhỏ gọi là Khê-non, và ở tả ngạn sông Phủ-Lý có núi Đọi-Sơn, trên có một cái chùa to lắm.

2·) Từ hữu ngạn sông Đáy, đến phía tây thì có một dãy núi có chỗ lan mãi ra đến bờ sông.

Sông. — Hà-Nam có sông Hồng-Hà chảy qua phía đông. Ở giữa tỉnh có sông Đáy chảy tự phía Bắc đến phía Nam.

Ngoại những sông ấy lại còn nhiều sông con đi khắp tỉnh, thuyền bè đi lại rất tiện.

Khí-hậu. — Tỉnh Hà-Nam ở vào Trung-Châu, đất thấp hay ngập cho nên khí-hậu ẩm thấp. Có châu Lạc-Thủy rừng núi nhiều, nên khí-hậu hơi độc.

Dân-cư. — Dân-cư toàn tỉnh ước được 45.000 người phần nhiều là người Việt-Nam, chỉ trừ ở châu Lạc-Thủy là người Mường ở, ước độ 1.700 người.

Tỉnh-lỵ và các phủ, huyện. - Tỉnh Hà-Nam là tỉnh bé nhất ở Bắc-Kỳ, chia ra:

1·) 1 phủ: Lý-Nhân.

2·) 4 huyện: Duy-Tiên, Kim-Bảng, Bình-Lục và Thanh-Liêm.

3·) 1 châu: Lạc-Thủy. Châu này trước thuộc về tỉnh Hòa-Bình mới nhập vào tỉnh Hà-Nam từ năm 1909.

4·) 44 tổng và 388 xã.

---

(1) Hà-Nam thành tỉnh từ năm 1890, do một phần tỉnh Hà-Nội và một phần tỉnh Nam-Định hợp lại mà thành nên. Sau đặt làm Đại-Lý thuộc về Nam-Định. Nghị-định ngày 31 tháng 3 năm 1923 lại lập thành tỉnh.

Tỉnh-lỵ là Phủ-Lý (vì thuộc hạt phủ Lý-Nhân), ở trên sông Đáy, về xã Châu-Cầu, cách Hà-Nội 56 km; cách Nam-Định 31 km.

Canh-nông. — Đất Hà-Nam phần nhiều là đất phù-sa, cấy lúa tốt lắm, nhưng phải mấy nơi như huyện Duy-Tiên và một phần phủ Lý-Nhân, và huyện Kim-Bảng thường phải lụt, nên dân chỉ cấy được vụ chiêm thôi. Đất ruộng kể gần được nửa diện-tích toàn tỉnh, nhưng thấp và ngập nhiều cho nên từ tháng năm cho đến tháng tám dân-sự phần nhiều chỉ đi chài lưới kiếm ăn thôi.

Về miền núi có nhiều đồn-điền của người Pháp giồng cà-phê và nuôi súc vật thịnh vượng lắm. Không kể ngô, đậu, khoai, ở Hà-Nam lại có thầu dầu, thuốc lá và chè, nhất là ở những đồi thuộc huyện Thanh-Liêm và Kim-Bảng.

Các giống rau ở Pháp đem giồng ở đất Hà-Nam cũng tốt lắm. Ở trong miền núi Hà-Nam có nâu, củ mài.., bán được tiền lắm.

Kỹ-nghệ. — Ở Hà-Nam, kỹ-nghệ thịnh nhất là nghề lấy đá xanh và đá hoa ở dọc sông Đáy (nhất là ở làng Lạt-Sơn ngay Kẻ-Sở, cách Phủ-Lý độ 7 km). Lại có một sưởng cưa để làm đá hoa đem bán khắp xứ Bắc-Kỳ và nhất là ở Hà-Nội.

Kỹ-nghệ của ta thì có nghề nung gạch, ngói, vôi, kéo mật và ở Kẻ-Sở làm thuốc lá si-gà (thường gọi là si-gà sở kiện).

Thương-mại. — Trong tỉnh Hà-Nam chỉ buôn bán thóc gạo là thịnh nhất, nhưng phần nhiều mối lợi vào tay người Trung-Hoa cả, cứ đến ngày mùa thì họ mang cân về khắp vùng nhà quê mà cân thóc gạo.

Trong tỉnh có nhiều chợ, như chợ Thịnh-Đại, chợ Sông, chợ Bầu, vân vân... họp đông lắm.

Đường giao-thông. — Những sông Hồng-Hà, sông Đáy sông Mang-Giang là những đường thủy giao-thông rất tiện.

Đường bộ cũng đã mở mang ra nhiều:

1·) Đường thuộc-địa số 1 đi từ Hà-Nội vào Ninh-Bình, qua tỉnh Hà-Nam từ Bắc đến Nam.

2·) Đường Phủ-Lý đi Hưng-yên qua sông Hồng-Hà, ở bến Nga-Khê ;

3·) Đường Phủ-Lý đi Nam-Định dài 30 km qua địa-hạt Thanh-Liêm và Bình-Lục ;

4·) Đường Đồng-Văn đi Hưng-Yên (14 km).

5·) Đường Phủ-Lý vào Chi-Nê ;

6·) Có đường xe-hỏa đi qua tỉnh 35 km (đường Hà-Nội vào Vinh).

Đường Hà-Nội xuống Nam-Định qua Hà-Nam. — Đường-xe-hỏa Hà-Nội về Vinh đi khỏi ga Cầu-Guột, qua hai cái cầu sắt thì vào tỉnh Hà-Nam.

Đến km 45 là ga Đồng Văn (thuộc huyện Duy-Tiên).

Ở đường xe lửa mà trông về phía tây-nam thì thấy một dẫy núi ngọn cao lồm-chồm, đấy là dẫy « Chín mươi chín ngọn».

Xe-hỏa đi qua cầu sông Châu là đến tỉnh-lỵ Phủ-Lý (cách Hà-Nội 56 km).

Cách Phủ-Lý độ bốn năm trăm thước tây có làng Mễ-tràng là huyện-lỵ huyện Thanh-Liêm.

Ở Phủ-Lý có đường đi :

1·) Ninh-Bình (33 km) ;

2·) Kẻ-Sở (7 km) ;

3·) Chi-Nê (28 km) ;

4·) Vào Chùa-Hương thì đi đò đến Bến-Đục (độ 8 giờ), đi tầu-thủy thì độ 2 giờ, rồi đi bộ độ một giờ vào đò suối, đi độ 2 giờ đò suối thì vào đến chùa ngoài.

Đến km 67 thì tới huyện Bình-Lục ở làng Mỹ-Thọ.

Đến km 73 là ga Cầu-Họ trên sông Sắt, từ đấy thuộc về Nam-Định.

Đường từ Phủ-Lý vào Ninh-Bình. — Đi bộ thì mất 33 km mà đi thủy theo sông Đáy thì mất 42 km.

Cách ga Phủ-Lý 5 km cách đường cái về phía sông độ 1.000 thước tây thì qua làng Ứng-Liêm, có đền thờ

vua Đinh Tiên-Hoàng. Về phía đông cách đấy độ 2 km ở làng Ninh-Thái, có đền thờ đức Thủy-Tổ nhà Tiền-Lê.

Đến km 12 thì có núi Thiên-Kiện-Sơn, cũng có người gọi là Địa-Càn. Về đời Trần đã có một ông vua lập một cái điện lên ở đấy. Năm 1384 khi nước ta bị quân Xiêm-Thành đánh thua, vua đã bắt đem cả kho tàng châu báu giấu vào núi ấy để cho giặc khỏi lấy mất.

Đến km 17 ở làng Bình-Cách và Thọ-Cách có vết thành Cổ-Động, năm 1408 tướng Mộc-Thạnh nước Tàu bị thua đóng tàn quân ở đó.

Đến km 20 qua sông Đáy thì vào tỉnh Ninh-Bình.

NHỮNG NƠI CỔ-TÍCH VÀ THẮNG-CẢNH

I. — **Chùa Bà Bầu**. — Ở ga Phủ-Lý đi xe trở xuống một lúc thì đến một cảnh chùa rất cổ, tục gọi là chùa « Bà Bầu » (1).

Trong chùa có hai cái cột gỗ chò vầy quý lắm.

II. — **Chùa Đọi-Sơn**. — Ở đường xe-hỏa trông thẳng về phía đông ước độ 8, 9 km có núi Điệp-Sơn; cách núi này độ 1.500 thước tây về phía nam có núi Đọi-Sơn và sông Lấp.

Trên hai núi ấy có chùa đẹp lắm (ở Phủ-Lý đi vào Đọi-Sơn mất gần 14 km).

---

(1) Tục truyền rằng: xưa ở chùa ấy có một ông sư tu đắc đạo lắm. Lại có một bà hộ chùa, tự nhiên có mang. Dân làng thấy thế mới bắt khoán ông sư và bà hộ chùa. Hai người mới mang nhau vào rừng ở. Được ít lâu sinh được một đứa con gái. Ông sư mới thư phù một cây gỗ thì tự nhiên cây gỗ mở ra làm đôi. Bà hộ chùa mới bỏ đứa bé vào đấy rồi ông sư lại thư phù cây gỗ khép lại. Đoạn rồi hai người lại về ở chùa. Được ít lâu cây gỗ ấy trôi về sông Châu-giang mà nổi ở gần chùa Bầu. Các quan sai dân ra vớt, nhưng không tài nào vớt được. Chỉ có khi bà hộ chùa ấy ra giặt-dịa ở sông thì cây gỗ ấy lại nổi đến gần. Dân thấy thế báo quan, quan mới sai bà hộ chùa đi vớt thì quả nhiên vớt được. Bà hộ chùa mới xin lấy cây gỗ ấy mà làm 4 pho tượng thờ 4 vị tiên: Pháp-vân, Pháp-vũ, Pháp-lôi, Pháp-điện, hiện ngày nay hãy còn ở chùa.

Đọi-Sơn có hai ngọn núi một ngọn cao đến 72 thước. Trên chỏm núi thì có một cái chùa làm đã lâu lắm (1).

III. — **Động Dong-Lang.** — Cách Phủ-Lý 26 km, gần Chi-Nê, có một cái động phong cảnh rất đẹp gọi là động Dong-Lang. Đi ngoạn cảnh thì đi qua đò sông Đáy rồi theo con đường đi ra Chi-Nê đến đồn điền Dong-Lang. Chỉ nên đi về tháng mười tây đến tháng hai tây là cùng, vì các tháng khác nước to không vào được trong động. Trong động có một con sông con chảy, có nhũ đá rỏ xuống, trông rất là ngoạn mục.

IV. — **Lăng vua Lê Đại-Hành.** — Lăng vua Lê Đại-Hành ở trên đồi Bảo-Cái, cây cối um-tùm, phong cảnh trông rất đẹp.

Đi cung chiêm lăng này thì đi xe hỏa xuống ga Bình-Lục rồi đi xe về làng Ninh-Thái, cách ga độ 3 km.

---

(1) Về mùa xuân năm 987 vua Lê Đại-Hành đến dự lễ hạ điền ở chân núi Đọi-Sơn. Lúc cầy đất lên thấy một chum vàng, năm sau lại thấy một chum bạc, dân cho là điềm hay, quả hai năm sau được mùa luôn.

Năm 1120 vua Lý Nhân-Tôn truyền làm chùa và dựng tháp « Điện-linh-bảo-tháp. » Đời Bắc-thuộc quân nhà Minh phá cả. Đến vua Lê Thái-Tổ mới tu bổ lại. Khi vua Lê Thánh-Tôn ngự giá qua đấy cũng có đề mấy bài thơ.

Người ta nói rằng xưa có đường hầm thông chùa nọ sang chùa kia, nhưng nay lấp mất rồi.

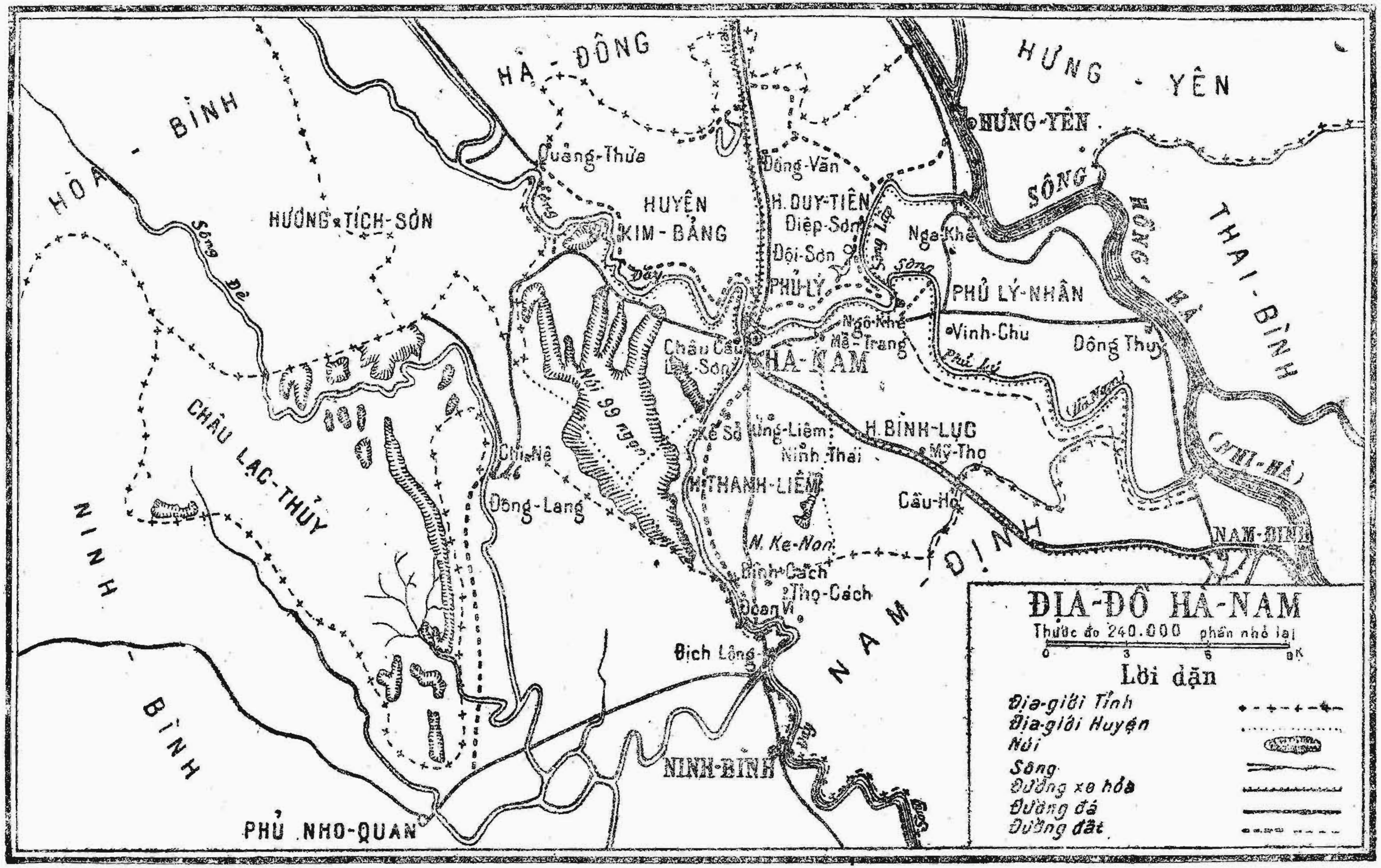
ĐỊA-ĐỒ HÀ-NAM
Thước đo 240.000 phần nhỏ lại
0 3 6 9K
Lời dặn
Địa-giới Tỉnh
Địa-giới Huyện
Núi
Sông
Đường xe hỏa
Đường đá
Đường đất
HÀ - ĐÔNG
HƯNG - YÊN
THAI - BÌNH
HÒA - BÌNH
NINH - BÌNH
NAM - ĐỊNH
HƯNG-YÊN
SÔNG HỒNG - HÀ
(NHỊ-HÀ)
Quảng-Thừa
HUYỆN KIM-BẢNG
HƯƠNG TÍCH-SƠN
Đồng-Văn
H. DUY-TIÊN
Diệp-Sơn
Đội-Sơn
PHỦ-LÝ
Nga-Khê
PHỦ LÝ-NHÂN
Ngô-Khê
Mã-Trang
Vinh-Chu
Đông Thủy
Châu Cầu
HÀ-NAM
H. BÌNH-LỤC
Mỹ-Tho
Ninh Thái
H. THANH-LIÊM
Núi 99 ngọn
CHÂU LẠC-THỦY
Chi-Nê
Đồng-Lang
Cầu-Họ
N. Ke-Non
Bình-Cách
Thọ-Cách
Đoan Vĩ
Địch Lộng
NINH-BÌNH
PHỦ NHO-QUAN
NAM-ĐỊNH
Sông Đè
Sông Đáy

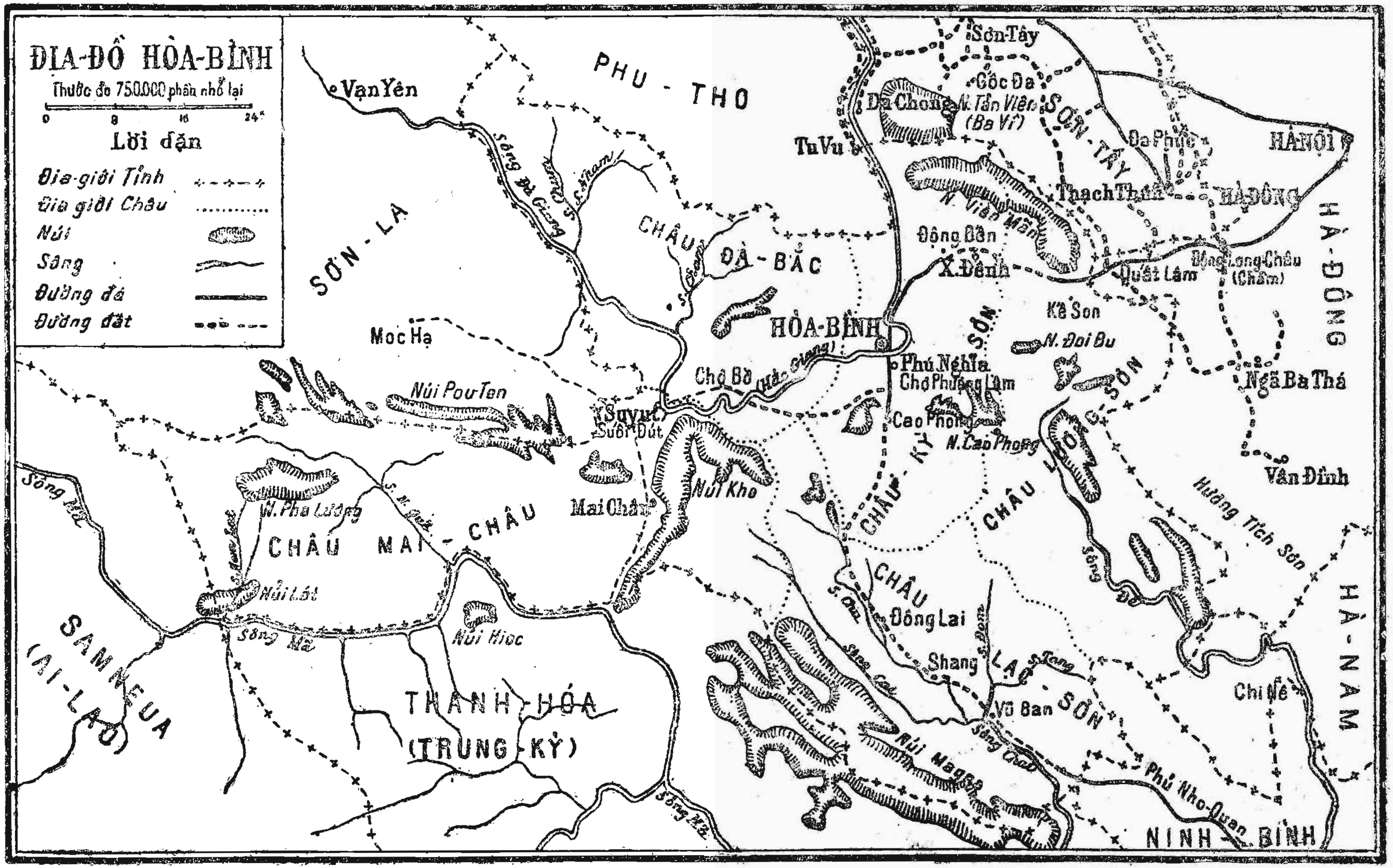
ĐỊA-ĐỒ HÒA-BÌNH
Thước đo 750.000 phần nhỏ lại
0 8 16 24
Lời dặn
Địa-giới Tỉnh
Địa giới Châu
Núi
Sông
Đường đá
Đường đất
PHU - THO
SƠN - LA
Vạn Yên
Mộc Hạ
Núi Pou-Ten
CHÂU ĐÀ - BẮC
HÒA-BÌNH
Chợ Bờ
Suối Dút
Mai Châu
Núi Kho
CHÂU MAI - CHÂU
N. Pha Lương
Núi Lót
Sông Mã
Núi Hioc
THANH-HÓA
(TRUNG-KỲ)
SAMNEUA
(AI-LAO)
Tu Vu
Sơn-Tây
Gốc Đa
Đa Chông
N. Tản Viên
(Ba Vì)
SƠN - TÂY
Đa Phúc
HÀ-NỘI
Thạch Thất
HÀ-ĐÔNG
N. Viên Nam
Đông Bân
X. Đênh
Quất Lâm
Đồng Long Châu
(Chằm)
HÀ - ĐÔNG
Kẻ Sơn
N. Đòi Bu
Phú Nghĩa
Chợ Phương Lâm
Cao Phong
N. Cao Phong
CHÂU KỲ SƠN
CHÂU LƯƠNG SƠN
Ngã Ba Thá
Vân Đình
Hương Tích Sơn
CHÂU
Đông Lai
Shang
LẠC - SƠN
Võ Ban
Núi Magna
Phủ Nho-Quan
Chi Nê
HÀ - NAM
NINH - BÌNH
Sông Đáy

TỈNH HÒA-BÌNH

Ví-trị và diện-tích. — Tỉnh Hòa-Bình bắc giáp Phú-Thọ và Sơn-Tây, nam giáp Thanh-Hóa (Trung-Kỳ) và Ninh-Bình, đông giáp Hà-Đông, Hà-Nam và Ninh-Bình, tây giáp Sơn-La.

Hòa-Bình là một tỉnh mường, thật rộng-rãi nhưng dân-cư không được đông-đúc.

Diện-tích tỉnh Hòa-Bình được ngót 1.666.667 mẫu ta (6.000 km vuông.)

Địa-thế. — Tỉnh Hòa-Bình là một tỉnh toàn núi cả. Khắp tỉnh chỗ nào cũng có những dẫy núi lớn, và ở giữa núi thì có sông. Nhưng không được mấy con sông là thông lưu được suốt năm. Phần nhiều về mùa đông thì cạn mà về mùa mưa thì nước lên chảy như thác.

Sông. — Tỉnh Hòa-Bình có sông Đà-Giang (thường gọi là sông Bờ) chảy qua. Người Pháp gọi sông ấy là Hắc-Giang (Rivière Noire) là vì hai bên bờ có rừng rậm, cây cối um-tùm, ánh xuống mặt nước trông đen sì cả. Sông Đà-Giang là một chi-lưu lớn của sông Hồng-Hà, phát nguyên từ bên Trung-Hoa, một phần chảy qua phía bắc nước Lào, rồi khi vào đến địa phận Bắc-Kỳ thì chạy đối với sông Hồng-Hà đến Chợ-Bờ. Đến đấy mắc núi Ba-Vì thì lại chảy ngược lên phía bắc, đến dưới Hưng-Hóa một ít, thuộc hạt Việt-Trì, thì chảy vào sông Hồng-Hà.

Ở sông Đà-Giang tầu thủy chỉ lên được tới Chợ-Bờ thôi, mà chỉ những tầu nông đáy thì đi mới tiện, vì qua Bảo-Yên, Tư-Vũ và Đông-Song gặp lắm bãi cát thường hay cạn. Từ Chợ-Bờ lên thì có lắm thác và lòng sông có chỗ lại có đá mấp-mô, chỉ thuyền độc mộc mới đi được.

Về phía tây tỉnh Hòa-Bình còn có sông Mã chảy vào địa-hạt Thanh-Hóa, ở giữa có sông Chai chảy vào sông Mã, và ở phía Đông có sông Đề chảy qua Chi-Nê và chảy vào sông Đáy.

Khí-hậu. — Tỉnh Hòa-Bình ở vào miền thượng-du, cho nên khí-hậu không được lành, thứ nhất ở về các châu thổ thì khí-hậu độc, người An-nam lên ở, nhiều khi

không chịu được. Chỉ có ở tỉnh-lỵ tỉnh Hòa-Bình là khí hậu được hơi lành mà thôi.

Dân-Cư. — Dân-cư được độ 53.000 người, phần nhiều là Mường (50.000) còn thì là người Mán (550), người Tày (1.670 người Pháp gọi là Thái) và người An-nạm (1.000).

Châu Lương-Sơn, Kỳ-Sơn và Lạc-Sơn là nơi đông người Mường ở nhất. Ở Mai-Châu và châu Đà-Bắc thì nhiều người Tày. Người Mường tính ưa tự-trị, cho nên từ xưa đã mấy phen quân Tàu tràn vào mà họ vẫn độc-lập. Đến đời vua Minh-Mệnh đã có ý cử các quan ta lên để cai-trị họ như dưới Trung-châu, nhưng họ cũng không chịu. Đến đời vua Tự-Đức lại phải để cho họ tự-trị. Ngày nay việc chính-trị tỉnh Hòa-Bình cũng còn để cho những quan bản-xứ gọi là quan Lang, quan Châu và đầu tỉnh có quan Chánh-quan-lang và quan Án-Sát.

Tỉnh-lỵ và các châu. — Tỉnh Hòa-Bình chia làm :

1.) 5 châu : Lạc-Sơn, Lương-Sơn, Kỳ-Sơn, Đà-Bắc và Mai-Châu.

2.) 14 tổng và 86 làng.

Tỉnh-lỵ là Hòa-Bình cách Hà-Nội 73 km. ở tả-ngạn sông Đà-Giang, chỗ ngã ba ngòi Dung, ngay chợ Phương-Lâm.

Châu-lỵ châu Lạc-Sơn thì ở Thanh-Hối, cách Hòa-Bình 42 km.

Châu-lỵ châu Lương-Sơn thì ở Kẻ-Sơn, cách Hòa-Bình 38 km.

Châu-lỵ châu Kỳ-Sơn là Hòa-Bình.

Châu-lỵ châu Đà-Bắc là Chợ-Bờ, cách Hà-Nội 100 km. cách Hòa-Bình 25 km.

Châu-lỵ Mai-Châu là Tân-Mai, cách Chợ-Bờ 12 km và cách Hòa-Bình 36 km.

Canh-nông và sản-vật. — Ngày xưa tỉnh ấy chỉ cấy ít lúa, đủ ăn trong hàng tỉnh thôi, nhưng ít lâu nay sự canh nông cũng đã tiến bộ, vì mấy năm nay tại chợ Phương-Lâm cũng có bán nhiều thóc gạo. Việc canh nông thịnh nhất ở châu Lạc-Sơn, giáp tỉnh Ninh-Bình.

Đi từ Phương-Lâm đến Nho-Quan khỏi Cao-Phong một ít thì có một cánh đồng người ta cấy lúa mỗi năm được hai mùa tốt lắm.

Ở miền Phương-Lâm, Tư-Pháp, Yên-Lê và Kệ-Sơn có những thung lũng nhỏ chen với núi, người ta cấy lúa cũng khá.

Nhưng, cái hoa lợi nhiều nhất là những lâm-sản, như nâu, vỏ ăn trầu, mộc-nhĩ, măng, vân vân. Ít lâu nay cứ phiên tầu về thì người ta chở những sản-vật ấy về bán ở Hà-Nội được tiền lắm.

Ở Hòa-Bình có mỏ vàng, mỏ than, mỏ đồng, nhưng chỉ có người Pháp khai-khẩn mà thôi.

Kỹ-nghệ. — Dân thường không có kỹ-nghệ. Nhà cửa thì chỉ làm bằng lá, bằng tre thôi, không dùng gạch đá.

Thương-mại. — Ở miền Đà-Giang người ta buôn bán muối nhiều, tại Chợ-Bờ một năm bán có đến 8 vạn tạ. Ở' chợ Phương-Lâm người Mường, người Thổ đem bán gà vịt, thuốc lá, củ-nâu, chàm, vân vân.

Người đường xuôi lên đấy mua những thứ ấy rồi lại bán lụa, vải, các đồ hàng xén. Ở' Chợ-Bờ người ta buôn bán cao-xu, gai, da, sừng. Ở' Suối-Dút, cách Chợ-Bờ độ 12 kilomètres có bán những thổ-sản Lào, như cao-xu, cánh-kiến, lụi, vân vân.

Đường giao-thông. — Đường giao-thông chính là đường thuộc-địa số 6 từ Hà-Nội lên Hòa-Bình qua Hà-Đông dài 75 km; lên đến Chợ-Bờ 100 km.

Lại có một đường ngựa đi thông được tỉnh Hòa-Bình với Hưng-Hóa và Ninh-Bình. Đường thủy thì chỉ có đường Sông-Bờ đi qua tỉnh, độ 80 km. Đường ấy đi từ Chợ-Bờ về đến Việt-Trì dài 91 km. Tầu thủy ngược thì mất độ 9 giờ và xuôi thì mất độ 6 giờ.

Đường Hà-Nội đi Suối-Dút qua Chợ-Bờ, dài 112 km :

Từ Hà-Nội đến :

Km. 11 thì tới tỉnh-lỵ tỉnh Hà-Đông;

— 14 về bên tả thì có đường đi Vân-Đình vào chùa Hương;

Km. 18 qua đò Mai-Lĩnh sông Đáy;
— 24 thì có đường vào chùa Trầm;
— 30 thì đến Phương-Hài có đồn Khố-xanh;
— 35 thì đến cầu Tiên-Thường ở sông Con;
— 40 thì vào địa-phận Hòa-Bình, địa-thế đã gồ-ghề những núi non;
— 45 thì đến Mông-Thượng;
— 54 thì có đèo Kem cao 145 thước tây, phía bắc có núi Viên-Nam cao độ 1.029 thước tây;
— 66,5 thì đến sông Đà-Giang;
— 71 thì qua đò Bến-Ngọc đến Hòa-Bình (Mường-Bút): Từ đấy đường đi theo hữu-ngạn sông Đà-Giang;
— 78 thì đến chợ Phương-Lâm;
— 84 về bên tả thì có đường đi phủ Nho-Quan;
— 105 thì đến Chợ-Bờ ở tả-ngạn Đà-Giang;
— 112 thì đến Suối-Dút ở hữu-ngạn sông Đà-Giang, có đường đi Sơn-La và Sầm-Nứa.

Cách Suối-Dút, độ 6 km về phía nam, có một cái thác nước thật đẹp, cao ba mươi thước tây.

TỈNH HƯNG-YÊN

Vị-trí và diện-tích. — Tỉnh Hưng-Yên (1) bắc giáp Bắc-Ninh, đông giáp Hải-Dương, nam giáp Thái-Bình, tây giáp Hà-Nam và Hà-Đông.

Diện-tích đo được độ 194.445 mẫu ta (775 km vuông).

Địa-thế và sông ngòi. — Hưng-Yên ở vào miền Trung-châu; chỉ lắm ruộng thôi, chứ không có rừng núi nào cả. Tỉnh ở xa bể, nhưng có nhiều sông lạch. Quanh tỉnh thì ba phía liền sông. Ở phía tây thì có sông Hồng-Hà, phía nam thì có sông Luộc, phía đông có sông Đào và sông Cửu-Yên; ở giữa tỉnh lại có sông Hoan-Ai và nhiều những sông đào ngang dọc khắp tỉnh.

Những sông lạch ấy chia tỉnh ra làm ba khu.

1°) Khu thứ nhất có huyện Mỹ-Hào, huyện Văn-Lâm và huyện Yên-Mỹ là khu đất cao.

2°) Khu thứ nhì có phủ Khoái-Châu, huyện Kim-Động và huyện Ân-Thi.

3°) Khu thứ ba là khu thấp nhất, có huyện Tiên-Lữ và huyện Phù-Cừ.

Khí-hậu. — Tỉnh Hưng-Yên ở giữa miền Trung-châu, cho nên khí-hậu tốt lắm. Xung quanh có sông, nên khí-tiết mát mẻ.

Dân-cư. — Dân cư toàn tỉnh được độ 395.000 người.

Tỉnh-lỵ và các phủ, huyện. — Tỉnh Hưng-Yên chia làm:

1·) 1 phủ : Khoái-Châu.

2·) 7 huyện: Ân-Thi, Kim-Động, Phù-Cừ, Mỹ-Hào, Tiên-Lữ, Yên-Mỹ và Văn-Lâm.

3·) 63 tổng và 507 xã.

---

(1) Đời nhà Hán tỉnh Hưng-Yên thuộc quận Giao-Chỉ, trong thời Thập-nhị-sứ-quân, gọi là Đằng-Châu. Đến nhà Tiền-Lê đổi là phủ Thái-Bình. nhà Trần đổi là Khoái-Lộ, nhà Hậu-Lê gọi là Sơn-Nam, mãi đến năm 1831 về đời vua Minh-Mệnh mới đổi là Hưng-Yên.

Tỉnh-lỵ là Hưng-Yên (1) ở trên tả-ngạn sông Hồng-Hà, cách Hà-Nội 64 km. mà cách Hải-Phòng 70 km, xưa là một nơi thịnh-vượng nhất ở Bắc-Kỳ.

Sản-vật. — Tỉnh Hưng-Yên là tỉnh canh-nông, vì toàn tỉnh là đất phù-sa cả. Ruộng thì chỗ nào cũng cấy lúa, giồng ngô hay giồng mía, dân-cư phần nhiều chỉ chăm về nghề làm ruộng, cho nên kỹ-nghệ không có gì. Chỉ có nghề làm quạt-lông, quạt giấy và làm chiếu, là thịnh nhất thôi.

Việc thương-mại cũng khá; ở các chợ nhất là chợ Suôi, dân-sự buôn bán thóc, ngô nhiều lắm.

Đường giao-thông. — Mặt bộ có nhiều đường giao-thông đi từ Hưng-Yên sang các tỉnh lân bang:

1·) Từ Hưng-Yên sang Thái-Bình;

2·) Từ Hưng-Yên đến Hải-Dương;

3·) Từ Hưng-Yên đi Bần-Yên-Nhân và Đình-Dù;

4·) Đường Hưng-Yên đi Hà-Nội, qua Đồng-Văn rồi theo con đường thuộc địa số 1 ngược lên;

5·) Đường Hưng-Yên đi Phủ-Lý qua huyện Duy-Tiên.

Con đường Hà-Nội đi Hải-Dương cũng qua Bần-Yên-Nhân và huyện Mỹ-Hào thuộc tỉnh Hưng-Yên.

Đường thủy thì có sông Hồng-Hà, ngày nào cũng có tầu Hà-Nội, Hải-Phòng và Nam-Định chạy qua Hưng-Yên.

Đường Hưng-Yên đi Đình-Dù. — Đường này đi từ Đình-Dù là ga xe-hỏa đường Hà-Nội đi Hải-Phòng, ở huyện Văn-Lâm. Đi độ 7 km thì đến xã Yên-Nhân, là sở-tại huyện Mỹ-Hào; ở đấy có chợ, vùng ấy tục gọi là Bãi-Sậy

Đi đến km thứ 10 thì đường rẽ sang phía nam.

— 16 thì đến Sài-Trang là huyện-lỵ huyện Yên-Mỹ.

— 18, 5 thì qua sông Nghĩa-Trang.

---

(1) Tỉnh Hưng-Yên thịnh vượng từ đời Quang-Hưng nhà Lê, [illegible] mới lập ra trấn Sơn-Nam, vì ở đây có nhiều người ngoại-quốc đi [illegible] buôn bán như người Hòa-Lan, người Bồ-Đào-Nha, người Anh-Cát-Lị, vân [illegible]

Cách tỉnh-lỵ ngày nay độ 1.000 thước tây, xưa có nơi gọi Phố-Hiến là nơi buôn bán thịnh vượng lắm, nên xưa người ta thường nói: «Thứ nhất Kinh-kỳ thứ nhì Phố-Hiến».

Đi đến km thứ 22 thì có đường rẽ ra tay trái.
— 24, rẽ về tay phải, thì có đường về phủ Khoái-Châu.
— 30, thì vào địa-phận huyện Kim-Động.
— 39, thì đến sông Hồng-Hà.
— 46, thì đến Hưng-Yên.

Đường thủy Hà-Nội đi Nam-Định qua Hưng-Yên. — Đi từ Hà-Nội cách độ 10 km thì đến làng Bát-Tràng làm đồ sứ.

Đi xuống một ít thì vào địa-phận Hưng-Yên. Về bên tả, chỗ km thứ 28, thì có làng Man-Trụ, thuộc phủ Khoái-Châu, xưa ta đuổi được giặc Nguyên ở đấy.

Đến km thứ 30, có bãi Gia-Khê;
— 42, có bãi Bồng-Châu giồng nhiều mía;
— 46, có làng Phượng-Lâu dệt lụa;
— 56, thì tới Hưng-Yên;
— 59, về tay phải có sông Phủ-Lý phân địa-phận tỉnh Hà-Đông và Hà-Nam;
— 62, có đò ngang sang Phú-Phương;
— 70, là sông Luộc phân giới tỉnh Hưng-Yên và Thái-Bình. Ngay km 73, về tả-ngạn, có làng Thái-Dương có lăng vua nhà Trần.

Đến km 102 thì đến Nam-Định.

NHỮNG NƠI THẮNG-CẢNH VÀ CỔ-TÍCH

Tỉnh Hưng-Yên ở vào đồng bằng, đi chỗ nào cũng chỉ có những ruộng với tre vây bọc các làng, không có gì là thắng-cảnh.

Những cổ-tích thì có:

1. — **Đền bà Đường Thái-Hậu.** — Đền này ở làng Mậu-Dương nay ở ngay tỉnh-lỵ tỉnh Hưng-Yên.(1)

(1) Tục truyền rằng: Khi quân Nguyên sang quấy loạn nước ta, nhà vua lấy làm lo lắm. Bà Đường Thái-Hậu cho là vì các bách thần giận nhà vua nên mới sinh ra thế. Bà lấy làm buồn và quyết chí tự hi sinh để yên lòng các bách thần. Bà liền gieo mình xuống bể tự-tận. Nhưng sóng bể cứ từ-từ đưa dạt cái thây bà vào đến cửa sông

II. — Đền thờ đức Chử Đồng-Tử. – Đền này ở làng Đa-Hòa, tổng Mễ-Sở về phủ Khoái-Châu (1).

Về đền này có hai lối :

Phú-Lương là một chi-lưu sông Hồng-Hà. Khi sóng ra thì bà cứ nằm yên trên bãi cát như người nằm ngủ vậy. Mặt mũi vẫn tươi đẹp quần áo vẫn y nguyên như lúc sống. Nhân dân kéo nhau lũ lượt đến xem ; khi thấy bà đã chết rồi thì bảo nhau chôn một cách rất là tôn kính. Ngôi mộ bà chẳng bao lâu thấy đất đùn lên thật cao, sóng bể không tràn đến được nữa. Dân-sự thấy thế cho bà là bậc thần thánh nên lập đền thờ bà tại xã Mậu-Dương thuộc tỉnh Hưng-Yên bây giờ. Sau bể lui mãi, một phần lòng sông Phú-Lương thành ra một cái hồ bán-nguyệt, nước trong mà xanh biếc ở ngay dưới chân đền.

(1) Tục truyền rằng : về đời vua Hùng-Vương thứ 18, nước Văn-Lang thịnh-vượng lắm. Nhưng vua chỉ phiền một nỗi sinh người con nào cũng không nuôi được. Hoàng-hậu là bà Dương-thị-Diệm cũng lấy làm buồn thường khóc ra huyết. Một hôm bà đến đền Quốc-Mẫu lễ, về nhà đến đêm hôm sau nằm mộng thấy một bà lão đem một đứa bé mới đẻ đến dâng bà. Quả nhiên được ngót một năm thì bà sinh được công-chúa. Vua thấy công-chúa càng nhớn càng đẹp, nên đặt tên là Tiên-Dung. Khi công-chúa 18 tuổi thì nhiều người đến hỏi, nhưng công-chúa không chịu lấy ai cả. Vua chiều lắm : năm nào cũng cứ đến mùa tháng hai tháng ba, chiều giời yên lặng, công-chúa thường ngự thuyền chơi trên sông Hồng-Hà và men bờ bể.

Thời bấy giờ ở làng Đa-Hòa về phủ Khoái-Châu có nhà hai vợ chồng ông Chử-Đồng và bà Bùi-thị-Gia là người nhân-đức lắm, nhưng cũng không có con. Một đêm bà Bùi-thị-Gia cũng nằm mộng thấy một bà lão đem cho một đứa bé. Sau bà có mang rồi cũng sinh được một người con trai, đặt tên Đồng-Tử. Người con trai ấy nhớn lên, đẹp mà lại thông minh lắm. Khi lên 13 tuổi thì bà mẹ chết, nhà cháy, gia tài khánh kiệt cả. Hai bố con phải đem nhau ra ở một cái lều, chỉ có một cái khố hễ đi đâu thì đóng thay nhau. Chẳng bao lâu ông Chử-Đồng cũng mất, dặn con phải giữ cái khố ấy lại mà che thân cho thiên-hạ khỏi cười. Nhưng Đồng-Tử vốn có hiếu, đem dùng gói xác cha để ở chôn ; từ đấy cứ phải lội dưới nước cho kín nửa mình đi để câu cá và hành-khất kiếm ăn, chứ không giám lên bờ.

Một hôm Đồng-Tử thấy một chiếc thuyền rất lịch-sự đi đến, sợ hãi lắm phải chạy trốn lên bờ, nằm xuống rồi lấy cát vùi lên. Thuyền ấy là thuyền công-chúa Tiên-Dung. Công-chúa thấy chỗ bờ-sông ấy sạch-sẽ thì truyền mắc màn lên để tắm. Không ngờ vừa giội mấy gáo nước thì thấy trợ Đồng-Tử ra. Đồng-Tử sợ muốn chạy trốn, nhưng công-chúa biết đó là duyên giời, nên dỗ-dành ở lại rồi lấy làm chồng. Vua cha nghe tin ấy nổi giận cấm không được giàn mặt nữa. Hai vợ chồng công-chúa phải đem nhau lên ở làng Đa-Hòa.

1·) *Đường bộ*. — Đi xe hỏa, xuống ga Đình-Dù hay ga Lạc-Đạo rồi đi xe tay về làng Đa-Hòa độ 18 kilomètres.

2·) *Đường thủy*. — Đi tầu thủy đến bến đò Mễ-Sở thì đến đền ngay.

Đền này vào bậc cổ nhất nước ta. Vì nước ta chỉ có bốn đền rất cổ là bốn đền thờ bốn vị gọi là tứ bất-tử.

III. — **Chùa Chuông**. — Chùa này ở làng Nhân-Dục, cách tỉnh-lỵ tỉnh Hưng-Yên độ 2 km. Trong chùa này

---

Một hôm Đồng-Tử ra bể gặp một ông cụ chống một cái gậy trúc và đội một cái nón lá. Đồng-Tử chào thật tôn kính và nói chuyện với ông cụ ấy hồi lâu thì mới biết cụ là một vị tiên. Cụ đưa Đồng-Tử đến một cái đảo thật vắng-vẻ ở trong ba ngày ba đêm. Lúc cụ ra đi thì cụ có cho Đồng-Tử cái gậy và cái nón của cụ mà bảo rằng: Hễ cắm cái gậy ấy vào đâu rồi đội cái nón ấy lên mà đọc những câu chú cụ đã dạy cho thì tự khắc chỗ ấy biến ra lâu-đài rực-rỡ của-cải chứa chan. Khi Đồng-tử về nhà thì đã ba năm rồi, vợ lấy làm kinh-ngạc vô cùng.

Một hôm hai vợ chồng đi đến hạt Ông-Đình gặp một người con gái độ 18 tuổi, nhan sắc đẹp lắm. Đồng-Tử nhìn mãi. Công-chúa biết ý, và thấy người con gái ấy đẹp lắm, biết là không phải người trần, nên hỏi ngay làm lễ cho chồng. Bấy giờ hạt Ông-Đình đang có dịch, dân chết rất nhiều. Ông Đồng-Tử thấy những xác người còn để lại, liền lấy cái gậy tiên chọc vào thì thấy sống lại cả. Cả ba vợ chồng vào trong làng cứu được nhiều người lắm. Tiếng đồn khắp làng. Sau ông Đồng-Tử đến một khu đất trông có địa-thế hay, nên ông cắm ngay cái gậy tiên vào rồi đội cái nón lên thì quả nhiên thành một cái lâu-đài đầy những quý vật. Ông giao cho dân làng để thờ ba vợ chồng ông. Ông Đồng-Tử lại qua nhiều làng huyện Đông-Yên, Tế-Giang (Văn-giang bây giờ), Kim-Động và Tiên-Lữ, đến đâu ông cũng làm thế. Dân lấy làm lạ, nên đặt tên bãi đất là Tự-nhiên-châu.

Vua được tin ấy sợ ông Đồng-Tử lại dùng phép để chiếm ngôi chăng, nên sai người đi bắt. Ông Đồng-Tử thấy vua nghi sợ như thế, muốn tỏ cho vua biết tấm lòng trung-tín của ông nên ông hủy hết cả những lâu-đài ấy đi, rồi biến lên trời ; chỗ nhà ở thì thành ra một cái hố gọi là hố Giạ-Trạch. Khi quần-thần về thuật truyện đầu đuôi cho Hùng-Vương nghe, Hùng-Vương hối rằng : ta đã ngờ oan cho một vị thần-tiên liền tự thân-hành đến nhà ông Đồng-Tử ; đến nơi thì tự dưng trông thấy ở trên giời sa xuống một con bạch-trĩ mang một người con gái rất đẹp. Người con gái ấy xưng là vợ lẽ ông Đồng-Tử và bảo rằng ông và bà Tiên-Dung sai xuống lạy Vua và chúc Vua vạn-tuế. Vua cảm ơn rồi phong là Nội-Trạch-Cung Công-chúa. Sau vua truyền lập tại làng Đa-Hòa một cái đền để thờ ba vị thần ấy.

có nhiều tượng khắc bằng gỗ bày tỏ những hình phạt ở dưới thập-điện vua Diêm-Vương.

Có đường đi xe đến nơi.

IV. — **Đền thờ ông Đoàn Thượng**. — Đền này ở làng Yên-Nhân thuộc huyện Mỹ-Hào (1).

---

(1) Đền Yên-Nhân thờ ông Đoàn Thượng, về cuối đời nhà Lý nổi lên xưng vương rồi đem quân đi đánh nhà Trần. Vua Trần Thái-Tôn đánh mãi không được, sau lập kế dụ ông, hễ ra hàng thì phong cho tước vương và gả con gái cho. Nhưng ông nhất định không nghe. Sau quan nhà Trần là Trần Thủ-Độ và Nguyên Nộn lừa ông đến xứ Đồng-Đạo, thuộc xã Yên-Phú rồi giết đi; quân chém được đầu ông, nhưng thấy ông vẫn ngồi yên trên ngựa, cầm quân lui về mãi đến làng Yên-Nhân thì mới rơi trên mình ngựa xuống. Quân Trần kéo đến thì đã thấy kiến đến phủ kín cả thây ông rồi.

Dân làng Yên-Phú đúc tượng và lập đền thờ ông. Nhưng sau nước lên tràn vào tận chùa. Chùa đồ còn pho tượng ông thì trôi dạt về làng Yên-Nhân. Dân Yên-Nhân rước pho tượng ấy vào rồi dựng đền thờ, đến nay cũng còn sùng kính lắm.

Hoàng-triều có phong cho ông Đoàn Thượng chức « Bảo quốc hà-dân đệ nhất đẳng thần. »

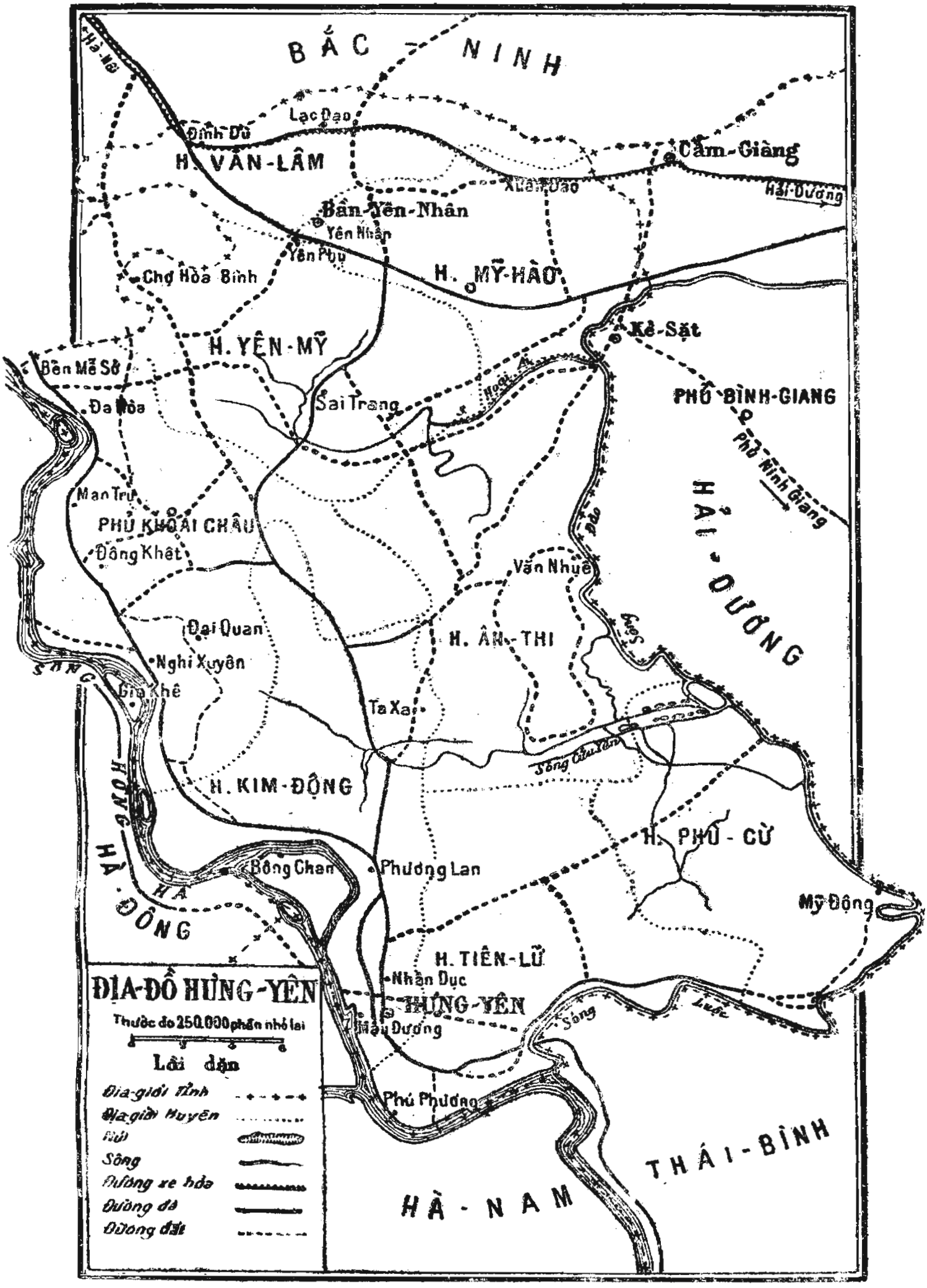
BẮC - NINH
Hà-Nội
Lạc Đạo
Đình Dù
H. VĂN-LÂM
Cẩm-Giàng
Xuân Đào
Hải-Dương
Bần-Yên-Nhân
Yên Nhân
Yên Phụ
Chợ Hòa Bình
H. MỸ-HÀO
Kẻ-Sặt
H. YÊN-MỸ
Bến Mễ Sở
Đa Hòa
Sai Trang
PHỦ BÌNH-GIANG
Phủ Ninh Giang
Man Trù
PHỦ KHOÁI CHÂU
Đông Khê
Văn Nhuệ
HẢI - DƯƠNG
Đại Quan
H. ÂN-THI
Nghi Xuyên
Gia Khê
Ta Xa
Sông Cửu Yên
H. KIM-ĐỘNG
H. PHÙ - CỪ
Bông Chan
Phương Lan
Mỹ Động
HÀ - ĐÔNG
H. TIÊN-LỮ
Nhân Dục
HƯNG-YÊN
Mậu Dương
Sông Luộc
Phú Phương
THÁI-BÌNH
HÀ - NAM
ĐỊA-ĐỒ HƯNG-YÊN
Thước đo 250.000 phần nhỏ lại
Lời dặn
Địa-giới Tỉnh
Địa-giới Huyện
Núi
Sông
Đường xe hỏa
Đường đá
Đường đất

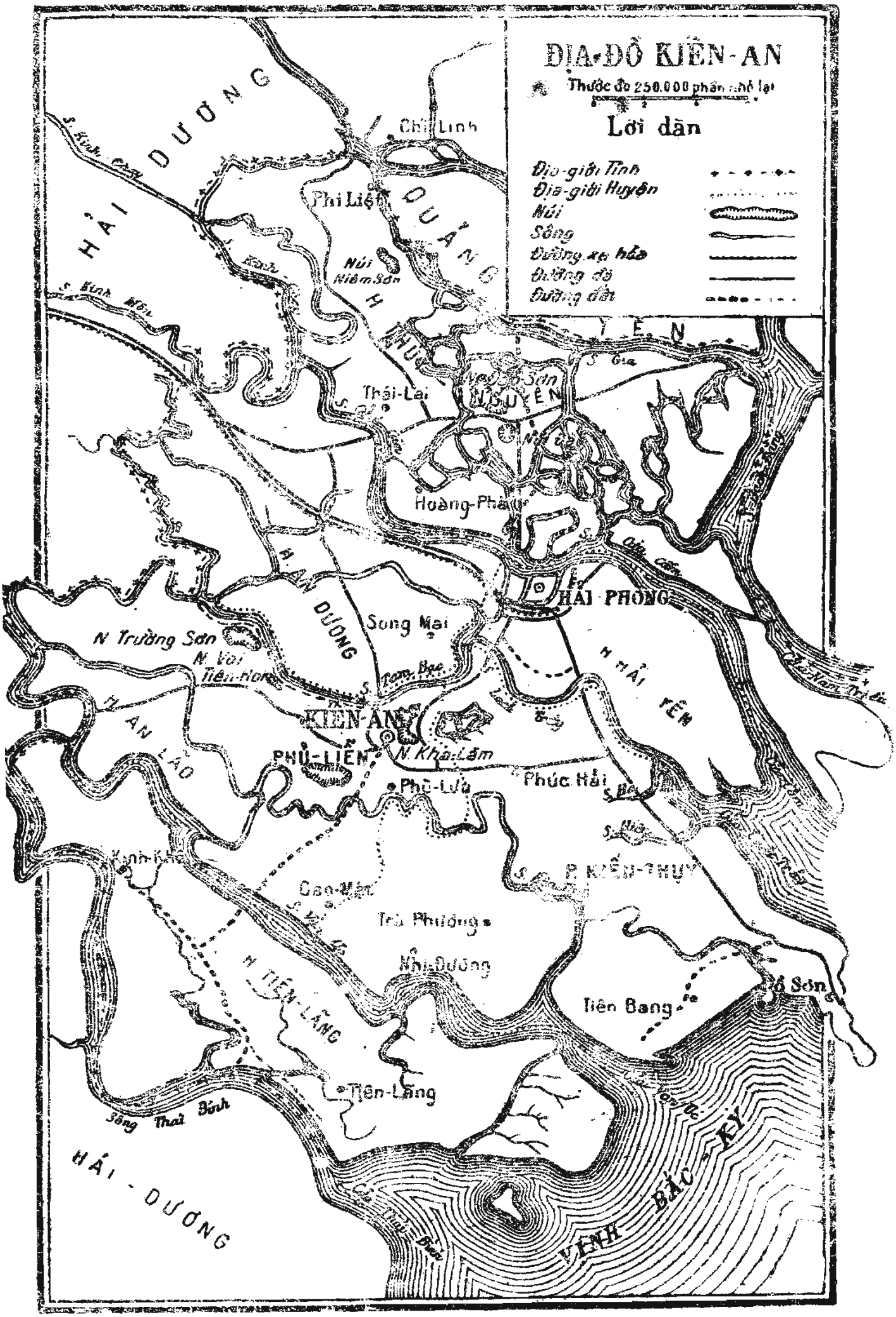
ĐỊA-ĐỒ KIẾN-AN
Thước đo 250.000 phần nhỏ lại
Lời dẫn
Địa-giới Tỉnh
Địa-giới Huyện
Núi
Sông
Đường xe hỏa
Đường đá
Đường đất
HẢI DƯƠNG
Chí Linh
Phi Liệt
Núi Niêm Sơn
QUẢNG YÊN
Thái-Lai
NGUYỆN
Hoàng-Phái
HẢI PHÒNG
Song Mai
N. Trường Sơn
N. Voi
Tiên-Hoa
KIẾN-AN
PHÙ-LIỄN
N. Khả-Lâm
Phù-Lưu
Phúc Hải
P. KIẾN-THỤY
Cao-Mại
Trà Phương
Nhị-Dương
Tiên Bang
Đồ Sơn
TIÊN-LÃNG
Tiên-Lãng
Sông Thái Bình
HẢI-DƯƠNG
VỊNH BẮC-KỲ

TỈNH KIẾN-AN

Vị-trí và diện-tích. — Tỉnh Kiến-An (1) bắc giáp Quảng-Yên và Hải-Dương, tây giáp Hải-Dương, nam và đông giáp Vịnh Bắc-Kỳ. Diện-tích đo được độ 111.111 mẫu ta (745 km vuông).

Địa thế. — Tỉnh Kiến-An ở vào đất Trung-châu, đất thấp vì ở gần bể, nhưng cũng có một vài dẫy núi. Về cuối phía nam có bán-đảo Đồ-Sơn và đảo Hòn-Dấu. Giữa tỉnh có dẫy núi Voi và núi Kha-Lâm dài độ 10 km ở phía bắc. Về huyện Thủy-Nguyên, có núi Đạp-Sơn và Niên-Sơn tự dẫy núi Đông-Triều lan sang. Núi-Voi và núi Đồ-Sơn xưa là những cù-lao ở giữa bể, sau đất phù sa bồi lan mãi ra, rồi vây bọc lấy cả những cù-lao ấy.

Sông. — Tất cả sông lạch ở Kiến-An là chi-lưu sông Thái-Bình. Ở phía nam, giáp địa-phận Hải-Dương, có sông Thái-Bình, rồi đến lạch Vạn-Úc là chi-lưu để thoát bớt nước sông Thái-Bình ra bể. Lên trên một ít, có sông Lạch-Trầy là chi-lưu sông Vạn-Úc ; sông Cửa-Cấm, qua Hải-Phòng là do sông Kinh-Môn và sông Kinh-Thái họp lại mà thành ra. Giáp với địa-hạt Quảng-Yên thì có Sông-Gia chảy vào sông Bạch-Đằng.

Đấy là sông chính. Lại còn những sông con như :

1·) Sông Tam-Bắc chảy từ sông Lạch-Trầy, ngang dẫy núi Voi, rồi hợp vào Cửa-Cấm ở ngay thành-phố Hải-Phòng.

2·) Sông Ren tức là Biên-Giang thông sông Vạn-Úc với sông Lạch-Trầy.

3·) Sông He và sông Hiên chảy vào cửa Lạch-Trầy.

Khí-hậu. — Khí-hậu tỉnh Kiến-An cũng lành như các tỉnh khác ở Trung-Châu. Tại tỉnh-lỵ và miền Đồ-Sơn thì khí-hậu tốt nhất. Miền Đồ-Sơn có bãi bể, cứ mùa hè, người Âu-Châu đến nghỉ mát đông lắm.

Chỉ có miền Thủy-Nguyên gần núi là hơi độc.

Tỉnh-lỵ và các phủ huyện. — Tỉnh Kiến-An chia làm :

(1) Tỉnh Kiến-An đặt ra từ năm 1898 (nghị định ngày 31 tháng giêng năm 1898.)

1·) 1 phủ: Kiến-Thụy.

2·) 5 huyện: An-Dương, Thủy-Nguyên, Tiên-Lãng, An-Lão và Hải-An (1)

3·) 62 Tong và 433 xã.

Tỉnh-lỵ là Kiến-An, cách Hải-Phòng 10 km và cách Hà-Nội 92 km. có bến tầu thủy Hà-Nội Hải-Phòng đỗ.

Không kể những công-sở như các tỉnh khác, ở Kiến-An lại có đài Thiên-văn Phủ-Liễn làm trên một ngọn núi cao độ 112 thước tây và nhà giây-thép vô-tuyến-điện.

Dân-cư. — Dân-cư tỉnh Kiến-An được độ 335.500 người.

Canh-nông. — Thịnh nhất là việc cấy lúa, nhưng ở những ruộng cao chỉ cấy được vụ tháng mười thôi, còn thì dân giồng mầu như đậu, ngô, khoai, vân vân.

Ở huyện Tiên-Lãng giồng nhiều thuốc lá; những đất giồng thuốc ấy tốt lắm, nên cấy được vụ tháng mười.

Khắp tỉnh, nhất là ở huyện Thủy-Nguyên và An-Dương người ta giồng nhiều cau, thật là một cái lợi lớn trong tỉnh.

Ở những núi Đồ-Sơn và Thủy-Nguyên thì giồng giứa. Ở Đồ-Sơn người ta mới giồng các thức rau tây như măng, khoai, dưa bở, cũng tốt và lợi lắm,

Kỹ-nghệ. — Tại Đồ-Sơn có nghề dệt lụa tốt lắm. Ở Tiểu-Bàng (gần Đồ-Sơn) có ruộng muối. Ở' núi Voi có hang đá lấy đá lát đường và làm nhà.

Thương-mại. — Những sản-vật trong tỉnh, như thuốc lào, lụa...đem bán được lợi lắm. Thóc gạo tải sang Nam-Định và lên Hà-Nội bán cũng được nhiều. Trong tỉnh có 162 cái chợ, được độ 20 cái lớn. Có một chợ bán súc-vật ở Phi-Xá thuộc huyện Thủy-Nguyên.

Đường giao-thông. — Mặt bộ thì tỉnh Kiến-An có những đường này.

1.) Đường Kiến-An đi Đồ-Sơn;

2.) Đường Kiến-An sang Hải-Phòng dài 9 km;

3.) Đường Kiến-An lên núi Voi;

4.) Đường Kiến-An lên sông Tam-Bắc (ở phía đông có một cái chùa của người Trung-Hoa làm đẹp lắm.

(1) Huyện Hải-An trước thuộc về tòa Đốc-lý Hải-Phòng cai-trị; nghị-định ngày 29 tháng 4 năm 1924 sáp-nhập về tỉnh Kiến-An.

5.) Đường Kiến-An đi Tiên-Lãng và Thái-Bình;
7.) Đường Kiến-An đi Quảng-Yên qua Hải-Phòng;
8.) Đường Kiến-An đi Hải-Dương qua Hải-Phòng rồi theo con đường thuộc-địa số 5.
9.) Đường Kiến-An đi Đông-Triều qua Hải-Phòng và Phi-Liệt.

NHỮNG NƠI CỔ-TÍCH VÀ THẮNG-CẢNH

I. — **Thành nhà Mạc.** — Cách tỉnh-lỵ Kiến-An độ 9 km, về phía tây-bắc, ở tổng An-Luận, xã Tiên-Hội, có núi Tượng-Sơn (Núi-Voi) cao độ trăm thước tây, phong-cảnh đẹp, có cái thành xây từ đời nhà Mạc về cuối thế kỷ thứ 16.

II. — **Đền thờ Vua nhà Mạc.** — Về phía nam, cách tỉnh-lỵ độ 12 km, có tổng Cổ-trai, huyện Nghi-Dương, (phủ Kiến-Thụy kiêm-lý), là quê Mạc Đăng-Dung. Khi Mạc Kính-Cung thua, cũng chạy về ở đấy được ít lâu. Cái thành nhà Mạc xây thì quân nhà Lê đã phá cả rồi. Hiện nay chỉ còn đền thờ vua nhà Mạc thôi.

III. — **Đồ-sơn.** — Đồ-sơn ở huyện Nghi-Dương, cách Hải-Phòng 22 km, có một con đường tốt lắm; đi từ Hải-Phòng qua Lạch-Trẩy. — Đồ-Sơn là một miền bể nghỉ mát tốt nhất ở Bắc-Kỳ. Có những đồi nhỏ đẹp lắm; đi hết bán-đảo Đồ-Sơn thì có chín ngọn núi nhỏ gọi là Cửu-Long-Sơn. — Ở những núi ấy, về đời nhà Lê, có một tướng giặc quê ở Thanh-Hà, tên là Nguyễn Hữu-Cầu tục gọi là quận He, đóng quân ở đấy. Tên giặc ấy chiếm lấy phủ Nam-Sách, rồi lập những hầm hố để trống cự với quân của ông Phạm Đình-Trọng.

Năm 1058, vua Lý Thánh-Tôn có sai lập một cái tháp, tục truyền rằng cao một trăm thước ta, nhưng năm 1804 đã phá đi mất rồi.

Trên núi Đồ-Sơn có cái giếng gọi là giếng Rồng.

Ở Đồ-Sơn mỗi năm, về mồng mười tháng tám ta, có hội chọi trâu và đánh cờ người vui lắm.

IV. — **Thiên-văn-đài.** — Làm ở trên một quả núi, đứng ở trên đỉnh đài thì ngắm được khắp cả tỉnh Kiến-An và trông sang được cả Hải-Phòng và Đồ-Sơn.

TỈNH LẠNG-SƠN

Vị-trí và giới-hạn. — Tỉnh Lạng-Sơn, bắc giáp Cao-Bằng, nam giáp Quảng-Yên và Bắc-Giang, đông giáp Hải-Ninh và Quảng-Tây bên Tàu, tây giáp Bắc-Giang và Thái-Nguyên.

Diện tích. — Diện-tích đo được độ 578.555 mẫu ta (2.084 km vuông).

Địa-thế. — Địa-thế Lạng-Sơn cao hơn mặt bể nhiều lắm. Tỉnh ấy có nhiều núi cao hơn nghìn thước tây. Ở phía đông-nam, có dẫy Mẫu-Sơn, cao 1.500 thước tây và lan mãi sang địa-phận Trung-Hoa. Về phía đông nam có một dẫy núi cao độ 700 thước, phân địa-giới tỉnh Bắc-Giang, Quảng-Yên và Hải-Ninh. Ở phía tây và tây-nam có dẫy núi Cai-Kinh cao độ 600 thước tây. Về phía bắc và phía đông-bắc có những dẫy núi đá thật rắn vây bọc lấy thung-lũng Thất-Khê như một cái lòng chảo, cho nên sông Kỳ-Cùng đến đấy phải đổi hướng, chảy về phía bắc.

Sông. — Sông Kỳ-Cùng chảy qua tỉnh, phát nguyên ở thung-lũng Ba-Xa tỉnh Hải-Ninh ; chảy từ đông-nam lên tây-bắc, đến *Diêm-her* thì đổi hướng chảy lên phía bắc cho đến Na-Sầm ; đến Ban-Chua ở đồng Thất-Khê thì lại chảy theo hướng tây-bắc đông-nam như cũ, quanh dẫy núi Cao-Kỳ. — Đến Bí-Nhi thì ra khỏi địa-phận Bắc-Kỳ và chảy thẳng vào sông Bằng-Giang ở Long-Châu.

Sông Kỳ-Cùng chỉ có hai chi-lưu là Sông Bắc-Giang và sông Ba-Khê là tiện đường ngược xuôi được, còn những chi-lưu khác thì chảy như thác, chỉ có bè đi lại được mà thôi.

Khí-hậu. — Đất Lạng-Sơn cao cho nên khí-hậu lành nhất là về mùa hè thì mát hơn ở Trung-châu, chỉ trừ vài nơi có nhiều núi thì khí-hậu hơi độc.

---

(1) Về đời nhà Hán thì thuộc về Giao-Chỉ quận, đời nhà Đinh là Lạng-Giang đạo. Nội-thuộc nhà Minh thì gọi Lạng-Sơn châu. Về đời nhà Lê, năm 1428, đặt là Bắc-Đạo, rồi đến năm 1490, lại gọi là Lạng-Sơn xứ. Mãi đến đời vua Minh-Mạnh mới đặt là tỉnh Lạng-Sơn.

Dân-cư. — Ở Lạng-Sơn có người Thổ (38.900), người Nùng (37.500), người Mán (1.600), người Nam-Việt (3.120), người Trung-Hoa (3.800).

Dân-cư tỉnh ấy tổng-cộng được độ 85.300 người.

Tỉnh-lỵ và các châu. — Tỉnh chia ra làm:

1°) 10 châu: Lộc-Bình, Văn-Uyên, Cao-Lộc, Bình-Gia, Ôn, Bắc-Sơn, Thất-Khê, Thoát-Lãng, Bằng-Mạc, Diêm-He.

2°) 5 Đại-lý: Bình-Gia, Thất-Khê, Na-Sầm, Lộc-Bình và Đồng-Đăng.

3°) 54 tổng 231 xã.

Tỉnh-lỵ là Lạng-Sơn, cách Hà-nội 148 km; ở tả-ngạn sông Kỳ-Cùng, có đồn lính đóng, có pháo-đài và có thành quan An-nam.

Sản-vật. — Lạng-Sơn giàu nhất là lâm-sản; nhờ có đường xe-hỏa vận tải nên việc khai-khẩn các rừng được thịnh vượng lắm.

Người ta cũng có cấy lúa, giồng sắn, mía, lúa ngô và nhất là chàm và hồi.

Thương-mại và kỹ-nghệ. — Việc thương-mại thì chỉ có buôn bán những đồ thường dùng trong tỉnh.

Về kỹ-nghệ thì chỉ có việc khai khẩn những mỏ như mỏ than ở Lộc-Bình và mỏ kẽm ở Vạn-Linh thôi.

Đường giao-thông. — Trước hết có đường xe-hỏa từ Hà-Nội lên đến Na-Sầm, dài 181 km qua Tuần-Muội (1), Lang-Nạc, Ban-Thi, Lạng-Sơn. Rồi đến đường đi từ Hà-Nội lên Ải Nam-Quan, qua Lạng-Sơn và Đồng-Đăng. (Đường thuộc-địa số 1 và số 4).

Đường Lạng-Sơn
1·) lên Cao-Bằng qua Na-Sầm, Thất-Khê, 141 km (đường thuộc-địa số 4).
2·) đến Ban-Danh.
3·) đến Phố-Vị và Kép.
4·) đến Diêm-He.
5·) đến Lục-Nam qua Chu.
6·) đến Lộc-Bình.
7·) đến Tuần-Muội.
8·) đến Phố Bình-Gia.

*
* *

(1) Nguyên ở chỗ này, xưa gọi là Muội, có sở tuần-ty, cho nên ta thường gọi là Tuần-Muội. Sau người Pháp nghe nhầm mới đọc là Thanh-Muôi.

Đường Lạng-Sơn lên Thất-Khê.

Từ Lạng-Sơn lên Thất-Khê 70 km.

Kể từ Hà-Nội lên thì đến Lạng-Sơn là 156 km.

Đến km 158 là chợ Kỳ-Lừa nhiều người Nùng, Thổ đến buôn bán. — 159 là Tam-Lung. — 162 là Đồng-Đăng (1). — 167 là cửa Nam-Quan đi sang Long-Châu bên Tàu. — 181 là Na-Sầm (2) ở hữu-ngạn sông Kỳ-Kùng.

Từ Na-Sầm lên Đèo-Cát 24 km, qua Ban-Chai rồi đến Thất-Khê.

Đường Tuần-Muội lên Thất-Khê.

Đường này dài 136 km chia làm 6 độ.

Tuần-Muội đi Vạn-Linh (3) 18 km, Vạn-Linh đi Bản-Điền 25 km, Bản-Điền đi Phố-Bình-Gia 26 km, Phố-Bình-Gia đi Văn-Mít 24 km, Văn-Mít đi Na-Cao 20 km, Na-Cao đi Thất-Khê 23 km.

Đường Lạng-Sơn đi Tiên-Yên.

Đường dài 109 km đi bộ mất độ 24 giờ rưỡi, đi ngựa thì độ 16 giờ, chia làm 6 độ và đi ba ngày.

Lạng-Sơn đi Lục-bình 23 km, Lục-Bình đi Kéo-Co (đèo) 18 km, Kéo-Co đi Định-Lập 22 km 5, Định-Lập đi Quan-Vai 8 km 5, Quan-Vai đi Na-Peo 15 km 6, Na-Peo đi Tiên-Yên 22 km.

Đường xe-hỏa từ Bắc-Giang lên Lạng-Sơn (89 km).

Kể từ Hà-nội lên đến km 49 thì đến Bắc-Giang.

---

(1) Ở Đồng-Đăng có đường đi Bảo-Lam 9 km, Ban-Roi 10 km, Ai-Lao 9 km, Ban-Xom 10 km.

(2) Ở Na-Sầm có đường đi Bình-Nhi ở địa-phận Tàu 32 km 5 đi qua Na-Thông (17 km, mất 2 giờ rưỡi đi ngựa), qua Na-Nam, qua sông Kỳ-Kùng rồi đến Bình-Nhi (15 km 5).

Ở Na-Sầm lại có đường thủy (sông Kỳ-Kùng) mùa nước thuyền đi lại tiện lắm. Từ Na-Sầm đến Ban-Chai gần Thất-Khê, đi thuyền mất độ 6 giờ phong cảnh rất đẹp, sông chảy qua 23 cái thác. Từ Đèo-Cát trở lên thì sông rộng vì có sông Bắc-Giang chảy vào.

(3) Vạn-Linh có đường đi Lạng-Mét, 34 km, phong cảnh đẹp, có đường đi Vũ-Nhai thuộc Thái-Nguyên 70 km, và đi Mỏ-Nhai (Bắc-Sơn) 47 km.

Từ đấy đường xe-hỏa đi qua huyện Phất-Lộc — km 57 ga Cầu-Dỏ (Les Pins) ở xã Định-Xuyên, có chợ Cầu-Dỏ — 68 đến ga Kép (1). — 78 lại có ga, từ đấy trở lên người Thổ ở, địa-thế những núi non, về phía nam có dẫy Bảo-Đài và dẫy Bắc-Sơn, — 90 đến Bắc-Lệ ở phía tây có núi Thuộc-Sơn cao 194 thước, — 99 là qua sông Hoa, có một cái đồn cũ — 103 có cầu 50 thước qua sông-Hoa — 110 đến Tuần-Muội ở tổng Quang-Lang về địa-phận Lạng-Sơn, có thành Chi-Lăng, là một nơi hiểm-địa của nước ta ngày trước. — 113,5 có ga và đường đi Vạn-Linh có mỏ Kẽm ở Đèo-Ro — 119 có ga Lãng-Nạc.

Từ đấy thì xe-hỏa không theo đường cái quan nữa, đi về phía nam — 125 đến ga Lãng-Giai — 136,7 đến Bản-Thi, xe hỏa đi qua Đèo Bản-Thi cao 393 thước — 147,5 thì đến Lạng-Sơn.

NHỮNG NƠI CỔ-TÍCH VÀ THẮNG-CẢNH

Lạng-Sơn ở vào miền núi, có nhiều thắng-cảnh. Khách du-lịch đi xe-hỏa khỏi tỉnh Bắc-Giang thì thấy phong-cảnh đã khác hẳn với Trung-chậu rồi. Có một dẫy núi đá đột ngột ở cạnh đường xe-hỏa trông mỏi mắt chưa thấy hết: Đấy là dẫy núi Cai-Kinh đi từ tỉnh Bắc-Giang, khi đến tỉnh-lỵ Lạng-Sơn thì chạy dài về phía tây.

I. — **Kỳ-Lừa** — Cách tỉnh-lỵ độ 2 km, bên kia sông Kỳ-Cùng có chợ Kỳ-Lừa, thuộc châu Cao-Lộc - Chợ này chỉ những người Thổ, Nùng ở miền ấy đến buôn bán thôi.

Xung quanh Kỳ-Lừa có dẫy núi Kỳ-Cấp-Linh về đời nhà Trần, năm 1282, Đức Trần Hưng-Đạo-Vương đuổi được giặc Nguyên ở đấy.

II. — **Động Tam-Thanh** — Về phía tây-nam chợ Kỳ-Lừa, cách tỉnh-lỵ độ 1.500 thước tây có một dẫy núi nhỏ trong có mấy cái hang to gọi là động Tam-Thanh.

---

(1) Ở Kép có đường đi Nhã-Nam 21 km. — Đi Bắc-Giang 19 km — đi Lục-Nam 18 km.

Tam-Thanh chia làm ba động: Nhất-Thanh, Nhị-Thanh và Tam-Thanh. Động Nhất-Thanh thì hẹp mà nông, trong có thờ Phật, và có tượng ông Ngô Thời-Sĩ. Động Nhị-Thanh thì ở ngay bên cạnh. Động này sâu lắm, đi suốt từ bên này núi sang bên kia núi, trong động có sửa sang đường đi dễ lắm, cạnh đường đi có ngọn suối chảy róc-rách, hai bên nhũ đá dủ xuống trông thật là đẹp. Ở giữa động có một chỗ trống thiên. Vào trong cần phải mang đèn đuốc mới đi được.

Đi vòng quả núi ấy ra phía bắc thì đến động Tam-Thanh. Động này cao tám thước, có độ ba mươi bực đá đi lên. Trong động thờ Phật, có bia kỷ-niệm của ông Vi Đức-Thăng, có thơ vịnh cảnh của ông Ngô Thời-Sĩ và ông Nguyễn Thuật.

III. — **Nàng Tô-Thị.** — Ở trước động Tam-Thanh có một ngọn núi tục truyền rằng: xưa có nàng Tô-Thị ngồi ở trên đỉnh ngảnh mặt về phía bắc, nhưng một năm tự nhiên nghe thấy một tiếng sét to đánh đổ ngọn núi ấy xuống, bây giờ trông thì không thấy gì nữa.

IV. — **Chùa-Tiên.** — Ở ngay tỉnh, gần ga xe-lửa, lại có một ngọn núi nữa ở lưng chừng có một cái chùa gọi là chùa Tiên làm ở trong hang. Gần đấy có một cái giếng tiên nhỏ bằng độ một bàn chân mà lúc nào cũng đầy nước.

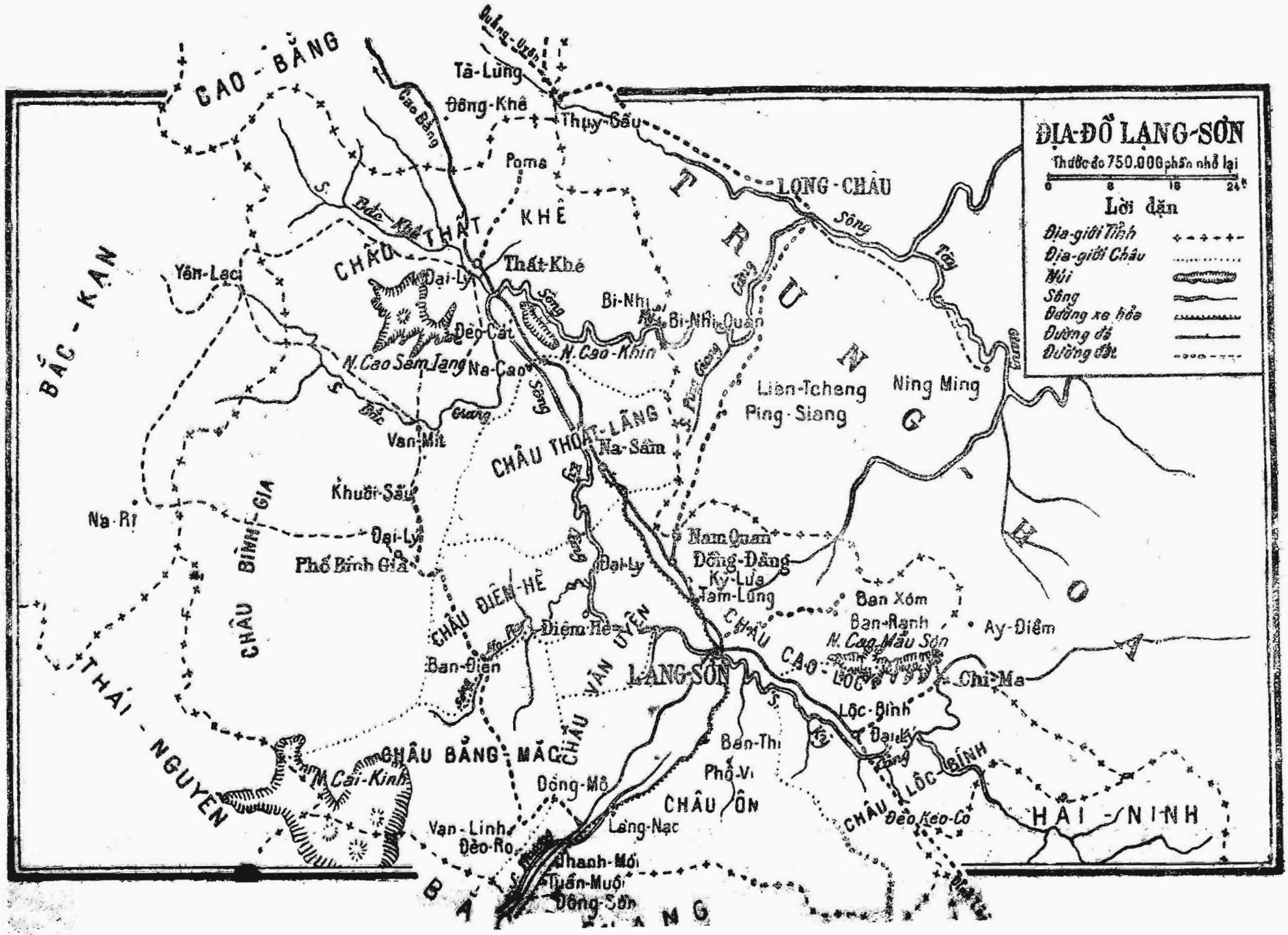
ĐỊA-ĐỒ LẠNG-SƠN
Thước đo 750.000 phần nhỏ lại
0 8 16 24
Lời dặn
Địa-giới Tỉnh
Địa-giới Châu
Núi
Sông
Đường xe hỏa
Đường đá
Đường đất
CAO-BẰNG
BẮC-KẠN
THÁI-NGUYÊN
BẮC-GIANG
HẢI-NINH
TRUNG-HOA
LONG-CHÂU
CHÂU THẤT-KHÊ
CHÂU THOÁT-LÃNG
CHÂU BÌNH-GIA
CHÂU ĐIỆM-HÈ
CHÂU VĂN UYÊN
CHÂU BẰNG-MẠC
CHÂU ÔN
CHÂU CAO-LỘC
CHÂU LỘC-BÌNH
LẠNG-SƠN
Tà-Lùng
Đông-Khê
Thụy-Cầu
Poma
Thất-Khê
Đại-Lý
Đèo-Cát
N. Cao Sâm Tang
Na-Cao
N. Cao-Khin
Bi-Nhi
Bi-Nhi-Quan
Yên-Lạc
Van-Mit
Khuôi-Sâu
Na-Rì
Phố Bình Gia
Na-Sầm
Nam Quan
Đồng-Đăng
Kỳ-Lừa
Tam-Lung
Ban Xóm
Ban-Ranh
N. Cao Mẫu Sơn
Ay-Điểm
Chi-Ma
Lộc-Bình
Đại-Lý
Đèo Kéo-Cô
Ban-Thi
Phố-Vi
Đồng-Mô
Làng-Nạc
Vạn-Linh
Đèo-Ro
Thanh-Mới
Tuần-Muội
Đông-Sơn
N. Cai-Kinh
Điệm-Hè
Ban-Điền
Lien-Tcheng
Ping-Siang
Ning Ming
Sông Tây Giang
Sông Bắc Giang
Sông Kỳ Lừa
Sông Bắc Khê
Cao Bằng
Quảng-Uyên

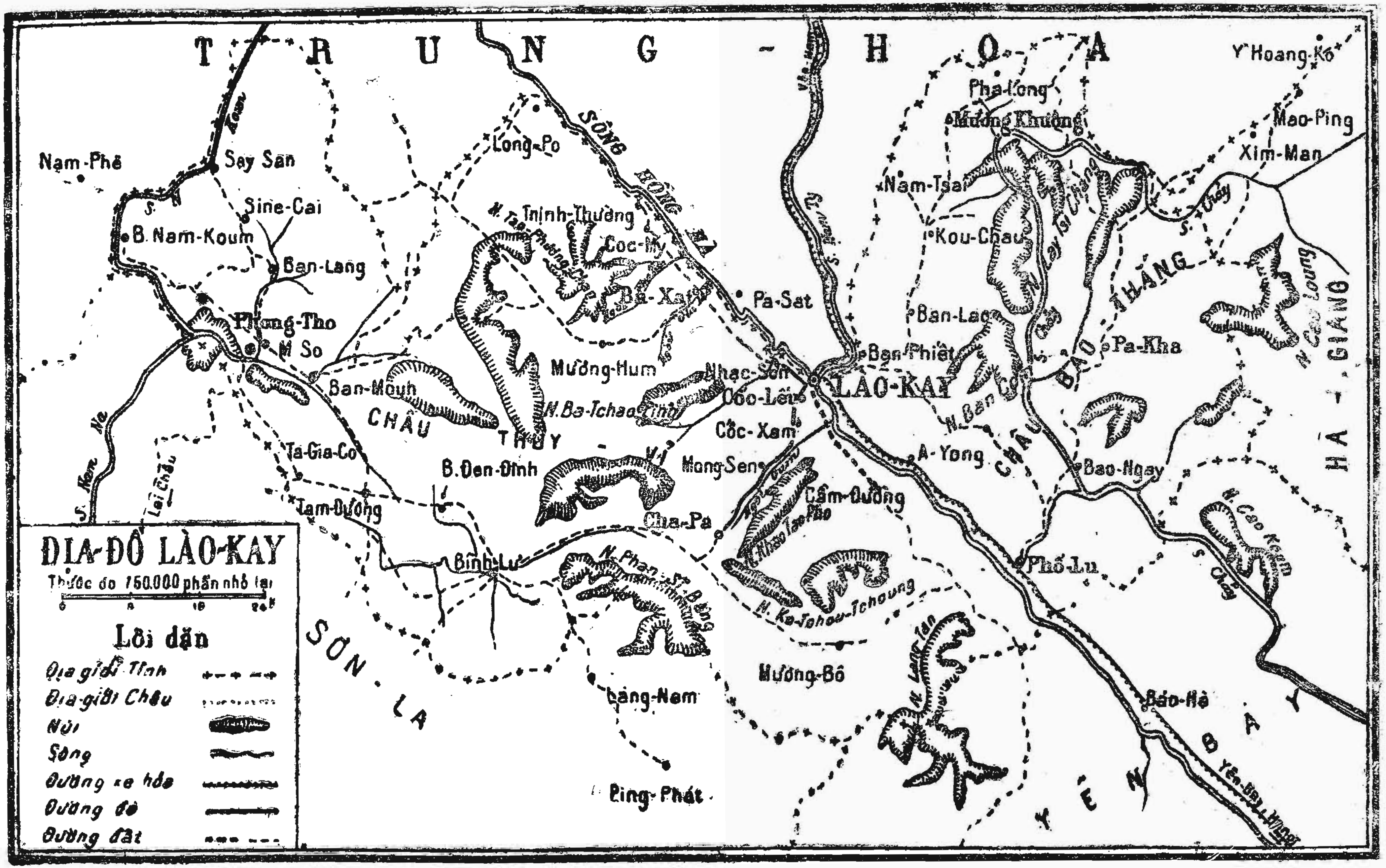

ĐỊA-ĐỒ LÀO-KAY
Thước đo 1/50.000 phần nhỏ lại
Lời dặn
Địa giới Tỉnh
Địa giới Châu
Núi
Sông
Đường xe hỏa
Đường đỏ
Đường đất
TRUNG - HOA
HÀ - GIANG
YÊN BÁY
SƠN - LA
CHÂU THỦY - VĨ
CHÂU BẢO THẮNG
SÔNG HỒNG HÀ
LÀO-KAY
Y Hoang-Ko
Mao-Ping
Xim-Man
Pha-Long
Mường Khương
Nam-Tsai
Kou-Chau
Ban-Lao
Pa-Kha
Ban-Phiệt
Bao-Ngay
A-Yong
Phố-Lu
Bảo-Hà
Cam-Đường
Mường-Bô
Cốc-Xam
Cốc-Lếu
Nhạc-Sơn
Mong-Sen
Cha-Pa
Pa-Sat
Long-Po
Trịnh-Thường
Cốc-My
Mường-Hum
B. Đen-Đinh
Bình-Lư
Tam-Đường
Tà-Gia-Co
Ban-Mouh
M So
Phong-Tho
Ban-Lang
Sine-Cai
Say Sản
B. Nam-Koum
Nam-Phé
Lang-Nam
Ping-Phát
Lai Châu
N. Ba-Tchao-Tinh
N. Ka-Tchou-Tchoung
N. Cao Loung
N. Cao Keam
N. Lang Tan
S. Nam Na
S. Chảy

TỈNH LÀO-KAY

Vi-trí và diện-tích. — Tỉnh Lào-Kay (1) ở về phía tây-bắc xứ Bắc-Kỳ ; bắc giáp tỉnh Vân-Nam bên Tàu, đông giáp Hà-Giang, nam giáp Yên-Bái và tây giáp Lai-Châu.

Diện-tích. — Diện-tích đo được độ 1.284.722 mẫu ta (4.625 km vuông).

Địa-thế. — Tỉnh Lào-Kay chia làm ba miền : 1· — Phía đông là miền sông Chảy ; 2· — Phía tây là miền những phụ-lưu sông Đà-Giang ; 3· — Giữa là miền sông Hồng-Hà. Ở giữa ba miền ấy thì có những dẫy núi phần nhiều đi theo hướng tây-bắc xuống đông-nam, nghĩa là cũng đi theo với các dòng sông. Nhưng cũng có nhiều núi khác đi quanh khắp tỉnh chỗ thì theo dòng sông, chỗ thì chắn ngang dòng sông, sinh ra nhiều thác. Phong-cảnh trông thì đẹp, nhưng phải cái giao-thông bất tiện. Ở về phía tây-nam có một dẫy núi cao nhất Đông-Pháp gọi là dẫy Phan-Sĩ-Bang cao 3.145 thước tây.

Sông ngòi. — Giữa tỉnh có sông Hồng-Hà chảy qua. Sông Hồng-Hà phát nguyên tại Vân-Nam đến Long-Pô thì bắt đầu chảy vào địa-phận Bắc-Kỳ. Tuy ở lòng sông hay có núi đá, nhưng thuyền bè đi lại cũng nhiều. Về phía đông thì có sông Chảy, là một chi-lưu sông Lô-Giang. Sông này, thuyền bè đi lại không được, vì nhiều thác lắm. Về phía tây thì có những sông chảy vào sông Hồng-Hà, như sông Pô-Hồ, ngòi Phát-Hao, sông Sanh-Tao-Ho. Những sông ngòi ấy về mùa khô-khan thì lắm khi cạn, mà đến mùa mưa thì nước chảy chứa-chan như thác.

Khí-hậu. — Khí-hậu ở Lào-Kay xưa nay vẫn có tiếng là độc ; mùa hè thì nóng và ẩm-thấp, chỉ trừ những đồn ở trên cao như Pha-Long, Pa-Kha, Mường-Khương và Mường-Hum là mát mà thôi. Ở những nơi ấy lắm khi lại rét lắm và có tuyết xuống. Độc nhất là miền Long-Po, Trinh-Thương, vân vân.

(1) Tỉnh Lào-Kay xưa thuộc về Hưng-Hóa và Tuyên-Quang.

Dân-cư. — Dân-cư tổng cộng được 38.000 người, mà đông nhất là người Mèo (11.100), người Mán (7.500), người Thổ (6.340), người Nhanh (5.300), người Nùng (3.000), người Việt-Nam (3.750), người Lát-Chi, người Ou-Ni, người Kha, vân vân...

Tỉnh-lỵ và các châu. — Việc chính-trị ở Lào-Kay hơi khác các tỉnh là vì chỉ có quan Đại-Pháp cai-trị chứ không có quan Tỉnh An-nam. Tỉnh chia ra làm hai châu : Châu Thủy-Vĩ (xưa thuộc Hưng-Hóa) ở hữu ngạn sông Hồng-Hà, và châu Bảo-Thắng ở tả ngạn. Các châu ấy lại chia làm xã, làm giáp. Những xã lắm khi thuộc ngay về các đại-lý. Có bốn đại-lý là: Mường-Khương, Pa-Kha, Bá-Xát và Phong-Thổ. Trong tỉnh có 855 xã.

Tỉnh-lỵ là Lào-Kay, ở ngã ba sông Hồng-Hà, và sông Nam-Ti, cách Hà-Nội 296 km. Ở Lào-Kay đi qua một cái cầu bắc trên sông Nam-Ti thì sang đến Trấn-Phòng là đất Tàu. — Xung quanh tỉnh-lỵ có những đồi, đứng trên trông ra xa phong-cảnh đẹp lắm. Khi giời quang-đãng, đứng đấy trông thấy dãy núi Ta-Yang-Ping cao 2.900 thước tây và cả dãy Phan-Sĩ-Bang nữa.

Sản-vật. — Lào-Kay tuy là một tỉnh nhiều núi, nhưng ở các thung-lũng người ta cũng cấy nhiều lúa, ngô và các hoa quả. Ở Lào-Kay nhiều nhất là lâm-sản vì rừng mọc có đến hai phần chia ba trong tỉnh. Rừng thì có các thứ gỗ, có nâu, cao-xu, vàn vàn.

Mỏ. — Tỉnh Lào-Kay có lắm mỏ: Ở phía bắc có mỏ đồng, phía tây có mỏ thiếc và chì lẫn bạc, ở Nhật-Sơn, gần Lào-Kay có mỏ vàng, nhưng hiện chưa có mỏ nào khai khẩn cả.

Thương-mại. — Lào-Kay là một tỉnh biên-thùy, cho nên việc buôn bán thịnh nhất là sự vận-tải hàng hóa qua tỉnh ấy sang Tàu và ở Tàu vào các tỉnh Bắc-Kỳ.

Những hàng hóa tải qua Lào-Kay sang Tàu là sợi bông, vải bông, dầu lạc, cá khô, quế Trung-Kỳ và hạt tiêu Nam-Kỳ.

Những hàng hóa tải vào Bắc-Kỳ là nâu, vỏ nhuộm, thuốc, đường, chè, thuốc phiện, các thứ rau và hoa quả Vân-Nam.

Trong tỉnh có mấy cái chợ nhớn nhất, như chợ Lào-Kay, Cốc-Lếu, Cam-Đường, Pha-Kha, Tam-Đương và Phố-Lu.

Các đường giao-thông. — Về mặt thủy thì có sông Hồng-Hà, thuyền bè đi lại được, nhưng từ ngày có đường xe-hỏa Hà-Nội lên Lào-Kay thì việc vận-tải mặt thủy kém hẳn ngày xưa. Mặt bộ thì có đường xe-lửa đi suốt từ Hải-Phòng lên đến tỉnh-lỵ rồi lại sang Vân-Nam là địa-phận Trung-Hoa.

Có những đường cái đi từ:

1·) Lào-Kay đến Phong-Thổ qua Bát-Xát và Mường-Hum dài 101 km.

2·) Lào-Kay đến Long-Pô, 64, km.

3·) Lào-Kay đến Cha-Pa, 38 km. Con đường này là đường thuộc địa số 4, đi mãi đến Lai-Châu, qua Bình-Lư và Chinh-Nua.

4·) Lào-Kay đến Mường-Khương, dài 53 km.

Lại có những đường xép đi từ 1: ·) Mường-Khương đến Xim-Ma-Kai (một ngày). — 2·) Mường-Khương sang Tàu qua Tầu-Ma, Xim-Ten. — 3·) Pha-Long sang Tàu. — 4·) Pa-Kha đến Phố-Lu. — 5·) Phong-Thổ đến Si-Leu-Lao qua Ban-Lang. — 6·) Ban-Moun đến đeo Hô-Qui-Hô, qua Tam-Đương và Bình-Lư.

A) *Đường từ Lào-Kay đi Mường-Khương* : dài 53 km chia làm hai độ: Ban-Lao 21 km, Mường-Khương 32 km. — đến km 15 là Ban-Phiếc — 21 là đồn Ban-Lao ở cao 225 thước (về tây-bắc có núi Ban-Lao cao 734 thước tây) — 31 là đồn Kế-Châu có một làng người Tầy và người Nùng ở. Cách Kế-Châu 13 km, về phía bắc ở đồn Nan-Trai ở Biên-thùy. — 53 là Mường-Khương. Cách Mường-Khương 10 km, về Bắc có đồn Tu-Ma; 21 km về đông-bắc, có đồn Pha-Long.

B) *Đường Lào-Kay đi Phong-Thổ* : dài 101 km. Ở Lào-Kay đi qua sông sang Cốc-Lếu có lắm người Thổ và người [illegible] đến km 8 là Nhất-Sơn.

Khỏi Nhất-Sơn đến Ban-Qua. — đến km 19 là đồn Bát-Xát, (1) lập ở trên một cái đồi cao 108 thước, có tre mọc um-tùm và có chợ.

Đi khỏi Bát-Xát đến Mường-Vi, có một cái động dài 350 thước, xưa giặc vẫn ẩn ở đấy và bây giờ người ta đồn rằng vẫn có ma thiêng. Trèo qua núi « Đỉa » thì đến Mường-Hum (2) (tự là Ngọc-Phước). Miền ấy lắm núi cao mọc ngổn-ngang làm cho sự giao-thông thực là khó khăn.

Khỏi Mường-Hum thì đường lại theo con sông Nam-Gia-Ho lên đến Đèo « Mây » cao 2.020 thước, rồi xuống dần dần cho đến Phong-Thổ.

Từ Phong-Thổ lại có đường đi Bình-Lư, dài 51 km, qua Tam-Đường.

NHỮNG CẢNH DU-LỊCH

Tỉnh Lào-Kay lắm núi, nhiều rừng, cho nên những nơi thắng-cảnh cũng lắm. Song phải cái đường giao-thông bất tiện. Có một nơi gọi là Cha-Pa ở về tây-nam tỉnh-lỵ cách độ 37 km, người tây hay nghỉ mát ở đấy vì khí-hậu ôn hòa lắm.

Từ Lào-Kay đi Cha-Pa mất 6, 7 giờ hoặc đi song-loan, hoặc đi ngựa, chia làm 3 độ: đến Cốc-San 10 km, đến Mường-Sen 22 km, đến Cha-Pa 37 km.

Km 10 đến Cốc-San, cao 98 thước. Đi qua một rừng nứa độ 4 km, rồi đường cứ đi cao dần mãi lên cho đến 900 thước, sau lại đi xuống đến Mường-Sen là 22 km lại qua rừng nứa.

Đến km 33 là xã Cha-Pa cao 1.273 thước.

Đến km 37 mới là chỗ nghỉ mát Cha-Pa.

---

(1) Từ Bát-Xát lên Long-Pô 45 km, đi qua Trinh-Thương. Lại có đường từ Trinh-Thương đi Ni-Chi.

(2) Từ Mường-Hum có đường nhỏ đi về phía nam đến Ta-Yang-Ping là một làng Mèo ở, cao 1.240 thước

TỈNH NAM-ĐỊNH

Vị-trí và diện-tích – Tỉnh Nam-Định nam giáp vịnh Bắc Kỳ : đông giáp sông Hồng-Hà phân giới-hạn với tỉnh Thái-Bình; tây-bắc giáp tỉnh Hưng-Yên, tây giáp sông Đáy phân giới-hạn với tỉnh Ninh-Bình.

Diện-tích đo được độ 360.000 mẫu ta (1.265 km vuông).

Địa-thế. — Nam-Định là một tỉnh đồng bằng, tinh những đồng-điền thấp, đất phù sa bồi đắp mà thành nên, cho nên lắm đất mầu. Đi đến đâu cũng thấy ruộng nương than-thán. Chỉ từ tây-bắc đến đông-nam, thì có một dẫy đồi độ mươi cái, cao chừng ngót trăm thước tây, như núi Gôi, giáp đường đi Ninh-Bình, núi Ngăm (Trạng-Nghiêm Sơn) ở đường đi Vụ-Bản núi Mai-Đô và núi Bảo-Đài ở huyện Ý-Yên.

Sông.— Tỉnh Nam-Định có nhiều sông ngòi. Không kể sông Hồng-Hà và sông Đáy, lại còn sông Ninh-Cơ hay là sông Cửa-Lạc là một chi-lưu sông Hồng-Hà chảy từ bắc đến nam. Tự tây đến đông có sông Nam-Định thông sông Đáy sang sông Hồng-Hà. Những sông ấy rộng và sâu, tầu bè đi lại được, chỉ trừ ra sông Ninh-Cơ và sông Hồng-Hà về hạ-lưu thì có nhiều đất phù-sa bồi mãi lên, làm cho địa-phận tỉnh Nam-Định một ngày một thêm rộng mãi ra. Lại còn nhiều những sông nhỏ như:

1·) Sông Bùi-Chu, đi qua Bùi-Chu, Hành-Thiện, Sa-Cao-Lý và thông sông Cửa-Lạc với sông Hồng-Hà; sông nầy chỉ thuyền con đi được thôi.

2·) Sông Con đi từ Ngô-Đồng đến Quất-Lâm. Khi nước thủy chiều lên có nhiều thuyền trở muối đi lại.

3·) Sông Cửa-Róc chảy thông vào sông Ngô-Đồng.

4·) Sông Tháp chảy qua tổng Ngọc-Giả rồi lại thông vào sông Ninh-Cơ ở phía bắc hạt Ninh-Mỹ.

5·) Ở huyện Nam-Trực có một con sông con đi từ làng Qui-Phú rồi chảy vào sông Ninh-Cơ ngay Lạc-Quần.

6·) Ở phía bắc có sông Sắt chảy từ Hà-Nam xuống, cách huyện Vụ-Bản và huyện Ý-Yên, huyện Phong-Doanh, và phủ Xuân-Trường ra, rồi chảy vào sông Đáy ở làng Ngọc-Chấn, qua địa-phận Trung-Uyên và Cổ-Liêu.

Khí-hậu.— Khí-hậu cũng như ở Hà-Nội, khắp tỉnh đâu cũng lành cả. Ở gần bể như ở Quất-Lâm, mùa hạ mát lắm, cho nên cũng có ít người Tây đến nghỉ mát ở đấy.

Dân-cư.— Dân-cư tỉnh Nam-Định được độ 835.000 người.

Tỉnh-lỵ và các phủ, huyện. - Tỉnh Nam-Định chia làm :

1.) 2 phủ: Xuân-Trường và Nghĩa-Hưng:

2.) 7 huyện: Hải-Hậu. Mỹ-Lộc, Nam-Trực, Trực-Ninh, Phong-Doanh, Vụ-Bản, Ý Yên;

3.) 79 tổng và 707 xã.

Tỉnh-lỵ là Nam-Định, cách Hà-Nội 87 km (1). Ở trên một con sông đào năm 1859. gọi là sông Vị-Hoàng hay là Nam-Định-Giang. Nam-Định có tiếng là đất văn-học; xưa có trường thi Hương. Ngày nay tỉnh-lỵ Nam-Định đã đổi làm thành phố, có quan Đốc-Lý và hội-đồng thành phố quản-trị. Phố xá rộng rãi, có đường lát đá phẳng-phiu, giao thông phố nọ sang phố kia, tối đến ở các phố chính có đèn điện. Trong thành phố, người Pháp, người Việt, người Trung-Hoa buôn bán trông có vẻ thịnh-vượng lắm. Có mấy cái nhà rất to của người Pháp lập nên như nhà máy tơ, máy sợi, máy rượu, máy điện vân vân.

Canh-nông.— Đất Nam-Định toàn là đất phù-sa, cho nên chỉ cấy lúa nhiều, những cây cối dùng vào kỹ-nghệ thì không có gì.

Kỹ-nghệ.— Ở tỉnh-lỵ có mấy nhà máy đã kể ở trên của người Pháp lập nên, còn người Việt-Nam thì chỉ chuyên về nghề khảm, nghề chạm, nghề dệt lụa, (lụa Quần-Anh) là thịnh nhất mà thôi.

---

(1) Về đời nhà Hán, Nam-Định thuộc Giao-chỉ quận, đời nhà Lý, thuộc châu Trường, nhà Trần, thuộc lộ Thiên-Trường, đời nhà Lê, thuộc trấn Sơn-Nam-Hạ. Đến năm 1831 mới lập thành tỉnh.— Ngày 17 tháng mười năm 1921 có nghị-định lập tỉnh-lỵ tỉnh Nam-Định làm thành-phố.

Thương-mại. — Việc thương-mại phát đạt lắm; nhờ có những đường giao-thông tiện lợi, người các tỉnh đến mua bán ở Nam-Định đông lắm. Trong tỉnh có nhiều chợ, **nhớn** nhất là chợ Rồng. Những tơ lụa hay bán ở chợ Quần-Phương-Hạ, Tiền-Lao, Giáo-Phòng và Hành-Thiện. Ở Vân-Cù và Thượng-Phúc có chợ trâu bò.

Đường giao-thông — Có những đường cái tự Nam-Định đi:

Hà-Nội theo con đường thuộc-địa số 1, qua Phủ-Lý, Ninh-Bình, xa 27 km.

Thái-Bình qua sông Hồng-Hà, bến Tân-Đệ;

Quất-Lâm xa 37 km và Vạn-Lý;

Vụ-Bản và Phú-Khuê xa 25 km;

Hưng-Yên qua Như-Trác.

Việc thương-mại thường dùng đường thủy. Có tầu thủy Nam-Định, ngày nào cũng chạy Hà-Nội, Hải-Phòng, Lạc-Quần và Vinh.

Đường xe-hỏa Hà-Nội vào Vinh chạy qua Nam-Định.

A) Đường Nam-Định đi Thái-Bình xa 19 km. — Đường đi về đông-bắc theo sông Vị-Hoàng cho đến 5 km thì đến sông Hồng-Hà. Qua đò là đến bến Tân-Đệ vào huyện Thư-Trì là địa-phận Thái-Bình.

B) Nam-Định đi Quất-Lâm xa 37 km. — Đường đi qua sông Vị-Hoàng (Nam-Định-Giang).

Đến km 5 vào huyện Nam-Trực, huyện-lỵ ở làng Bách-Tính.

Đến km 19 có đường rẽ đi Cát-Gia, huyện-lỵ huyện Trực-Ninh. — Đến km 26 là Lạc-Quần. — 33 về phía nam có đường đi Xương-Điền có ruộng muối. — 37 là Quất-Lâm.

C) Nam-Định vào Vinh (đường thủy). — Tầu thủy đi sông Vị-Hoàng cho đến ngã ba sông Đáy 27 km, rồi đi mãi đến cửa bể 52 km. Từ đấy là vịnh Bắc-Kỳ đi đến cửa sông Cả (Lam-Giang) rồi lên đến Bến-Thủy.

D) Nam-Định đến Sông-Đáy (tức là đường vào Ninh-Bình) — Đường đi ngang với đường xe-hỏa. — đến km

5 là Đại-Đê, có chợ. — 9 có đường đi huyện Vụ-Bản.— 11 có đường đi đến làng Tiên-Hương (đền Phủ-Giầy).

Đi qua Cầu Ngâm ở sông Sắt thì vào huyện Phong-Doanh ở bên tả. Về bên hữu, thì có đường đi đến huyện Ý-Yên. — Đến km 19 về phía Nam đến Văn-Diệm. — 27 thì tới sông Đáy.

E) Nam-Định đi Ninh-Bình (đường xe-hỏa). — Kể từ Hà-Nội vào thì đến km 87 là Nam-Định, 94 là ga Trình-Xuyên, 101, là Núi-Gôi ; về phía đông, độ 3 km, ở Hồ-Sơn, có chùa Non-Sơn, xưa bà chúa Huyền-Trân nhà Trần lấy vua Chiêm-Thành về tu ở đấy.

Đường xe-hỏa đi qua sông Đáy rồi đến Ninh-Bình.

NHỮNG NƠI CỔ-TÍCH VÀ THẮNG-CẢNH

I. — **Đền thờ nhà Trần.** — Về phía bắc tỉnh-lỵ độ 3 km ở làng Tức-Mạc (thuộc huyện Mỹ-Lộc), tục gọi thành Vàng, có đền Thiên-Trường, làm năm 1239, thờ các vua nhà Trần.

Xưa đông-đô nhà Trần ở Nam-Định, đến khi lên ngôi thì lập cung điện ở làng Tức-Mạc, gọi là Trùng-Quang, ngày nay làm đền thờ vua nhà Trần.

II. — **Chùa Tháp.** — Gần đền nhà Trần có chùa Phổ-Minh tục gọi là chùa Tháp, vì có một cái tháp cao 21 thước xây từ đời nhà Lý, đến nhà Trần có sửa sang lại, đến nhà Minh phá đi nhưng lại xây lại.

III. — **Hội Phủ-Giầy.** — Đền Phủ-Giầy ở về địa-phận làng Tiên-Hương, thuộc huyện Vụ-Bản. Đền này thờ bà Liễu-Hạnh (1). Bà hóa ngày mồng ba, tháng ba ; nên cứ đệ niên từ ngày mồng một đến mồng 10 tháng ba dân mở hội gọi là Hội Phủ-Giầy. Khách thập phương đến lễ bái đông lắm.

---

(1) Tục truyền rằng bà là một vị thần tiên tên là Quỳnh-Hoa. Sau vì bà đánh vỡ một cái chén ngọc nên phải đầy xuống cõi trần, về đời vua Lê Anh-Tôn, năm 1557, làm con ông Lê Thái-Công ở thôn Vân-Cát, xã Yên-Thái, huyện Vụ-Bản, tỉnh Nam-Định.

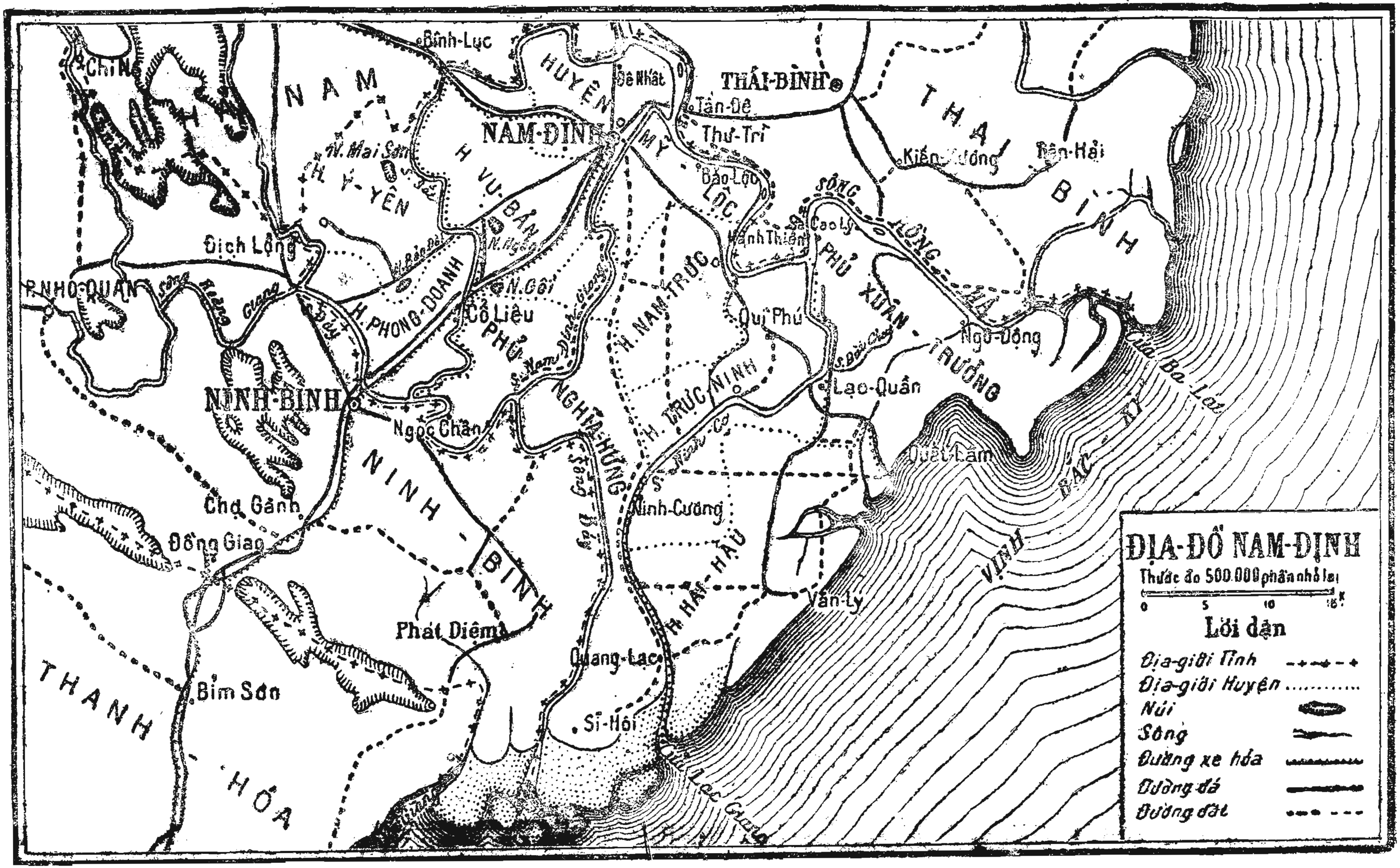
ĐỊA-ĐỒ NAM-ĐỊNH
Thước đo 500.000 phần nhỏ lại
0 5 10 15K
Lời dặn
Địa-giới Tỉnh
Địa-giới Huyện
Núi
Sông
Đường xe hỏa
Đường đá
Đường đất
NAM-ĐỊNH
NINH-BÌNH
THÁI-BÌNH
THÁI BÌNH
NAM
NINH - BÌNH
THANH - HÓA
HUYỆN
MỸ - LỘC
H. VỤ-BẢN
H. Ý-YÊN
H. PHONG-DOANH
PHỦ NGHĨA-HƯNG
H. NAM-TRỰC
H. TRỰC-NINH
PHỦ XUÂN - TRƯỜNG
H. HẢI-HẬU
SÔNG HỒNG - HÀ
VỊNH BẮC - KỲ
Cửa Ba Lạt
Lạc Giang
Bình-Lục
Đề Nhất
Tân-Đệ
Thư-Trì
Bảo-Lộc
Kiến-Xương
Tiền-Hải
Sa Cao Lý
Hành Thiện
Quí Phú
Ngũ-Động
Lạc-Quần
Quất-Lâm
Ninh-Cương
Văn-Lý
Quang-Lạc
Sĩ-Hội
Phát Diệm
Ngọc Chấn
Cổ Liệu
N. Gôi
N. Mai Sơn
Đích Lộng
P. NHO-QUAN
Chợ Gành
Đồng Giao
Bỉm Sơn
Sông Hoàng Giang
Sông Đáy
S. Nam Định Giang
S. Ninh Cơ
S. Sò
S. Đáy

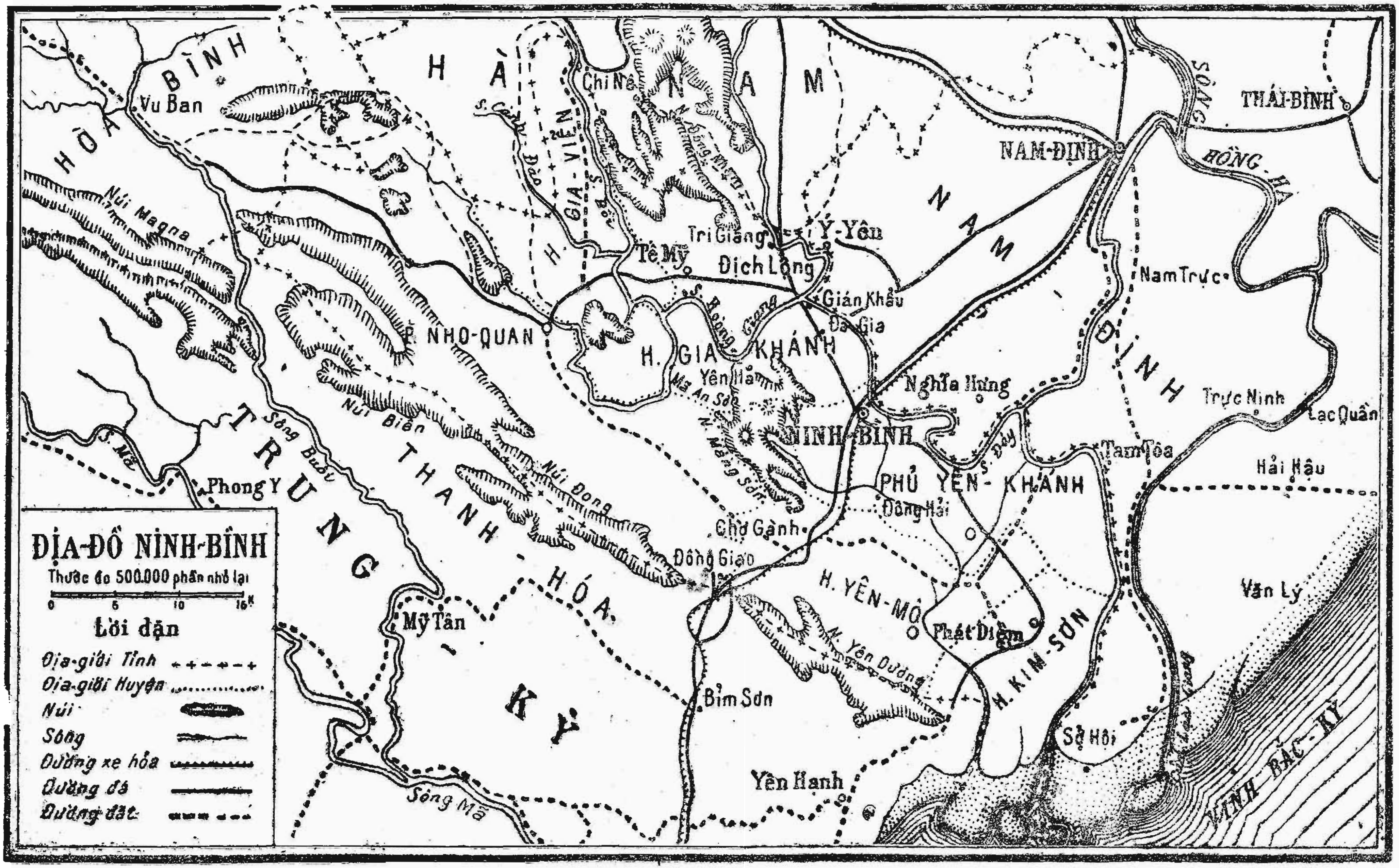

ĐỊA-ĐỒ NINH-BÌNH
Thước đo 500.000 phần nhỏ lại
0 5 10 15K
Lời dặn
Địa-giới Tỉnh
Địa-giới Huyện
Núi
Sông
Đường xe hỏa
Đường đá
Đường đất
HÀ NAM
NAM ĐỊNH
NAM-ĐỊNH
THÁI-BÌNH
SÔNG HỒNG-HÀ
HÒA BÌNH
Vu Ban
H. GIA-VIỄN
Chi Nê
Tê Mỹ
Trì Giang
Ý-Yên
Địch Lộng
Gián Khẩu
Đà Gia
NHO-QUAN
H. GIA-KHÁNH
Yên Hả
Nghĩa Hưng
NINH-BÌNH
PHỦ YÊN-KHÁNH
Đông Hải
Chợ Gành
Đồng Giao
H. YÊN-MÔ
Phát Diệm
H. KIM-SƠN
N. Yên Dưỡng
Bỉm Sơn
Yên Hạnh
Sa Hội
Tam Tòa
Nam Trực
Trực Ninh
Lạc Quần
Hải Hậu
Văn Lý
VỊNH BẮC-KỲ
TRUNG KỲ
THANH-HÓA
Mỹ Tân
Sông Mã
S. Mã
Phong Y
Sông Bưởi
Núi Mạgna
Núi Biên
Núi Đong
N. Mang Sơn
Mã An Sơn
S. Hoàng Giang
S. Đáy

IV. — **Đền Bảo Lộc.** — Đền ở làng Bảo-Lộc, tổng Hữu-Bị, huyện Mỹ-Lộc, cách tỉnh-lỵ độ hơn 4.000 thước tây. Đền này cũng thờ đức thánh Trần. Chính hội là ngày 19. 20 tháng tám ta. Những năm mưa, nước to, thì có thể đi thuyền đến tận cửa đền được.

V. — **Hội Đồng-Phù** — Đền ở làng Đồng-Phù, tổng Đồng-Phù, huyện Mỹ-Lộc ở bên kia sông Hồng-Hà, ở bến đò Quan sang, rồi đi xe độ 20 phút thì đến nơi.

Đền này cũng thờ một vị thánh-mẫu với đền Phủ-Giầy. Cứ từ mồng 10 đến 20 tháng 3 ta thời có hội.

VI. — **Núi-Gôi.** — Núi Gôi tên chữ gọi là Côi-sơn, ở làng Vân-Côi, huyện Vụ-Bản. Núi này ở ngay ga Gôi vào

Người ta nói rằng: ở xung quanh đó có núi chạy dài, duy núi Gôi là đứng một mình nên gọi là Côi-Sơn. Núi vừa đất vừa đá, trên có một cái chùa có bụt mọc và một cái sập đá to, trên bày tượng thờ. Tục truyền rằng chỗ đó là một nơi quí địa.

Bà nhan sắc lạ thường, thông minh trí tuệ mà lại tài nghề âm-nhạc. Bà lấy con giai ông Trần-Công tên là Hào-Long sinh được một người con trai. Bấy giờ bà mới 21 tuổi. Hôm mồng ba tháng ba tự nhiên vô bệnh tật mà bà mất. Từ đó bà cứ đi mây về gió, du ngoạn những nơi thắng-cảnh và thường hiện lên làm thơ với các nhà văn-sĩ thời bấy giờ. Sau bà hiển thánh ở đèo Ngang, Phố-Cát, tỉnh Thanh-Hóa; thường hay hiện lên làm người con gái bán nước, những kẻ qua lại đùa bỡn chết hại nhiều. Triều-đình nghi là yêu quái sai quan quân và phù thủy, đến để trừ đi. Nhưng ngờ đâu dân-sự lại phải dịch-tả chết hại nhiều hơn, sau lập đàn cầu khẩn mới được yên. Nhà vua bèn sai tu bổ lại cái đền mà quân đã phá đi và phong cho bà là Chế-Thắng-Bảo-Hòa-Điệu-Đại-Vương.

TỈNH NINH-BÌNH

Vị-trí và diện-tích. – Tỉnh Ninh-Bình là tỉnh ở về giáp phía nam xứ Bắc-Kỳ. Tỉnh ấy bắc giáp Hà-Nam, đông giáp Nam-Định và Vịnh Bắc-Kỳ, nam giáp Thanh-Hóa (Trung-Kỳ), tây giáp Hòa-Bình.

Diện-tích đo được độ 50.000 mẫu ta (900 km vuông).

Địa-thế. — Tỉnh Ninh-Bình có hai miền khác hẳn nhau :

1° – Về phương đông có một miền đồng bằng là miền đất phù-sa, có phủ Yên-Khánh.

2° — Về phía nam và phía tây thì có một miền núi, có phủ Nho-Quan. Miền ấy có một dẫy núi chính và một dẫy núi nhỏ đi về phía nam, người Tây gọi là đẫy Thanh-Hóa, phân-biệt giới-hạn Trung-Kỳ với Bắc-Kỳ. Dẫy núi ấy không cao, có nhiều đèo thấp như : đèo Tam-Điên tức là đèo Ba-Dội, là nơi đường quan lộ đi qua và thông xứ Bắc-Kỳ với Trung-Kỳ.

Về phía tây thì dẫy núi ấy gọi là Nho-Quan. Trước hết có những đồi cao, nhiều cày-cối ; rồi càng về tây thì dẫy núi ấy càng cao, có nhiều rừng và ăn thẳng lên miền núi Hòa-Bình.

Lại ở giữa miền đất bằng, thỉnh-thoảng có những núi đá nhỏ cao độ năm sáu mươi thước, như núi Thúy-Sơn, núi Cánh-Diều đột ngột nổi lên, tựa như núi đá ở vũng Hạ-Long. Có lẽ khi xưa bể ở tận Ninh-Bình rồi dần dần đất phù-sa bồi lên, ăn mãi ra và bao bọc lấy những núi đá ấy, nên thành ra như thế.

Sông ngòi. — Tỉnh Ninh-Bình có sông Đáy là to nhất. Sông này là một ngành sông Hồng-Hà, bắt đầu phân chi chảy vào sông Phùng, gần tỉnh-lỵ Sơn-Tây theo hướng tây-bắc — đông-nam mà chảy qua Phủ-Lý, rồi từ làng Trí-Đông thì chảy vào địa-hạt Ninh-Bình rồi đổ ra bể.

Sông Hoàng-Giang là sông chảy từ dẫy núi Nho-Quan xuống, rồi hợp vào Lạch-Đáy, cách Ninh-Bình độ mười km. Gần chỗ sông ấy chảy vào sông Đáy lại có một ngành sông chảy từ sông Nho-Quan qua Yên-Khánh rồi vào Cửa Đáy. Khỏi sông Nho-Quan một ít, đến làng Tràng-Yên là

nơi còn nhiều di-tích nhà Đinh, thì sông ấy chảy ngầm qua núi một quãng rồi mới lại chảy ra.

Ấy là kể những sông lớn ; lại còn nhiều những sông nhỏ ở gần miền bể, thật ích-lợi về mùa nước lớn, vì nếu không có những sông ấy để tháo bớt nước thì miền ấy ngập lụt luôn.

Khí-hậu. — Khí-hậu tỉnh Ninh-Bình cũng như khí-hậu các tỉnh ở Trung-châu, chỉ có những miền rừng núi như ở Nho-Quan và Đồng-Giao là nước độc.

Dân-cư. — Dân-cư tỉnh Ninh-Bình được 335.000 người. Trong số ấy độ 8.000 người Mường, còn người Việt-Nam cả.

Tỉnh-lỵ và các phủ, huyện. — Tỉnh Ninh-Bình chia làm :

1·) 2 phủ : Nho-Quan và Yên-Khánh ;

2·) 4 Huyện : Gia-Khánh, Gia-Viễn (1), Yên-Mô và Kim-Sơn (2)

3·) 48 tổng và 376 làng.

Tỉnh-lỵ cách Hà-Nội 114 km theo đường xe lửa, ở trên hữu ngạn sông Đáy, lập từ năm Gia-Long nguyên niên (1802), ở một nơi phong cảnh rất đẹp.

Canh-nông. — Ở xung quanh tỉnh-lỵ và ở trên bờ sông Đáy thì dân-sự cấy lúa. Những ruộng ở đấy phần nhiều là ruộng chiêm. Về miền Nho-Quan thì dân chỉ cấy lúa ở những đất thấp, còn những miền cao thì các nhà đồn-điền giồng cà-phê, chè và chẩu, để lấy dầu. Về phía tây-nam thì có nhiều rừng. Về phía nam ở gần bể, như ở Phát-Diệm thì người ta giồng cói.

Kỹ-nghệ. — Kỹ-nghệ Ninh-Bình thì không được phát-đạt mấy. Ở Phát-Diệm, Bồng-Hải và Thiện-Trạo, có những sưởng dệt chiếu. Tại Nho-Quan và Yên-Mô, có khai mỏ lấy than. Ở trong tỉnh có ít thợ làm nghề tô tượng.

---

(1) Trước còn huyện Yên-Hòa có 4 tổng : Tổng Vô-Hốt đã sáp vào phủ Nho-Quan. Còn ba tổng là : Bất-Xỉ, Xích-Thổ, Bất-Một thì năm 1921 bãi huyện Yên-Hòa sáp vào huyện Gia-Viễn.

(2) Kim-Sơn trước là địa-hạt Yên-Mô, đến Minh-Mệnh thập niên ông Nguyễn Công-Trứ người Hà-Tĩnh làm Doanh-điền-sứ mới mộ dân khẩn ruộng bể, đặt ra huyện Kim-Sơn, hiện có 7 tổng 66 làng.

Thương-mại. — Nhân dân phần nhiều mang những sản-vật bán ở các tỉnh lân-bang, như Nam-Định và Thanh-Hóa. Ở trong tỉnh có đến 80 cái chợ. Ở giáp giới Hòa-Bình lại có những phiên chợ có nhiều người Mường đến buôn bán với người ta.

Các đường giao-thông. — Tỉnh Ninh-Bình có đường xe-hỏa ở Hà-Nội vào Vinh đi qua.

Đường bộ thì có đường từ Ninh-Bình đi :

Thanh-Hóa qua Chợ-Gành, Bỉm-Sơn, hay là đi con đường Phát-Diệm và huyện Nga-Sơn (thuộc tỉnh Thanh-Hóa). Đường này cũng đi xe ô-tô được như đường trên, nhưng xa hơn độ 30 km ;

Nho-Quan 35 km ;

Địch-Lộng 14 km và Phủ-Lý 33 km ;

Phát-Diệm 27 km ;

Đường thủy thuyền bè đi lại được khắp các dòng sông.

Tầu thủy đi được từ Ninh-Bình đến Nam-Định, Phát-Diệm và đến phủ Nho-Quan.

CÁC NƠI CỔ-TÍCH VÀ THẮNG-CẢNH

I. — **Hoa-Lư** - Ở huyện Gia-Viễn, thuộc xã Trường-Yên, có động Hoa-Lư, xưa là kinh-đô nhà Đinh và nhà Tiền-Lê ; hiện nay còn lăng và đền thờ vua Đinh và vua Lê.

Ở tỉnh-lỵ đi xem Hoa-Lư thì hoặc đi đường bộ, hoặc đi đường-thủy. Đi bộ thì theo con đường Ninh-Bình đi Nho-Quan, đến km 16 thì đến nơi. Đường thủy thì đi tầu hay đi thuyền, theo con sông Đáy độ 10 km thì đến bến Gián-Khẩu, đến đấy thì rẽ vào sông Hoàng-Giang độ 6 km thì đến xã Trường-Yên.

Ở bến lên, có một con đường hẹp lởm-chởm những đá, đi bộ độ nửa giờ thì đến làng An-Hạ có đền vua Lê. Mới đến, có một cái sập đá, rồi qua cửa tam-quan thì một bên có một cái giếng, một bên có một cái núi non-bộ làm bằng một tảng đá lớn. Đi hết một cái sân dài thì đến đền. Đền thì cổ và thấp lắm. Trong có tượng vua Lê và tượng bà Hoàng-Thái-Hậu nhà Đinh.

Đi khỏi đền vua Lê một ít, độ vài trăm thước thì đến đền vua Đinh ở làng An-Trung. Đền rộng-rãi hơn đền vua Lê. Ở ngoài sân cũng có một cái sập đá trên

mặt chạm rồng và hai bên có hai con nghê bằng đá tục truyền rằng lấy ở nước Xiêm-Thành về. Đền cũng thấp lắm, trong những cột đền sơn son thiếp vàng cả. Trong cung thì có tượng vua Đinh Tiên-Hoàng (1) Tục truyền

(1) Tiên-Hoàng họ Đinh tên là Bộ-Lĩnh, người ở động Hoa-Lư, phủ Đại-Hoàng (bây giờ là phủ Yên-Khánh) là con ông Đinh Công-Trứ.

Tục truyền rằng : vợ ông Trứ một hôm tắm ở dưới suối, bị một con dái-cá hiếp, về có mang. Sau người ta bắt con dái-cá ăn thịt, vứt xương đi ; bà ấy nhặt lấy đem về cất đi.

Khi ông Trứ mất, bà ấy mới sinh ra Đinh Tiên-Hoàng, Tiên-Hoàng nhớn lên, thông minh nhanh-nhẹn, lại tài lội. Nhà nghèo phải nương nhờ ở với chú. Bấy giờ có một thầy địa-lý Tàu sang nước ta xem đất, đến phủ Đại-Hoàng, trông xuống dòng sông, thấy nước sâu thăm thẳm mà xoáy mạnh lắm, đồ là đấy có huyệt đế-vương. Người địa-lý ấy mới gọi trẻ, thuê tiều bảo lặn xuống xem chỗ ấy thế nào. Tiên-Hoàng nhận nhời lặn xuống, thì sờ thấy có con ngựa bằng đá ; lúc lên bờ bảo với người khách, thì người ấy đưa cho nắm cỏ, bảo xuống giử vào mồm ngựa. Tiên-Hoàng cầm nắm cỏ xuống giử thì con ngựa ấy đớp ngay lấy.

Lúc lên nói truyện lại thì người khách lấy tiền thưởng cho rồi đi. Tiên-Hoàng vốn thông-minh, biết ngay chỗ ấy hẳn đại-huyệt, về nói với mẹ, xem mả cha ở đâu, để đem táng vào huyệt ấy. Bà mẹ trỏ lên gác bếp, rồi lấy nắm xương đưa cho con: Tiên-Hoàng lại lặn xuống chỗ vực xâu ấy, cũng lấy cỏ bọc nắm xương giử vào mồm ngựa thì con ngựa cũng đớp mà nuốt đi.

Từ đấy ngài sinh ra bạo tợn, các trẻ chăn trâu bò đều sợ, để ngài làm tướng, bẻ hoa lau làm cờ, chặt tre làm khí-giới, đi đánh nhau với trẻ các làng khác. Đi đến đâu trẻ cũng đều sợ hãi kính phục. Một bữa, hội hết trẻ các làng ở ngoài đồng rồi nhân có con bò của chú cho đi chăn, mổ ngay ra làm cỗ để khao chúng. Chú ở nhà nghe tin, tức giận lắm, vác gậy ra đuổi đánh. Ngài sợ hãi, chạy mãi sau phải nhảy choàng xuống sông. Bỗng dưng có con rồng vàng ở dưới sông hiện lên đội ngài lên. Người chú thấy vậy kinh hoảng, vội vàng bỏ gậy mà lạy phục xuống đất.

Từ bấy giờ danh tiếng ngài lừng lẫy, các hào-kiệt trong nước, để lòng trông mong về ngài. Nhân bấy giờ về cuối đời Nam-Tấn, nước ta có 12 ông Sứ-Quân nổi lên, mỗi người chiếm giữ một phương.

Tiên-Hoàng nhân dịp ấy, theo về ở với Trần Minh-Công. Trần Minh-Công thấy ngài là dòng-dõi tướng võ và có tài-cán, mới dùng cho cai-quản binh lính. Dần dần ngài đem quân đi giẹp được các Sứ-Quân rồi tự xưng là Vạn-Thắng-Vương. Lên ngôi Hoàng-Đế, đóng đô ở Hoa-Lư sửa sang thành-quách, cung điện, đặt hiệu là Đại-Cồ-Việt.

Ngài ở ngôi được mười-một năm bị Đỗ-Thích giết mất, đến đời con là Vệ-Vương thì cơ-nghiệp lại về tay triều khác.

rằng: xưa có cả tượng ngươi Đỗ-Thích là người đã ám sát vua; cứ đến ngày hội thì mang tượng ấy ra cửa đền mà đánh, nhưng từ đời vua Gia-Long đã bỏ cái tục ấy và đem đốt tượng Đỗ-Thích đi rồi.

Ngay trước cửa đền vua Đinh có ngọn núi Mã-An-Sơn cao độ hai trăm thước. Trên núi ấy có lăng vua Đinh, lên xem lăng phải trèo một con đường thật dốc đi thật khó khăn; lên độ lưng chừng núi thì có một khoảng hơi phẳng xung quanh thì đá ngổn-ngang. Đấy là lăng, trông thật giản-dị, chỉ có một cái bia một mặt đề mấy chữ « Đinh-Tiên-Hoàng đế lăng phụng sắc-kiến », niên hiệu Minh-Mệnh nhị thập nhất niên (1840), và một mặt thì đề « Hàm-Nghi nguyên niên trùng tu Tiên-đế lăng ».

Lăng vua Lê thì ở Phạm-Sơn cũng giản-dị, không trang hoàng gì cả.

II. — **Động Địch-Lọng**. — Cách Ninh-Bình độ 14 km (đường Ninh-Bình đi Phủ-Lý) ở núi Đông-Nham có động Địch-Lọng Ở chân núi có một cái đền nhỏ, lên một cái dốc 80 bực, (làm năm 1841 để vua Minh-Mệnh đến ngự) thì vào đến chùa. Động ấy có một lối đi giữa, hai bên có hai lối con; trong động nhũ đá rủ xuống thành lắm hình kỳ dị như rồng, rùa, chó, vân vân.

III. — **Động Thiên-Tôn**. — Ở làng Đà-Gia huyện Gia-Khánh có động gọi là động Thiên-Tôn thờ đức thánh Trấn-Võ, đã hơn nghìn năm. Bên tả động có Long-Thủy dẫn mạch, liền với đại-hà, bên hữu có Tượng-Sơn dẫn mạch, gần cổ đế-đô. Động ngoài có thờ Nam-Tào Bắc-Đẩu cùng các vị Kim-Cương, động trong có thánh-tượng tôn nghiêm; trông lên trong động có nhũ đá, trông xuống động có giếng ngọc nước trong, sâu ba trượng, thật là một phong-cảnh thiên nhiên đẹp-đẽ.

Năm nào cũng từ mồng bốn đến mồng mười tháng ba thì làng mở hội.

Kể những nơi du-lịch khác thì có nhà thờ Phát-Diệm cũng đẹp lắm. Nhà thờ làm toàn bằng đá trông rất nguy-nga.

TỈNH PHÚC-YÊN

Vị-trí và diện-tích. — Tỉnh Phúc-Yên (1) bắc giáp Thái-Nguyên, nam giáp sông Hồng-Hà, đông giáp Bắc-Ninh và Bắc-Giang, tây giáp Vĩnh-Yên.

Diện-tích. — Diện-tích đo được 226 555 mẫu ta (815 km vuông).

Núi. — Tỉnh Phúc-Yên phần nhiều là đất đồng bằng, chỉ ở phía tây-bắc có ít núi nhỏ ở dẫy Tam-Đảo lan xuống thôi. Những núi ấy thấp, như núi Con-Gà, núi Chân-Chim, núi Đen.

Sông. — Ở tỉnh Phúc-Yên thì có sông Hồng-Hà, sông Cầu (Nguyệt-Đức-Giang) và sông Cà-Lồ (Phủ-Lỗ-Giang) chảy qua. Sông Hồng-Hà thì chảy ở phía tây-nam, sông Cầu thì chảy ở phía đông và dùng làm giới-hạn với tỉnh Bắc-Giang và tỉnh Bắc-Ninh. Ở hai sông ấy không có bến tầu thủy nào, chỉ có những thuyền bè đi qua các làng ở ven sông mà thôi. Sông Cà-Lồ chảy từ sông Hồng-Hà sang sông Cầu. Những thuyền bè không đi lại được, vì có khúc cạn.

Khí-hậu. — Khí-hậu tỉnh này cũng lành như các tỉnh *Trung-châu*.

Dân-cư. — Dân-cư được độ 146.500 người, trong số đó có độ hơn 350 người Mán.

Tỉnh-lỵ và các phủ, huyện. — Tỉnh-lỵ Phúc-Yên cách Hà-Nội 40 km, có đường hỏa-xa từ Hà-Nội lên Lào-Kay chạy qua. Đến ga Tháp-Miếu là tỉnh lỵ.

Tỉnh Phúc-Yên chia làm:

1·) Hai phủ: Đa-Phúc và Yên-Lãng;

2·) Hai huyện: Đông-Anh và Kim-Anh;

3·) 34 tổng và 217 xã.

---

(1) Từ năm 203 đến 221, Phúc-Yên là huyện Phong-Khê thuộc quận Giao-Chỉ. Đến đời nhà Đinh (968 đến 980) và đời Hậu-Lý (1009 đến 1225) gọi là huyện Tiên. Đến năm 1891 thì thuộc tỉnh Sơn-Tây, mãi đến năm 1905 thì mới thành tỉnh gọi là tỉnh Phúc-Yên.

Thuộc tỉnh Phúc-Yên thì có những nơi này là chính:

1·) Phủ-Lỗ xưa là tỉnh-lỵ, cách Hà-Nội 20 km ở đường lên Thái-Nguyên.

2.) Xuân-Kiều, cách Hà-Nội 17 km ở đường hỏa-xa Hà-Nội lên Việt-Trì. Gần đấy có đền Cổ-Loa.

3·) Đông-Anh, cách Hà-Nội 22 km.

4.) Mỹ-Nội-Thôn, cách Hà-Nội 27 km.

5·) Thạch-Lỗi, cách Hà-Nội 34 km.

6.) Tháp-Miếu, cách Hà-Nội 40 km.

7.) Đa-Phúc, cách Hà-Nội 40 km ở đường bộ Hà-Nội lên Thái-Nguyên.

Canh-nông và sản-vật.. — Khắp tỉnh người ta chuyên về việc canh-nông. Nhiều nơi người Pháp và người Nam mở đồn-điền, xem ra thịnh lắm. Dân-sự lại chăm về nghề chăn nuôi để lấy súc-vật dùng về việc cầy cấy.

Những lâm-sản thì ít, vì không có mấy nỗi rừng, người ta chỉ lấy được những gỗ tạp mà thôi.

Việc giao-thông. — Các đường thủy thì có sông Hồng-Hà, sông Cầu nhưng không được tiện lợi lắm.

Phần nhiều người ta dùng đường bộ. Có những đường sau này lớn nhất:

1·) Đường Hà-Nội đi Thái-Nguyên qua địa-phận Phúc-Yên (đi xe lửa lên Đông-Anh rồi đi xe ô-tô lên Thái-Nguyên qua Phủ-Lỗ, Phủ Đa-Phúc).

2·) Đường đi từ Phúc-Yên đến Bắc-Ninh qua Phủ-Lỗ.

3) Đường Đa-Phúc đi Đại-Độ (Trèm) qua Thạch-Lỗi.

4·) Đường Hà-Nội đi Vĩnh-Yên đi qua Đại-Độ (Trèm).

Lại có một đường xe-hỏa đi qua tỉnh-lỵ Phúc-Yên, lên Vĩnh-Yên (Đường Hà-Nội đi Lào-Kay).

NHỮNG NƠI CỔ-TÍCH VÀ THẮNG-CẢNH

Tỉnh Phúc-Yên ở đất đồng bằng, gần Hà-Nội, về đường du-lịch cũng không có gì đẹp, phong-cảnh cũng giống như các tỉnh ở miền trung-châu khác.

I. — **Đền Cổ-Loa.** — Ở làng Cổ-Loa thuộc huyện Đông-Anh có một nơi cổ-tích ta nên xem lắm, là đền Cổ-Loa thờ vua Thục An-Dương-Vương (1).

Làng Cổ-Loa xưa là kinh-đô nhà Thục, hiện nay hãy còn vết-tích. Có đền thờ vua Thục, tức là cung điện nhà vua khi xưa. Ngoài cửa đền xây mấy bậc đá, có hai con rồng đá cổ lắm, qua cửa thì vào đền chính. Ở trong đền về phía tả và phía hữu có bài vị thờ vương-phụ và vương-mẫu. Ở giữa, trong cùng, có tượng vua An-Dương bằng đồng, cân được 255 cân.

---

(1) Tục truyền rằng: khi An-Dương-Vương xây Loa-thành, có nhiều yêu-quái đến quấy nhiễu, cho nên xây mãi không được. An-Dương-Vương mới lập đàn lên cầu khẩn, thì có con kim-qui hiện lên, bày phép cho vua trừ được yêu-quái và xây được thành. Kim-qui lại cho An-Dương-Vương một cái móng chân, để làm cái lẫy nỏ, lúc nào có giặc, đem cái nỏ ấy ra bắn một phát thì giặc chết hàng vạn người.

Cũng nhờ có cái nỏ ấy mà An-Dương-Vương đánh được Triệu-Đà. Sau Triệu-Đà dùng kế cho con là Trọng-Thủy sang lấy Mị-Châu là con gái An-Dương-Vương, rồi giả kết nghĩa hòa-thân để do thám tình thực. Trọng-Thủy lấy được Mị-Châu, rồi hỏi dò vợ tại làm sao mà không ai đánh được nước Âu-Lạc. — Mị-Châu nói chuyện cái nỏ, và lấy cho chồng xem. Trọng-Thủy bèn lấy cái móng kim-qui đi và làm một cái lẫy nỏ giả thay vào, rồi trở về báo tin cho cha biết. Khi sắp về, Trọng-Thủy hỏi Mị-Châu rằng: « Tôi về mà nhỡ có giặc, thì tôi biết đâu mà tìm thấy nàng? » Mị-Châu nói: « Thiếp có cái áo lông ngỗng, hễ khi thiếp có chạy về đâu, thì thiếp lấy lông ấy rắc ra dọc đường để chàng cứ theo vết mà tìm. »

Trọng-Thủy về kể lại với Triệu-Đà tình đầu mọi sự; Triệu-Đà bèn khởi binh sang đánh Âu-Lạc. An-Dương-Vương cậy có cái nỏ, không phòng bị gì cả, đến khi quân giặc đến gần chân thành, mới đem nỏ ra bắn, thì không thấy hiệu-nghiệm nữa. An-Dương-Vương mới đem Mị-Châu lên ngựa chạy về phía Nam. Chạy đến núi Mộ-Dạ (thuộc huyện Đông-Thành tỉnh Nghệ-An), gần bờ bể, vua thấy giặc đuổi kịp quá, mới khấn kim-qui lên cứu. Kim-qui lên nói rằng: « Giặc ngồi sau lưng nhà vua đấy! » An-Dương-Vương tức giận quá, rút gươm ra chém Mị-Châu đi rồi nhảy xuống bể tự-tận. Tục truyền rằng: Mị-Châu chết thì hóa ra ngọc trai. Nay ở trên núi Mộ-Dạ, gần xã Cao-Ái, huyện Đông-Thành, tỉnh Nghệ-An, có đền thờ An-Dương-Vương (đây có nhiều cây cối, có nhiều chim công, cho nên tục gọi là đền Công).

Trọng-Thủy theo lối lông ngỗng của vợ rắc, đem binh đuổi đến núi Mộ-Dạ, thấy xác vợ chết nằm đó, thương xót vô cùng, vội vàng đem cất táng xong rồi, nhảy xuống cái giếng ở trong Loa-Thành mà tự-tử.

Ở trước cửa đền có một cái giếng, tục truyền rằng: xưa Trọng-Thủy trầm mình ở đấy, và nước giếng ấy dùng rửa ngọc châu thì thêm sáng ra. Bởi thế xưa ta phải lấy nước giếng ấy đem sang cống Tàu để rửa hạt châu. Đến cuối đời nhà Lê, ông Nguyễn Công-Hãn sang sứ Tàu mới xin bãi lệ cống ấy.

Ở gần đình lại có một cái đền thờ nàng Mị-Châu là con gái vua An-Dương, vợ Trọng-Thủy. Ở trong cung có một hòn đá to mọc đã lâu.

Trước cửa đền ấy có một cây đa cổ-thụ rễ mọc quấn-quít thành một cái cửa đi vào trông rất đẹp. Gần đấy lại có một cái mả, tục truyền là mả nàng Mị-Châu và một nơi gọi là Xạ-đài là nơi vua tập bắn khi xưa.

Đi xem đền Cổ-Loa thì đi xe hỏa đến ga Xuân-Kiều rồi xuống, rẽ vào con đường sau lưng nhà ga đi độ 10 phút thì đến đền.

II. — **Đền hai bà Trưng.** — Về phía nam Phúc-Yên gần đê sông Hồng-Hà ở làng Hạ-Lôi có đền thờ hai bà Trưng-Trắc và Trưng-Nhị xưa đã có công đánh đuổi quân Tàu, khôi phục lại được nền độc-lập cho nước Nam ta trong ba năm.

THÁI NGUYÊN
VĨNH-YÊN
Giấy núi Tam-Đảo
N Bái-Đông
N. Chùa Đỏ
N. Đông Dót
N. Con Cá
N. Đông Cọ
N. Đen
N. Con Cá
PHỦ ĐA-PHÚC
Đa Phúc
HUYỆN
KIM-ANH
Xuân Đức
S. Cà Lồ
Tháp Miêu
Thanh Nhân
PHÚC-YÊN
Thạch Lỗi
Phủ Lỗ
S. Cà Lồ
Phần Sá
PHỦ YÊN-LÃNG
Thạch Lỗi
Mỹ Nội Thôn
Đông Anh
SÔNG HỒNG-HÀ
Động Keo
H. ĐÔNG-ANH
Cổ Loa
Đức Tu
Xuân Kiều
BẮC-NINH
Đại Độ
Bến Trèm
Gia Lâm
HÀ-ĐÔNG
HANOI
ĐỊA-ĐỒ PHÚC-YÊN
Thước đo 250.000 phần nhỏ lại
0 2 4 6 8 K
Lời dặn
Địa-giới Tỉnh
Địa-giới Huyện
Núi
Sông
Đường xe hỏa
Đường đá
Đường đất

TUYÊN QUANG
YÊN-BÁI
PHỦ ĐOAN-HÙNG
PHỦ-ĐOAN
Ngòi Sen
Sông Chảy
Sông Lô Giang
HA-HÒA
HUYỆN
SÔNG HỒNG HÀ
Tây Quan
Yên Sao
Phi Định
Tăng Xá
Ngòi Giam
H. THANH-BA
H. PHÙ-NINH
Lê My
Chí Chỏ
PHÚ-THỌ
Yên Tập
Ngòi Me
Hương Lương
VĨNH-YÊN
Sông Lô Giang
H. HẠC-TRÌ
VIỆT-TRÌ
Bạch Hạc
PHỦ LÂM-THAO
S. HỒNG HÀ
Tứ Mỹ
H. CẨM-KHÊ
H. TAM-NÔNG
CHÂU YÊN LẬP
Đức Phong
HƯNG HÓA
Đồn Vàng
ĐÔNG VÀNG
La Phù
Ngã Hai
YÊN BÁI
SƠN LA
N. Con
CHÂU THANH SƠN
S. Mua
N. Lai Hai
Dat Coi
HUYỆN THANH THỦY
Tu Vu
Ngòi Lao
SƠN-TÂY
HÒA-BÌNH
HÒA-BÌNH
ĐỊA-ĐỒ PHÚ-THỌ
Thước đo 500.000 phần nhỏ lại
0 5 10 15
Lời dặn
Địa-giới Tỉnh
Địa-giới Huyện, Châu
Núi
Sông
Đường xe hỏa
Đường đá
Đường đất

TỈNH PHÚ-THỌ

Vị-trí và diện tích. — Tỉnh Phú-Thọ xưa là tỉnh Hưng-Hóa, đông giáp sông Lô-Giang và sông Đà-Giang (phân địa-giới với tỉnh Sơn-Tây và tỉnh Vĩnh-Yên), bắc giáp Tuyên-Quang và Yên-Bái, tây giáp Sơn-La và nam giáp Hòa-Bình.

Diện-tích đo được 944.777 mẫu ta (3.400 km vuông).

Núi. — Những núi ở Phú-Thọ chia làm hai dẫy chính, cách sông Hồng-Hà với hai chi-lưu sông ấy là sông Chẩy và sông Bờ ra. Hai dẫy núi ấy là do từ dẫy núi to ở miền biên-thùy phía bắc lan xuống, về phía sông Chẩy thì chỉ có những đồi thấp thôi, nhưng về phía một bên sông Hồng-Hà và một bên sông Bờ thì có những ngọn núi cao từ 800 đến 1.000 thước tây.

Sông. — Tỉnh Phú-Thọ có ba con sông lớn chảy qua, là sông Hồng-Hà và hai chi-lưu là: sông Lô-Giang và sông Đà-Giang. Ba sông ấy lại có nhiều chi-lưu nhỏ chảy qua các thung-lũng như :

A) Ở sông Hồng-Hà về hữu-ngạn có : 1·) Sông Bứa, ở xứ mường xuống, chảy qua Đồn-Vàng vào sông Hồng-Hà ở gần làng Tứ-Mỹ ; 2·) Ngòi Gianh, phát-nguyên ở núi Đại-Thân và chảy vào sông Hồng-Hà ở gần Tăng-Xá ; 3·) Ngòi Lao phát-nguyên ở gần Nghĩa-Lộ và chảy vào sông Hồng-Hà ở gần làng Bằng-Dã.

B) Ở sông Lô-Giang thì có sông Chẩy là chi-lưu. Sông Chẩy phát-nguyên ở núi Hoàng-Tu-Pho chảy qua châu Lục-An, phủ Yên-Bình, rồi chảy vào sông Lô-Giang ở phủ Đoan-Hùng.

Khí-hậu. — Khí-hậu ở tỉnh Phú-Thọ cũng từa-tựa như khí-hậu các tỉnh khác ở đồng bằng, nhưng có nhiều miền như Đồn-Vàng, và nhất là Ngã-Hai (Yên-Lập) thì khí-hậu không được lành ; những thung-lũng ở gần rừng vừa ẩm thấp lại lắm sơn-lâm chướng-khí cho nên khí-hậu hơi độc.

Dân-cư. — Dân-cư chia mười thì chín phần là người Việt-Nam (258.000), còn một phần là người Mường (27.000) và người Mán (1.800). Tất cả dân-cư ước được độ 303.000 người.

Tỉnh-lỵ và các phủ, huyện. — Tỉnh Phú-Thọ chia làm:

1·) 2 phủ: Đoan-Hùng vào Lâm-Thao.

2·) 7 huyện: Thanh-Thủy, Tam-Nông, Hạc-Trì, Phù-Ninh, Thanh-Ba, Cẩm-Khê, Hạ-Hòa.

3·) 2 châu: Yên-Lập và Thanh-Sơn.

4·) 66 tổng và 468 xã.

Tỉnh Phú-Thọ có một Đại-lý là Đại-lý Hưng-Hóa.

Tỉnh-lỵ là Phú-Thọ cách Hà-Nội 99 km, cách Hải-Phòng 189 km và cách Yên-Bái 38 km, ở gần ngã ba sông Hồng-Hà và sông Đà-Giang.

Ở tỉnh lại có mấy nơi quan trọng như:

1·) Việt-Trì là đồn có lính đóng ở trên ngã ba sông Lô-Giang và sông Hồng-Hà cách Hà-Nội 66 km, cách Hưng-Hóa 22 km, cách Hải-Phòng 176 km.

2·) Phủ Đoan-Hùng trên ngã ba sông Chảy và sông Lô-Giang cách Hà-Nội 95 km, cách Phú-Thọ 34 km.

3·) Hưng-Hóa xưa là tỉnh-lỵ, nhưng từ ngày đặt tỉnh Phú-Thọ thì thành một đồn, có quan Đại-lý, quan Giám-binh sở Thương-chính, sở Bưu-điện, nhà Thương.

Canh-nông. — Đất Phú-Thọ phần nhiều là đồi núi cho nên ít cấy lúa, dân-sự chỉ giồng-giọt những cây cối như sơn (1), gió, chè, hoàng-tinh, sắn và những cây ép dầu, như dọc, chẩu, vân vân..

Kỹ-nghệ. — Tuy rằng tỉnh có vật liệu sẵn, nhưng dân-sự không chuyên về kỹ-nghệ gì cả; chỉ ở La-Pho, huyện Thanh-Thủy người Pháp có sở làm cánh-kiến và Việt-Trì có nhà máy làm giấy thôi.

---

(1) Tỉnh Phú-Thọ có nhiều sơn, mỗi năm bán cho các nơi nhất là người Nhật đến 2, 3 vạn bạc.

Thương-mại. — Ở tỉnh Phú-Thọ người ta buôn bán nhiều nhất là gỗ ở rừng lấy ra. Ở chợ Vạn-Hang, chợ Phú-Thọ và bến Việt-Trì có bán nhiều gió và lá gồi.

Đường giao-thông. — Trước hết có đường xe hỏa Hà-Nội, Lào-Kay đi qua Việt-Trì và Phú-Thọ, rồi đến đường bộ đi Tuyên-Quang (58 km) (1), đường đi Hưng-Hóa, Sơn-Tây.

Đường thủy thì có tầu chạy về Sơn-Tây và Hà-Nội, chạy lên Tuyên-Quang và Chợ-Bờ (qua Việt-Trì và Phủ-Đoan).

Đường xe lửa — Việt-Trì Lào-Kay. — Kể từ Hà-Nội lên đến km 72 là Việt-Trì ; — 81 là Phú-Đức, thuộc huyện Hạc-Trì, có giồng nhiều chè và sơn ; — 90 là ga Tiên-Kiên thuộc phủ Lâm-Thao có núi Nghĩa-Cương trên có đền thờ vua Hùng-Vương ; — 99 là Phú-Thọ ; — 108 là Chí-Chủ thuộc tổng Hoàng-Cương (Huyện-lỵ huyện Thanh-Ba) ; — 115 là Thanh-Ba ; — 131 là Am-Thượng (huyện-lỵ huyện Hạ-Hòa). Từ đấy trở lên thuộc tỉnh Yên-Bái.

NHỮNG NƠI CỔ-TÍCH VÀ THẮNG-CẢNH

I — **Đền Hùng-Vương.** — Cách ga Tiên-Kiên độ 3 km5, về phía đông-bắc, có Núi-Đền (Núi Nghĩa-Cương, hay là Nghĩa-Lĩnh) về làng Hy-Cương (Cổ-tích) có đền thờ vua Hùng-Vương ; năm nào cũng đến mồng mười tháng ba thì mở hội. — Từ ga Tiên-Kiên vào Núi-Đền có đường đi xe được (5 km). Đến chân núi có giốc độ ngót 400 bậc lên đến đỉnh. Trên đỉnh núi có đền thờ (đền-Thượng) và có lăng vua Hùng-Vương. Đứng trên núi trông thấy ngã ba sông, (tức là ngã ba Hạc). Núi Tam-Đảo và núi Ba-Vì, phong-cảnh thật đẹp. Trước đền Trung có nhà bia, bên hữu đền lại có chùa, dưới chân núi có đền thờ hai bà chúa gọi là đền Giếng.

(1) Có xe ô-tô chạy mỗi ngày một chuyến đi và một chuyến về (4 giờ sáng ở Tuyên chạy thì 7 giờ đến Phú-Thọ ; — 11 giờ ở Phú-Thọ đi Tuyên thì độ 2 giờ đến).

II. — **Đền-Giếng.** — Thờ hai bà chúa, con vua Hùng-Duệ-Vương, ở dưới núi Hùng-Sơn. Trước ban thờ có mạch nước chảy thành giếng, nước trong và mát.

III. — **Chùa-Hang.** — Ở làng Vân-Nham phủ Đoan-Hùng có động gọi là Chùa-Hang — Ở cửa động (cao độ ba thước tây rộng 10 thước tây có một cái bài-vị đề ba chữ « Vân-Nham-Động ». Trong động có một pho tượng cao độ một thước. Đi xem động thì hoặc đi tầu thủy từ Việt-Trì lên Tuyên-Quang hoặc đi xe ô-tô đến Đoan-Hùng rồi đi đò đến Đồn-Hang.

IV. — **Thác Hương-Kiên.** — Ở dưới Yên-Lập trên ngòi Mè có một cái thác đẹp lắm, gọi là thác Hương-Kiên. Muốn xem thác ấy thì đi xe theo đường Hà-Nội lên Tỉnh-Cuông, huyện Cẩm-Khê.

TỈNH QUẢNG-YÊN

Vị-trí và diện-tích. — Tỉnh Quảng-Yên (1) chạy ngang, từ Đông-Triều đến tỉnh Hải-Ninh; tây giáp tỉnh Kiến-An có sông Gia phân địa-giới, đông-bắc giáp tỉnh Hải-Ninh, đông-nam và nam giáp bể.

Diện-tích. – Diện-tích được độ 642.527 mẫu ta (2.315 km vuông).

Núi và các đảo. — Về miền huyện Yên-Hưng, nam giáp sông Chanh, cách tổng Hà-Nam, tây giáp sông Rung đông giáp sông Liệp và bắc giáp núi Lấp, có một dẫy núi nhỏ, ở Quảng-Yên thì thấp, ma càng lên phía Bắc về mặt Lạng-sơn thì càng cao. Trong dẫy núi ấy thì có những ngọn sau này là cao nhất: núi Lấp cao 250 thước tây. Núi Hóp và núi Bình-Hương cao 260 thước tây, núi Vương-Voi cao 300 thước tây, núi Yên-Tử cao 450 thước tây và núi Lôi-Am cao 550 thước tây. Ở phía bắc Hạ-Mộ-Công thì có một dẫy núi có mỏ than, bắt đầu từ Ke-Bao (Cái-Bầu) chạy về phía tây đến Hồng-Gay (Hàng-Gai); từ đấy lại lan về Uông-Bí, và Hạ-Mộ-Công, rồi lại tiếp vào giẫy Đông-Triều. Đảo « Deux Song » cũng có lắm cái núi đá mọc thẳng tắp, xung quanh có những núi con, ngọn cao nhất đến 200 thước tây. Tổng Hà-Nam thì chỉ tinh những đất phù-sa ở sông Thái-Bình bồi đắp đã ba thế-kỷ nay mà thành nên. Xung quanh tổng có một cái đê cao độ 4 thước tây. Đảo Cát-Bà có lắm núi đá vốn là loài núi lửa như đảo « Deux Song » cho nên mọc ngổn-ngang lắm. Những núi ấy trông ra lắm hình kỳ dị cho nên người ta đặt lắm tên lạ, nào là đảo « Deux Cirques » đảo Con-Cóc, đảo Nón Linh-Tập (Salacco), đảo chữ Thập, vân vân, Phía tây đảo Cát-Bà thì có đảo Nghiêu-Phong.

(1) Quảng-Yên xưa gọi là Chao-Lượng châu, đến năm 1023 đổi là Vĩnh An châu, rồi đến 1149 lại đổi là Vân-Đồn trang, năm 1242 gọi là Hải-Đông Lộ, năm 1345, Vân-Tôn chấn. Đến năm 1578 đổi là An-Bang rồi sau gồm cả phủ Kinh-Môn thuộc châu Hải-Dương vào gọi là An-Quảng. Năm 1802 lập thành châu Quảng-Yên rồi đến năm 1822 thì đổi là phủ Quảng-Yên.

Đảo này liền với tổng Hà-Nam và đất cũng là phù-xa bồi đắp mãi mà thành nên. Đảo Nghiêu-Phong thì không có đê như tổng Hà-Nam ; đảo ấy phân ra nhiều những đảo con xung quanh có những lạch chảy, hễ nước thủy triều lên tràn vào thì mới đi lại được. Đảo ấy cũng không có một cái núi nào, cho nên giá thủy triều lên cao hơn những ngày lên mạnh nhất bây giờ độ một thước tây thì thường ngập cả. Đảo Cái-Bầu (Ke-Bao) là do dãy núi ở *Fai-Si-Long* phân ra, dài độ 30 km. Trong đảo có hai cái lũng : cái thứ nhất đi từ Cái-Bầu đến Vạn-Hoa (Port-Wallut) trên có đường sắt của hội-mỏ đặt để chở than khai ở Cái-Bầu đem ra Vạn-Hoa để đáp tầu, cái thứ nhì đi tự phía đông đến phía tây, đến tận Cẩm-Phả ; cái thứ ba đi từ phía nam đến phía bắc có đường giây thép từ Vạn-Hoa đến Pointe-Pagode, chạy qua. Nửa đảo thì đầy những rừng. Về tổng Vân-Hải thì có đảo Vân-Hải, đảo Cái-Bầu, đảo La Madeleine, đảo Longue, đảo Rousse và nhiều những đảo nhỏ nữa không kể hết được.

Trừ ra đảo Vân-Hải, còn những đảo khác thì không có dân-cư, chỉ mùa đến thì có người vào rừng đẵn gỗ qua lại mà thôi.

Sông ngòi. — Ở Quảng-Yên có những sông kể sau này :

Sông Lục-Ngạn phát-nguyên ở phía đông-bắc, hạt An-Châu về hữu-ngạn có hai chi-lưu chính là sông Vi-Loại và sông Say, còn về tả-ngạn thì những chi-lưu tầm thường lắm.

Sông Gia phát-nguyên tại miền Phả-Lại (Sept Pagodes) đến xã Phi-Liệt thì chia ra làm hai chi : chi về phía bắc thì gọi là sông Đá-Bạc, còn chi về phía nam thì vẫn gọi là sông Gia. Hai chi ấy chảy thành ra đảo « Deux Song » đến Dưỡng-Động thì lại họp thành Cửa-Nam-Triệu, tức là Bạch-Đằng-Giang sông này chảy đến ngang Quảng-Yên thì lại chia ra một chi chảy về đông-nam gọi là sông Chanh.

Ở phía tây huyện Yên-Hưng, có sông Thương chảy vào Cửa-Nam-Triệu và về phía đông có con sông Liệp. Ở đảo « Deux Song » cũng có mấy con sông nhỏ như sông Mui và sông Con làm cho sông Gia và sông Đá-Bạc lưu tiếp với nhau. Còn nhiều những sông con nữa như sông Bang, sông Troi và sông Yên-My nhưng chỉ khi thủy-triều lên thì thuyền mới đi lại được.

Khí-hậu. — Khí-hậu tỉnh Quảng-Yên và nhất là tại tỉnh-lỵ thì rất là lành và tốt vì ở đấy có gió bể vào luôn.

Dân-cư. — Dân-cư tỉnh Quảng-Yên thì có người Việt-Nam (65.000 người), người Trung-Hoa (6.700 người) và người Man. Người Trung-Hoa ở Hồng-Gai đông nhất. Người Mán thì ở miền núi, nhất là ở Phố-Ba-Chê về phía bắc huyện Hoành-Bồ.

Tỉnh lỵ và các phủ huyện. — Tỉnh-lỵ Quảng-Yên cách Hà-Nội 116 km và cách Hải-Phòng 20 km.

Quảng-Yên chia ra làm :

1.) 3 huyện là: Yên-Hưng, Cát-Hải và Hoành-Bồ.

2.) 14 tổng, 100 xã.

Tỉnh Quảng-Yên có một Đại-lý là Đại-lý Cát-Bà.

Canh-nông. — Đất Quảng-Yên nhiều núi non, khô-khan, và dân cư thì nghèo, nên việc canh nông không thể phát đạt được. Song có tổng Hà-Nam về huyện Yên-Hưng đất có mầu nhất thì dân cấy thóc, ngô, giồng khoai, đậu, mía, thuốc lá, đậu và các thứ rau. Nhưng phần nhiều chỗ chỉ cấy được vụ tháng mười thôi.

Ở huyện Yên-Hưng và miền Uông-Bí là chỗ giao-thông tiện lợi thì có nhiều đồn điền cấy thóc và nuôi trâu bò lợi lắm.

Rừng. — Ở Quảng-Yên có nhiều rừng lắm, nhất là ở những cái đảo đã kể ở trên và về mạn sông Vi-Loại và sông Say. Các huyện thì có huyện Hoành-Bồ là lắm rừng nhất. Trong rừng có lắm thứ gỗ tốt và các lâm sản như tre, song, mây, nhựa thông, vân vân. Giồng thông là một mối lợi rất lớn ở trong tỉnh. Mấy năm nay sở Kiểm-Lâm chăm khuyến-khích về việc giồng thông; bây giờ có đến mấy mươi trăm vạn cây thông còn nhỏ. Ở Yên-Lập ((cách tỉnh 16 km) có sở cất nhựa thông ra thành essence térébenthine.

Mỏ. — Quảng-Yên có lắm mỏ than như mỏ Hồng-Gai, Hà-Tou, Cẩm-Phả, Cái-Bầu. Hai miền mỏ này mươi năm nay và nhất là từ khi cuộc chinh chiến Âu-châu xong đến giờ thì thịnh vượng lắm. Ở Uông-Bí không những có mỏ than mà xem ra lại có cả mỏ sắt nữa.

Trong tỉnh có lắm xưởng lấy đá hoặc để nung vôi hoặc để lát đường.

Kỹ-nghệ.— Dân hạt Cát-Hải và Nghiêu-Phong có nghề làm muối, làm nước mắm và mắm tôm. Dân tổng Vân-Hải có nuôi tằm, huyện Hoành-Bồ có nghề giồng chè. Nghề thịnh nhất trong tỉnh là nghề đánh cá làm mắm.

Thương-mại.— Việc thương-mại thịnh vượng nhất ở huyện Yên-Hưng vì huyện ấy giáp tỉnh và giáp Hải-Phòng; ở huyện Hoành-Bồ, và tổng Vân-Hải thì dân chuyên nhất về nghề vào rừng đẵn gỗ đem bán cho người Trung-Hoa, họ chở sang Hải-Phòng.

Đường giao-thông. — Tỉnh Quảng-Yên chia ra làm hai phần: Một phần giáp bể và một phần nhiều núi. Ở khu nhiều núi thì sự giao-thông khó khăn lắm. Còn ở khu giáp bể thì giao-thông bằng tầu chạy ở vịnh Hạ-Long. vịnh Fai-Si-Long hay ở các sông đã kể ở trên.

Song có mấy đường chính là đường từ:

1·) Quảng-Yên đi Hải-Phòng qua Núi-Đèo;

2·) Quảng-Yên đi Hồng-Gai qua Yên-Lập;

3·) Quảng-Yên đi Uông-Bí, Tràng-Bạch và Mạo-Khê.

NHỮNG NƠI CỔ-TÍCH VÀ THẮNG-CẢNH

I. — **Chùa Yên-Tử.** — Yên-Tử là một cái chùa có tiếng nhất ở huyện Yên-Hưng, về đường lịch-sự và về đường tôn-giáo. Chùa xây ở trên núi Yên-Tử, cách Đông-Triều độ 23 km.

Khách du-lịch đi tự Hà-nội, chuyến xe-lửa thứ nhất, xuống Hải-Phòng thì đỗ ở ga Phú-Thái, rồi đi xe tay đến đồn Yên-Lưu. Từ Yên-Lưu đi thuyền theo dòng sông Kỳ độ 4 giờ đến bến Vỹ, đi độ đến đồn Tràng-Bạch thì vừa tối. Hôm sau đi bộ suốt một ngày, qua rừng, trèo núi lội qua đến ba mươi cái xuối mới đến chùa Đồng làm tận trên đỉnh núi. Leo trèo rất là khó nhọc, nguy hiểm. Lúc lên thì phải bám chặt lấy cành thông, không thì lăn xuống; lúc xuống thì phải bò, không thì chóng mặt cũng ngã. Đường đi thì rất là vắng-vẻ. Thỉnh-thoảng mới gặp một người Mán vào rừng kiếm củi, tìm nâu hay là hái thuốc.

Trước nhất thì đến chùa Cấm-Thực rồi đến chùa Vân-Chiêu, chùa Yên-Tử, chùa Bảo-Sát, rồi mới đến chùa Thiên-Trúc, thường gọi chùa Đồng. — Bấy nhiêu cái chùa thì chỉ có cái thứ nhất là bằng gạch, cái thứ nhì bằng gỗ lợp gianh cái thứ ba cái thứ tư lợp kẽm, cái thứ năm thì bằng đồng cả. — Những chùa ấy thì cũng chẳng lấy gì làm đẹp. Duy có cái chùa Đồng là lạ: Nội trong chùa từ mái, dầm, xà, cột, cho chí đồ thờ toàn bằng đồng cả.

Chùa Đồng thờ vua Nhân-Tôn nhà Trần. Ngài trị vì được 14 năm, rồi ngài về ở núi Yên-Tử mà tu niệm suốt đời (1).

Chùa Bảo-Sát thờ ông Pháp-Loa là một vị thiền-sư Tàu đã hiển thánh và đã truyền đạo phật sang nước Nam trước nhất.

Chùa Yên-Tử thờ ông Hoàng An-Kỳ-Sinh.

Chùa Vân-Chiêu và Cấm-Thực thờ ông Huyền-Quang về đời nhà Trần, hay chữ lắm, đỗ Trạng-Nguyên rồi chán đời đi tu.

Có một đường đi Yên-Tử nữa là đi đường Lục-Nam qua Lầm vào thì có phần tiện lợi hơn và có đường vào gần tới nơi hay đi qua Mai-Xú cũng có đường.

II. — **Núi-Tiên.** — Ngay ở tỉnh-lỵ thuộc xã Quỳnh-Lâu có một trái núi gọi là núi Tiên, công-sở lập cả ở trên. Trái núi ấy trông ra hình một người đàn bà nằm, đầu tóc rũ-rợi, ngực phơi ra, một chân duỗi. Trên núi có một cái giếng cũng gọi là giếng Tiên, nước trong vắt.

Trên núi ấy có thành vua Gia-Long xây năm 1802 và đến năm 1826 vua Minh-Mệnh tu bổ lại.

III. — **Hạ-Long.** — Các bản-đồ ta thì gọi miền ấy là Lục-Hải, nhưng bây giờ người ta thường gọi là vịnh Hạ-Long. Tục truyền rằng xưa có một con rồng từ trên giời sa xuống đấy, nên gọi là Hạ-Long.

---

(1) Tục truyền rằng khi vua Nhân-Tôn đến tu ở Yên-Tử-Sơn thì có ba trăm cung-tần theo ngài ; nhưng không ở đấy được và cũng không muốn về, bèn trẫm mình cả xuống một cái suối, nay gọi là « suối Giải Oan »; cho nên gần đấy có một nóc chùa cũng gọi là chùa Giải-Oan.

Từ xưa, các đời đế-vương ta, mà đến bây giờ các nhà du-lịch trong thế-giới qua miền ấy, cũng công nhận rằng Hạ-Long là một cảnh kỳ-quan thiên tạo đẹp nhất hoàn-cầu. Năm 1649 vua Lê Thánh-Tôn đã đề thơ vịnh cảnh ấy. Trong vịnh có lắm hang, những nhũ đá rỏ xuống trông ra đủ các hình: Cái thì trông như những thú dữ, cái thì hình như người võ-sĩ sức lực ăn mặc áo giáp đội mũ ngồi yên phăng phắc. Lúc đến gần thì trông lại ra hình khác. Chiều chiều mặt giời lặn ánh sáng chiếu xuống mặt nước lóng-lánh phản chiếu vào trong động thì trông cảnh lại càng đẹp, không bút nào tả được. Đẹp nhất là những đêm sáng giăng, ánh sáng chiếu xuống nước trông như bạc, thực là một cảnh thần tiên vậy.

Ở Hạ-Long có ba cái động đẹp nhất, người Tây gọi là «Grotte des Merveilles» hang Đầu-Gỗ; «Grotte de la Surprise», và «Le Cirque».

Đi thuyền từ Hồng-Gay ra hang «Merveilles» mất độ một giờ. Cửa hang có 90 bậc trèo vào, trong chia ra làm ba khu rất rộng. Đẹp nhất là khu đầu, khu thứ hai thì hễ ánh sáng chiếu vào, trông ngoạn mục lắm. Động «Surprise» lúc mới vào, thì trông rất tầm thường, nhưng đi độ ba mươi thước đến động thì trông phong cảnh thực đẹp, ai cũng phải ngạc nhiên. Động «Cirque» thì ở một cái hang trũng như lòng chảo, rất rộng; trong nói tiếng âm lắm. Còn một cái hang lạ nữa gọi là hang Cẩm-pha, dài độ nghìn thước tây. Khi nước thủy triều lên, đi thuyền chơi ở trong, trông lên trên như một cái cuốn, đẹp như tiên cảnh vậy.

Khách du-lịch đi tầu thủy từ Hồng-Gay thì ngoạn cảnh mất độ nửa ngày. Đi thuyền thì đỗ vào các nơi tiện hơn. Nên đem đèn đất và pháo xanh (feux de Bengale) đi đốt mà xem thì mới rõ. Xem trong mất độ một giờ. Từ động «Merveilles» sang động «Surprise» mất độ 50 phút và đi xem độ nửa giờ thì hết. Từ động «Surprise» sang động «Cirque» thì mất độ 15 phút và đi xem mất độ nửa giờ thì hết. Muốn đi xem hang Cẩm-Pha ở về phía Cái-Bầu thì mất 2 giờ và qua hang mất độ một giờ.

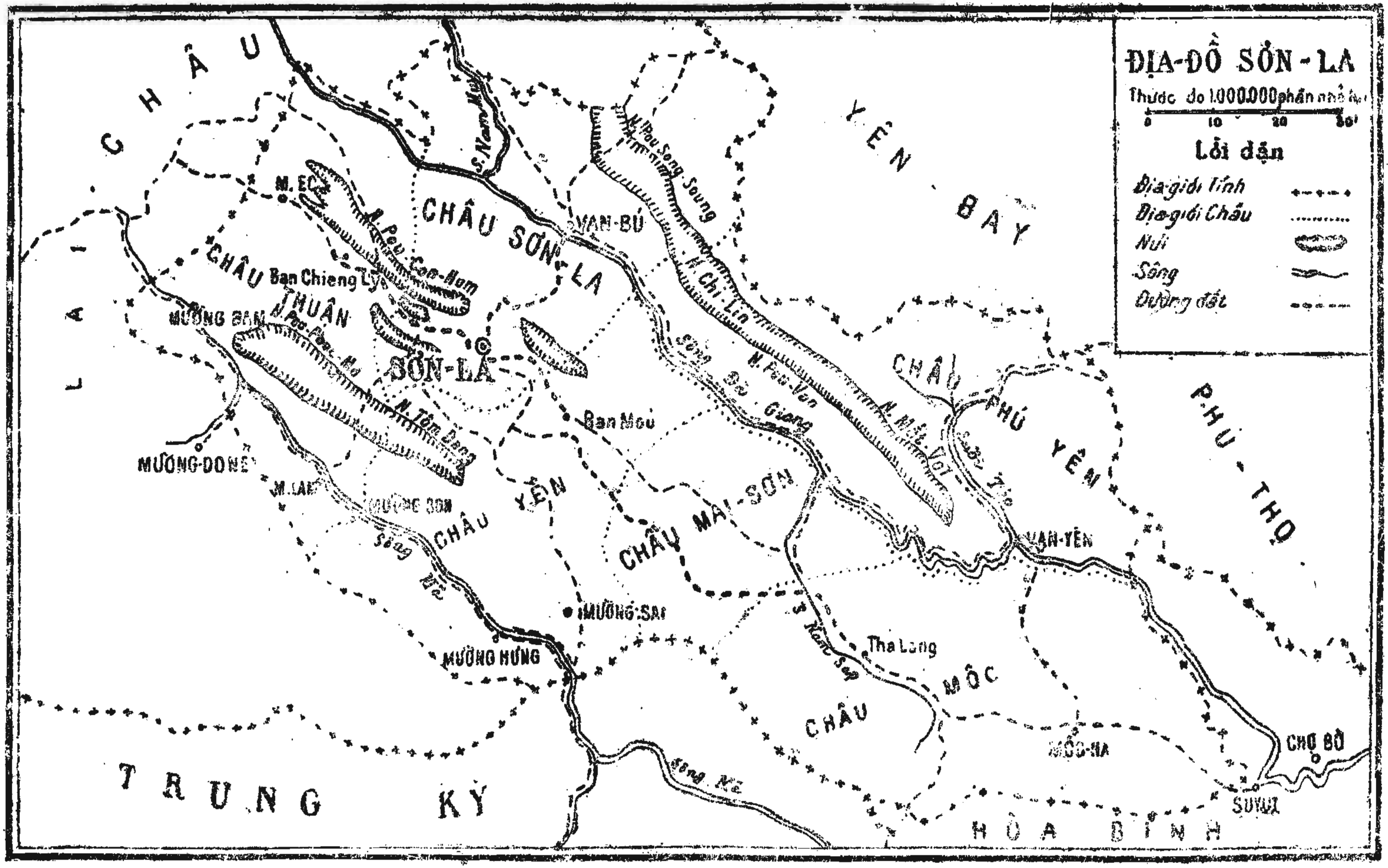
ĐỊA-ĐỒ SƠN-LA
Thước đo 1.000.000 phần
0 10 20
Lời dặn
Địa-giới Tỉnh
Địa-giới Châu
Núi
Sông
Đường đất
LAI CHÂU
TRUNG KỲ
YÊN BAY
PHÚ THỌ
HÒA BÌNH
CHÂU SƠN-LA
CHÂU THUẬN
CHÂU YÊN
CHÂU MAI-SƠN
CHÂU MỘC
CHÂU PHÙ YÊN
SƠN-LA
M. ECH
Ban Chieng Ly
MƯỜNG BAM
N. Pou-Con-Nom
N. Tôm Đạon
S. Nam-Mu
N. Pou Song Soung
N. Chi-Lin
N. Pou-Van
N. Mốc-Vọt
VAN-BÚ
Sông Bờ Giang
Ban Mou
VAN-YÊN
S. Nam Sap
Tha Lang
MỘC-HA
CHỢ BỜ
MƯỜNG-DONG
M. LAI
MƯỜNG SON
Sông Mã
MƯỜNG-SAI
MƯỜNG HƯNG
Sông Mã

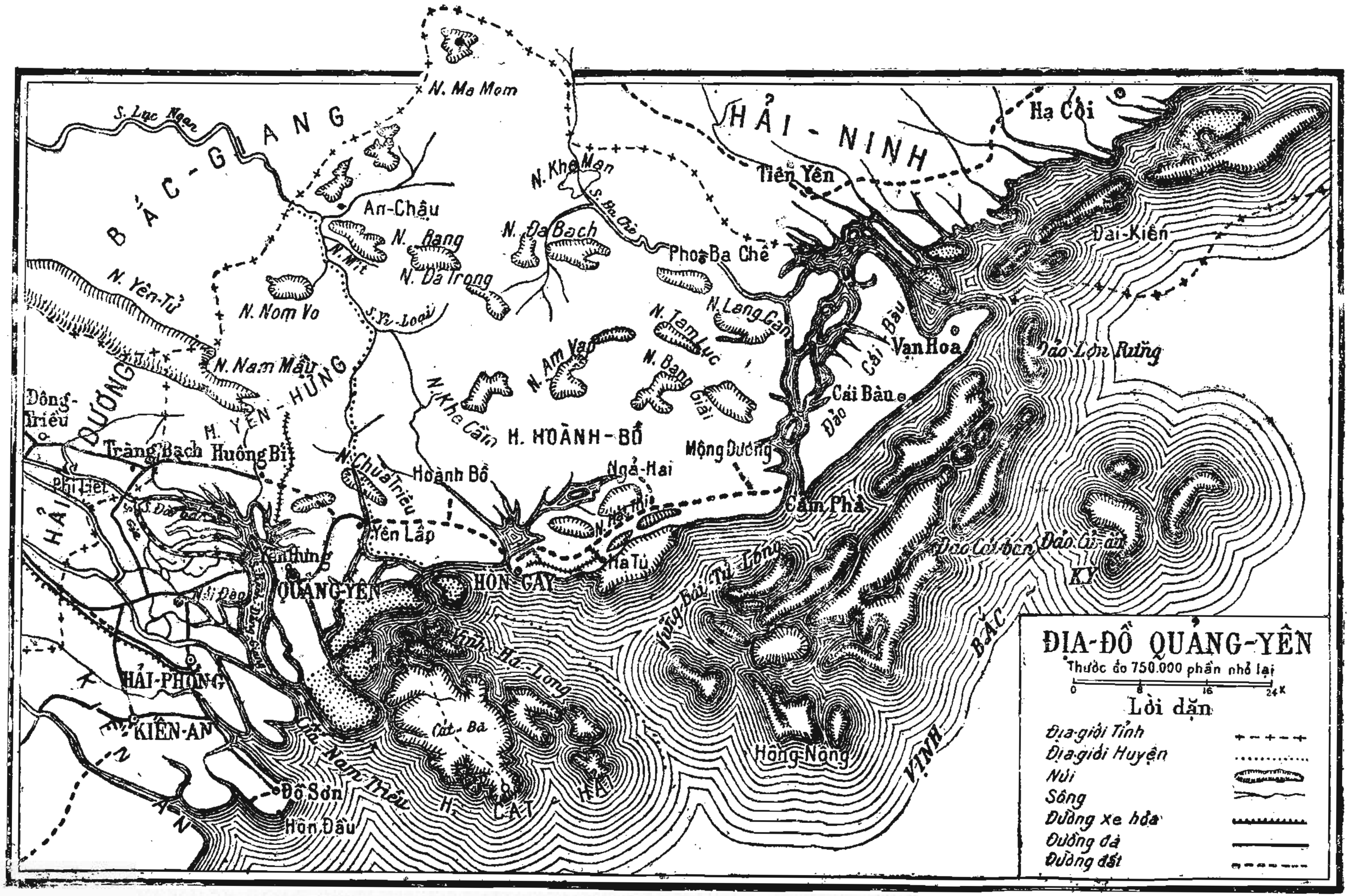
ĐỊA-ĐỒ QUẢNG-YÊN
Thước đo 750.000 phần nhỏ lại
0 8 16 24 K
Lời dặn
Địa-giới Tỉnh
Địa-giới Huyện
Núi
Sông
Đường xe hỏa
Đường đá
Đường đất
BẮC-GIANG
HẢI-NINH
HẢI DƯƠNG
H. YÊN HƯNG
H. HOÀNH-BỒ
H. CÁT HẢI
VỊNH BẮC KỲ
S. Lục Ngạn
N. Ma Mom
An-Châu
N. Bang
N. Đa Trong
N. Mít
N. Yên-Tử
N. Nom Vo
S. Ye-Loai
N. Nam Mẫu
N. Khe Man
S. Ba Chẽ
N. Đa Bạch
Phố Ba Chẽ
Tiên Yên
Hạ Cối
Đại-Kiến
N. Lang Cần
N. Tam Lục
N. Am Vạp
N. Bang Giải
Vạn Hoa
Cái Bầu
Đảo Cái Bầu
Cái Bàn
Đảo Lộn Rừng
Đông-Triều
Tràng Bạch
Huống Bí
N. Khe Cần
N. Chua Triều
Hoành Bồ
Mộng Dương
Ngả-Hai
Cẩm Phả
Phi Liệt
Yên Lập
Yên Hưng
QUẢNG-YÊN
HÒN GAY
Hà Tu
Vũng Bái Tử Long
Đảo Cái bàn
HẢI-PHÒNG
KIẾN-AN
Cửa Nam Triệu
Vịnh Hạ-Long
Cát Bà
Đồ Sơn
Hòn Dấu
Hồng Nộng

TỈNH SƠN-LA

Vị-trí và diện-tích. — Sơn-La bắc giáp Yên-Bái, nam giáp Thanh-Hóa (thuộc Trung-Kỳ) và tỉnh Sầm-Nứa (thuộc xứ Lào), tây giáp Lai-Châu và đông giáp Phú-Thọ và Hòa-Bình.

Diện-tích. — Diện-tích đo được 1.000.000 mẫu ta (4.000 km vuông.

Núi.— Tỉnh Sơn-La là tỉnh toàn núi cả. Về phía đông có một dãy núi đi từ tây-bắc xuống đông-nam ; ngọn cao nhất ở gần Vạn-Bú gọi là Pou-Giáp, cao 2.446 thước tây, Ở phía tây, về hữu ngạn sông Đà-Giang thì có nhiều núi ăn thông với núi Ai-Lao. Ngọn cao nhất ở gần tỉnh-lỵ gọi là Pou-Nam-Đeng.

Sông. — Tỉnh Sơn-La có sông Đà-Giang (sông Bờ) chảy qua. Sông này ở từ Lai-Châu chảy xuống qua tỉnh Sơn-La về Chợ-Bờ rồi chảy vào sông Hồng-Hà ở Việt-trì. Lại có nhiều sông nhỏ chảy vào sông Đà-Giang như sông Nam-Mu, Nam-Sáp, suối Tóc. Về phía tây có một khúc sông Mã , là sông phát nguyên ở Bắc-Kỳ chảy qua rồi vào Trung-Kỳ.

Khí-hậu. — Khí-hậu tỉnh Sơn-La không được lành như khí-hậu các tỉnh Thượng-du khác, thứ nhất về mùa mưa tiết giời độc lắm.

Dân-cư. — Dân-cư tỉnh Sơn-La thì nhiều nhất là người Tày đen, (58.800). Tày trắng, (6.400), rồi đến người Mèo (7.100), người Mường (4.720), người Xá (8.670), người Mán (370) và ít người Khách. Người Việt-Nam thì ít lắm. Tổng cộng được 86.000 người.

Tỉnh-lỵ và các châu. — Tỉnh-lỵ Sơn-La cách Hà-Nội 350 km.

Tỉnh Sơn-La chia làm :

1.) 6 châu: Sơn-La, Yên, Thuận, Mai-Sơn, Mộc và Phú-Yên.

2.) 1 Đại-lý : Vạn-Yên.

Châu Mộc và châu Phú-Yên thuộc đại-lý Vạn-Yên. Đại-lý này ở hữu-ngạn sông Bờ và ngã ba suối Tóc.

Canh-nông. — Tỉnh Sơn-La đất xấu nên canh-nông không phát-đạt được ; nhưng tỉnh ấy được cái lắm rừng có nhiều lâm-sản quí. Song tiếc rằng những sản-vật ấy không khai ra được vì dân bản xứ lười biếng lắm ; đường vận tải thì không có mà khí-hậu lại độc, cho nên người Trung-châu lên không mấy người chịu được. Duy những nơi chỏm núi khí-hậu hơi lành một chút thì lại phải cái giao thông bất tiện. Bao giờ mà tránh được những nỗi khó khăn ấy thì người ta có thể giồng-giọt ở tỉnh ấy nhiều thức lợi lắm như chè, thuốc phiện, bông, gai, vân vân.

Việc chăn nuôi. — Dân Sơn-La nhất là người Mèo chăm về sự chăn nuôi lắm. Trâu, bò lợn ở trên ấy béo tốt hơn ở dưới Trung-châu, cho nên họ tải qua Chợ-Bờ đem về bán nhiều lắm.

Mỏ. — Sơn-La cũng có lắm mỏ. Người ta đã thấy lắm chỗ có vàng, thiếc, đồng kẽm. Nhưng hiện chưa khai khẩn được.

Đường giao-thông. — Đường thủy thì chỉ có sông Bờ thôi. Phải đi thuyền độc-mộc, vừa chậm vừa khó nhọc, có khi lại nguy-hiểm vì nhiều ghềnh nhiều thác lắm. Về mùa nước to thì không đi được, phải đi đường bộ Yên-B Nghĩa-Lộ, rồi đi theo đường hẻm Tú-Lệ, Ngọc-Tiên Vạn-Bú, rồi từ Vạn-Bú về Sơn-La. Đi đường này khó nhọc vất vả lắm.

Bình thường thì đi đường thủy mất 8 ngày từ Chợ-Bờ lên Vạn-Bú rồi một ngày đi ngựa từ Vạn-Bú về tỉnh-lỵ Sơn-La. Đường đi có nhiều phong cảnh sầm-uất đẹp lắm.

Đường bộ thì có :

Vạn-Bú đi Sơn-La	35 km ;
Su-Yết đi Mộc-Thượng	82 km ;
Mộc-Thượng đi Sơn-La	130 km ;
Sơn-La đi Mai-Sơn	23 km ;
Sơn-La đi Thuận	37 km ;

Lại có đường đi từ Phú-Thọ, Hưng-Hóa và Vạn-Yên, đi qua Ngã-Ha.

TỈNH SƠN-TÂY

Vị-trí và diện-tích. — Tỉnh Sơn-Tây (1) bắc giáp Vĩnh-Yên và sông Hồng-Hà, tây giáp núi Ba-Vì và Phú-Thọ, đông giáp Hà-Đông và nam giáp Hòa-Bình.

Diện-tích đo được độ 195.444 mẫu ta (703 km vuông).

Núi. — Về phía tây có núi Ba-Vì mọc lan ra thành nhiều đồi nhỏ. Về miền phủ Quốc-Oai có những núi người ta vẫn đến lấy đá hoa gọi là đá Phủ-Quốc.

Sông. — Tỉnh Sơn-Tây tứ phía có sông cả. Nhớn nhất là sông Hồng-Hà chảy qua tỉnh từ phía tây-bắc đến đông-nam, gần đến Việt-Trì thì có sông Lô-Giang chảy vào. Về hữu-ngạn sông Hồng-Hà thì có những suối chảy từ trên dẫy Ba-Vì xuống họp lại thành con sông gọi là sông Con, ở phía đông thì có sông Đáy (Hát-Giang) (2) phân địa-giới tỉnh Sơn-Tây và tỉnh Hà-Đông.

Khí-hậu. — Sơn-Tây ở gần núi cho nên khí-hậu không giống các tỉnh khác ở đồng bằng. Trong tỉnh có hai mùa là mùa hanh, và mùa mưa bắt đầu từ trung tuần tháng tư đến tháng chín tây. Giữa hai mùa ấy thì có một độ về tháng hai và tháng ba tây giời lắm sương mù-mịt và hay mưa phùn.

Dân-cư. — Dân-cư đông nhất là người Việt-Nam (247.600) rồi đến người Mường (5.000) và người Thổ (400). Về miền núi thì có những làng người Mán ở. Xưa họ ở đông, nhưng sau họ bỏ dần kéo nhau lên ở mạn Hưng-Hóa, nên nay chỉ còn một ít ở huyện Lập-Thạch thôi. Dân-cư toàn tỉnh tổng cộng được độ 256.600 người.

Tỉnh-lỵ và các phủ huyện. — Tỉnh-lỵ Sơn-Tây cách Hà-Nội 41 km và cách Hải-Phòng 140 km.

---

(1) Sơn-Tây xưa thuộc Giao-Chỉ quận, Tân-Hưng quận, Tân-Xương châu, rồi sau thuộc về đất Phong-Châu. Về cuối thế-kỷ thứ 15 mới gọi là tỉnh Sơn-Tây và mãi đến năm 1830 mới đặt quan Tổng-đốc cai-trị. Gồm cả Hưng-Hóa và Tuyên-Quang.

(2) Năm 42 hai bà Trưng-Trắc và Trưng-Nhị bị Mã-Viện đánh thua phải tự trẫm mình xuống sông Hát. Cho nên làng Hát-Môn có lập đền thờ hai bà.

Sơn-Tây chia làm:

1·) 2 phủ: Quốc-Oai và Quảng-Oai.

2·) 4 huyện: Tùng-Thiện, Phúc-Thọ, Thạch-Thất và Bất-Bạt.

3·) 45 tổng và 284 xã.

Canh-nông. — Đất Sơn-Tây có sông Hồng-Hà và hai chi-lưu lớn chảy qua nên lắm đất phù-sa cầy cấy tốt lắm. Dân cấy thóc, ngô và giồng khoai, đậu, chè, thầu-dầu, sắn, vân vân. Ở về miền những đồi, xưa bỏ không, nay đã lắm người lập đồn-điền thịnh lợi lắm.

Rừng. — Ở trên núi có lắm rừng, trong nhiều lâm-sản ích lợi, như tre, gỗ sến, gỗ đinh, gỗ táu, gỗ mít, vân vân. Lại có cả sơn và mấy thức cây làm dầu nữa.

Mỏ. — Đất Sơn-Tây có mỏ đồng ở hữu-ngạn sông Bờ và ở Đá-Chong, có sắt, ở miền núi người ta lấy đá gọi là đá Biên-Hòa. Ở Yên-Khoái có mỏ than.

Thương-mại. — Sơn-Tây có mấy cái chợ to nhất là chợ Thanh-Moi, Sơn-Lộ, Hoàng-Xá, chợ Bùng, chợ Tai và chợ Nghệ. Dân đem đến bán những sản-vật trong tỉnh như chum, vại, đường, tơ, lụa, dầu, quạt, vân vân.

Kỹ-nghệ. — Trong tỉnh chỗ nào có thổ sản gì thì dân làm nghề ấy. Như ở bờ sông Hồng-Hà và sông Bờ lắm dâu thì dân nuôi tằm. Làng Cổ-Đô và làng Chu-Quyến dệt lụa tốt có tiếng. Làng Phương-Xá và làng Hiệp-Cát dệt lượt gọi là lượt Bùng. Những nơi nhiều mía thì dân kéo mật; ở làng Sơn-Đông thuộc huyện Tùng-Thiện và làng Tùng-Linh thuộc huyện Bất-Bạt thì dân ép dầu, ở huyện Thạch-Thất có làng Sơn-Đồng dân có nghề làm quạt giấy và quạt lượt đẹp lắm. Phủ Quốc-Oai có nghề làm đồ đan có tiếng. Dân làng Phương-Cách và Cù-Sơn có nghề làm đá đem bán, gọi là đá Phủ-Quốc.

Đường giao-thông. — Đường thủy thì Sơn-Tây có tầu thủy xuôi về Hà-Nội và ngược Việt-Trì, Tuyên-Quang và Chợ-Bờ. Đường bộ thì có lắm đường đi khắp trong tỉnh và thông với các tỉnh bên cạnh, như Hà-Nội, Vĩnh-Yên, Phú-Thọ, Hòa-Bình.

Đường từ Hà-Nội lên Sơn-Tây xa 39 km 5, đi xe ô-tô, hay xe tay được.

Kể từ Hà-Nội đến km thứ 10 thì qua thượng-lưu sông Nhuệ-Giang; — 13 gặp đường ngang Hà-Đông ra sông Hồng-Hà; — 15 về bên tả có làng Lai-Xá; — 18 tới Thượng-Thôn (có chùa); — 20 về bên tả có làng Thu-Quế và bên hữu là làng Đông-Khê và làng Phượng-Trì ở bờ đê, là huyện-lỵ huyện Đan-Phượng (Hà-Đông); — 22, 700 thì có một cái cầu sắt làm năm 1903 gọi là cầu Phùng; — 24, 500 thì tới đê phía tây sông Đáy. Cách đấy 9 km và cách phủ Quốc-Oai 16 km có đường vào chùa Thiên-Phúc (chùa Thầy); — 27, 2 về phía bắc là làng Ngọc-Tảo; — 29, 2 là làng Phụng-Thượng, có lăng một vị đại-thần ngày xưa; — 30, 2 là đường đi Kim-Quan là huyện-lỵ huyện Thạch-Thất; — 34 là đường đi Sơn-Đông; — 38 là tới ngoại thành Sơn-Tây, đắp từ năm 1883; — 39, 5 là tỉnh-lỵ tỉnh Sơn-Tây; — 43, 5 là Cam-Lâm (Đường-Lâm) là quê đẻ ông Phùng-Hưng về thế-kỷ thứ 8 và ông Ngô-Quyền về thế-kỷ thứ 10; — 51 là Tây-Đàng là phủ-lỵ phủ Quảng-Oai; — 54 là Đông-Bang; — 57 là Tang-Cấu, thuộc huyện Bất-Bạt; — 61 là giáp làng Trung-Hạ; — 67 là Hưng-Hóa.

Con đường ấy lên mãi Phú-Thọ xa 87 kilomètres.

NHỮNG NƠI CỔ-TÍCH VÀ THẮNG-CẢNH

I. — **Đền thờ ông Phùng-Hưng** (*Bố-Cái-Đại-Vương*). — Ngay xã Cam-Lâm cách Hà-Nội 43 km rưỡi, có đền thờ ông Phùng-Hưng, về thế-kỷ thứ tám (791) đã đánh đuổi được quân Tàu và cai-trị xứ ta trong mấy tháng(1).

II. — **Đền thờ ông Ngô-Quyền**. — Cũng ở làng ấy có đền thờ ông Ngô-Quyền, về thế-kỷ thứ 9 đã có công

(1) Nguyên bấy giờ nước ta thuộc nước Tàu và gọi là An-nam Đô-hộ phủ, năm 791 Cao Chính-Bình sang cai-trị nước ta, bắt dân đóng thuế nặng, ai cũng oán giận, ông Phùng-Hưng mới nổi lên đem quân phá phủ Đô-Hộ, Cao Chính-Bình lo sợ thành bệnh rồi chết. Ông Phùng-Hưng mới chiếm lấy quyền Đô-Hộ, nhưng được mấy tháng thì ông mất. Dân mới lập đền thờ ông và tôn là Bố-Cái-Đại-vương nghĩa là tôn ông như cha mẹ

giết Kiều Công-Tiện để báo thù cho chủ và đánh đuổi được quân Tàu, tự xưng làm vua từ năm 939 đến năm 945.

III. — **Đền thờ ông Lộc-Hộ.** — Ở' xã Đông-Bang, cách Hà-Nội 54 km có đền thờ ông Lộc-Hộ là một vị võ-sĩ về thế-kỷ thứ 13 đã có công đánh đuổi được quân Vân-Nam tràn vào Bạch-Hạc và Sơn-Vi bây giờ. Trong đền thờ bài-vị ông có khắc những chữ Triều-đình ban cho là « *Nam-Thiên tráng-khí, bắc-khấu hàn-tâm* ».

IV. — **Sài-Sơn.** — *Chùa Thiên-Phúc.* — Chùa này cách Hà-Nội 32 km, làm ngay ở chân núi Sài-Sơn cao độ 105 thước tây.. Trong chùa thờ đức phật Tam-Thế, đức Lý Thần-Tôn và ông Từ Đạo-Hạnh (ta thường gọi là chùa Thầy). Năm nào cũng đến mồng bảy tháng ba thì có hội kỷ-niệm ông Từ Đạo-Hạnh. Trong chùa có tượng phật và một pho tượng đức Lý Thần-Tôn (1128 đến 1138) có một cái trống đồng tự đời vua Minh-Mệnh.

Trên núi Sài-Sơn thì có một cái bia dựng từ đời vua Thiệu-Trị (1841-1847) để ghi danh quan Thượng-thư bộ Lễ đời ấy là ông Phan Huy-Thúc, và một cái hang con gọi là hang « Cắc-Cớ », trong có một pho tượng và một cái vết chân, người ta bảo là xưa ông Từ Đạo-Hạnh hóa ở đấy. Lại còn một chỗ khe núi gió hút mạnh lắm, người ta thường gọi là hang «gió». Đứng trên đỉnh núi trông phong cảnh đẹp lắm. Về phía đông-nam cách đấy độ 2 km thì có núi Phượng-Cách và Cù-Sơn.

---

(1) Từ-Lộ tự là Đạo-Hạnh, người làng An-Lãng tức là làng Láng bây giờ, xưa làm thầy tu ở chùa Thiên-Phúc. Thân-sinh ra ông là Từ-Vinh làm Tăng-Quan bộ-Sát triều nhà Lý. Ông Đạo-Hạnh thủa bé thông minh và có chí, đi thi khoa Bạch-Liên đỗ Tăng-Quan. Sau vì thân-sinh ông bị ông Đại-Điên dùng phép phù-thủy đánh chết, ông căm tức quyết chí báo thù. Ngày đêm ông giốc lòng tu-luyện học phép; đến khi thành tài, ông giết được ông Đại-Điên. Từ đấy ông quyết chí đi tu, sau đắc đạo.

Sau ông đầu thai vào làm con ông Sùng Hiền-Hầu đặt tên là Dương-Hoán. Bấy giờ là năm 1116, Dương-Hoán thông-minh trí-tuệ lắm, nên vua Lý Nhân-Tôn, nhân không có con, đem vào nuôi ở trong cung làm con, rồi lập lên làm Hoàng-thái-tử. Sau nối ngôi tức là vua Lý Thần-Tôn.

V. — **Núi Tản-Viên và đền Tản-Viên.** — Từ Sơn-Tây có đường tốt lên tận núi đi qua làng Vân-Mộng và lăng Hiệu-Lực ngay ở chân núi. Núi này cao độ 1.280 thước. Lên độ mười phút đồng-hồ thì đã thấy có rừng, qua một cái dèo độ 20 phút, trèo tất cả độ hai giờ thì đến đền thờ ông Sơn-Tinh (1) là thần núi ấy, hiệu là Nguyễn-Tuấn. Xưa vua Lý Nhân-Tôn (1072-1076) có cúng vào đền một ít tiền vàng và xây một cái tháp 12 từng, nay cũng còn vết tích.

VI. — **Hang Hoàng-Xá.** — Cách phủ Quốc-Oai 2.000 thước tây, về làng Hoàng-Xá có một cái hang đẹp lắm. Khách du-lịch về chùa Thầy nên đến đấy mà xem.

VII. — **Đền Hát-Môn.** — Đền thờ hai bà Trưng, ở làng Hát-Môn, huyện Phúc-Thọ, cách đường đê Hát-Giang 6.000 thước tây, đền này cổ lắm.

VIII. — **Chùa Tây-Phương.** — Ở làng Yên-Thôn huyện Thạch-Thất, trong chùa có nhiều tượng đẹp.

IX. — **Văn-Miếu.** — Làm ở trên một cái đồi ở làng Mông-Phụ, cách tỉnh-lỵ Sơn-Tây 3.000 thước tây.

X. — **Chùa Mía.** — Ở làng Đông-Sàng, huyện Phúc-Thọ.

---

(1) Tục truyền rằng : thần núi ấy xưa là dòng-dõi vua Lạc-Long. Nhà nghèo, một hôm vào rừng kiếm củi, gặp tiên cho một cái gậy phép. Nhờ có cái gậy ấy, một hôm thần cứu được con giai vua Thủy-tề. Vua Thủy cảm tạ ban cho thần một quyển sách ước. Nhờ về quyển sách ước ấy, sau thần tranh vua Thủy lấy được Mị-nương là con gái vua Hùng-Vương. Vua Thủy căm tức dùng hết các phép, sinh ra mưa to gió nhớn, chực dưng nước lên tận núi Tản-Viên là chỗ ông Sơn-Tinh ở để hại ông ; nhưng cũng không nổi.

Cao-Biền cũng dùng phép phù-thủy trừ đi nhưng cũng không được.

TỈNH THÁI-BÌNH

Vị-trí và diện-tích. — Tỉnh Thái-Bình bắc giáp Hải-Dương, tây và nam giáp Nam-Định và Hà-Nam, đông giáp vịnh Bắc-Kỳ, tây giáp Hưng-Yên.

Diện-tích đo được 825.000 mẫu ta (2.970 km vuông).

Địa-thế. — Thái-Bình (1) là một tỉnh ở đồng bằng. Đất lắm phù-sa ở các sông bồi đắp lên, nên ruộng tốt lắm.

Sông ngòi. — Thái-Bình nhiều sông thiên tạo và sông đào lắm. Nhưng có ba con sông lớn nhất là sông Hồng-Hà, sông Luộc và sông Trà-Lý.

Sông Hồng-Hà chảy qua Thái-Bình độ 82 km, tự làng Mỹ-Xã (Hưng-Nhân) đến làng Đoan-Đông-Trại (Tiền-Hải). Về trung-lưu thì có ba chi là sông Bông-Khê, sông La-Khê và sông Lạc-Đạo; về quãng thứ ba là chỗ sông Liêm-Giang, và giáp bể có bốn chi-lưu là sông Lưu-Giang, Lộc-Giang, Sông-Lan và sông Đông-Giang. Về tả-ngạn sông Hồng-Hà lại còn có ba chi-lưu rất tiện-lợi về đường giao-thông là: sông Luộc, sông Trà-Lý và sông Lan.

Sông Luộc làm giới-hạn cho tỉnh Thái-Bình trong một khoảng dài độ 50 km, chảy qua huyện Hưng-Nhân, Duyên-Hà, Quỳnh-Côi và Phụ-Dực. Khi sông ấy chảy gần đến sông Hoa thì có:

1·) Sông Tiên-Hương dài 55 km. Sông này lại có mấy con sông con như sông Tình-Xuyên sông Cô-Quan, sông Văn-Giang, sông Nguyên-Xá, sông Do-Kỵ, sông Cô-Khúc và lạch Bình-Cách.

2.) Sông Dan-Hôi dài độ 32 Km.

3·) Sông Quỳnh-Côi.

4·) Sông Diêm-Hộ, dài độ 60 km. Sông này bắt đầu tự làng Hưng-Nhượng (Phụ-Dực) và làng Đại-Nẫm (Quỳnh-Côi) rồi đến làng Hồ-đội và Bích-Du thì chảy ra bể.

---

(1) Tỉnh Thái-Bình xưa thuộc quận Giao-Chỉ. Về đời nhà Lý gọi là phủ Thái-Bình, đến đời nhà Trần chia làm hạt Long-Hưng và An-Tiêm, đời nhà Lê lại đổi ra phủ Kiến-Xương và phủ Thái Bình. Đến năm 1890 mới lập thành tỉnh Thái-Bình.

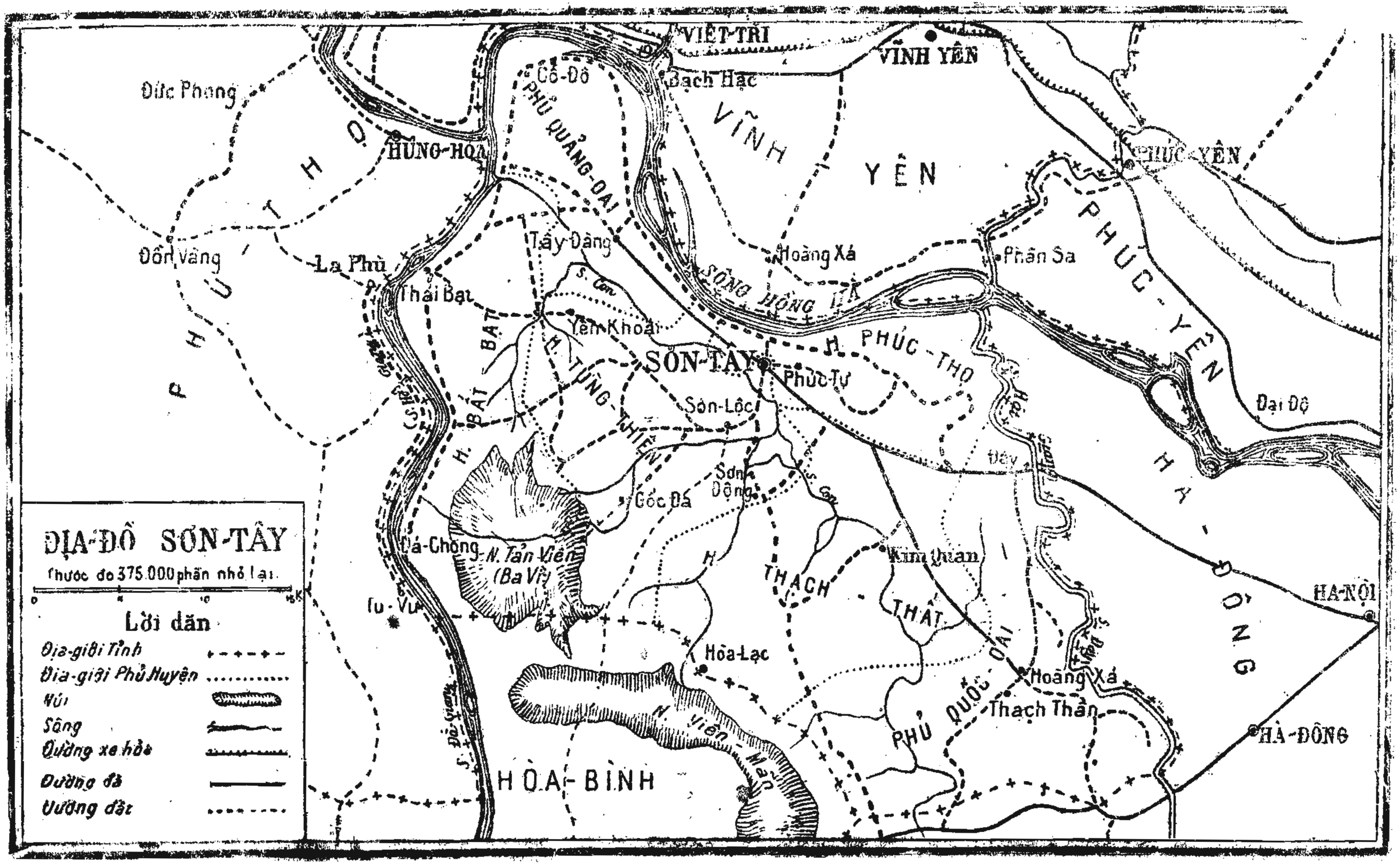
ĐỊA-ĐỒ SƠN-TÂY
Thước đo 375.000 phần nhỏ lại.
0
5
10
15K
Lời dẫn
Địa-giới Tỉnh
Địa-giới Phủ Huyện
Núi
Sông
Đường xe hỏa
Đường đá
Đường đất
VIỆT-TRÌ
VĨNH YÊN
Cổ-Đô
Bạch Hạc
VĨNH
YÊN
PHÚC-YÊN
PHỦ QUẢNG-OAI
Đức Phong
HƯNG-HÓA
PHÚ THỌ
Đồn Vàng
La Phù
Thái Bạt
Tây Đằng
S. Con
Yên Khoái
H. BẤT BẠT
H. TÙNG-THIỆN
SƠN-TÂY
Phúc-Tự
H. PHÚC-THỌ
SÔNG HỒNG HÀ
Hoàng Xá
Phấn Sa
Đại Độ
HÀ-ĐÔNG
Sơn-Lộc
Sơn Đông
Gốc Đá
Đá-Chông
N. Tản Viên (Ba Vì)
Tu-Vũ
Hòa-Lạc
H. THẠCH-THẤT
Kim Quan
PHỦ QUỐC-OAI
Hoàng Xá
Thạch Thán
N. Viên-Nam
HÒA-BÌNH
HÀ-NỘI
HÀ-ĐÔNG
S. Đáy
S. Đà Giang

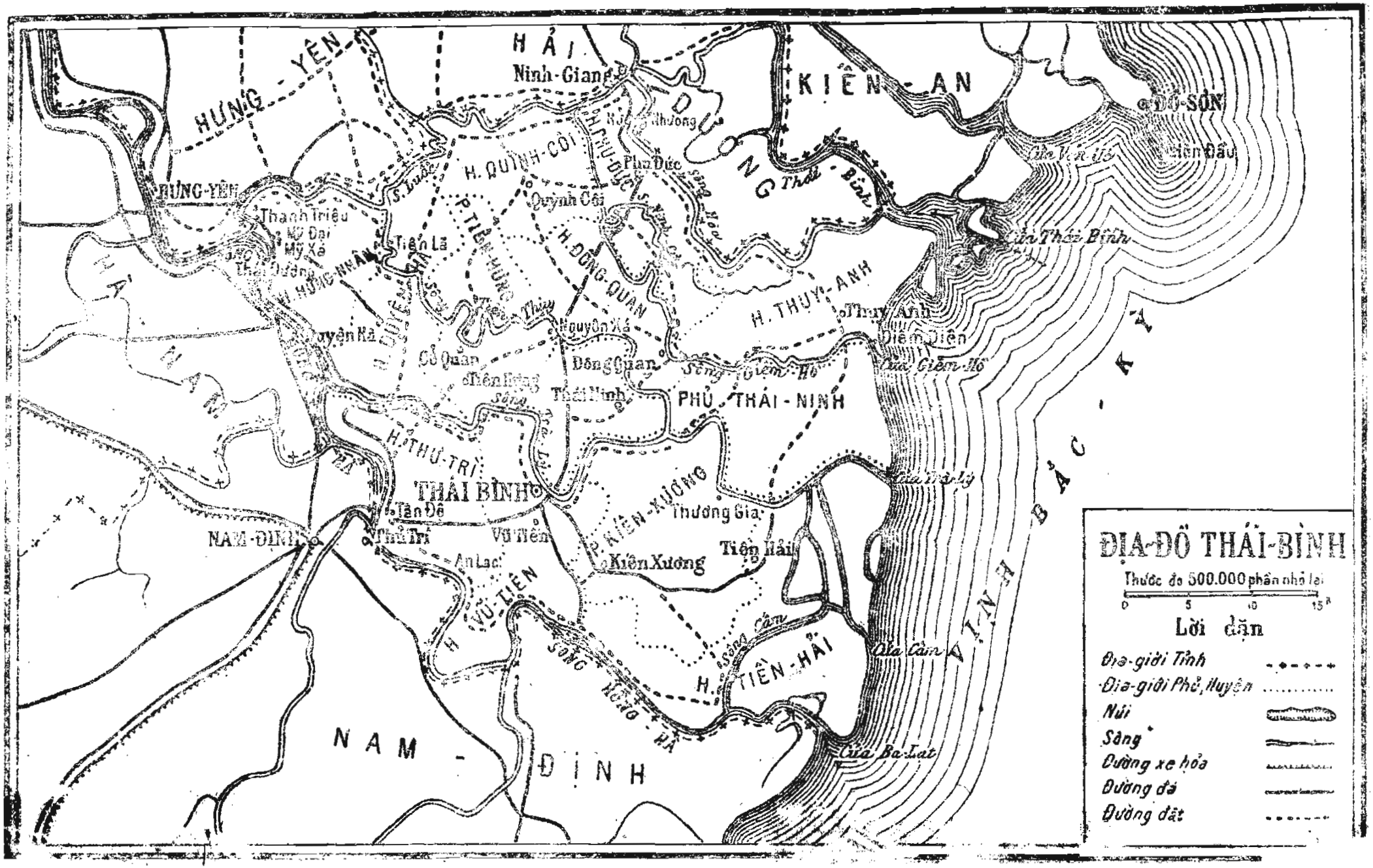
ĐỊA-ĐỒ THÁI-BÌNH
Thước đo 500.000 phần nhỏ lại
0 5 10 15 K
Lời dặn
Địa-giới Tỉnh
Địa-giới Phủ, Huyện
Núi
Sông
Đường xe hỏa
Đường đá
Đường đất
HƯNG-YÊN
HẢI-DƯƠNG
KIẾN-AN
ĐỒ-SƠN
Hòn Đầu
Ninh-Giang
Phu Đức
Quỳnh Côi
H. QUỲNH-CÔI
H. ĐỒNG-QUAN
H. THỤY-ANH
Thụy Anh
Diêm Điền
Cửa Giêm-Hồ
Thái Bình
Cửa Thái Bình
Thanh Triệu
Mỹ Đại
Mỹ Xá
Thái Dương
H. HƯNG-NHÂN
Tiên Lã
Nguyên Xá
Đông Quan
Thái Ninh
PHỦ THÁI-NINH
Cổ Quan
Tiên Hưng
H. THƯ-TRÌ
THÁI BÌNH
Tân Đệ
Thủ Trì
Vũ Tiên
An Lạc
NAM-ĐỊNH
H. VŨ-TIÊN
P. KIẾN-XƯƠNG
Thương Gia
Kiến Xương
Tiên Hải
H. TIỀN-HẢI
Cửa Cấm
Cửa Ba-Lạt
VỊNH BẮC-KỲ
NAM-ĐỊNH

5·) Sông Hoa dài độ 40 km. Về hữu-ngạn sông ấy có một chi-lưu là lạch Ninh-Cu, giao-thông tỉnh-lỵ với sông Luộc.

Sông Trà-Lý dài độ 63 km chảy qua thành-phố Thái-Bình và những huyện giàu nhất trong tỉnh. Sông ấy có lắm chi-lưu, phần nhiều đã kể ở trên như sông Bông-Khê, sông La-Khê, sông Lạc-Đạo, sông Liêm-Giang, sông Long-Hậu, sông Ngu-Dung và sông lạch Thương-Hồ.

Còn con sông Lan là chi-lưu sông Hồng-Hà về tả-ngạn. Sông này suốt năm tầu bè đi lại được.

Khí-hậu. — Khí-hậu tỉnh Thái-Bình thì lành lắm. Về mùa hạ nhờ có gió bể thổi vào cũng được mát mẻ.

Dân-cư. — Dân-cư tỉnh Thái-Bình được 914.000 người.

Tỉnh-lỵ và các phủ-huyện. — Tỉnh-lỵ Thái-Bình cách Hà-Nội 110 km, cách Hải-Phòng 75 km và cách Nam-Định 19 km.

Tỉnh Thái-Bình chia ra làm:

1·) 3 phủ: Kiến-Xương, Thái-Ninh và Tiên-Hưng;

2·) 9 huyện: Vũ-Tiên, Thư-Trì, Tiền-Hải, Đông-Quan, Thụy-Anh, Phụ-Dực, Quỳnh-Côi, Duyên-Hà và Hưng-Nhân;

3·) 95 tổng và 820 xã.

Đường giao-thông. — Đường giao-thông tỉnh Thái-Bình phần nhiều là đường thủy. Những sông Hồng-Hà, sông Luộc, sông Hoa và các chi-lưu thuyền bè đều đi lại được tiện lắm.

Đường bộ thì có các đê theo các dòng sông và nhiều đường đã lát đá. Lại có đường đi từ tỉnh-lỵ đến Nam-Định, Phủ-Lý, Hưng-Yên và Ninh-Giang (Hải-Dương) cùng là những đường từ tỉnh-lỵ đến các phủ, huyện.

Đường tự Nam-Định sang Thái-Bình xa 19 km.

Đường này đi từ phía đông-bắc qua đò sông Hồng-Hà, thì đến bến Tân-Đệ ở làng Bồng-Điền thuộc huyện Thư-Trì.

Qua km 12 thì đến huyện Vũ-Tiên..

Qua một cánh đồng than-thán những ruộng thì đến km thứ 19 là tỉnh-lỵ.

Đi tầu thủy từ Hà-Nội thì đến bến Tân-Đệ đỗ, rồi lên đi bộ hay đi xe đến tỉnh.

Canh-nông. — Đất Thái-Bình phần nhiều là đất phù-sa, đã lắm mầu lại có nhiều sông ngòi, nên sự canh-nông phát đạt lắm. Suốt trong tỉnh được đến 318.782 mẫu ruộng, một phủ Kiến-Xương đã có đến 34.085 mẫu. Bởi thế Thái-Bình là một tỉnh lắm gạo nhất Bắc-Kỳ. Dân cũng giồng ngô, khoai, đậu, kê, mía, chè, bông, giâu, cói, thầu dầu, vân vân.

Kỹ-nghệ. — Ở làng Hải-Triều và Thanh-Triều thuộc huyện Hưng-Nhân có hai cái sưởng dệt chiếu của người Trung-Hoa. Ở làng Phương-La và làng Nguyên-Xá có nghề dệt tơ lụa có tiếng. Tại tỉnh có hội Đồng-Ích mở một nhà máy tơ to lắm. Dân còn nghề đánh cá, làm mắm và làm muối nữa.

Thương-mại. — Trong tỉnh có đến 180 cái chợ, nhưng được độ 20 cái là to nhất, như chợ Mẻ, chợ Bông, chợ Cao, chợ Kẻ-Sóc. Buôn bán thịnh nhất là gạo, thóc, ngô và chiếu.

NHỮNG NƠI CỔ-TÍCH VÀ THẮNG-CẢNH

I. — **Chùa Keo.** — Chùa này làm ở địa-hạt làng Dũng-Nghĩa và Hành-Nghĩa thuộc huyện Vũ-Tiên, thờ ông Khổng Minh-Không (1) là một vị quốc-sư đời nhà Lý. Năm nào cũng đến ngày 13, 14 và rằm tháng chín thì có hội.

---

(1) Ông Khổng Minh-Không là người làng Đàm-Xá, phủ Trường-An (Ninh-Bình) tên là Nguyễn Chí-Thân. Lúc nhỏ cùng theo học với ông Từ Đạo-Hạnh hơn 40 năm, sau học được đắc đạo mới đổi tên là Khổng Minh-Không. Khi ông Đạo-Hạnh sắp hóa, có dặn ông rằng: « Kiếp sau ta ở thế gian, giữ ngôi nhân chủ, chắc không khỏi được bệnh nợ, vậy đến bấy giờ ngươi nên nghĩ tình bè-bạn mà cứu ta ». Khi ông Từ Đạo-Hạnh hóa rồi, đầu thai làm con Sùng Hiền-Hầu, rồi được làm con nuôi vua Lý Nhân-Tôn, nối nghiệp hiệu là Lý Thần-Tôn, trị vì ít lâu thì mắc một bệnh, thuốc nào chữa cũng không khỏi. Sau ông Khổng Minh-Không dùng cách cứu được vua. Vua khỏi rồi, phong ông làm Quốc-sư. Ông mất năm 76 tuổi.

II. — **Đền Bát-Não Phù-Tướng.** — Đền này làm ở làng Tiên-La, huyện Duyên-Hà, thờ Bà Bát-Não-Phù-Tướng, xưa làm tướng trong bọn quân của hai bà Trưng-Trắc và Trưng-Nhị. Hội vào hôm 16 tháng 3 ta.

III. — **Đền vua nhà Trần.** — Đền này làm ở làng Thái-Đường, huyện Hưng-Nhân thờ các vua nhà Trần. Năm nào cũng cứ đến ngày rằm tháng hai, 24 tháng tư, rằm tháng tám và 16 tháng chạp thì dân làng làm lễ.

IV. — **Lăng nhà Hậu-Lê.** — Ở làng Mỹ-Đại, huyện Hưng-Nhân có lăng nhà Hậu-Lê. Cứ đệ niên dân làng mở hội tự ngày mồng 9 đến ngày 11 tháng giêng.

V. — **Đền Quang-Hoàng-Thái-Hậu.** — Đền này ở làng An-Lạc, huyện Thư-Trì, thờ bà Quang-Hoàng-Thái-Hậu về đời Hồng-Đức. Cứ ba năm một lần, đến ngày 26 tháng ba thì dân làng mở hội.

VI. — **Đền vua Thủy-Tề.** — Đền này ở làng Đào-Động, huyện Phụ-Dực. Năm năm có hội tự 21 đến 26 tháng tám.

VII. — **Đền Triệu Vũ-Đế.** — Ở làng Thượng-Gia, phủ Kiến-Xương, hội về ngày mồng một tháng tư.

VIII. — **Đền Tứ-Long.** — Ở làng Đông-Vinh, phủ Kiến-Xương. Thờ đức An-Hải-Thiên-Dương-Đại-Vương. Đệ niên có hội về ngày 11 tháng giêng và tháng tám.

TỈNH THÁI-NGUYÊN

Vị-trí và diện-tích. — Tỉnh Thái-Nguyên bắc giáp Bắc-Kạn, đông giáp Lạng-Sơn và Bắc-Giang, nam giáp Phúc-Yên và Vĩnh-Yên, tây giáp Tuyên-Quang.

Diện-tích đo được độ 694. 444 mẫu ta (2. 500 km vuông).

Địa-thế. — Thái-Nguyên là một tỉnh Trung-du, nhưng có nhiều núi non, chỉ phía nam về phủ Phú-Bình và một phần phủ Phổ-Yên là một ít đồng bằng; còn về phía đông, phía tây, phía bắc đều có núi cả. Phía tây thì có dẫy Tam-Đảo phân địa giới với tỉnh Vĩnh-Yên; ở phía đông thì có những núi ở dẫy Yên-Thế lan sang.

Sông ngòi. — Tỉnh Thái-Nguyên có sông Cầu tức là Nguyệt-Đức-Giang là lớn nhất, chảy qua từ phía bắc đến phía nam; nhưng lòng sông nhỏ, lại lắm chỗ có đá, mùa cạn thuyền bè đi lại khó, mà đến mùa nước thì lắm khi nước sông lên to quá cho nên sự giao-thông bất tiện lắm. Ở phía tây có những sông nhỏ như sông Đu chảy qua huyện Phú-Lương và Đồn-Đu, rồi chảy vào sông Cầu; sông Công chảy qua châu Văn-Lãng và phủ Phổ-Yên rồi cũng chảy vào sông Cầu. — Về phía tây-bắc ở châu Định-Hóa có thượng-lưu sông Đáy.

Khí hậu. — Khắp tỉnh Thái-Nguyên khí-hậu độc, vì rẳng rừng núi vây bọc cả, chỉ trừ ra tỉnh ly và xung quanh là lành mà thôi.

Dân-cư. — Dân-cư toàn tỉnh độ 74.000 người; 50.000 người Việt-nam, 11.500 người Thổ, 1.200 người Nùng, 9.000 người Mán, 300 người Tày, 1.806 người Trung-Hoa.

Tỉnh-lỵ và các phủ huyện. — Tỉnh Thái-Nguyên chia làm:

1.) 2 phủ: Phổ-Yên và Phú-Bình;
2.) 3 huyện: Đại-Từ, Đồng-Hỉ và Phú-Lương;
3.) 2 châu: Võ-Nhai và Định-Hóa;
4.) 19 tổng và 230 xã.

Tỉnh Thái-Nguyên có một Đại-Lý là Đại-Lý Chợ-Chu.

Tỉnh-lỵ là Thái-Nguyên ở hữu-ngạn sông Cầu, cách Hà-nội 75 km, cách Đáp-Cầu 57 km, ngày nay đã mở mang ra nhiều, có chợ lớn, có bến kè đá.

Canh-nông — Chỉ có ở phía nam là người ta cấy lúa, còn thì phần nhiều đất khai-khẩn giồng chè, sắn và cà-phê.

Rừng. — Rừng thì nhiều, miền núi nào cũng có, cho nên lắm lâm-sản như gỗ, tre, nứa, lá gồi, nâu, vỏ dó, sẽ, vân vân.

Chăn-nuôi. — Việc chăn-nuôi súc vật cũng được thịnh, nhất là ở các đồn-điền của người Pháp.

Mỏ. — Tỉnh Thái-Nguyên là một tỉnh người ta khai nhiều mỏ nhất ở Bắc-kỳ. Ở Làng-Hít và ở Bắc-Lâu có mỏ kẽm hiện đang khai khẩn. Ở Phan-Mễ có mỏ than, ở Cù-vân có mỏ sắt.

Thương-mại. — Việc thương mại cũng hơi phát đạt. Người ta buôn bán nhiều nhất là những lâm-sản như củ nâu, vỏ ăn giầu, măng, nấm, đem về bán ở mạn xuôi. Những chợ lớn nhất là chợ Thái-Nguyên, chợ Chu.

Đường giao-thông. — Đường lớn nhất là đường thuộc địa số 3 đi từ Hà-nội lên Cao-Bằng, qua Thái-Nguyên Bắc-Kạn, hiện có xe ô-tô chạy từ Hà-nội lên Thái-Nguyên, và từ Thái-Nguyên lên Chợ-Chu và lên Bắc-Kạn.

Lại có đường Thái-Nguyên đi:

Đáp-Cầu 57 km.

Chợ-Chu 50 km.

Bắc-Ninh 53 km.

Tuyên-quang 70 km, qua Cù-Vân 12 km, qua Hùng-Sơn 24 km.

Phan-Mễ 15 km.

Lạng-Hít 17 km.

Mona-Khom 15 km.

Phương-Độ 49 km.

Mặt thủy thì có đường Sông-Cầu, ngược lên Bắc-Kạn và xuôi về Đáp-Cầu.

Đường Hà-Nội lên Cao-Bằng qua Thái-Nguyên. — (288 km đường thuộc-địa.)

Kể từ Đông-Anh lên thì:

Đến km 27 là đến Hoàng-Đờm, vào địa-phận Thái-Nguyên. — 32 là Phố-Cò, phủ-lỵ phủ Phổ-Yên; — 44 là Phố-Hượng; — 47 là gần Lưu-Xá có đường đi Bắc-Ninh xa 43 km; — 52 là Thái-Nguyên; 65 là Ba-Sơn; — 98 là Giang-Tiên trên sông Dương-Tử có mỏ than Phan-Mễ; — 74 là Đồn-Đu châu-lỵ châu Phú-Lương; — 100 là Chợ-mới vào địa-phận Bắc-kạn.

NHỮNG NƠI CỔ-TÍCH VÀ THẮNG-CẢNH

I. — Ở gần Phố-Hương về phía đông, có làng Gia hay là Cam-Gia có một cái đền làm trên núi đất có nhiều cây cổ thụ thờ Sơn-thần về đời nhà Trần và hai thần Xà. Xưa cứ đến tháng bảy thì có hội bơi chải và đâm gậy trên sông Cầu.

II. — **Chùa-Hang**. — Qua bến Tượng, cách tỉnh-lỵ độ 4 km, có một cái chùa làm ở trong hang núi gọi là chùa Hang, cứ đến tháng hai thì dân ở đấy mở hội.

III. — **Đền Đuổm**. — Cách tỉnh-lỵ 25 km khỏi Đồn-Đu; có đền Đuổm đông người đến lễ bái lắm.

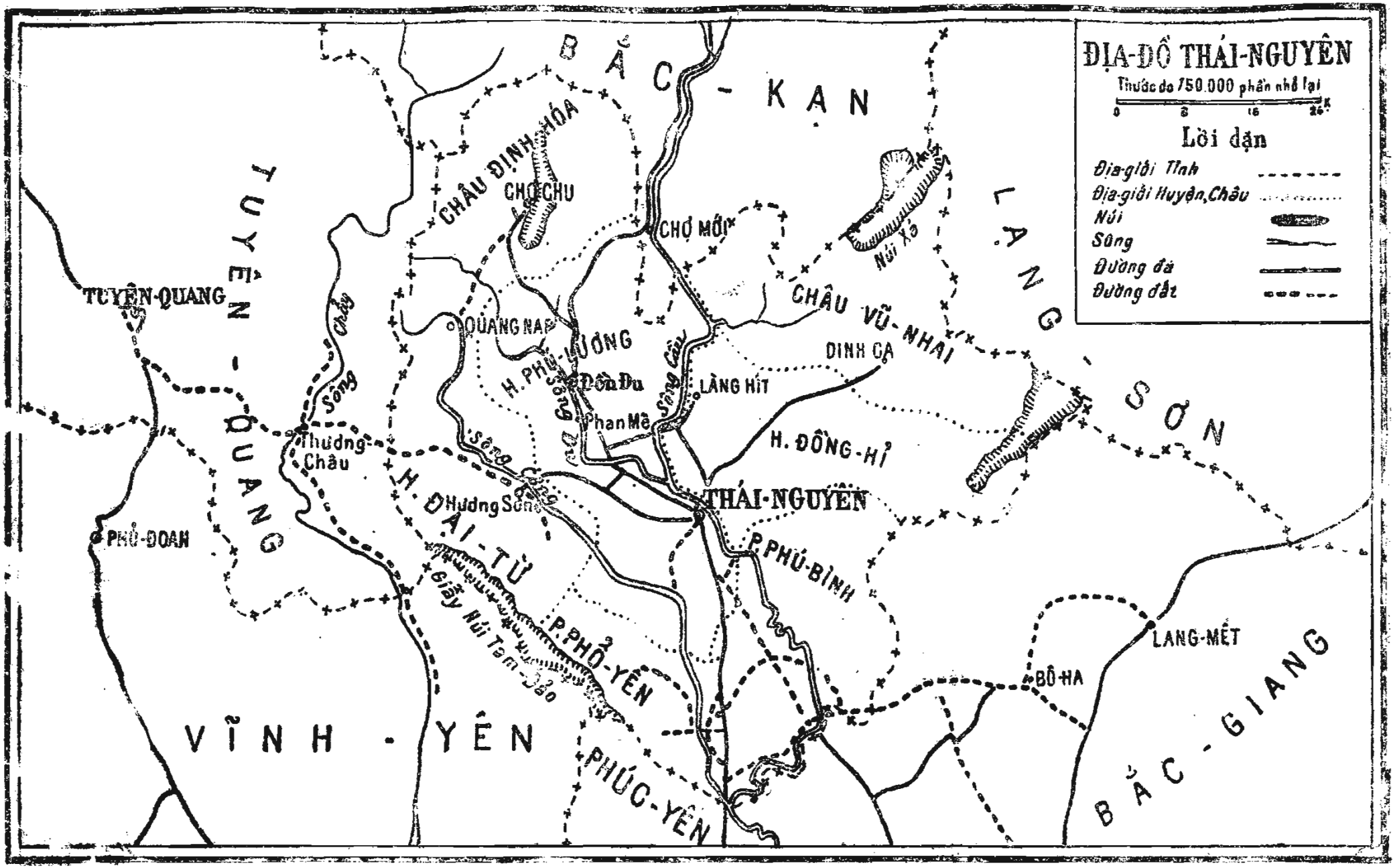
ĐỊA-ĐỒ THÁI-NGUYÊN
Thước đo 750.000 phần nhỏ lại
0 8 16 24 K
Lời dặn
Địa-giới Tỉnh
Địa-giới Huyện,Châu
Núi
Sông
Đường đá
Đường đất
BẮC - KẠN
LẠNG - SƠN
TUYÊN - QUANG
VĨNH - YÊN
BẮC - GIANG
CHÂU ĐỊNH-HÓA
CHỢ CHU
CHỢ MỚI
Núi Xà
CHÂU VŨ-NHAI
DINH CẢ
QUẢNG NAP
H. PHÚ-LƯƠNG
Đồn Du
Phan Mễ
LÀNG HIT
Sông Cầu
Sông Chảy
Sông Đu
Sông Công
H. ĐỒNG-HỈ
Thường Châu
H. ĐẠI-TỪ
Hương Sơn
THÁI-NGUYÊN
P. PHÚ-BÌNH
PHỦ-ĐOAN
Giấy Núi Tam-Đảo
P. PHỔ-YÊN
PHÚC-YÊN
LANG-MÉT
BỒ-HẠ

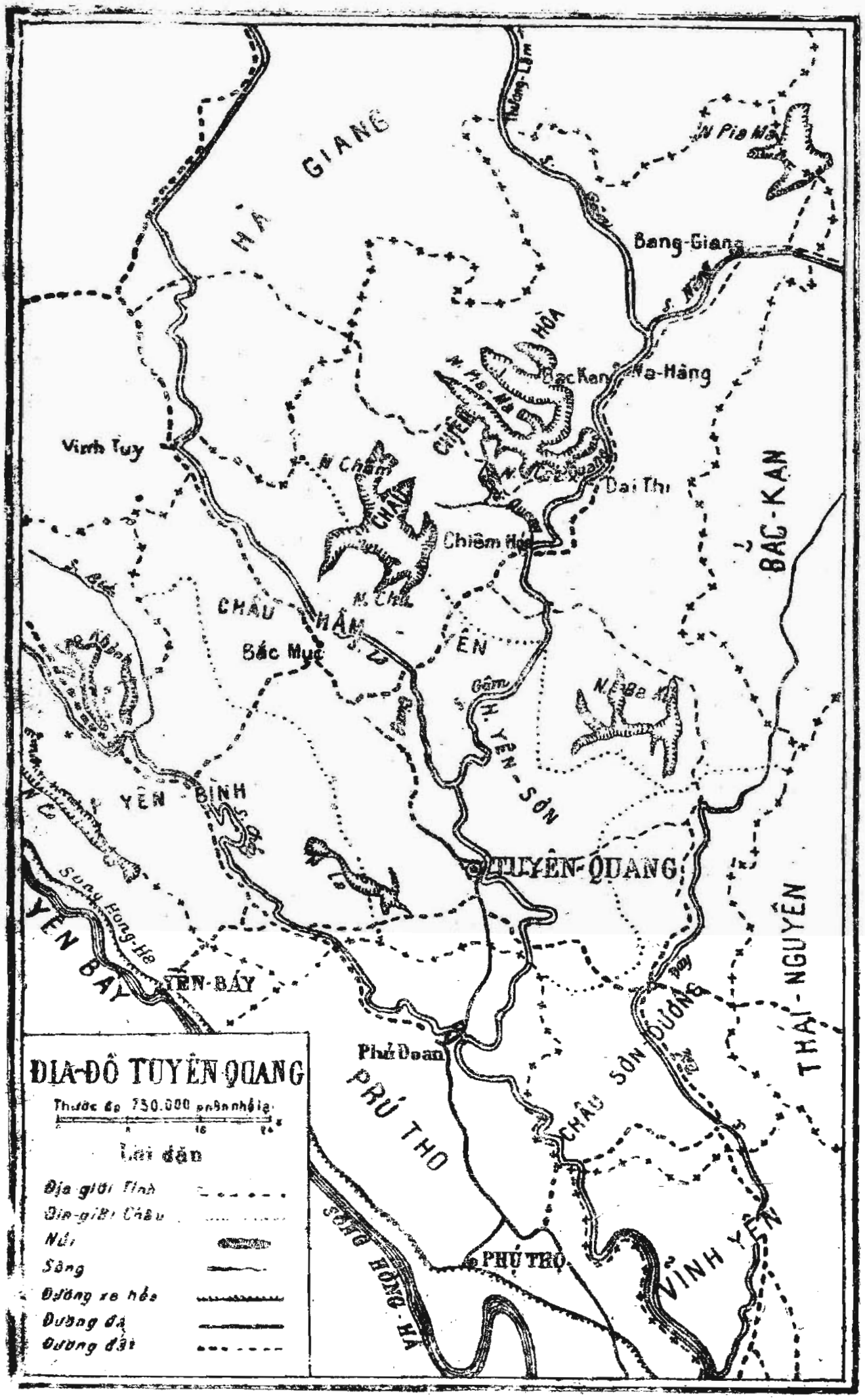

HÀ GIANG
Bang-Giang
Bắc Kạn
Na-Hàng
Vĩnh Tuy
Đại Thi
Chiêm Hóa
BẮC-KẠN
CHÂU HÀM YÊN
Bắc Mục
H. YÊN-SƠN
YÊN BÌNH
TUYÊN-QUANG
Sông Hồng-Hà
YÊN BÁY
YÊN-BÁY
THÁI-NGUYÊN
Phú Đoan
PHÚ THỌ
CHÂU SƠN DƯƠNG
VĨNH YÊN
SÔNG HỒNG-HÀ
ĐỊA-ĐỒ TUYÊN QUANG
Thước đo 750.000 phân nhỏ là
Lời dặn
Địa giới Tỉnh
Địa giới Châu
Núi
Sông
Đường xe hỏa
Đường đá
Đường đất

TỈNH TUYÊN-QUANG

Vị-trí và diện-tích. — Tuyên-Quang (1) bắc giáp Hà-Giang, tây-nam giáp Yên-Bái, đông giáp Bắc-Kạn và Thái-Nguyên, nam giáp Phú-Thọ.

Diện-tích đo được 1.112.500 mẫu ta (4.005 km vuông).

Núi. — Tỉnh Tuyên-Quang cũng như tỉnh Yên-Bái lắm núi mọc ngổn-ngang không rõ ra phương hướng nào cả. Ở một bên sông Hồng-Hà và một bên sông Chảy có dẫy núi con Voi cao độ 800 thước tây. Trong dẫy ấy thì có ngọn núi Mo-Ro, cao 400 thước tây, xưa có lắm giặc đóng ở đấy, và ngọn núi Sân-Trời. Một bên sông Chảy và một bên sông Lô Giang có núi Cao-Khanh, ngăn sông Chảy và sông Bách ra, núi Hùng núi La cao hơn nghìn thước tây và núi Bách-Xa trên có lắm rừng rậm. Một bên sông Lô-Giang và một bên sông Gầm có một dẫy núi chưa mấy người lên tới. Lại còn một dẫy nữa ngăn chiều sông Gầm và chiều sông Cầu ra. Sông Đáy phát-nguyên tại dẫy núi ấy. Về phía đông miền Chiêm-Hóa có những núi cao tự 1.000 đến 1.200 thước tây, trên dẫy những rừng rậm. Ở Tuyên-Quang còn lắm những núi nhỏ, trông có lắm hình rất lạ. Như ở gần Ngòi-Quẳng là một chi-lưu sông Gầm có hai quả núi trông rõ ra hình voi, cho nên dân gọi một quả là Pou-Thiang-Me, nghĩa là voi cái và Pou-Thiang-Bộ, nghĩa là voi đực. Trong núi ấy có lắm động và lắm hang lạ lùng lắm. Như ở Chiêm-Hóa về làng Thổ-Bình có quả núi Khổng-Sơn trong có một cái hang thiên-tạo đi suốt bên nọ sang bên kia.

Có lắm cái hang có nhiều truyện kỳ dị xưa truyền lại. Như ở làng Ơn-Quang có cái núi gọi là Cấm-Són (2)

---

(1) Về đời nhà Trần (1225 đến 1400), Tuyên-Quang gọi là Tuyên-Quang châu. Về đời Hậu-Lê đặt tên Tuyên-Hóa-Phủ. Từ năm 1509 đến 1516 gọi là tỉnh Minh-Quang. Mãi đến đời vua Minh-Mệnh (1831) mới thành ra tỉnh Tuyên-Quang.

(2) Năm 1834, Nông Văn-Vân là một người Thổ miền Bảo-Lạc khởi nguỵ. Nhân gặp ngày hội, quân giặc kéo đến hang ấy vây cả dân 5 xã ở trong đến nỗi chết gần hết, sau những uế khí sinh ra bệnh dịch làm cho dân miền ấy chết rất hại. Từ đó không ai dám đến hang ấy nữa cho nên gọi là núi Cấm.

trong có một cái hang sâu độ 200 thước tây và một đường như cái ống khói thông lên tận ngọn. Xưa cứ lệ thanh-minh thì giai gái miền ấy kéo nhau đến hang hát xướng suốt ngày suốt đêm.

Ở về phía tây tỉnh Tuyên-Quang độ mấy nghìn thước tây, trên con đường đi Yên-Bái, có một dẫy núi gọi là Nghiêm-Sơn (1)

Sông ngòi. — Tuyên-Quang có lắm sông ngòi, về mùa mưa nước lên to hay sinh ra ngập lụt. Có ba sông chính tiện đường thông-thương trong tỉnh lắm là sông Lô-Giang, sông Gầm và sông Chảy. Sông Chảy mùa nước thì thuyền mới lên được đến phủ Yên-Bình, mùa khan thì nhiều thác lắm, thuyền không đi được, chỉ vào được khỏi cửa sông độ 2km mà thôi; nghĩa là tự bến phủ Đoan-Hùng vào được 2 hay 3 km là cùng. Ba con sông ấy thì mùa nào thuyền bè cũng đi được, còn những sông khác thì phần nhiều chảy như thác làm cho sự giao thông bất tiện mà nguy hiểm lắm.

Sông Lô-Giang bắt đầu vào tỉnh Tuyên-Quang từ Vĩnh-Tuy, Những chi-lưu lớn của sông ấy là sông Gầm, sông Chảy, sông Con và sông Đáy. Sông Gầm cũng phát-nguyên tự bên Tàu rồi chảy qua Bảo-Lạc, Na-Sai, Long-Ca-Phu, Bắc-Me, Thượng-Lâm, Bắc-Ken, Na-Hàng, Chiêm-Hóa và Bắc-Nhung rồi chảy vào sông Lô-Giang, cách Tuyên-Quang độ 25 km. Sông ấy về mùa nào cũng đi được đến Thượng-Lâm chỉ trừ về những khi nước to thì chỉ có những thuyền độc-mộc đi được mà thôi. Sông Gầm cũng có nhiều chi-lưu, nhưng phần nhiều là ngòi, chỉ có con sông Năng là to nhất. Sông này ở về hữu-ngạn và phát-nguyên ở dẫy núi Pia-Ya chảy qua Tho-Ka, Hang Pung, thác Dau-Dâu, Bắc-Mục, Bắc-Giang về tới hồ Ba-Bể.

---

(1) Tục truyền rằng: vua Lý Thái-Tôn chạy đến ẩn ở cái hang trên đỉnh núi ấy. Đêm nằm mộng thấy ông thần núi ấy giúp cho binh tướng để về khôi phục lại ngôi rồng. Đến khi lên làm vua ngài nhớ ơn phong cho vị thần ấy là Mộ-Sơn Minh-Phúc-Đại-Vương và lại lập đền thờ. Đền ấy đến năm 1861 hãy còn vết tích. Nhưng đến nay chỉ còn có một cái đền con, dân bản xứ làm lên thôi, song dân-sự vẫn sùng kính như xưa.

Sông Chảy phát-nguyên ở dẫy núi Thu-Lao-Thi chẩy qua Hoàng-Thu-Bi, Bao-Ngai, Pho-Rang, Lục-An-Châu, Đồng-Lau, phủ Yên-Bình rồi đến phủ Đoan-Hùng thì họp vào sông Lô-Giang.

Khí-hậu. — Khí-hậu Tuyên-Quang thì không được lành như ở dưới Trung-châu. Tỉnh ấy lắm núi nhiều rừng cho nên ẩm-thấp lắm. Nhất là về miền sông Chảy thì thủy thổ thật độc. Ở đấy lắm rừng trong có những vũng nước độc bốc lên sinh ra sốt rét, có quãng đường đi đến 4, 5 giờ đồng hồ không thấy mặt giời, vì cây cối um-tùm quá. Về mùa hạ, lắm hôm 9 giờ sáng chưa tan sương. Cho nên đến những người đã quen thủy-thổ ở đấy mà cũng thường sốt rét.

Dân-cư. — Dân-cư tỉnh Tuyên-Quang thì người Việt-Nam, người Thổ, người Mán và cũng có ít người Mèo, người Nùng nữa. Tất cả tổng cộng được độ 40.000 người. Người Mán thì có lắm thứ: Mán Ba-Thúc hay là Quán-Trắng, Mán Cao-Lan, Mán Đại-Bản, Mán Tiền, Mán Quần-Cộc. Dân Mán thì thuộc quyền một người chùm gọi là Quản-Mán. Dưới người chùm ấy thì có một người phó Quản-Mán, và những người Mán dong tựa như Lý-trưởng.

Người Mèo thì ở chỉ trên núi thôi. Họ còn mọi rợ và không hay giao-thiệp với người ở đồng-bằng.

Người Nùng cũng không có mấy, chỉ có một ít về vùng Soi-Trinh, Chiêm-Hóa và Đòi-Thi thôi.

Tỉnh-lỵ và các phủ, huyện, châu. — Tỉnh Tuyên-Quang chia làm:

1.) 1 phủ: Yên-Bình;

2.) 1 huyện: Yên-Sơn;

3.) 3 châu; Sơn-Dương. Chiêm-Hóa và Hàm-Yên. Ở châu Chiêm-Hóa có đặt một Bang-tá và Châu-uý nữa.

4.) 38 tổng và 200 xã.

Tỉnh-lỵ là Tuyên-Quang cách Hà-Nội 161 km.

Canh-nông. — Dân-sự cấy lúa thóc, ngô, giồng tre, thuốc lá, chàm, bông, vân vân. Những các giống rau bên Pháp giồng ở đất Tuyên-Quang lên cũng tốt lắm. Trong tỉnh có nhiều đồn-điền.

Rừng. — Diện-tích tỉnh chia năm thì có bốn phần rừng, song chỉ có về miền Yên-Bình ở chiều sông Chảy là đã khai khẩn mà thôi. Từ phủ Đoan-Hùng lên đến tỉnh có nhiều chợ bán gỗ lắm, có 3 cái chợ to nhất là chợ Đông, Pho-Cát và chợ Ngọc. Trong những rừng ấy thì có lắm thứ gỗ tốt như gỗ sến, gội, vai-thiều, sồi, chẹo, tía, mun, soan-đào, chám, phay, vân vân, và nhiều thức lâm-sản khác như tre, song, mây, nâu, lá gồi dọc, vân vân. Lại còn có lắm giống thú như hươu, nai, lợn lòi, hổ, báo.

Mỏ. — Tuyên-Quang có nhiều mỏ lắm, nhưng chỉ có mỏ kẽm ở Tràng-Đà là đã khai-khẩn mà thôi. Còn những mỏ ở Bắc-Ken, Pho-Trinh, Phúc-Ninh, Na-Hung thì cũng đã có nhiều người đến thăm nhưng chưa có ai khai cả, có nhẽ là vì đường giao-thông và phu làm chưa có đủ.

Đường giao-thông. — *Đường thủy.* — Tầu đi tự Hà-nội ngược con sông Lô-Giang qua Việt-Trì, Phan-Dương, Lê-Mỹ, Kim-xuyên, Văn-Khê, Phủ-Đoan và Hòa-Mộc. Về mùa nước, tầu thủy xuôi từ Tuyên-Quang đến Hà-nội thì mất một ngày.

Tuyên-Quang có tầu đi Chiêm-Hóa, về mùa nước ngược mất 8 giờ, xuôi mất 3 giờ và tầu có thể lên tới Na-Đòn.

Từ Tuyên-Quang đi thuyền theo sông Lô-Giang lên Hà-Giang thì xuôi mất độ 3, 4 ngày, ngược thì mất độ 8 hay 10 ngày, đường đi nguy hiểm vì có đến 173 cái thác.

Đường bộ. — Về phía đông-bắc cách Tuyên-Quang 3 km có đường lên mỏ kẽm Tràng-Đà.

Đến km 15 thì tới Yên-Linh, có mỏ kẽm. Ở Tuyên-Quang có đường đi phủ Yên-Bình qua Hoan-Thi, xa 38 km và đi Yên-Bái xa 45 km ở đường ấy đi về tay trái độ mười km thì đến núi Nghiêm-Sơn, năm 548 vua nhà Lý bị quân nhà Lương đuổi trốn vào đấy ; ở đấy có đền thờ vị thần gọi là Khiêm-Sơn. Đền ấy vua Lý Thái-Tôn đã tu bổ lại. Ở Tuyên-Quang có đường đi Hà-Giang, qua Bắc-Mục, Vĩnh-Thụy và Bắc-Quang.

Từ Tuyên-Quang đi Hà-Giang đến km 75 là Ninh-Di hay là Hùng-Di ; — 99 là Bắc-Mục ; — 120 là Ngoi-Nhạc ; — 136 là Vĩnh-Thụy; — 157 là Trinh-Thượng thuộc châu Bắc-Quang ; — 174 là Bắc-Quang ; — 196 là Làng-Vát ; — 217 là Làng-Cung rồi đến km 237 là tới Hà-Giang.

NHỮNG NƠI CỔ-TÍCH VÀ THẮNG-CẢNH

I. — **Động-Hương-Nham**. — Động này ở xã Thúc-Thủy. huyện Yên-Sơn. Trong động có một cái chùa thường gọi là chùa Hang. Phong-cảnh đẹp.

II. — **Đền Đạo Ngạn**. - Ở đường Yên-Bái đi Tuyên-Quang đến sông Chảy có đền Đạo-Ngạn thờ Thác-Bà, ở gần đấy có Thác-Ông, thuyền bè qua lại phải đốt hương cầu cúng.

III. — **Đền Ngô-Khê**. - Đền Ngô-Khê ở Bắc-Quang ở cửa sông Quang. Đấy cũng thờ một Thác-Ông. Về đời Bắc-thuộc có làm đền lại, hiện có một cái bia thuật về việc ấy.

IV. — **Động Thiện-Kế**. — Động này ở xã Thiện-Kế châu Sơn-Dương; động ở giữa núi, hai cửa hang thật to, mỗi cửa rộng vài mươi trượng, cư-dân nhân đó, một bên làm đình, một bên làm chùa, không phải xây đắp gì.

TỈNH VĨNH-YÊN

Vị-trí và diện-tích. — Tỉnh Vĩnh-Yên (1) bắc giáp Tuyên-Quang và Thái-Nguyên, đông giáp Phúc-Yên, nam giáp sông Hồng-Hà và tây giáp Phú-Thọ.

Diện-Tích đo được ngót 270.000 mẫu ta (900 km vuông) nhưng chỉ được độ 166.667 mẫu là cầy cấy được thôi, còn phần nhiều là rừng cả.

Địa-thế. — Tỉnh Vĩnh-Yên thuộc về Trung-du xứ Bắc-Kỳ; một mặt thì giáp núi, một mặt thì giáp đồng-bằng. Phía bắc thì có nhiều núi và nhiều đồi cao có rừng. Có dẫy núi Tam-Đảo cao độ 1.340 thước tây. Phía nam giáp, sông Hồng-Hà, thì than-thán những đồng bằng cầy cấy tốt lắm.

Sông ngòi. — Ở Vĩnh-Yên có sông Hồng-Hà, sông Cà-Lồ và nhiều những lạch con, phần nhiều chảy tụ cả vào hồ Tích-Sơn, sông Đầm-Vạc và sông Cà-Lồ. Chỉ có hai con sông nhỏn thời mùa nào thuyền cũng đi được mà thôi. Ở tả ngạn sông Hồng-Hà thì có nhiều sông con ở trên núi Tam-Đảo chảy xuống, rồi mấy con họp lại thành sông « Tiểu-Đáy » là một chi-lưu sông Lô-Giang, còn thì chảy vào sông Cà-Lồ. Sông này phát-nguyên cách Sơn-Tây độ mười km, rồi chảy đến Bắc-Ninh thì lại họp với sông Cầu, sông Cà-Lồ về mùa hanh thì thuyền bè không đi được, vì lòng sông có nhiều bãi cát nổi lên. Ở Vĩnh-Yên lại có một con sông tựa như suối, phát-nguyên tại núi Tam-Đảo, huyện Tam-Dương, chảy qua phủ Vĩnh-Tường, vào hồ Vĩnh-Yên rồi lại nhập vào sông Cà-Lồ, thông lưu khắp bốn huyện gần nhất trong tỉnh. Về mùa mưa, sông ấy thành như nơi chứa nước, trông to lắm.

Khí-hậu. — Ở Vĩnh-Yên thì có hai mùa chính: từ tháng năm đến tháng chín tây là mùa mưa; từ tháng mười đến tháng hai tây là mùa hanh; còn từ tháng

(1) Vĩnh-yên xưa thuộc đất Văn-Lang, rồi lại thuộc về Phong-Châu. Đời nhà Trần gọi là Tam-Đại-Lộ, về đời Minh-Mệnh, năm 1822, gọi là Vĩnh-Tường-Phủ, thuộc tỉnh Sơn-Tây, mãi đến năm 1891 mới đổi là đạo Vĩnh-Yên rồi đến năm 1899 mới thành ra tỉnh.

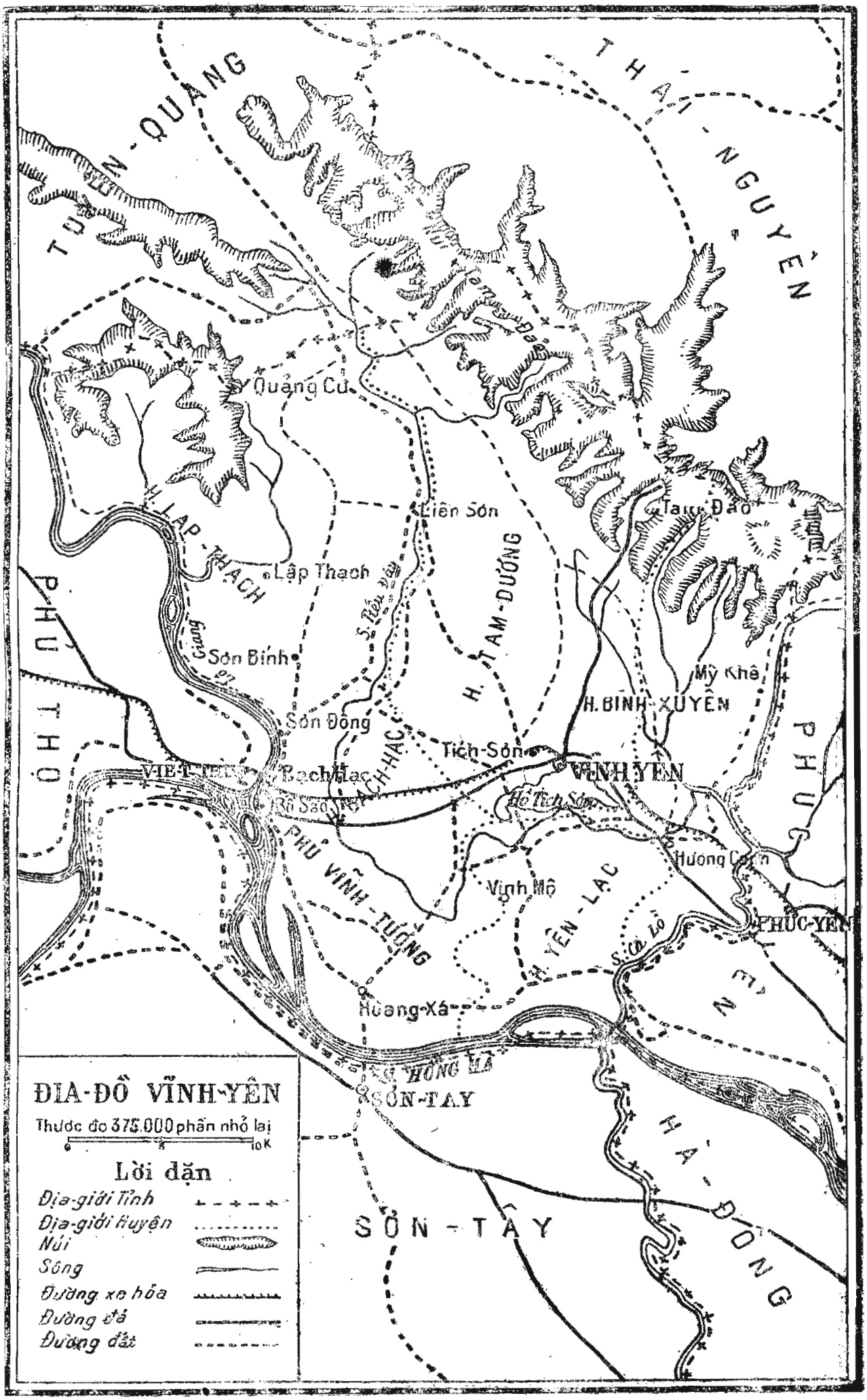
TUYÊN-QUANG
THÁI-NGUYÊN
Quảng Cư
Liên Sơn
Tam Đảo
H. LẬP-THẠCH
Lập Thạch
H. TAM-DƯƠNG
PHÚ THỌ
Sơn Bình
Sơn Đông
Mỹ Khê
H. BÌNH-XUYÊN
Tích-Sơn
VĨNH-YÊN
Bạch Hạc
Hồ Tích Sơn
PHÚC-YÊN
Vĩnh Mộ
PHÚ VĨNH-TƯỜNG
H. YÊN-LẠC
Hoàng-Xá
SÔNG HỒNG HÀ
SƠN-TÂY
HÀ-ĐÔNG
ĐỊA-ĐỒ VĨNH-YÊN
Thước đo 375.000 phần nhỏ lại
10K
Lời dặn
Địa-giới Tỉnh
Địa-giới Huyện
Núi
Sông
Đường xe hỏa
Đường đá
Đường đất

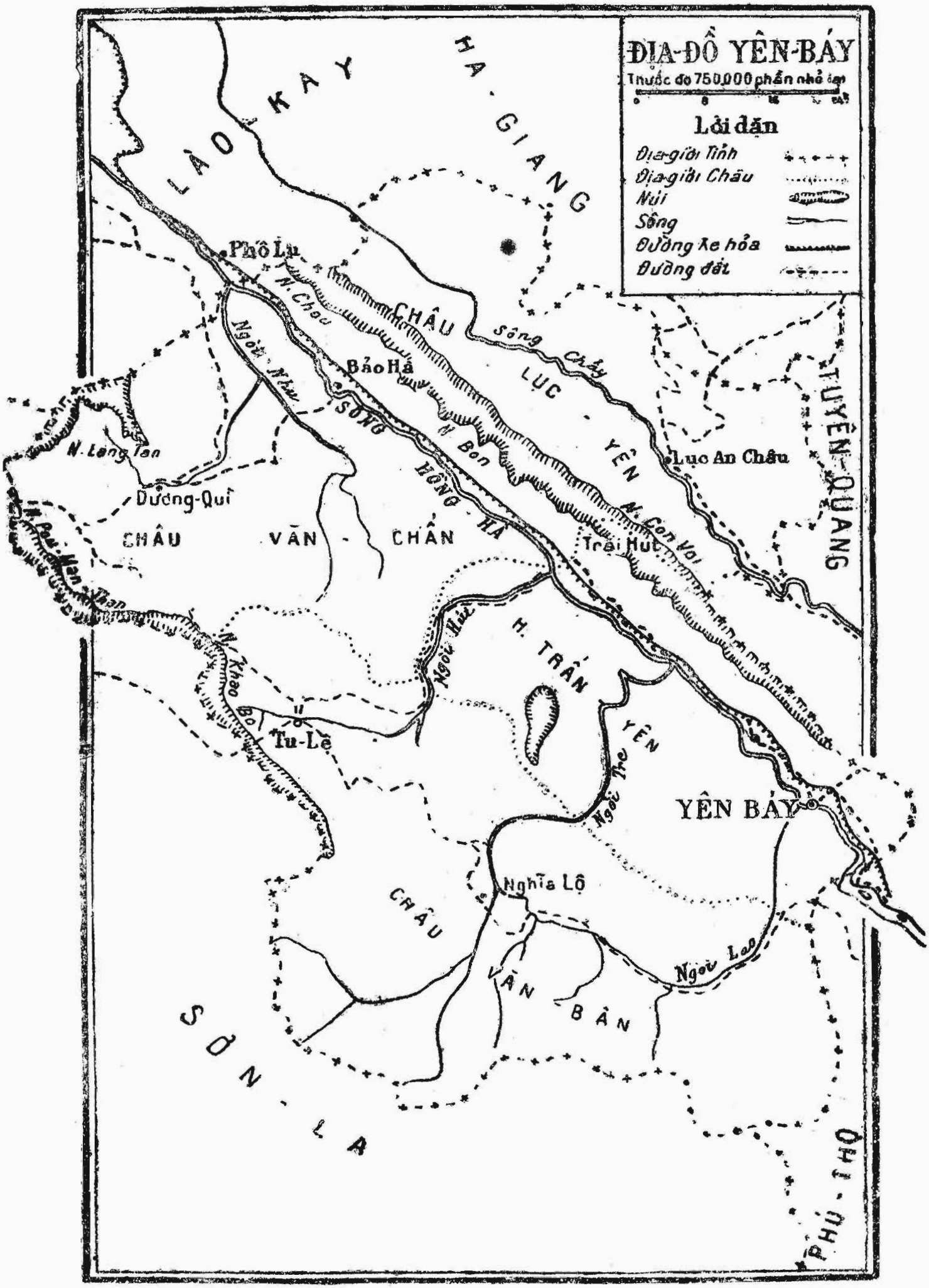
ĐỊA-ĐỒ YÊN-BÁY
Thước đo 750.000 phần nhỏ lại
Lời dặn
Địa-giới Tỉnh
Địa-giới Châu
Núi
Sông
Đường Xe hỏa
Đường đất
LÀO-KAY
HÀ-GIANG
Phố Lu
N. Chau
CHÂU
Sông Chảy
LỤC - YÊN
Bảo Hà
Ngòi Nhu
SÔNG HỒNG HÀ
N. Bon
N. Con Voi
Lục An Châu
TUYÊN-QUANG
N. Lang Tan
Dương-Quì
CHÂU VĂN - CHẤN
Trại Hút
N. Pou-Man-Than
N. Khao Bo
Tu-Lệ
Ngòi Hút
H. TRẤN YÊN
Ngòi Tre
YÊN BÁY
Nghĩa Lộ
CHÂU VĂN - BÀN
Ngòi Lao
SƠN - LA
PHÚ - THỌ

hai đến tháng ba tây thì mưa phùn và nhiều sương mù mịt khắp cả. Về mùa hạ thì thường hay có cơn giông. Khí-hậu thời lành, song có mấy miền gần núi Tam-Đảo, gần rừng cây mọc u-ám, nên có nhiều khí độc sinh ra bệnh sốt rét.

Dân-cư. — Dân-cư phần nhiều là người Việt-Nam. Trong những làng ở sườn núi Tam-Đảo thì có người Mường và ở huyện Tam-Dương và Lập-Thạch thì có mấy xóm người Mán ở. Người Mán thì nay đây mai đó, không hay giao thiệp, chỉ ở lánh vào những miền rừng núi.

Tất cả được độ 200.000 người.

Tỉnh-lỵ và các phủ, huyện. — Tỉnh-lỵ là Vĩnh-Yên cách Hà-Nội 54 km.

Vĩnh-Yên chia ra làm:

1·) 1 phủ : Vĩnh-Tường.

2·) 4 huyện: Yên-Lạc, Lập-Thạch, Tam-Dương và Bình-Xuyên.

3·) 46 tổng và 303 xã.

Ở phủ Vĩnh-Tường có đặt một nha Bang-tá ở Bạch-Hạc (1), ngang Việt-Trì sang.

Canh-nông. — Đất Vĩnh-Yên có lắm mầu nên toàn tỉnh được đến 150.000 mẫu ruộng. Cấy lúa thì được cả hai mùa, trừ ra những nơi cao ráo thì cấy một mùa còn thì dân giồng khoai, ngô, đậu sen vào. Ở những chỗ đất xấu về huyện Lập-Thạch, Tam-Dương và ở Bạch-Hạc thì có sắn ; huyện Tam-Dương gần núi Sơn-Đông thì người Mường giồng nhiều thuốc lá ; ở huyện Yên-Lạc, Lập-Thạch và ở Bạch-Hạc thì có thầu-dầu. Trong rừng thì có sơn, nâu, chàm, chè, vân vân.

Kỹ-nghệ. — Dân-sự nuôi tằm, ươm tơ, giồng mía, kéo mật, ép dầu, ở huyện Tam-Dương thì có nghề lấy

(1) Bạch-Hạc xưa thuộc huyện Mi-Linh; từ năm 262 đến 272 thành huyện Tân-Xương. Năm 548, vua Lý Nam-Đế thua quân Lâu ở đấy. Từ năm 571 đến năm 602, vua Lý Phật-Tử lập triều-đình ở chỗ gọi là Hương-Nha và gọi đấy là Phong-Châu. Người ta thường bảo huyện-lỵ huyện Bạch-Hạc bây giờ là chỗ vua Hùng-Vương đời cuối cùng đóng đô ở đấy.

nhựa trám để làm hương. Ở làng Hương-Canh thuộc huyện Bình-Xuyên thì có nghề làm chum, vại, chậu tốt có tiếng.

Thương-mại. — Toàn tỉnh có đến năm mươi cái chợ. Dân-sự đem đến bán những sản-vật như gạo, cau, các thức nhựa, chè, măng, mía, dầu, sơn, chum vại, trâu, bò, vân vân.

Đường giao-thông. — Đường hỏa-xa đi từ Hà-Nội lên Vĩnh-Yên dài 53 km 4 quạ tỉnh Phúc-Yên.

Từ Vĩnh-Yên đi đến km 62,7 thì tới Hưng-Lục; — 68, 6 là Bạch-Hạc; — 72, 3 thì tới Việt-Trì.

Lại có đường đi từ Vĩnh-Yên
1·) Tam-Đảo;
2·) Phú-Thọ qua Việt-Trì;
3·) Hà-Nội qua Phúc-Yên;
4·) Sơn-Tây;
5·) Tuyên-Quang.

NHỮNG NƠI CỔ-TÍCH VÀ THẮNG-CẢNH

I. — Ở hồ Tích-Sơn, ngay tỉnh có đền thờ vua Nghiêu vua Thuấn.

II. — Về phía Nam, cách làng Vinh-Mỗ độ 10 km, ở trên cái đồi Nguyên-Gia-Loan cao độ 18 thước tây, có chùa thờ ông Nguyễn Khoan là một vị đạo-sĩ về thời thập-nhị sứ-quân.

III. — **Tam-đảo.** — Cách tỉnh, đường thẳng độ 15 km thì là núi Tam-Đảo; cao hơn mặt bể ngót nghìn thước tây là chỗ về mùa hạ người Tây hay lên nghỉ mát, vì ở đấy khí-hậu tốt lắm, có một cái suối đẹp lắm gọi là Ngân-Toàn là nơi đông người đến nghỉ mát nhất.

Tam-Đảo là một dẫy núi giữa có ba cái đỉnh nhọn. Ba cái đỉnh ấy gọi là Phụ-Nghĩa, Thạch-Bàn và Thiên-Thị.

Trên đỉnh Thạch-Bàn (1) có một cái chùa trong thờ một pho tượng nhỏ bằng đồng, gọi là Đồng-Tự và chùa Cổ-Đồng.

---

(1) Ở đỉnh Thạch-Bàn xưa Cao Biền có khắc bia để kỷ-niệm trận thắng được quân Nam-Chiếu và lấy được Hà-Nội.

Ở trên đỉnh Thạch-bàn đi xuống làng Sơn-Đình thì có chùa Tây-Tiên (1), có đề chữ Địa-Ngục-Tự.

Ở chân núi lại có một cái chùa con gọi là chùa Thang, từ làng Sơn-Đình đến đấy đi bộ mất độ 40 phút đồng hồ.

Đỉnh Phù-Nghĩa là đỉnh cao nhất, trên có hai ngọn núi gọi là Hồi-Hương và Quế-Phụ. Có một cái suối chảy xuống, nước trong lóng-lánh rất đẹp gọi là suối Kim-Toàn. Suối ấy chảy thông vào một cái suối nữa gọi là suối Giải-Oan.

Đi từ Hà-Nội lên Tam-Đảo thì có ba lối :

1·) Đi hỏa-xa từ Hà-Nội lên Vĩnh-Yên, xa 54 km mất 1 giờ 50 phút, từ Vĩnh-Yên lên Tam-Đảo đi xe ô-tô mất một giờ 30 phút, xa 24 km.

2·) Đi ô-tô từ Hà-Nội lên qua cầu Sông-Cái và Phù-Lỗ mất 3 giờ xa 85 km.

3·) Đi ô-tô từ Hà-Nội, qua đò Trèm mất độ 2 giờ rưỡi hay 3 giờ rưỡi, xa 68 km.

Ở Tam-Đảo tốt nhất là về vụ từ cuối tháng năm tây đến giữa tháng chín, hay giữa tháng chạp đến tháng hai tây.

IV. — **Hóa-Long-Tự.** — Ở Bạch-Hạc có một cái đền gọi là Hóa-Long-Tự ở gần bờ sông Lô-Giang; cũng có người gọi là Tam-Giang-Tự, hay là Bạch-Hạc-Tự. Đền ấy do một viên quan Tàu xưa cai-trị châu Phong lập nên; ở đấy có một viên đá lờ-lờ mặt nước, trên có một cái vết chân, người ta bảo là vết chân vị thần thờ trong đền.

*
* *

Cách ga Bạch-Hạc độ nửa giờ thì có làng Bô-Sơn có một chỗ gọi là Bộ-Sao, xưa con gái vua Hùng-Vương bị cháu vua Thục là Phán giết ở đấy. Gần đấy có đền thờ vua Hùng-Vương đời cuối cùng. Ngoài cổng đền cây cối um-tùm. Trong có tượng vua Hùng-Vương, Hoàng-Hậu và Công-chúa, có một cái chuông cổ lắm.

---

(1) Tục truyền rằng: nhà Hậu-Lê nhờ được vị thần ở đấy đánh được đồn Ngọc-Bội là đồn của giặc, nên sau nhớ ơn lập đền thờ.

TỈNH YÊN-BÁI

Vị-trí và diện-tích. — Tỉnh Yên-Bái tây giáp Sơn-La, bắc giáp Lào-Kay, đông-bắc giáp Hà-Giang, đông giáp Tuyên-Quang và nam giá dẫy núi ở giữa triền sông Hồng-Hà và sông Bờ.

Diện-tích đo được 2.715.138 mẫu tà (9.774 km vuông).

Rừng núi. — Yên-Bái lá một tỉnh lắm rừng, nhiều núi mọc ngổn-ngang khó phân được phương hướng rõ-ràng. Song, một bên ở về phía tây hạt Nghĩa-Lộ và hạt Tú-Lệ và một bên ở về phía nam con đường từ Nghĩa-Lộ đến Vúc-Tuân có một dẫy núi cao trung bình từ 2.000 cho tới 2.500 thước tây. Dẫy núi ấy ngăn sông Hồng-Hà và triền sông Bờ ra, và lan ra, lắm chỗ cao ngất, rồi lại thấp xuống thành ra những nơi bình-nguyên vừa có đồi vừa có vũng lầy như ở vùng Yên-Lương và Yên-Bái. Ở một bên sông Hồng-Hà và một bên sông Chảy, lại có một dẫy núi nữa thấp, không mấy chỗ được đến nghìn thước tây.

Sông ngòi. — Hồng-Hà là sông to nhất ở tỉnh Yên-Bái. Sông ấy thì về mùa nào tầu thủy cũng lên được đến Yên-Bái. Từ tỉnh ấy trở lên, về mùa mưa, đi cũng được đến Lào-Kay, nhưng về mùa cạn thì chỉ thuyền đi được thôi. Nhưng có mấy cái thác xuôi ngược cũng khí khó. Thác to nhất là thác Thác-Hai ở cạnh Trại-Hút 2 Km và chảy cũng không mạnh, nên tầu thủy đi cũng dễ mà thuyền kéo dây đi cũng được. Sông Hồng-Hà tại Yên-Bái về mùa hạ thì rộng đến 320 thước tây, mà về mùa đông thì rộng đến 300 thước tây, còn những chỗ nổi bãi cát lên thì rộng độ 150 đến 200 thước tây thôi.

Những chi-lưu sông Hồng-Hà ở hữu ngạn thì phần nhiều về mùa đông cạn, mà về mùa hạ thì nước lên quá, chảy như thác, xuôi ngược bất tiện. Về hữu-ngạn thì có Ngòi-Nhu ở châu Văn-Bàn qua hạt Khánh-Yên, Ngòi-Hút chảy từ Tú-Lệ, thông lên Vạn-Bú, Ngòi-Tre phát nguyên tại dẫy núi miền Nghĩa-Lộ và Ngòi-Lao thông từ Yên-Bái đến Nghĩa-Lộ, song những con sông ấy không

xuôi ngược được vì lòng sông có đá lồm-chồm và lắm thác. Chỉ về mùa nước lên thì ở Ngòi-Hút đi được tự hạt Làng-Than. Ở Ngòi-Tre tự Ban-Típ và ở Ngòi-Lao tự Ca-Vịnh được mà thôi.

Khí-hậu. — Ở Yên-Bái thì khí-hậu ẩm lắm, nhất là về tháng năm tây là độ lắm mây nước hay tụ ở những chỏm núi. Khí-hậu ở đấy thì không được lành như ở Trung-châu; vì toàn tỉnh chỗ nào cũng lắm rừng, cây cối u ám, nên có lắm khí độc sinh ra bệnh sốt rét. Song ở tỉnh-lỵ ít lâu nay đã mở mang hơn xưa nên khí-hậu cũng được lành. Lại được hai chỗ là Tú-Lệ và Nghĩa-Lộ khí-hậu tốt lắm, vì hai nơi ấy ở cao, xung quanh cũng có núi nhưng chỉ trên đỉnh là có cây thôi. Những cây ấy ngăn mây nước lại làm cho dân-cư khỏi phải cái độc ẩm thấp.

Dân-cư. — Tỉnh Yên-Bái được độ 62.000 người, số người Việt-Nam có độ 9.000, còn Mán 13.000; Thổ 30.900; Mèo 5.000; Xá 1.100; Mường 2.000; Nùng 1.000.

Tỉnh-lỵ và các huyện, châu. — Tỉnh-lỵ là Yên-Bái cách Hà-Nội 156 km 300. Có đường xe hỏa chạy qua.

Tỉnh chia làm:

1·) 1 huyện: Trấn-Yên.

2·) 4 châu: Văn-Bàn, Văn-Chấn, Lục-Yên và Thân-Uyên (1).

3·) 27 tổng, 124 xã và 972 xóm (người Thổ, Mán và Mường ở).

Canh-nông. — Tỉnh Yên-Bái không có mấy nỗi ruộng Chỉ có miền Tú-Lệ và Nghĩa-Lộ là đất tốt nhất. Dân-sự cấy thóc lúa, giồng lạc, bông, chàm, sắn, nâu, ngô, đậu và gió để làm giấy ta.

Rừng. — Yên-Bái có lắm rừng, trong có nhiều thứ gỗ có ích lắm như gỗ táu, gội, vàng-tâm, sến, mít, đinh, song và tre. Trong rừng lại có lắm giống thú như hươu, nai, lợn lòi, khỉ, vượn; hổ, báo, gấu, vân vân. Về miền Nghĩa-

(1) Châu Thân-Uyên ở gần Lai-Châu, sáp-nhập vào tỉnh Yên-Bái ngày 22 tháng 3 năm 1920.

Lộ có giống ruồi vàng, rất nhỏ mà cắn đau và độc lắm. Người Âu-châu và người ta thường bị nó cắn thành ung nhọt lên, còn dân-cư ở đấy thì không việc gì.

Mỏ. — Yên-Bái có nhiều mỏ lắm. Ngay ở tỉnh người ta đã thấy lắm chỗ có than; ở tả ngạn sông Hồng-Hà có mỏ thiếc; ở Phong-Dụ có một cái mỏ đồng, nhưng nay không ai khai khẩn nữa. Gần Gia-Hội (đường từ Nghĩa-Lộ đến Tú-Lệ) có mỏ vàng xưa đã có người khai khẩn; ở gần Tú-Lệ và xung quanh Nghĩa-Lộ và Gia-Hội lại có suối nước mạch nữa.

Kỹ-nghệ. — Kỹ-nghệ ở Yên-Bái thì không có gì. Người bản xứ có nghệ ủ thuốc hút, dệt gai, dệt lụa, nhuộm nâu nhuộm chàm. Người Tày và người Mèo có làm kim hoàn nhưng còn phác-lậu lắm.

Thương-mại. — Việc thương-mại ở Yên-Bái cũng còn tầm thường lắm. Người bản-xứ đem ra tỉnh bán những sản-vật rồi lại mua những đồ dùng của người Trung châu trở lên như muối, chè, giầy, giép, thuốc bắc, vân vân.

Đường giao-thông. — 1.) Từ Yên-Bái đến Nghĩa-Lộ xa 80 km, và Tú-Lệ xa 125 km, con đường này đi mãi đến Sơn-La.

2.) Yên-Bái đi Tuyên-Quang, 50 km qua đò sông Chảy.

3.) Ở Nghĩa-Lộ đi về phía đông 6 km thì có hang Tham-Lệ.

4.) Yên-Bái đi Lục-An Châu xa 70 km, qua phủ An-Bình ở bờ sông Chảy.

5.) Tự Yên-Bái qua huyện Trấn-Yên đến km 162 có một cái cầu dài 25 thước.

Đến km 165 qua Cổ-Phúc thuộc tổng Bách-Lẫm: — 176,9 thì tới Ngòi-Hợp, gần đấy có mỏ than. — 186.2 là Mậu-A thuộc tổng Đông-Cuông, có mỏ chì. — Đấy có dẫy núi gọi là núi Con-Voi chỗ cao nhất tới 1.300 thước tây. — 202 là Trại-Hút thuộc tổng Đông-Cuông, huyện Trấn-Yên.

Ở con đường ấy, đi về phía đông-bắc thì có đường sép từ Trại-Hút đến Lục-An-Châu, xa 26 km và đến Vĩnh-Thụy xa 55 km.

Từ Trại-Hút lại có đường sép đến Tú-Lệ xa 65 km và đến Sơn-La (Mường-La) xa 150 km.

Đến km 218,9 là Làng-Khay, thuộc tổng Khánh-Yên; — 237,4 là Bảo-Hà. Từ Bảo-Hà đi về phía đông thì có đường đi Pho-Rang xa 23 km và đi Yên-Bình xã xa 58 km. Về phía tây-nam thì có đường đi Khánh-Yên xa 17 km 900 và đi Dương-Quì xa 44 km 800; — 247,7 là Thái-Văn. — Đến km 262 là Phố-Lu đi về đông-bắc có đường đến Bao-Ngaï dài 17 km 9 và đi Pa-Kha xa 19 km 4. Về phía nam thì có đường đi Vũ-Lão xa 14 km 2 và đi Dương-Quì xa 31 km; — 277.8 thì tới Thái-Niên; — 249 là Phố-Mới.

Có đường hỏa-xa đi từ Hà-Nội lên Yên-Bái dài 155 km qua Việt-Trì và Phú-Thọ.

TỈNH HẢI-NINH

Vị-trí và diện-tích. — Hải-Ninh (1) là đạo quan binh thứ nhất; bắc và đông giáp tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây và bể, nam giáp bể và tỉnh Quảng-Yên, tây giáp tỉnh Bắc-Giang và Lạng-Sơn.

Diện-tích đo được 603 888 mẫu ta (2.174 km vuông).

Địa-thế. — Tỉnh Hải-Ninh cũng lắm núi. Những núi ấy ở miền Lạng-Sơn ăn xuống, nhưng phần nhiều là núi thấp cả và theo hướng đông-bắc tây-nam.

Sông ngòi. — Trong tỉnh có:

1·) Sông Tông-Hinh giáp nước Tàu đi được tự bể đến Tông-Hinh;

2) Sông Mống-Cái tức là sông Ka-Lông đi được tự Núi-Ngọc đến Mống-Cái;

3·) Sông Kiền-Yên đi được tự bể đến Phu-Cu.

Khí-hậu. — Ở các châu thì khí-hậu độc, còn ở tỉnh-lỵ thì cũng lành.

Dân-cư. — Ở Hải-Ninh dân-cư nhiều nhất là người Nùng (33.000) rồi đến người Việt-Nam (22.000), người Thổ (6.400), người Khách (2.500), người Mán (3.000) người Son-Giao (2.000) và người Xanh-Y (1.500). Tổng cộng được 71.000 người.

Tỉnh-lỵ và các châu. — Mống-Cái là tỉnh-lỵ tỉnh Hải-Ninh, cách Hà-Nội 322 km (theo đường bộ); cách Mống-Cái bảy km thì có làng Trà-Cổ. Ngang Mống-Cái, cách con sông Na-Lương, trên có một cái cầu sắt chạy qua thì có một cái làng Tàu buôn bán thịnh-vượng và đông

(1) Xưa Hải-Ninh là phủ Hải-Đông thuộc tỉnh Quảng-Yên. Đến năm thứ 17 đời vua Minh-Mệnh (1836) mới đổi ra làm Hải-Ninh, kiêm-lý châu Vạn-Ninh và châu Tiên-Yên. Về triều ta miền ấy có nhiều giặc Khách và giặc Tâu-ô quấy nhiễu tệ lắm. Khi nước Pháp mới sang lập cuộc Bảo-hộ ở bên ta, giặc cướp nổi lên vùng ấy cũng nhiều lắm. Bởi thế chính-phủ Bảo-hộ mới lấy phủ Hải-Ninh mà phân ra làm một tỉnh, chia châu Vạn-Ninh ra làm châu Mông-Cái và châu Hà-Cối, còn châu Tiên-Yên thì từ khi có bọn lính-tập Khách làm loạn ở đất Bình-Liêu, chính-phủ lại đặt thêm ra châu Bình-Liêu nữa.

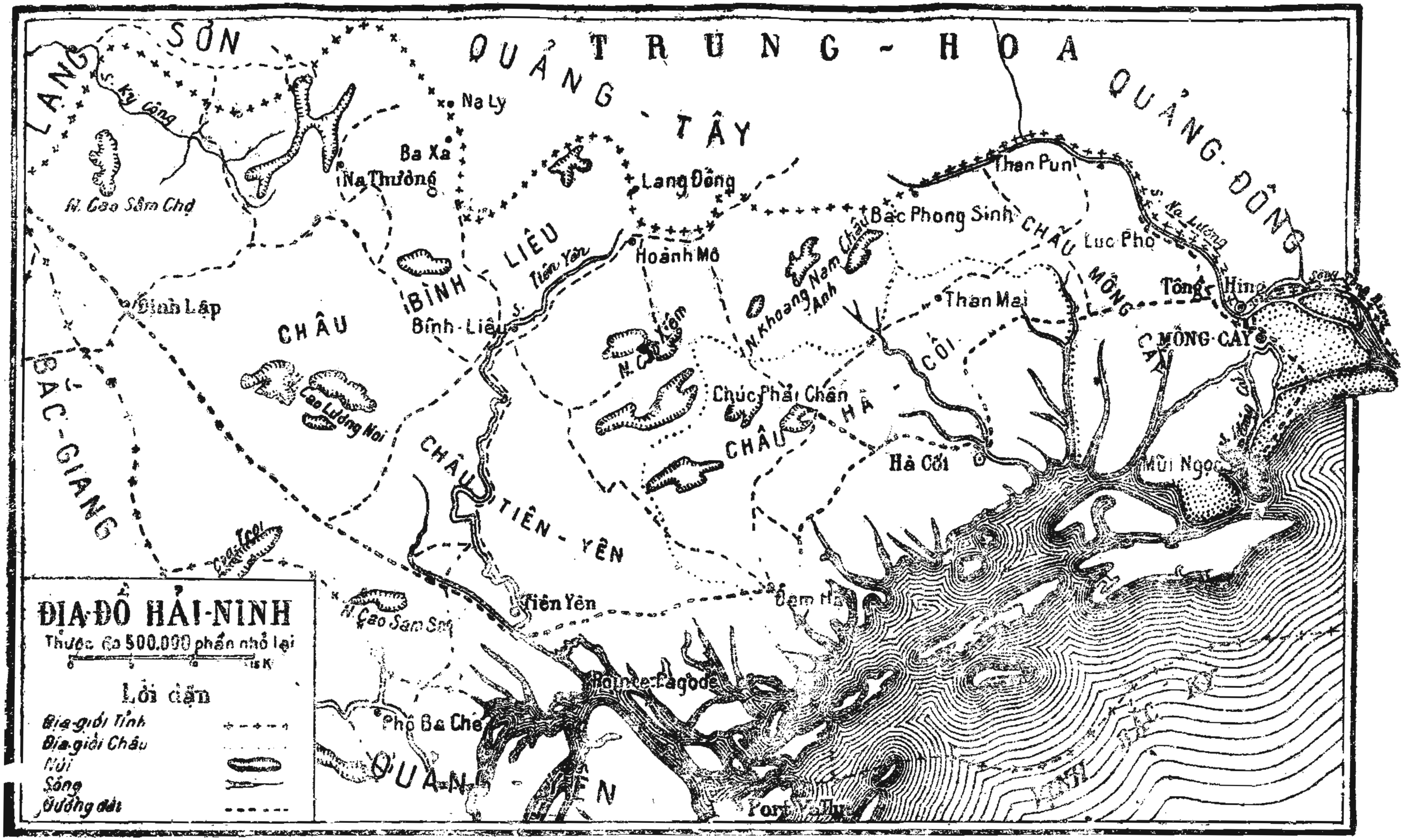
ĐỊA-ĐỒ HẢI-NINH
Thước đo 500.000 phần nhỏ lại
Lời dặn
Địa-giới Tỉnh
Địa-giới Châu
Núi
Sông
Đường dài
TRUNG-HOA
QUẢNG-TÂY
QUẢNG-ĐÔNG
LẠNG SƠN
BẮC-GIANG
QUẢNG-YÊN
CHÂU BÌNH LIÊU
CHÂU TIÊN-YÊN
CHÂU HÀ CỐI
CHÂU MÓNG CÁY
Na Ly
Ba Xa
Na Thường
Lang Đồng
Than Pun
Bắc Phong Sinh
Lục Phố
Tống
Hing
Hoành Mô
Thán Mai
Móng-Cáy
Đình Lập
Bình-Liêu
Tiên Yên
Chúc Phải Chấn
Hà Cối
Mũi Ngọc
Đầm Hà
Phố Ba Chẽ
Port Yu Thu
N. Cao Sâm Chợ
N. Cao Lương Nội
N. Cao Sam Sơn
N. Khoang Nam Châu Anh
s. Kỳ cùng
s. Na Lương

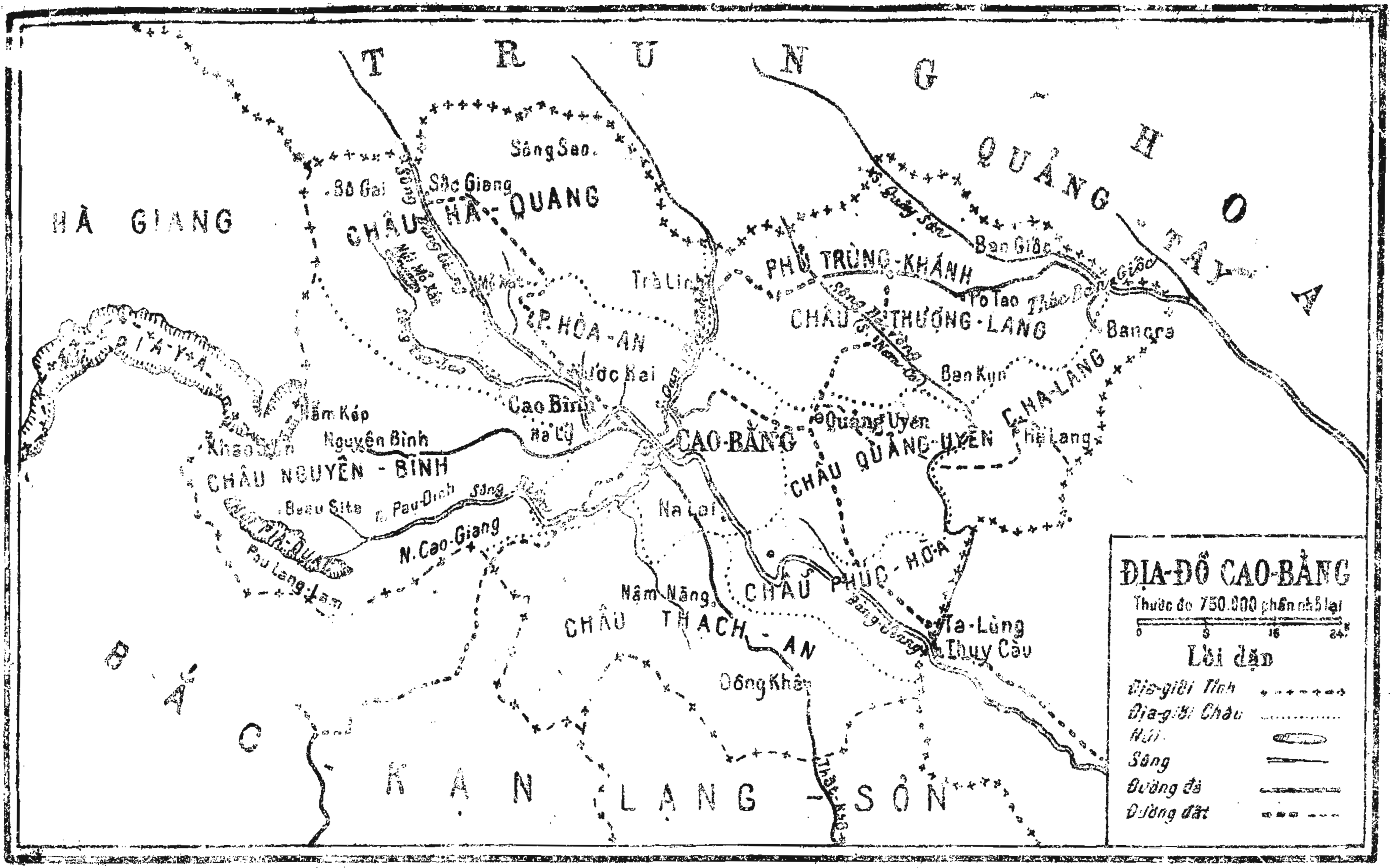

ĐỊA-ĐỒ CAO-BẰNG
Thước đo 750.000 phần nhỏ lại
0 8 16 24
Lời dặn
Địa-giới Tỉnh
Địa-giới Châu
Núi
Sông
Đường đá
Đường đất
TRUNG-HOA
QUẢNG-TÂY
HÀ GIANG
BẮC-KAN
LẠNG-SƠN
CHÂU HÀ-QUẢNG
PHỦ TRÙNG-KHÁNH
CHÂU THƯỢNG-LANG
CHÂU QUẢNG-UYÊN
CHÂU PHỤC-HÒA
CHÂU THẠCH-AN
CHÂU NGUYÊN-BÌNH
P. HÒA-AN
CAO-BẰNG
Sông Sao
Bồ Gai
Sóc Giang
Trà Lĩnh
Bản Giốc
Pò Tào
Bancra
Bản Kin
Quảng Uyên
Hạ Lang
Nước Hai
Cao Bình
Nà Cộ
Nậm Kép
Nguyên Bình
Khao Sơn
Na Lợi
N. Cao-Giang
Nậm Nàng
Tà-Lùng
Thủy Cầu
Đồng Khê
Thất-Khê
Pau Lang-Lam

đúc lắm, gọi là Tông-Hinh ta gọi là Đông-Hưng. Tỉnh Hải-Ninh chia làm :

1·) 4 châu : Mống-Cái, Hà-Cối, Tiên-Yên và Bình-Liêu ;

2·) 3 đại-lý : Hà-Cối, Tiên-Yên và Định-Lập ;

3·) 12 tổng và 62 xã.

Đầu tỉnh thì có quan Quản-Đạo là quan ta.

Ở Định-Lập có một nha Bang-tá và ở Đàm-Hà có một nha Châu-úy.

Thương-mại. — Ở Hải-Ninh, việc thương-mại không bằng các tỉnh khác, chỉ ở Hà-Cối thì có người Khách buôn bán to, ba ngày họp chợ một lần. Người bản-xứ đem thổ-sản đến đổi lấy đồ dùng khác ở đấy.

Công-nghệ. — Về đường công-nghệ thì cả tỉnh Hải-Ninh chỉ có nghề làm bát của người Khách ở Mống-Cái, là thịnh nhất.

Cầy cấy. — Ở những vùng Hà-Cối, Đàm-Hà và Hà-Thanh, đất cầy cấy thật tốt.

Đường giao-thông. — Mặt thủy thì có tầu chạy sang Hải-Phòng. Có thuyền gọi là « lái-thán » đi lại từ núi Ngọc đến Mống-Cái.

Đường bộ to nhất là những đường này :

1·) Đường núi Ngọc đến Mống-Cái qua Trà-Cồ ;

2·) Đường từ Mống-Cái đến Tiên-Yên rồi qua bờ bể sang đến tận Quảng-Yên và Hải-Phòng ;

3·) Pointe-Pagode đến Lạng-Sơn, qua Tiên-yên và Định-Lập (đường thuộc địa số 4) ;

4·) Đường từ Tiên-Yên đến Bình-Liêu, Hoành-Mô và Na-Lung, địa-phận Tàu ;

5·) Mống-Cái đến Phan-Poun, Nam-Si và Hoành-Mô ;

6·) Đường từ Hà-Cối đến Chúc-Phai-San ;

7·) Đường từ Hà-Cối đến Than-Mai.

TỈNH CAO-BẰNG

Vị-trí và diện-tích. — Cao-Bằng (1) là đạo quan binh thứ nhì. Tỉnh ấy ở về đông-bắc xứ Bắc-Kỳ, phía bắc và phía đông giáp Quảng-Tây, phía tây giáp Hà-Giang và Bắc-Kạn, phía nam giáp Lạng-Sơn.

Diện-tích đo được 1.318.416 mẫu ta (4.846 km vuông).

Núi. — Cao-Bằng là tỉnh nhiều núi lắm. Hai dẫy núi chính là dẫy Pia-Ya và dẫy Pia-Ouac, cao 2.000 thước tây, còn những núi khác thì cao độ 1.000 thước. Trong những dẫy núi ấy thì có lắm hang.

Sông ngòi. — Trong tỉnh có hai con sông là:

1·) Sông Bàng-Giang ở bên Tàu chảy sang qua Sốc-Giang, Nước-Hai và Tà-Lùng. Chi-lưu sông ấy thì về tả-ngạn có sông Tse-Lao chảy về Nước-Hai và sông Hiến chảy về Cao-Bằng, về hữu ngạn thì có sông Trà-Lĩnh và sông Bắc-Vọng.

2·) Sông Quây-Sơn, có nhiều thác lắm mà cái lạ nhất là thác Bản-Giốc, cao 30 thước tây. Con sông ấy phân địa-giới với nước Tàu trong một khoảng dài đến 20 km rồi chảy vào sông Tai-Ninh bên Tàu.

Khí-hậu. — Khí-hậu tỉnh Cao-Bằng lành, chỉ trừ những nơi châu thổ cách tỉnh-lỵ xa và lắm núi thì khí-hậu cũng hơi độc.

Dân-cư. — Dân-cư toàn tỉnh ước độ 87.000 người chia ra như sau này:

---

(1) Khi nước ta nội-thuộc nhà Hán thì Cao-Bằng thuộc quận Giao-Chỉ của người Tàu. Nhà Tần sang lấy của ta châu Quảng-Uyên và châu Bảo-Lạc: đến đời vua Lý Nhân-Tôn (1084) thì lại phải trả lại nước ta. Cuối đời nhà Lý và về đời nhà Trần thì châu Quảng-Uyên thuộc quận Thái-Nguyên và từ năm 1407 đến 1428 thuộc phủ Lạng-Sơn, đến đời Hồng-Đức (1470 đến 1497) mới lập thành phủ Cao-Bằng. Từ năm 1527 đến 1677 khi quân Mạc bị thua thì trốn lên tỉnh Cao-Bằng, Mạc Kính-Cung, Mạc Kính-Khoan và Mạc Kính-Vũ đóng ở đấy mãi đến năm 1677, nhà Lê mới đánh lấy lại được làm đất Bắc-Kỳ.

1.200 người Việt-Nam ; 39.930 người Thổ ; 38.750 người Nùng ; 5.120 người Mán và Mèo ; 2.000 Khách và cu-li Khách làm mỏ.

Tỉnh-lỵ và phủ, châu. — Tỉnh-lỵ Cao-Bằng cách Hà-Nội 292 km và cách Hải-Phòng 351 km.

Tỉnh ấy chia ra làm :

1·) 1 phủ : Hòa-An :

2·) 7 châu : Hà-Quảng, Thạch-An, Nguyên-Bình, Phúc-Hòa, Quảng-Uyên, Thượng-Lang và Hạ-Lang.

3·) 3 Đại-lý : Quảng-Uyên, Nguyên-Bình và Đông-Khê.

4·) 31 tổng và 222 xã.

Phủ-lỵ Hòa-An ở Nước-Hai ;

Châu-lỵ Hà-Quảng ở Sóc-Giang ;

Châu-lỵ Thạch-An ở Đông-Khê ;

Châu-lỵ Phúc-Hòa ở Tà-Lùng ;

Châu-lỵ Thượng-Lang ở Trùng-Khánh-Phủ.

Canh-nông. — Canh-nông thịnh nhất là cấy thóc và ngô. Dân bản-xứ cũng có giồng bông, đay, chàm, mía, khoai, dâu, vân vân. Ở về phủ Trùng-Khánh người ta có giồng lúa mì. Ở những nơi bình-nguyên dẫy núi Pia-Ouac, thuộc châu Nguyên-Bình người ta có giồng chè cũng tốt lắm. Ở Cao-Bằng nuôi trâu, bò, ngựa tốt.

Thương-mại và Kỹ-nghệ. — Cao-Bằng có nhiều trâu, bò, ngựa, các thứ gỗ và quạnh mỏ đem bán các nơi. Tỉnh ấy nhờ con sông Bàng-Giang, sang buôn bán với tỉnh Long-Châu phát đạt lắm.

Mỏ. — Cao-Bằng có nhiều mỏ, xưa người Tàu đã khai khẩn, sau lại bỏ. Hiện nay người Pháp có khai những mỏ thiếc ở dẫy núi Pia-Ouac ở chỗ gọi là « Beau-Site » và ở miền Nẫm-Kép thịnh-vượng lắm.

Đường-giao-thông. — Tỉnh Cao-Bằng nhiều núi non cho nên đường giao-thông khổ-khăn, nhưng đường bộ cũng đã sửa-sang nhiều. Có đường đi từ Cao-Bằng đến Bắc-Kạn qua Ngân-Sơn, đi Thất-Khê, đi Sóc-Giang, đi Ban-Cra, đi Tà-Lùng, đi Bảo-Lạc, đi Nguyên-Bình.

Đường Thất-Khê đi Cao-Bằng : 70 km, — 14 km 300 đến (Lũng-Phầy) — 15,400 là địa-giới phân tỉnh Cao-Bằng với

tỉnh Lạng-Sơn; — 24, 6 đến Đông-Khê là Châu-lỵ châu Thạch-An; — 49, đến Nậm-Nàng có đồn và chợ nhiều người Thổ, người Nùng đến buôn bán; — 70, đến Cao-Bằng.

Cao-Bằng đi Sóc-Giang. — Đường này đi ô-tô hay đi ngựa cũng được, 41 km đi chân 9 giờ, đi ngựa 7 giờ; — 4, 5 về tay trái có đường đi Nguyên-Bình (về phía tây có vết tích cổ thành Na-Lữ ở xã Cào-Bình); — 14, đến Nước-Hai là phủ-lỵ phủ Hòa-An, có sở nuôi ngựa giống; — 29, đến Mỏ-Xắt; — 41, đến Sóc-Giang. Từ Sóc-Giang có đường đi Bảo-Lạc; — 46 km đi Bô-Gai; — 19 km đi Trà-Lĩnh; — 47 km qua Song-Sao.

Cao-Bằng đi Ban-Cra (đi về phía bắc 97 km); km 5 qua đèo Ban-Kun; — 21, về tay phải có đường đi Quảng-Uyên; — 33, 7, Trà-Lĩnh; — 49, có cầu Bảo-Bát trên sông Nam-Ca; — 61, Trùng-Khánh-Phủ; — 76, Po-Tao; — 82, Bản-Giốc; — 97, Ban-Cra (đi về phía nam 93 km), qua An-Lại, Pac-Ca, An-Châu, Au-Mit, Hạ-Lang.

Cao-Bằng đi Tà-Lùng. — Đường tiện nhất là đi theo sông Bang-Giang; — km 10 đến Na-Lai; — 35, Phúc-Hòa; — 46 đến Tà-Lùng.

Cao-Bằng đi Bảo-Lạc. — 117 km đi 3 ngày: km 4,600 có đường đi Nước-Hai; — 10,5 địa-giới châu Thạch-Lâm và châu Nguyên-Bình, — 22, Gia-Bang; — 42,3, Nguyên-Bình; — 56, 5 địa-phận Cao-Bằng với Hà-Giang.

NHỮNG NƠI CỔ-TÍCH VÀ THẮNG-CẢNH

Cao-Bằng có mấy cái chùa cổ như chùa Hội-Đồng làm năm 1805 để thờ các vị vua ta; có Văn-Miếu thờ đức Khổng-Tử, làm năm 1809, đền Thành-Hoàng thờ những người anh-tài trong tỉnh. Đền ấy làm năm 1842.

Có bốn quả núi bao bọc xung quanh tỉnh là núi Kỳ-Luân ở phía nam, thuộc xã Phu-Thư, núi Kỳ-Cầm ở phía bắc thuộc xã Tương-Can; trên có đền thờ Nùng Trí-Cao xưng làm vua về thế kỷ thứ 11, núi Kim-Phả ở phía đông trên có đền gọi là đền Bà-Hoàng là mẹ tướng Nùng Trí-Cao, và núi Liêu-Sơn về phía tây.

Ở đường Cao-Bằng đi Sóc-Giang, đến km 6 rẽ về phía tây có một cái núi trên còn vết-tích một cái thành người Thổ xây ngày xưa. Khi đức Lê-Lợi đánh đuổi được quân Tàu về thì có làm lên chỗ ấy một cái đền và đến năm 1431, có đặt ở phía tây-bắc thành một cái bia để kỷ-niệm cuộc chiến-thắng của ngài.

Ở đường Cao-Bằng đi Ban-Cra đến km 67,8 là châu-lỵ châu Hạ-Lang thì có chùa Sung-Phúc.

Những nơi thắng-cảnh tỉnh Cao-Bằng thì nhiều lắm như:

I. — **Hang Bản-Giốc**. — Ở cách Trùng-Khánh-Phủ 23km Hang dài 4 thước tây, có nhũ đá đẹp lắm.

II. — **Thác sông Quây-Sơn**. — Thác này bề ngang đo được 65 thước tây, cao 40 thước tây, cách đồn Bản-Giốc 2 km.

III. — **Hang Nguom-Mong**. — Hang này ở vào phía bắc km 22 đường Hạ-Lang đi Ban-Cra. Có 3 cửa, trong có một khoảng dài 30 thước tây, ngang 20 thước, cao 15 thước, có nhiều nhũ đá.

IV. — **Hang San-Thương**. — Ở phía đông-bắc km 2, đường Ban-Cra đi Trùng-Khánh-Phủ.

V. — **Hang Lung-Miêng**. — Ở phía nam, cách km thứ 8 đường Quảng-Uyên đi Hạ-Lang 6 km.

VI. — **Hang Thạch-Binh**. — Ở làng Ban-Sang, vào km 28 đường Cao-Bằng đi Quảng-Uyên.

VII. — **Hang Nguom-Hu**. — Ở làng Thạch-Động, cách Nước-Hai 10 km, về phía đông-bắc.

VIII. — **Hang Nguom-Bo-Poung**. — Ở về phía đông-nam Đông-Khê, cách 9 km. Trong hang này có nhiều nhũ đá thật lạ, có hai động, có đường hẻm dài 900 thước tây, thông động nọ với động kia. Cái động thứ nhất thì thờ Thần-Nông. Cứ đến ngày mồng tám mồng chín tháng giêng thì nam thanh nữ tú đến đấy để lễ bái. Động này dài 32 thước tây, ngang 9 thước và cao 6 thước; cái động thứ hai dài 10 thước, rộng 9 thước 30, cao 6 thước, có nhiều nhũ đá rỏ xuống.

IX. — **Đền Tam-Trung**. — Ở làng Gia-Cung, châu Thạch-An, phía đông-nam thành tỉnh Cao-Bằng thờ quan Bố-Chính BùiTăng-Huy, quan Án-Sát Phạm Đình-Trác và quan Lãnh-Binh Phạm Văn-Lưu, là ba vị trung-thần bản triều.

TỈNH HÀ-GIANG

Địa-thế và diện-tích. — Hà-Giang là đạo quan binh thứ ba, bắc giáp Vân-Nam và Quảng-Tây, đông giáp Cao-Bằng, nam giáp Bắc-Kạn và Tuyên-Quang, tây giáp Lao-Kay và Yên-Bái.

Diện-tích đo được 2.377.277 mẫu ta (9.543 km vuông).

Núi. — Tỉnh Hà-Giang thật lắm núi. Có nhiều dẫy cao hơn 2 nghìn thước tây như dẫy Tây-Công-Linh ở phía tây Hà-Giang, dẫy Pou-Ta-Ca ở phía đông-bắc Hà-Giang; Bình-Nguyên-Đồng-Quang ở phía nam Đồng-Văn cũng cao hơn 1.200 thước.

Sông ngòi. — Toàn tỉnh ở vào triền sông Lô-Giang và có sông Gầm, sông Miền, sông Chảy và sông Con là chi-lưu sông ấy chảy qua. Thuyền ngược sông Lô-Giang thì lên được đến Hà-Giang. Ngược sông Gầm thì lên được đến Hạ-Lam; đến đấy lại phải đi bộ lên đến Thượng-Lam độ hai km rồi mới lại đi thuyền được đến Bảo-Lạc.

Khí-hậu. — Trong tỉnh ở những nơi thung-lũng thì về mùa hạ nóng mà ẩm-thấp, cho nên khí-hậu độc: còn những miền cao như Quán-Bạ, Hoàng-Thu-Bi và nhất là đồn Xin-Man, Lao-Chảy và Đồng-Văn, thì khí-hậu lành, người Âu-Châu ở được không đến nỗi ốm đau. Về mùa đông ở những nơi thung-lũng hàn-thử-biểu không mấy khi xuống dưới 10 độ, duy ở những chỗ cao, xuống đến 4 độ; như ở miền Xin-Man và Chang-Puong thì rét lắm, hàn-thử-biểu thường xuống đến dưới độ 0.

Dân-cư. — Người Thổ (20.600), người La-Ti, La-Qua và người Lào (5.000) đến ở đất Hà-Giang trước nhất. Còn người Mèo, người Lô-Lô (20.000), người Mán (10.000), người Nùng (13.500), vân vân, thì đến đấy sau. Có ít người Việt-Nam (1.000) lên đấy hoặc làm việc quan hoặc buôn-bán, hoặc làm thợ.

Dân-cư ước tổng cộng được độ 70.000 người.

Tỉnh-lỵ và các đại-lý, châu. — Tỉnh-lỵ Hà-Giang cách Hà-Nội 348 km và cách Tuyên-Quang 173 km.

Trong tỉnh thì chia ra :

1·) 4 đại-lý : Bảo-Lạc Đồng-Văn, Hoàng-Thụ-Bì, Bắc-Quang ;

2·) 3 châu : Vị-Xuyên, Bảo-Lạc và Bắc-Quang.

3·) 3 nha bang-tá : Đồng-Văn, Sa-Phùng và Hoàng-Thụ-Bì.

4·) 15 tổng và 82 xã.

Tỉnh Hà-Giang và các Đại-lý do quan binh cai-trị. Còn quan ta thì đầu tỉnh có quan Quản-đạo.

Canh-nông. — Dân-cư cấy thóc và ngô nhiều nhất. Người ta cũng giồng đậu, kê, bầu, bí, thuốc lá, bông, gai, chàm, thuốc phiện, vân vân. Hà-Giang có nhiều chè, ngon nhất là ở vùng Ban-Xang và San-Nhân. Những hoa quả và các thứ rau bên Pháp giồng ở đất ấy cũng tốt lắm.

Rừng. — Toàn tỉnh không mấy chỗ là không có rừng, nhiều nhất là ở miền Lào-Chảy và Hoàng-Thụ-Bì. Trong rừng thì lắm nâu và có một thứ gỗ làm quan-tài, người bản-xứ gọi là « Peu-Mou » và « Sa-Mou » đem sang phía nam nước Tàu bán được tiền lắm.

Thương-mại. — Dân bản-xứ đem bán những sản-vật như chè, trâu, bò, nâu, thuốc phiện, vân vân.

Đường giao-thông. — *Đường Hà-Giang đi* : Cóc-Yao (Cóc-Dâu) xa 22 km; Bảo-Lạc qua Yên-Minh và Đồng-Quang xa 16 km ; Na-Xa xa 20 km ; Bắc-Hà xa 158 km ; Thanh-Thủy xa 22 km ; Hoàng-Thụ-bì xa 16 km ; Thanh-Môn (Xin-Man) xa 28 km.

Đường Hà-Nội đi Hà-Giang. — (Đường thuộc-địa số 2) Có đường bộ đi từ Hà-Nội lên Hà-Giang 339 km qua Sơn-Tây, Hưng-Hóa, Phú-Thọ, Tuyên-Quang, Vĩnh-Thụy và Bắc-Quang. Từ Phú-Thọ lên Hà-Giang 237 km ; từ Tuyên-Quang (1) đến Vĩnh-Thụy 84 km ; đến Bắc-Quang 38 km ; đến Hà-Giang 63 km.

Người ta thường đi tầu thủy từ Hà-Nội lên Tuyên-Quang 2 ngày hay là đi xe-hỏa từ Hà-Nội lên Phú-Thọ

(1) Xem tỉnh Tuyên-Quang.

rồi đi ô-tô lên Tuyên-Quang (đi từ 6 giờ đến hơn một giờ trưa đến Tuyên-Quang.)

Từ Tuyên-Quang lên Hà-Giang thì đi ngựa hay đi xe tay; đi thuyền cũng được, nhưng lâu (độ 10 ngày). Khi xuôi từ Hà-Giang về Tuyên-Quang thì người ta hay đi thuyền vì chỉ mất độ 3,4 ngày.

Đường Hà-Giang đi Bảo-Lạc : Qua Đồng-Quang 207 km, 6 ngày, Bảo-Lạc đến Cóc-Pan 24 km đi bộ 6 giời rưỡi đi ngựa 3 giờ 40.

Từ Cóc-Pan đến Vạn-Vai 14 km, đi bộ hơn 4 giờ, đi ngựa 2 giờ rưỡi.

Từ Vạn-Vai đến Mèo-Vạc, 24 km đi bộ 5 giờ.

Từ Mèo-Vạc đến Đồng-Văn 22 km 6, đi bộ 5 giờ.

Từ Đồng-Văn đến Pho-Bang 28 km, đi bộ 6 giờ, đi ngựa 4 giờ.

Từ Pho-Bang đến Yên-Minh 23 km, đi bộ 6 giờ, đi ngựa hơn 3 giờ.

Từ Yên-Minh đến Quan-Ba 30 km, đi bộ 7 giờ, đi ngựa 5 giờ.

Từ Quan-Ba đến Hà-Giang 3 km, đi bộ 49 giờ rưỡi, đi ngựa 7 giờ.

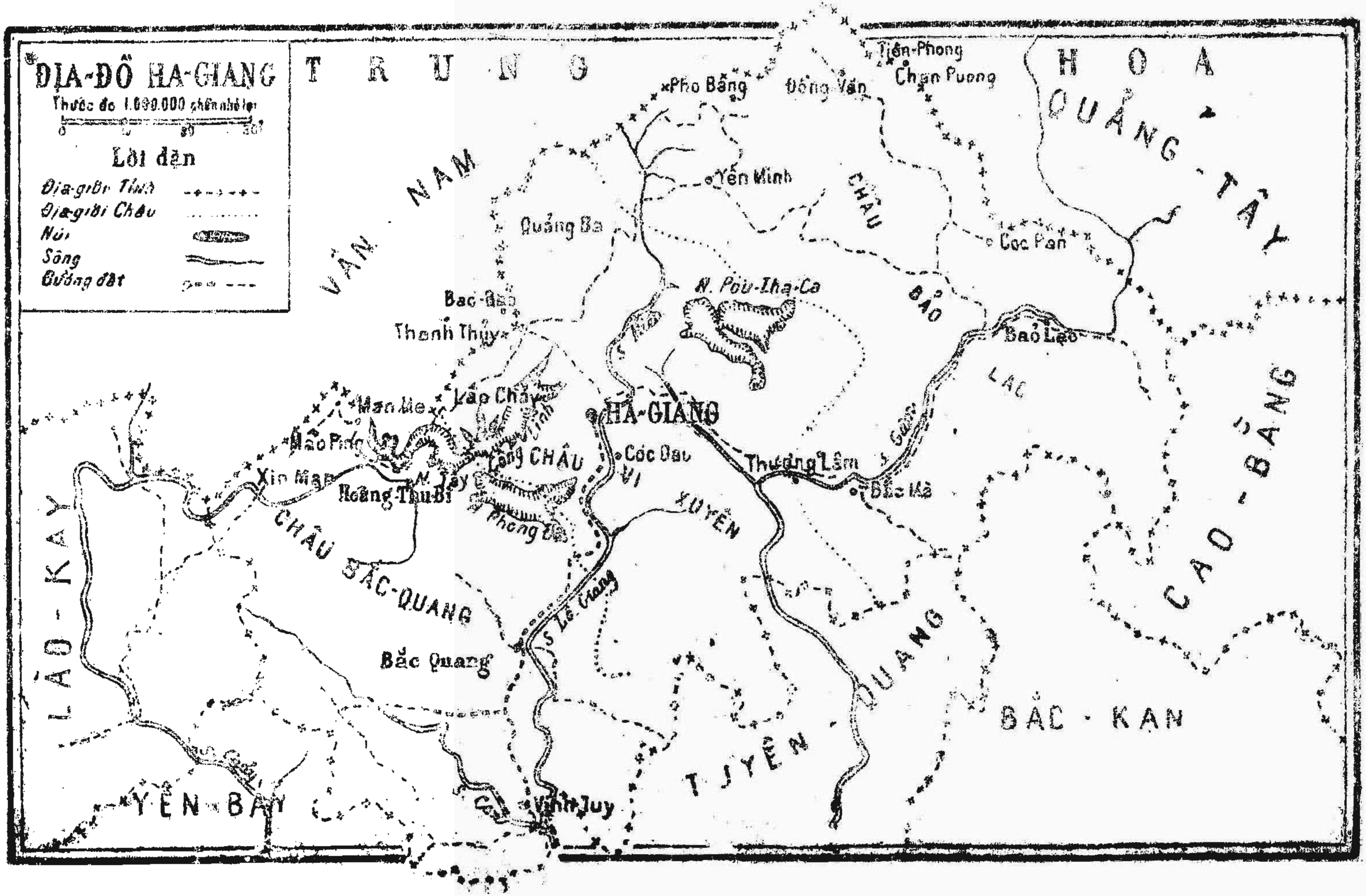

ĐỊA-ĐỒ HÀ-GIANG
Thước đo 1.000.000
Lời dẫn
Địa-giới Tỉnh
Địa-giới Châu
Núi
Sông
Đường đất
TRUNG HOA
QUẢNG-TÂY
VÂN-NAM
CAO-BẰNG
BẮC-KẠN
TUYÊN-QUANG
LÀO-KAY
YÊN-BÁY
HÀ-GIANG
CHÂU BẢO LẠC
CHÂU BẮC-QUANG
VỊ XUYÊN
Phó Bảng
Đồng Văn
Tiền-Phong
Chạn Pương
Yên Minh
Quảng Bạ
Cốc Pan
Bảo Lạc
N. Pou-Tha-Ca
Bắc-Bảo
Thanh Thủy
Lấp Chày
Mán Mẹ
Mão Phìn
Xín Mần
Hoàng Thu Bì
Phong Đá
Cốc Đau
Thượng Lâm
Bắc Mê
S. Lô Giang
Bắc Quang
Vĩnh Tuy

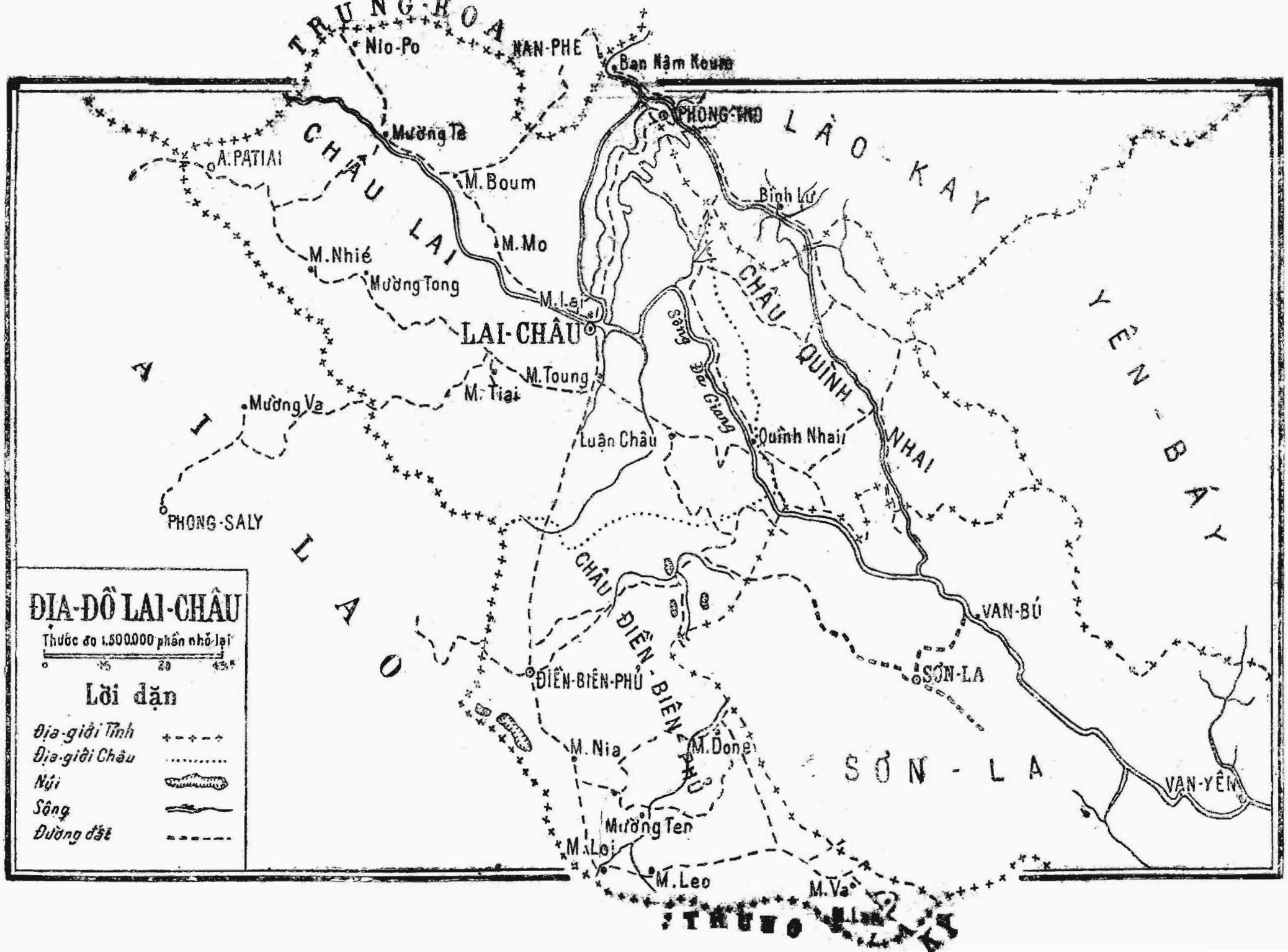
TRUNG HOA
Nio-Po
NAN-PHE
Ban Nam Koum
PHONG-THO
LÀO KAY
Mường Te
CHÂU LAI
A.PATIAI
M.Boum
Binh Lư
M.Mo
M.Nhié
Mường Tong
M.Lai
LAI-CHÂU
Sông Đà Giang
CHÂU QUỲNH NHAI
YÊN BÁI
M.Toung
M.Tiai
Mường Va
Luận Châu
Quỳnh Nhai
PHONG-SALY
LAO
CHÂU ĐIỆN BIÊN PHỦ
VAN-BÚ
ĐIỆN-BIÊN-PHỦ
SƠN-LA
M.Nia
M.Done
SƠN - LA
VAN-YÊN
Mường Ten
M.Loi
M.Leo
M.Va
ĐỊA-ĐỒ LAI-CHÂU
Thước đo 1.500.000 phần nhỏ lại
0 15 20 45 km
Lời dặn
Địa-giới Tỉnh
Địa-giới Châu
Núi
Sông
Đường đất

TỈNH LAI-CHÂU

Vị-trí và diện-tích. — Tỉnh Lai-Châu bắc giáp Vân-Nam (bên Tàu), đông giáp Lào-Kay và Yên-Bái, Nam giáp Sơn-La và Ai Lao, tây giáp xứ Louang-Prabang và Mường-Hou (Ai-Lao).

Diện-tích đo được 6.111.111 mẫu ta (22.000 km vuông).

Núi. — Tỉnh Lai-Châu có nhiều núi lắm, nhất là về miền một bên sông Đà-Giang và có một bên sông Hồng-Hà, có dẫy cao đến 3.100 thước tây. Lại có lắm cái bình-nguyên cao lắm như cái Ta-Phing ở một bên Lai-Châu một bên Phong-Thổ, cao tự 1.200 đến 1.700 thước tây và chu vi đo được đến 111.112 mẫu.

Sông ngòi. — Lai-Châu ở vào khoảng giữa triền sông Đà-Giang tự làng Moun-Po là nơi con sông ấy bắt đầu vào hạt Bắc-Kỳ, và làng Ban-Hat là chỗ sông ấy chảy vào tỉnh Sơn-La, sông ngòi tỉnh ấy thì có lắm thác lắm, bè đi cũng khó. Những chi-lưu chính là sông Nam-La phát-nguyên tại Vân-Nam, qua Ban-Nam-Koum rồi chảy vào sông Bờ tại tỉnh-lỵ Lai-Châu; sông Nam-Mu phát-nguyên ở miền Bình-Lu rồi chảy vào sông Bờ bên trên Vạn-Bú; hai chi-lưu ấy ở về hữu-ngạn, còn ở về tả-ngạn thì có con sông Nam-Tia và sông Nam-Lai ở tỉnh-lỵ Lai-Châu chảy ra.

Khí-hậu — Khí-hậu tại tỉnh-lỵ không độc, nhưng về các châu thì độc lắm.

Dân-cư. — Dân-cư tỉnh ấy thì có đến 27.000 người Tày ở những nơi thung-lũng họp thành làng cũng khá đông. Còn người Lào (1.000), người Xá (5.000), người Mèo (21.000), người Yao (5.000) thì ở trên núi. Cũng có ít người Việt-Nam và Khách lên đấy bán những sản-vật ở dưới Trung-châu. Tất cả được 60.000 người.

Tỉnh-lỵ và các châu. — Tỉnh Lai-Châu là đạo quan binh thứ tư, có quan Quản-đạo cai-trị. Tỉnh-lỵ cách Hà-Nội 500 km theo đường bộ, 300 km theo đường sông Bờ.

Tỉnh chia làm:

1°) 3 châu: Lai, Quỳnh-Nhai và Điện-Biên-Phủ;

2°) 1 đại-lý: Điện-Biên-Phủ;

3°). 48 xã chia ra làm 487 làng.

Sản-vật. — Tỉnh Lai-Châu nhiều rừng cho nên lắm lâm-sản, như các thứ gỗ, tre, nâu, cao-su, cánh-kiến, hồi, vân vân.

Thương-mại. — Tỉnh ấy tải đi bán chè, nấm hương, da, sừng trâu, cánh kiến, nâu, cao-su, hồi, phần nhiều là ở Thượng-Lào và miền Sip Sông Pana thuộc tỉnh Vân-Nam chở đến.

Đường giao-thông. — Trong tỉnh thì không có đường cái to, chỉ nhiều những đường hẹp, ngựa có thể đi được Đường lắm người đi lại nhất là đường từ Ta-Heu qua Lai-châu đến Điện-Biên-Phủ.

Từ Mường-Tuong đến Mường-Hou (Thượng-Lào); từ Điện-Biên-Phủ đến Pa-Ma và qua Tuân-giáo đến Sơn-La.

Đường bộ ít cho nên trong tỉnh tiện dụng đường thủy lắm, vì đường thủy vừa nhanh vừa rẻ. Tiện nhất là con sông Bờ và sông Nam-La.

Ở Hà-Nội lên Lai-Châu thì người ta đi đường Hà-Nội lên Suối-Rút (Su-Yut) theo con đường thuộc địa số 6, rồi lên Sơn-La dài 540 km. hay, đi đường Lào-Kay qua Phong-Thổ, 468 km (từ Hà-Nội) hay là ngược sông Bờ.

Đi đường Lào-Kay thì đi xe hỏa một ngày đến Lào-Kay. Từ Lào-Kay đi ngựa hay đi xe ngựa đến Mường-Hum, từ Mường-Hum đi ngựa đến Lai-Châu độ 9 ngày thì đến.

Đi đường sông Bờ thì đi ô-tô, hoặc tầu thủy đến Chợ-Bờ (100 km), từ Chợ-Bờ trở lên thì đi thuyền cho đến Lai-Châu.

THÀNH-PHỐ HẢI-PHÒNG

Lịch-sử. — Ngày 15 tháng 3 tây năm 1874, khi triều-đình ta nhượng cho nước Pháp đất Hải-Phòng thì đất ấy hãy còn là một cái chợ mà thôi. Khu đất ấy, diện-tích được độ 42 mẫu ta (15 hectares), chính là chỗ làm tòa Đốc-lý và nhà Thương bây giờ. Về thời ấy thành-phố Hải-Phòng không như là một cái đầm to, chỗ nào cũng [illegible] có, có những đê nhỏ giao thông với nhau. Sau Nhà-nước lấp dần hồ ao đi, rồi lập trại lính. Năm 1881 lập tòa Lãnh-sự; sau dựng hai cái đền ở bờ sông Tam-Bạc. Dân-cư bấy giờ thì chỉ có một người Pháp lại Khách và ít người Việt-Nam ở các làng xung-quanh đến ngụ đấy thôi. Năm 1875 thì mới có một ít người Âu-châu đến làm nhà tạm ở bờ sông Tam-Bạc. Năm 1882 thì những người buôn bán mới lập cửa hàng. Nhưng từ năm 1885 trở đi thì những nhà to bắt đầu dựng lên ở đất Hải-Phòng.

Hải-Phòng bây giờ. — Trông cảnh thành-phố Hải-Phòng ngày nay thì thực không còn giống một tí nào với thời xưa nữa. Phố xá rộng-rãi, đường đi lát đá phẳng-phiu, hai bên giồng cây mát-mẻ, tối đèn điện sáng choang. Phố nào cũng san-sát những nhà gạch, kiểu tây. Đi hơn-hớn gần đến tỉnh trông đã thấy bao nhiêu là cọc ống khói các nhà máy của người Pháp lập nên. Ở phố Khách thì người đi lại tấp-nập cả ngày không lúc nào dứt tiếng ồn-ào. Ở các phố Tây thì bao nhiêu những nhà lịch-sự những lâu-đài rực-rỡ; làm cho Hải-Phòng thanh nên một nơi thành-thị vào bậc thứ ba ở cõi Đông-Pháp này. Lại ra đến chỗ Sáu-Kho, trông thấy những tầu bể to lớn, hành-khách lên xuống nhộn-nhịp, hàng hóa tải đi tải lại tấp-nập thì đủ biết Hải-Phòng là một cái cửa bể khá lớn ở xứ Bắc-Kỳ ta vậy.

Vị-trí. — Thành-phố Hải-Phòng ở hữu-ngạn sông Cấm, chỗ ngã ba sông Tam-Bạc, cách bờ bể 32 km.

Bắc giáp sông Cửa-Cấm, phía đông giáp làng Lạc-Viên, nam giáp làng Gia-Viên, làng Hành-Kinh, làng An-Biên và làng An-Dương, tây giáp làng Hạ-Lý.

Địa-thế. — Đất Hải-Phòng thì phần nhiều là đất phù-sa bồi đắp lên, chỉ trừ phía tây-bắc là có dẫy núi Ông-Voi lan ra một quãng độ 12 km thành những đồi vừa đá vôi vừa cát, vừa đất thó. Cách Hải-Phòng 6 km, về phía bắc, có núi Đảo-Sơn (1) cao 147 thước tây, trên có trại lính đóng. Ở mạn bờ bể thì có những cù-lao nhỏ mọc tự Đồ-Sơn đến Hon-Dau.

Sông ngòi. — Hải-Phòng ở về mạn đồng-bằng và gần bể, cho nên lắm sông va ngành sông, hoặc thuộc sông Hồng-Hà, hoặc thuộc sông Thái-Bình chảy qua. Lại có nhiều lạch và sông con làm cho các sông nhớn lưu thông với nhau. To nhất là sông Cửa-Cấm rồi đến sông Vạn-Úc, Lạch-Trảy, sông Tam-Bạc, sông Đát-Do và sông Minh-Liêu.

Dân-cư. — Dân-cư thì lắm thứ người: đông nhất là người Việt-Nam, người Khách, người Âu-Châu, người Trà-Và, người Ấn-Độ, người Nhật-Bản, vân vân..., dân-cư Hải-Phòng tổng cộng được 100.800 người.

Khí-hậu. — Khí-hậu Hải-Phòng thì tốt lắm, vì đấy gần bể, có gió luôn. Nhưng phải cái về mùa hạ thường hay có bão. Vả lại phố-xá đông người, nhất là người ngoại-quốc qua lại luôn, nên lắm khi phải dịch-tễ, chết hại lắm.

Chính-trị. — Về phương diện dân-cư thì thành-phố Hải-Phòng chia làm hai khu: khu ta ở thì về phía bắc thành-phố, giáp sông Tam-Bạc; khu người Âu-Châu ở thì giáp sông Bonnal cũ. Về đường chính-trị thì thành-phố chia ra từng hộ, mỗi hộ có một viên thiên-hộ và mấy viên phố-trưởng trông nom công việc trong hàng hộ. Đầu hàng quan cai-trị thì có quan Đốc-Lý và hội-đồng thành-phố vừa hội-viên tây vừa hội-viên ta, do dân bàu ra để quản-trị công việc trong thành-phố.

Thương-mại. — Hải-Phòng là một cái cửa bể lớn ở Bắc-Kỳ cho nên việc thương-mại thịnh vượng lắm. Các hàng-hóa ở Bắc-Kỳ hoặc xuất cảng hoặc nhập cảng, đều qua

(1) Núi Đèo.

đấy cả. Người Pháp có nhiều cửa hàng to lắm, hoặc bán lẻ hoặc bán cất, nhất là ở phố Paul-Bert. Ở phố Khách thì người Trung-Hoa mở nhiều hiệu to, buôn bán rất là sầm-uất. Còn người Việt-Nam thì có mấy nhà buôn trứ danh là Công-ti Bạch Thái-Bưởi, ông Nguyễn Hữu-Thu tức Sen. Hai nhà buôn ấy có tầu thủy chạy khắp các sông Bắc-Kỳ và ra bể nữa.

Kỹ-nghệ. — Ở Hải-Phòng người Pháp có mở nhiều nhà máy như nhà máy điện, nhà máy sợi, nhà máy làm si-mo, nhà máy sà-phòng, nhà máy đúc sắt, vân vân, và mấy sưởng đóng và chữa tầu.

Đường giao-thông. — Đường giao-thông thịnh nhất ở tỉnh Hải-Phòng là đường thủy.

Có tầu đi Hà-Nội, Quảng-Yên, Hồng-Gai và Hải-Ninh.

Mặt bộ thì có đường hỏa-xa đi từ thành-phố Hải-Phòng lên Hà-Nội, xa 102 km.

Đến km 2,6 thì qua sông Tam-Bạc, rồi đến địa-phận huyện An-Dương. — 10, 3 là ga Vật-Cách-Thượng ở trên một cái đê, đi về phía nam qua đò thì sang Kiến-An và sở Thiên-văn Phủ-Liễn, xa 10 km ; — 22, 5 là ga Phú-Thái, ở làng An-Thái, gần sông Kinh-Môn, thuộc huyện Kim-Thành, tỉnh Hải-Dương.

Có đường đi tự Hải-Phòng sang Kiến-An xa 10 km và ra Đồ-Sơn 22 km.

NHỮNG LÂU-ĐÀI TO VÀ NHỮNG NƠI DU-LỊCH

Ở Hải-Phòng cũng như ở Hà-Nội có nhiều nhà cửa người Pháp làm nên đẹp lắm như nhà Hát, dinh quan Đốc-Lý, và mấy cái cửa hàng của người Pháp. Giữa thành phố có một cái vườn hoa trong có dựng tượng ông J. Ferry từ năm 1902. Song thành-phố Hải-Phòng không có nhiều cảnh du-lịch như Hà-Nội. Chỉ có chỗ Lạch-Trảy và vườn Bách-thú ở đấy là chỗ dân-sự thường hay đến giải-trí mà thôi.

THÀNH-PHỐ HÀ-NỘI

Lịch-sử. — Hà-Nội xưa kia là chỗ đế-đô nước Nam ta. Về thế-kỷ thứ ba, khi nước ta phải Bắc-thuộc, thì gọi là Long-Biên, là nơi lỵ-sở Giao-Châu. Đến năm 791, Thứ-sử Tàu là Triệu-Xương (Tchao-Tchang) mới đặt ra thành Đại-La. Năm 867 Cao-Biền sang tu bổ lại thành ấy và làm rộng ra, chu-vi được 8.000 bộ, dài hơn 1.982 trượng, cao hai trượng sáu tấc, ngoài lại đắp một con đường bao bọc dài 2.125 trượng, cao một trượng rưỡi, rộng hai trượng. Nội-Thành gọi là Kim-Thành, bắc giáp đường lên làng Thụy-Chương bây giờ (Digue Parreau), tây giáp một con đường đất, đắp cao, nay còn trông thấy vết tích ở chỗ đất quần ngựa; nam qua một dẫy ao thuộc làng Đại-Yên, đông thì giáp bờ Long-Thành nhà Lý.

Tự năm 980 đến năm 1009 thì Hà-Nội là quận-lỵ Giao-Chỉ. Năm 1010, Vua Lý Thái-Tổ mới đóng đô ở trong vòng thành Đại-La cũ. Sử chép rằng: khi thuyền ngài ở Hoa-Lư ra thì thấy có một con rồng vàng bay trên giời rồi liệng xuống thành Đại-La, nên ngài đổi tên là Thăng-Long. Vua Lý Thái-Tổ đóng đô ở phía đông Kim-Thành, bắt xây quanh thành một bức tường chu vi 4.700 thước tây trong đắp những ụ cao, ụ thứ nhất gọi là Nùng-Sơn (1) là chỗ thần Bạch-Mã hiện lên năm 867 cho Cao-Biền biết. Còn những ụ khác thì gọi là Tam-Sơn (2) Khán-Sơn (3), Thái-Hòa (4).

(1) Nùng-Sơn hay là Long-Đỗ-Sơn là nơi vua Lý Thái-Tổ lập cung điện năm 1010. Đến nhà Hậu-Lê sửa lại Nùng-Sơn nhỏ bớt đi và tu bổ cung điện cũ đặt tên là Kính-Thiên điện. Năm 1822 vua Minh-Mệnh lại tu bổ lại gọi là Long-Thiên-điện. Năm 1873 ông Francis Garnier, rồi đến năm 1882, ông Henri Rivière lập trại lính ở đấy.

(2) Tam-Sơn thì ở gần cửa bắc thành. Năm 1886 hãy còn trông thấy tựa như một cái gác sân chạy dài một đầu thì đắp cao nhô lên, xưa ông Hoàng-Diệu thắt cổ ở một cây đa ở đấy. Còn một đầu thì lên mãi đến gần đền Trấn-Vũ. Ở phía Nam Tam-Sơn lại có một cái ụ về đời Hậu-Lê xây ở trên một cái cột cờ bây giờ hãy còn.

(3) Khán-Sơn ở phía tây thành cũ. Năm 1890 hãy còn trông thấy là một cái ụ khá cao trên thì tròn và cây cối mọc um-tùm. Sử chép rằng: xưa vua Lê Thánh-Tôn đã ngự lên đấy để xem điểm-binh.

(4) Thái-Hòa thì ở về phía đông thành cũ, năm 1885 khi lập trại lính lên ở đấy thì ụ ấy đã bị phá đi mất.

Đời nhà Trần từ năm 1225 đến năm 1400 cũng đóng đô ở Thăng-Long. Năm 1285 quân Mông-Cổ chiếm giữ ở đấy mất ba tháng. Từ năm 1407 đến năm 1411 thì Hà-Nội, gọi là Đông-Đô đối với Tây-Đô là kinh-thành nhà Hồ ở Thanh-Hóa. Năm 1430, khi vua Lê Thái-Tổ đuổi được quân Tàu rồi thì đóng đô ở Hà-Nội đặt tên là Đông-Kinh, đến năm 1495, đời vua Lê Thánh-Tôn, thì Đông-Kinh là một phủ-lỵ hạt Phụng-Thiên. Từ năm 1527 đến năm 1592, nhà Mạc cũng đóng đô ở Hà-Nội và cũng đặt tên là Đông-Đô, đối với Tây-Đô là Triều-đình nhà Lê ở Thanh-Hóa. Sau đến nhà Hậu-Lê trung-hưng thì cũng đóng đô Thăng-Long, mãi đến năm 1789 có loạn Tây-Sơn mới thôi.

Tây-Sơn lấy được Bắc-Kỳ thì đắp thành Hà-Nội gọi là Bắc-Thành. Đời vua Gia-Long làm Bắc-Thành tổng-trấn. Năm 1803 thì đắp lại Long-Thành cũ, theo kiểu tây thì lại gọi là Thăng-Long. Năm 1805, khi phủ Phụng-Thiên đổi là phủ Hoài-Đức, thì Thăng-Long là nơi phủ-lỵ phủ ấy. Năm 1831 mới đổi là tỉnh-lỵ Hà-Nội. Đến ngày mồng một tháng mười tây năm 1888 thì mới có chỉ-dụ đổi Hà-Nội làm nhượng-địa cho người Pháp. Bắt đầu từ năm 1904 thì tỉnh Hà-Nội cũ gọi là Hà-Đông và tỉnh-lỵ là Cầu-Đơ.

Vị-trí và diện-tích. -- Thành-phố Hà-Nội bây giờ ở về hữu-ngạn sông Hồng-Hà. Đông-bắc giáp sông Hồng-Hà, tây giáp làng Thụy-Chương, làng Ngọc-Hà, nam giáp làng Kim-Liên, Bạch-Mai và Quỳnh-Lôi.

Diện-tích đo được độ 2.710 mẫu ta (9 km2 7.560) xưa là địa-phận 106 xã thuộc tỉnh Hà-Nội.

Dân-cư. - Dân-cư thành-phố Hà-Nội tổng-cộng được 102.000 người gồm cả người Pháp (6.000), người Nam-Việt (92.000), người Trung-Hoa (4.000), người Nhật-Bản (70), người Ấn-Độ (60), vân vân.

Sông hồ. — Ở thành-phố Hà-Nội thì có sông Hồng-Hà chảy qua và có bốn cái hồ: to nhất là hồ Tây ở về phía bắc, hồ Bảy-Mẫu và hồ Hoàn-Kiếm ở về phía nam, hồ Trúc-Bạch ở cách hồ Tây một con đường cái. Còn nhiều

những hồ ao nhỏ nữa, nhưng mấy năm nay Nhà-nước lấp dần đi, để cho khí-hậu trong thành phố được lành để dân lấy đất làm nhà mà ở.

Khí-hậu. — Khí-hậu thành-phố Hà-Nội thì lành, nhưng phải cái về mùa hạ thì nóng lắm. Vả lại dân-cư đông lắm, người ngoại-quốc qua lại cũng nhiều, nên có năm sinh ra những bệnh dịch-tả. Song nhờ về những cách phòng-bị theo phép vệ-sinh Nhà-nước đặt ra thì những bệnh ấy cũng đã bớt dần.

Thương-mại. — Hà-Nội là một nơi đô-hội, nhiều các thứ người buôn bán rất thịnh-vượng. Những nhà buôn bán to nhất của người Pháp thì ở phố Tràng-tiền (Rue Paul Bert), hàng Khay, hàng Trống (rue Jules Ferry). Ở phố Amiral Courbet thì có một cái nhà Ngân-hàng Đông-Pháp. Còn người Trung-Hoa thì chỗ nào cũng có hiệu. Những hiệu Khách thịnh nhất thì ở phố hàng Buồm, hàng Ngang, hàng Bồ, hàng Đào, hàng Đường, vân vân, ở phố Bờ-Sông (Quai Clémenceau) có mấy cửa hàng, mùa đến họ cân gạo rất là phát-tài. Người Nhật-Bản có mấy cái cửa hàng to ở phố cửa Đông, hàng Gà và phố hàng Trống. Người Việt-Nam mấy năm nay đã biết cái lợi về đường thương-mại, nên đã mở ra lắm cửa hàng và lập mấy hội buôn thịnh-vượng lắm. Có một hội buôn to nhất và phát-đạt nhất là hội Quảng-Hưng-Long ở phố hàng Bồ.

Kỹ-nghệ. — Trong thành-phố Hà-Nội người Pháp có lập nhiều nhà máy to lắm, như nhà máy điện, nhà máy diêm, nhà thuộc da, nhà máy xe điện, nhà làm rượu bia, nhà máy rượu, nhà làm khuy trai, sở vận tải Đông-Pháp làm và chữa các thứ xe, nhà máy nước đá, nhà in Viễn-Đông, vân vân. Mấy năm nay người bản-xứ cũng đua nhau mở nhiều nhà in lắm : Lê Văn-Tân, Đông-Kinh Ấn-Quán, Kim-Đức-Giang, Ngô Tử-Hạ, vân vân. Nhưng những kỹ-nghệ tinh sảo có tiếng của ta là nghề thợ thêu, nghề làm đồ khảm, nghề đóng đồ gỗ theo kiểu tây hay kiểu tàu, nghề đúc đồng, nghề kim hoàn, đóng giầy, nghề thợ may theo lối âu-phục, nghề làm mũ, nghề mạ kền, vân vân.

Các công-sở. — Thành-phố Hà-Nội là kinh-đô xứ Bắc-Kỳ, nên quan Toàn-Quyền Đông-Pháp, quan Thống-Sứ Bắc-Kỳ và các quan chánh quản-lý các công sở chính đều lập dinh tại đấy. Trên thì có phủ Toàn-Quyền, phủ Thống-Sứ rồi đến sở Tài-Chính Đông-Pháp, nha Học-Chính Đông-Pháp và Bắc-Kỳ, sở Công-Chính, sở Bưu-Điện, sở Thương-Chính, sở Văn-thư-Viện, sở Kiểm-Lâm, sở Đạc-Điền, sở Tuần Cảnh, Tòa-Án, sở Kho-Bạc Đông-Pháp, sở Kinh-Tế, sở Hỏa-xa Bắc-Kỳ và phía bắc Trung-Kỳ, vân vân.

Các học-đường. — Hà-Nội là nơi trung-tâm nền học ở cõi Đông-Pháp, nên có lắm học-đường đủ các bậc. Bậc sơ-đẳng thì có khu bắc, khu trung-ương và khu nam, mỗi khu kể có đến ngót ba nghìn học-sinh. Trung-đẳng thì có tràng Bảo-Hộ ở ngay bờ hồ Tây, phong cảnh đẹp lắm. Lại có hai tràng nam nữ Sư-Phạm và một tràng Thực-Hành Sư-Phạm. Từ năm 1917, Chính-Phủ đã lập Cao-đẳng học-đường ở đấy nữa. Tràng Bách-Nghệ thì dạy cho người bản-xứ được lắm nghề hữu dụng. Gần dinh quan Toàn-Quyền có tràng học của người Pháp lẫn cả người Nam-Việt gọi là tràng Lycée Albert Sarraut, dạy cho các học-sinh học được cho đến tú-tài tây.

Chính trị. — Về phương-diện dân-cư thì thành-phố chia ra làm hai khu: một khu người Pháp ở và một khu người Việt-Nam ở. Về đằng chính-trị thì Hà-Nội chia ra làm tám hộ, mỗi hộ có một viên chức ta trông nom gọi là thiên-hộ, và có mấy viên phố-trưởng mỗi viên trông nom vài ba phố. Suốt trong thành-phố thì có quan Đốc-Lý cai-trị và hội-đồng thành-phố, vừa hội-viên Pháp vừa hội-viên Nam, giúp ngài trông nom các việc trong thành phố. Thuộc quyền quan Đốc-Lý thì có mấy sở coi về việc đường-xá, cầu, cống, thuế má, tuần-phòng, vệ sinh, vân vân.

Đường giao-thông. — Giữa trong thành phố có ba đường xe điện:

Một đường chạy từ làng Bưởi xuống làng Bạch-Mai, qua đường Quan-Thánh, chợ Đồng-Xuân, hồ Hoàn-Kiếm, chợ Hôm.

Một đường tự Hà-Nội về đến tỉnh Hà-Đông qua Văn-Miếu và Thái-Hà-Ấp.

Một đường từ Hà-Nội lên ô Cầu-Giấy qua Văn-Miếu, đền Voi-Phục.

Còn đường đi bộ hay đi xe tay được thì nhiều lắm. Những đường chính là:

1°) đường lên làng Thụy-chương (digue Parreau) dài 5 km 8;

2°) đường lên quần Ngựa, dài 9 km 6;

3°) đường lên digue Parreau rồi về đường Sơn-Tây dài 13 km;

4°) đường lên digue Parreau rồi về đường Hà-Đông dài 13 km 9;

5°) đường về Hà-Đông dài 10 km 7;

6°) đường lên làng Bưởi dài 6 km 2;

7°) đường đi quanh hồ Tây, dài 17 km;

8°) đường lên Trèm dài 12 km 6;

Phố nọ sang phố kia thì đều có đường cái lát đá phẳng-phiu và sạch sẽ, đi xe tay, xe ngựa hay xe hơi tiện lắm.

NHỮNG LÂU-ĐÀI TO TRONG THÀNH PHỐ

Những lâu-đài kiểu tây to nhất là dinh quan Toàn-Quyền, quan thống-Sứ, quan phó Toàn-Quyền, nhà hát tây, nhà thờ đạo Thiên-Chúa, sở Bưu-Điện, Tòa-Án, sở Hỏa-xa Vân-Nam, nhà Thư-viện Đông-Pháp, trường Bảo-Hộ, trường nam nữ Sư-phạm, trường Lycée Albert Sarraut, sở Kho-bạc, nhà chớp bóng Palace, cửa hàng Grands Magasins Réunis (nhà Gô-Đa cũ), trường Cao-Đẳng, sở Tài-chính, vân vân.

NHỮNG NƠI CỔ-TÍCH VÀ THẮNG-CẢNH

I.—**Hoàn-Kiếm hồ.** – Hồ Hoàn-Kiếm[1] ở giữa thành-phố,

(1) Tục truyền rằng: xưa ông Lê-Lợi người Lam-Sơn (Thanh-Hóa) được một thanh gươm lưỡi rộng và to, trông sáng quắc. Ông biết là giời cho ông thanh bảo-kiếm ấy, nên ông đem về cất kỹ đi, rồi từ đó quyết chí chiêu binh tập mã để cứu cho nước được thoát vòng nô lệ người Tàu. Ông khởi nghĩa tự năm 1418 đến măn 1428 thì ông khôi phục được nước ta, đóng đô ở đất Thăng-Long. Một hôm ông ngự thuyền rồng chơi trên hồ Hoàn-Kiếm (bấy giờ gọi là hồ Tả-Vọng, Hữu-Vọng còn ngăn làm hai) thì bỗng thấy một con rùa to bơi trên mặt nước. Ông cầm thanh bảo kiếm chỉ vào nó thì thấy nó đớp lấy rồi lặn đi mất. Bởi thế từ đó đổi tên hồ gọi là hồ Hoàn-Kiếm

bắc giáp ga xe-điện, đông giáp phố Francis Garnier, nam giáp phố hàng Khay, tây giáp phố hàng Trống. Xung quanh hồ có cây cổ thụ và có giồng nhiều các thứ hoa, phong cảnh rất ngoạn mục. Giữa hồ có một cái tháp bát giác.

Ở phía đông hồ thì có một cái vườn um-tùm cây cối đường đi sạch sẽ, rải đá cuội, ở giữa có tượng ông Paul Bert, (1) trông cảnh rất đẹp.

II. — **Hồ-Tây.**— Hồ-Tây (2) ở về phía bắc thành-phố Hà-Nội. Theo sử ta thì hồ ấy chu vi được 21 lý, một sích và sâu được một trượng; chỗ sâu nhất thì ở về phía tây, giáp làng Xuân-Tảo. Đấy sâu được đến ba bốn thước tây.

III. — **Trại Bách-Thú.** — Trại Bách-Thú ở về phía bắc thành-phố, giáp đường lên làng Thụy-Chương, và gần dinh quan Toàn-quyền. Trại ấy rộng được ngót 70 mẫu ta (25 hectares) ở vào địa-phận làng Chan-Xuân, thuộc huyện Vĩnh-Thuận ngày xưa. Tuy gọi là Bách-Thú nhưng trong chỉ có mấy giống thú thôi, như hổ, báo, gấu, chó-sói, khỉ, vượn, trăn, hươu, nai, và các thức chim. Duy cây cối thì nhiều lắm, cho nên cũng có người gọi là vườn Bách-Thảo. Trong vườn có những lối đi ngúc-ngắc, sạch sẽ, hai bên có cây mọc bóng mát, nên cứ thứ năm chủ nhật và những ngày nghỉ thì người đến đấy giải-trí hay hóng mát đông lắm.

---

(1) Ông Paul-Bert là một nhà bác-sĩ trứ-danh bên Pháp, sang làm Toàn-Quyền nước ta ngày mồng tám tháng tư năm 1886. Ông rất là nhiệt-thành về việc khai-hóa nước ta. Nhưng chẳng may đang khi ông trù tính các công việc bảo-hộ thì ông thụ bệnh. Ngày 11 tháng một năm 1886 thì ông mất. Sau Nhà-nước đúc pho-tượng ấy để kỷ-niệm cái công-đức của ông.

(2) Hồ-Tây, xưa gọi là Lãng-Bạc hồ. Năm 42 quân Mã Viện đánh nhau với quân hai bà Trưng Trắc và Trưng Nhị ở trên bờ hồ. Xưa vua Lý Thánh-Tôn (1054—1072) có lập một cái điện trên bờ hồ. Các đời vua sau như vua Trần Anh-Tôn (1293—1314) cũng hay ngự thuyền chơi trên hồ Lãng-Bạc. Đến đời nhà Hậu-Lê mới đổi tên là hồ Tây.

IV. — **Đền Bạch-Mã** (1). — Đền này ở phố hàng Buồm thờ đức thánh Bạch-Mã, có tiếng linh thiêng nên dân Trung-Hoa và dân Việt ta sùng bái lắm. Đền làm từ cuối thế-kỷ thứ chín đời Cao-Biền, đến đời Cảnh-Hưng (1740-1786) lại tu bổ lại. Trong cung có tượng thờ đức Bạch-Mã làm bằng gỗ trầm, và tượng Mã-Viện bằng đồng ; bên hữu có miếu thờ vị thánh tục gọi là thánh Mẫu. Trong đền có một cái trống thật to xưa hễ có hỏa tai thì khua lên để cầu cứu.

V. — **Đền Ngọc-sơn**. — Đền này làm từ thế-kỷ thứ 18, ngay trên mặt nước Hồ Hoàn-Kiếm. Khách thập phương đến lễ bái thì phải qua một cái cầu mới vào đến đền. Ở ngay cổng đền vào, về bên tả thì có một cái núi đá đắp lên cũng từ thế-kỷ thứ 18 để kỷ-niệm một cuộc chiến thắng của ta về thời bấy giờ. Trên núi có một cái bút. Qua một cái cửa tam-quan ở trong, trên có để một cái nghiên.

Trong thì có hai cái đền : một cái về phía bắc thì làm lâu nhất để thờ đức Quan-Đế, bên cạnh tượng ngài thì có thờ đức thánh Hưng-Đạo.

Về đời Thiệu-Trị, năm 1843 những nhà văn-sĩ mới lập đền thứ hai để thờ ông Văn-Xương. Trước mặt đền thì có một nhà thủy-tọa, giữa có dựng một tấm bia làm từ năm 1865.

VI. — **Đền Bà-Kiệu**. — Xế cửa đền Ngọc-Sơn có một cái đền cổ gọi là đền Bà-Kiệu, xưa gọi là Thiên-Tiên-Điện. Đền này làm từ đời Vĩnh-Thọ (năm 1619 đến năm 1629).

---

(1) Sử chép rằng : khi Cao Biền đắp xong La-thành, một đêm nằm mộng thấy một vị thần hiện lên xưng là thần Chính-Khí ở đất Long-Đỗ, Cao Biền thức dậy bàn với các quan lập đàn cúng bái rồi chôn nghìn cân sắt để yểm. Hôm sau bỗng nổi cơn giông rồi có một tiếng sét đánh vào chỗ yểm sắt bay vụn cả đi mất. Cao Biền thấy thế sợ bèn lập đền thờ vị thần ấy.

Về sau vua Lý Thái-Tổ thiên đô lên Thăng-Long, một đêm cũng nằm mê thấy thần hiện lên mừng. Tỉnh dậy, vua sai làm lễ đến tế, rồi phong làm Thăng-Long-Thành-Hoàng-Đại-Vương.

Đến đời nhà Trần lại phong là « Thuận-Dụ-Phu-Ứng-Đại-Vương». Đền Bạch-Mã xưa thuộc ở phường Hà-Khẩu, huyện Thọ-Xương.

VII. – **Đền Vua Lê**.— Ngay bờ hồ Hoàn-Kiếm, về phía tây có đền thờ vua Lê Thái-Tổ. Trong sân đền còn có tượng ngài đứng trên một cái bệ tay cầm thanh thần-kiếm.

VIII. — **Đền Hai Bà**.— Đền này ở gần phố Lò-Đúc, thờ hai chị em bà Trưng Trắc và Trưng Nhị (1) tên đền gọi là Viện-Minh, làm tự thế-kỷ thứ 12; trước cửa có một cái sân giồng những cây đa và cây muỗm rất là cổ thụ Trong có hai con voi «vía» bằng đất sơn đen. Trong cung thì có tượng hai bà một bà mặc áo vàng, một bà mặc áo đỏ, đầu đội mũ cài hoa phù-dung.

IX. — **Việt-Đông Hội-Quản**.— Đền hội-quản là của những người Trung-Hoa quán ở Quảng-Đông lập lên ở hàng Buồm từ năm 1801, cũng như đền Phúc-Kiến của Khách Phúc-Kiến lập lên ở phố Phúc-Kiến bây giờ. Đền Hội-quản vừa là chỗ thờ đức Quan-Đế lại vừa là chỗ cho người Khách Quảng-Đông hội họp bàn những việc công của họ. Từ khi bên Trung-Hoa sinh ra cái phong trào cách-mệnh thì họ bỏ đền ấy đổ nát không trọng sự thờ cúng nữa. Mãi đến năm 1919 họ mới hồi tưởng lại, phá hẳn cái đền cũ đi mà làm thành cái đền mới bây giờ.

X. — **Đền Quan-Thánh hay là đền Trấn-Vũ**. Đền này làm ngay đầu cái đê ngăn hồ Tây và hồ Trúc-Bạch ra, trong thờ đức Huyền-Thiên-Trấn-Vũ. Vua Lý Thái-Tổ làm

---

(1) Bà Trưng Trắc và bà Trưng Nhị là hai vị nữ anh hùng nước ta. Năm 39 nước ta bị Thái-thú Tàu là Tô Định cai-trị rất là hung ác giết ông Thi Sách là phu quân bà Trưng Trắc. Bà nổi giận, nhân cái lòng dân ta hiềm quân Tàu tàn nhẫn, bèn cùng với em là bà Trưng Nhị, chiêu binh đánh quan Thái-thú, đuổi được quân Tàu, làm cho nước ta được độc-lập trong ba năm trời. Từ năm 39 đến năm 42 hai bà xưng vương. Đến năm 42 tướng Mã-Viện kéo quân sang. Hai bà đem quân ra chống-cự ở hồ Lãng-Bạc, nhưng quân hai bà là quân ô-hợp, nên không thế nào đương nổi quân Tàu hai bà phải gieo mình xuống sông Hát tự tận.

Tục truyền rằng: khi hai bà xuống sông rồi thì thành ngay hai người bằng đá; các làng ở vệ-sông tranh nhau ra vớt để thờ nhưng chỉ có làng Đồng-Nhân vớt được mà thôi, đem về lập đền thờ.

Năm 1142, Vua Lý Anh-Tôn có sai dựng một cái đền nữa ở gần nhà thương Đồn-Thủy bây giờ nhưng sau vì sông Hồng-Hà, đền ấy lở mất, nên ngài lại truyền lập vào bên trong, chỗ Lò-Đúc bây giờ.

nên đền ấy từ năm 1010. Năm 1678, Vua Lê Hi-Tôn tu bổ lại và sai đúc pho tượng bằng đồng đen kiểu tàu để thờ thay vào pho tượng gỗ ngày xưa. Hai mươi nhăm năm về sau, rồi lại đến thập-cửu thế-kỷ lại tu bổ lại. Đến năm 1893, quan Kinh-Lược Bắc-Kỳ thấy lắm chỗ đổ nát lại sai sửa-sang lại. Nên nay trông lắm chỗ theo kiểu kim thời. Năm 1842, vua Thiệu-Trị có ngự giá đến làm lễ ở đền ấy. Ngài có công vào đền một bức hoành kể công trạng đức Huyền-Thiên-Trấn-Vũ đại-đế sang giúp nước ta nhất là đời quân Minh sang đánh. Pho tượng đồng đen thờ trong đền cao ba thước bảy phân tây, chân dài 80 phân để lên trên một cái bệ đá cao một thước rưỡi tây nặng được 6.690 cân.

XI. — **Đền Sinh-Từ.** — Đền này làm ở Sinh-Từ tự năm 1883 để thờ ông Nguyễn Hữu-Độ là nguyên Kinh-Lược Bắc-Kỳ.

XII. — **Nhất-Trụ-Tự hay là chùa Một-Cột.** Chùa ấy, ở về sau nhà chứa thuốc súng, không rõ dích xác làm về đời nào. Cứ theo như bia ở chùa thì Cao-Biền dựng nên chùa ấy tự thế-kỷ thứ 9. Nhưng theo các sách thì chùa ấy là do vua Lý Thánh-Tôn làm nên tự thế kỷ thứ mười một.

Chùa ấy làm trên một cái cột đá giữa một cái ao con nên gọi là Nhất-Trụ-Tự (chùa một cột), tên chữ là Duyên-Hựu (1).

XIII. — **Văn-Miếu.** — Văn-Miếu (2) người Pháp gọi là Pagode des Corbeaux thờ đức Khổng-Tử. Miếu này lập từ đời Lý 1070 về sau đã tu bổ nhiều lần. Xung quanh

---

(1) Tục truyền rằng: vua Lý Thánh-Tôn thấy không có con, lấy làm phiền lắm. Một hôm nằm mộng thấy phật bà Quan-Âm đem cho một đứa bé. Quả đến năm 1066 ngài sinh hoàng-tử nối nghiệp hiệu là Lý Nhân-Tôn từ năm 1072 đến năm 1128. Vua nhớ ơn lập chùa thờ đức Quan Âm.

(2) Sử chép rằng: Văn-Miếu bắt đầu làm năm 1070. Đến 1663, vua Cảnh-trị (Lê Huyền-Tôn) có tu bổ lại nhiều lắm. Đến sau vua Vĩnh-trị lập một cái đền đẹp lắm hai bên có hai trái. Năm 1680 có dựng một tấm bia để ghi nhớ những công nghiệp ấy. Năm 1820 cháy mất cả, sau mới làm lại. Đến năm 1905 Nhà-nước Bảo-hộ có sửa sang, tu bổ một ấu xung quanh có dựng rào sắt, nhưng sau trông mất cả cá cổ phong đi nên lại bỏ.

có tường vây bọc, chu-vi được đến 90 thước tây. Cổng chính ở về đường Sinh-Từ. Trong có một khu ruộng, rồi đến một khu hai bên dựng 82 tấm bia từ đời Hậu-Lê (1428 đến 1780) để ghi danh 1.111 ông tiến-sĩ đã đỗ trong khoảng 340 năm, 1440 đến 1779. Còn những bia về đời sau cũng nhiều. Trong cùng sân thì mới đến chính tẩm. Trong cung thờ bài vị đức Khổng-Tử. Sau lại có đền thờ những bậc hiền triết nước Tàu và đền Khải-Thánh.

XIV. — **Đền Tây-Long.** — Đền này ở phố hàng Than làm kiểu Tàu, trong thờ đức Quan-Đế và hai vị tướng tá ngài là ông Châu-Xương và ông Quan-Bình.

XV. — **Chùa Trấn-Bắc.** — Đền này ở về phía bắc cái đê cách hồ Tây và hồ Trúc-Bạch ra ; làm từ đời vua Lê Kính-Tôn (1600-1609) đến đời Vĩnh-Thọ (1610-1629) lại tu bổ lại.

* * *

Trong phố Hà-Nội cũng còn nhiều đình chùa nhỏ nữa về cận cổ thời, như chùa vua Đế-Thích ở gần nhà Diêm, chùa Bà-Đá (Linh-Quang) ở ngõ nhà Thờ, đền Đức-Vua ở gần bờ sông Hồng-Hà đường lên Yên-Phụ, chùa Am Phổ-Quang, ở gần Yên-Thành, chùa Hòa-Giai (Hồng-Phúc) [illegible] hàng Than, vân, vân; [illegible] ngày tuần tiết đông khách đến lễ bái lắm.

MỤC LỤC

I	Tựa	5
II	Nhời dẫn	7
III	Xứ Bắc-Kỳ	9
IV	Tỉnh Bắc-Giang	11
V	» Bắc-Kạn	15
VI	» Bắc-Ninh	23
VII	» Hà-Đông	28
VIII	» Hải-Dương	33
IX	» Hà-Nam	42
X	» Hòa-Bình	47
XI	» Hưng-Yên	51
XII	» Kiến-An	57
XIII	» Lạng-Sơn	60
XIV	» Lào-Kay	65
XV	» Nam-Định	69
XVI	» Ninh-Bình	74
XVII	» Phúc-Yên	79
XVIII	» Phú-Thọ	83
XIX	» Quảng-Yên	87
XX	» Sơn-La	93
XXI	» Sơn-Tây	95
XXII	» Thái-Bình	100
XXIII	» Thái-Nguyên	104
XXIV	» Tuyên-Quang	107
XXV	» Vĩnh-Yên	112
XXVI	» Yên-Bái	116
XXVII	» Hải-Ninh	120
XXVIII	» Cao-Bằng	122
XXIX	» Hà-Giang	126
XXX	» Lai-Châu	129
XXXI	Thành-phố Hải-Phòng	131
XXXII	— Hà-Nội	[illegible]
XXXIII	Mục-Lục	144

Từ nhà kho Quán Ven Đường